

A portrait of Angela Merkel, the German Chancellor, wearing a red jacket and a pearl necklace. She is looking directly at the camera with a slight smile. Her hands are clasped in front of her.

Angela Merkel

Thế giới của
vị nữ thủ tướng

Stefan Kornelius

Đỗ Trí Vương dịch
Tái bản lần thứ 1



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ANGELA MERKEL
THE CHANCELLOR AND HER WORLD

Angela Merkel

Thế giới của
vị nữ thủ tướng

Stefan Kornelius
Đỗ Trí Vương dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

“(Stefan Kornelius) miêu tả thuyết phục cách Merkel làm việc - và đặc biệt xuất sắc trong tư duy đằng sau phản ứng từng bước một của bà trước khủng hoảng đồng euro.”

• **TLS**

“Một tiểu sử về chính sách ngoại giao và quy trình ra quyết định chính trị của Merkel... Kornelius, nhà báo đã theo sát các hoạt động của bà từ năm 1989, làm sáng tỏ những điều này.”

• **The Guardian**

“Kornelius giúp đưa Merkel đi vào cuộc sống.”

• **The Times**

“Trong cuốn sách tiểu sử được ủy quyền này, Stefan Kornelius... giúp giải thích làm thế nào một nhà vật lý ít cởi mở đến từ Đông Đức trở thành một nhân vật cao vời ở chính trường châu Âu và là một trong những phụ nữ có sức ảnh hưởng nhất thế giới.”

• **The Financial Times**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Angela Merkel - Thế giới của vị nữ thủ tướng là cuốn tiểu sử được ủy quyền, viết theo tư liệu và quan sát riêng của nhà báo Stefan Kornelius, trưởng ban chính sách đối ngoại tạp chí Đức *Süddeutsche Zeitung*. Tiếp cận bà Merkel từ những ngày đầu sự nghiệp chính trị cho đến nay, tác giả ghi lại hành trình đầy chông gai của người phụ nữ Đông Đức trở thành Thủ tướng Đức đầu tiên sau khi Tây Đức và Đông Đức tái thống nhất. Hai nhiệm kỳ thủ tướng đã qua của Angela Merkel trải đầy những sóng gió chính trường.

Cuốn sách đưa người đọc vào hậu trường của những sự kiện chính trị lớn nhất kể từ sau Chiến tranh lạnh: Bức tường Berlin sụp đổ và một nước Đức thống nhất quay lại vũ đài chính trị thế giới, khủng hoảng tài chính toàn cầu nối tiếp khủng hoảng đồng tiền chung euro, khủng hoảng nợ công hoành hành nhiều nước EU, bên cạnh rất nhiều vấn đề nội bộ của giới chính trị đứng đầu EU như Nghị viện và ủy ban châu Âu; quan hệ giữa Đức với các cường quốc như Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc...

Tài chèo lái của Merkel đưa nước Đức trở thành nền kinh tế mạnh nhất châu Âu, đưa EU vượt qua các cơn khủng hoảng; phong cách làm chính trị điềm tĩnh, dựa trên sự kiện và lập luận duy lý - tất cả những điều đó đưa Angela Merkel dẫn đầu danh sách 100 phụ nữ quyền lực nhất thế giới của tạp chí *Forbes* ba năm liên 2006, 2007 và 2008. Bà được tạp chí *Time* chọn là nhân vật của năm 2015.

Quyển sách đầy ắp những sự kiện chính trị này phản ánh góc nhìn cũng như quan điểm của bản thân nhân vật được đề cập - Angela Merkel là

nguyên thủ quốc gia đứng trên lập trường và quyền lợi của nước Đức - và bản thân tác giả, một nhà báo phương Tây chuyên về chính trường. Góc nhìn và quan điểm đó hoàn toàn không phải là góc nhìn và quan điểm của nhà xuất bản. Tuy nhiên, thông tin trong sách là cơ hội để tham khảo cách tiếp cận của người trong cuộc, từ đó có thêm một góc nhìn khác về những sự kiện được đề cập trong sách. Vì vậy, Nhà xuất bản Trẻ thận trọng giới thiệu bản tiếng Việt đầy đủ cuốn sách *Angela Merkel - Thế giới của vị nữ thủ tướng** và tin tưởng rằng bạn đọc sẽ rút ra những hiểu biết đúng đắn cho riêng mình.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

GIỚI THIỆU

Cuốn sách này miêu tả thế giới bên ngoài của chính trị gia Angela Merkel, cô gái đến từ Cộng hòa Dân chủ Đức nổi lên thành một trong những nhân vật chủ chốt của chính trị thế giới trong thời đại của mình. Sự nghiệp của bà thật xuất chúng và không có gì được đoán trước. Tài năng chính trị của Angela Merkel xuất sắc và gắn chặt với bản chất cùng thói quen của con người bà. Có thể nói phong cách chính trị của Angela Merkel chịu sự chi phối của thời đại bà - ở Đức, và cả châu Âu. Angela Merkel yêu thế giới và các vấn đề của nó, bà dành hầu hết thời gian cho chính sách đối ngoại, với các trò chơi chiến thuật ở EU và cân bằng mong manh về lợi ích.

Và cho đến nay Angela Merkel đã đạt được những thành tựu vĩ đại nhất ở quê nhà, bên trong biên giới nước Đức và trong trò chơi dân số. Bà tái đắc cử ngày 22 tháng 9 năm 2013 với tỷ lệ ấn tượng là 41,5 phần trăm số phiếu. Đảng Dân chủ xã hội hơn đối thủ gần nhất của họ 25,7 phần trăm số phiếu.

Đây là lần thứ ba Merkel được bầu làm thủ tướng, tái đắc cử lần thứ hai - một kỳ tích mà trước bà chỉ có Konrad Adenauer và Helmut Kohl làm được ở nước Đức hậu chiến. Cử tri thường mỗi một và muốn có sự thay đổi mới mẻ.

Angela Merkel cảm nhận quá trình mỗi một này đã đủ lâu. Tất nhiên cử tri đã luôn ưu ái bà. Suốt mười năm làm thủ tướng, chỉ đến khi khủng hoảng người tị nạn xảy ra thì Merkel mới nếm trải một trải nghiệm khác. Đột nhiên bà thấy mình bị cô lập và bị công kích, đột nhiên người ta nghi ngờ năng lực của bà và chất vấn khả năng sống sót của bà trên chính trường.

Sự ổn định chính trị là nhờ vào chính sách đối ngoại của nữ thủ tướng - và đó là lý do cơn bão táp chính trị thế giới này khiến Merkel loạng choạng. Sự nghiệp chính trị nào cũng hữu hạn. Và chính sách đối ngoại là chuẩn so sánh mới cho giá trị thị trường của chính trị gia Đức. Vai trò của nước Đức trên thế giới và đặc biệt là sự cân bằng của châu Âu, quan hệ với nước Nga, khủng hoảng các nhà nước ở vùng Cận Đông, tác động của nó có thể ảnh hưởng đến mọi cộng đồng ở Đức - đột nhiên nội bộ nước Đức bỗng trở nên bị ảnh hưởng nặng nề bởi những gì xảy ra bên ngoài biên giới nước này.

Vì thế Angela Merkel luôn ở trung tâm của các sự kiện. Các cuộc khủng hoảng có gọng kìm - và ngược lại: Merkel luôn giữ các cuộc khủng hoảng trong gọng kìm của nó. Khủng hoảng luôn là một dạng “bảo hiểm chính trị” cho Merkel, vì bà sinh ra và lớn lên trong khủng hoảng và nói chung là “thích” khủng hoảng. Chừng nào chính sách còn cho người Đức cảm giác an toàn, chừng đó quốc gia này là một hòn đảo của ổn định kinh tế và chính trị giữa đại dương bất ổn, chừng đó cử tri còn tưởng thưởng Merkel với tỷ lệ chấp thuận cao và cuối cùng thậm chí là tái đắc cử.

Cho đến nay, động thái đã thay đổi kể từ khi cuốn sách này xuất bản lần đầu vào tháng giêng năm 2013. Ba điều đang làm thay đổi nhanh chóng vai trò của nước Đức trên thế giới và ở châu Âu. Thứ nhất, Đức ngày càng gia tăng uy thế chính trị hơn bao giờ hết, làm gia tăng kỳ vọng. Vai trò hòa giải của Đức trong các khủng hoảng ở châu Âu và đối với nước Nga giờ được xem là đương nhiên. Không ai khác ở châu Âu xốc tới khi ngọn lửa âm ỉ đã lan đến biên giới châu lục này. Trong khi đó nước Mỹ của Tổng thống Barack Obama ngày càng rút ra khỏi chính trị thế giới nhất là ở châu Âu. Áp lực đặt lên vai nước Đức càng tăng lên.

Thứ hai, Đức cảm nhận những bất lợi của vai trò đứng mũi chịu sào này. Đột nhiên có thể cảm nhận toàn bộ cơ chế châu Âu cũ kỹ: ở đâu có một

nước quá mạnh, ở đó có sự bất tương xứng từ các nước khác. Kinh tế Đức tăng trưởng là nỗi lo sợ đối với láng giềng - và họ đòi đền bù, rằng họ đã phải trả giá cho sự vượt trội mà nước Đức đạt được này. Pháp là đối tác truyền thống cho sự cân bằng đối trọng ở châu Âu đã sa sút sau nhiều năm suy thoái kinh tế trong sự đình đốn về chính trị.

Thứ ba, Angela Merkel đã mười năm làm thủ tướng và bảo tố chính trị đã khiến bà lao đao thậm chí vai trò thủ tướng của bà bị xét lại. Cơ sở bảo tố gần như hoàn hảo này chứa đựng tất cả dấu hiệu của kỷ nguyên chính sách đối ngoại mới: Cuộc khủng hoảng người nhập cư bỗng ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống chính trị Đức - cả đối nội lẫn đối ngoại. Đây là câu chuyện của sức thu hút và tính chất dễ tổn thương của nước Đức, về khả năng của nước Đức trong việc tạo ảnh hưởng lên châu Âu. Cuộc chiến ở Syria, vấn đề người nhập cư và nạn khủng bố đã thử thách Merkel theo cách chưa từng có tiền lệ. Bà phải chiến đấu vì sự tồn vong chính trị của bà, cả ở châu Âu lẫn trong chính nội bộ đảng của bà.

Sau cuộc bầu cử, Merkel ý thức hơn rằng phải quan tâm đến sinh mạng chính trị của mình. Nếu cuối cùng tâm trạng dân chúng chống lại bà thì sao? Đất nước này liệu có sẽ mệt mỏi với phong cách của bà? Khi nào thì có nhu cầu thay đổi? Nước Đức bộc lộ sự không khoan dung. Vì thế, cuộc di tản của hàng trăm ngàn người sẽ là phép thử nghiêm trọng nhất. Phán quyết vẫn đang bị trì hoãn. Liệu có ngày dòng người giảm xuống chẳng? Nếu chiến tranh kết thúc và khủng bố bị đánh bại? Sự phán xét này sẽ quyết định liệu Merkel có thể tự làm chủ vận mệnh của chính mình hay không, cũng như quyết định bà sẽ muốn kết thúc sự nghiệp chính trị của mình ra sao, hoặc cũng có thể bà sẽ cố bám trụ đến khi nào kiệt sức và bị vứt bỏ sang một bên như nhiều vị tiền nhiệm khác của bà.

Do tính cách quá mạnh mẽ của Merkel, sẽ rất khó tìm được người kế vị ngay lập tức cho bà. Và bất chấp những khó khăn vừa qua, đảng của Merkel sẽ không chịu để bà ra đi vì bà là người đảm bảo để đảng này nắm quyền lực. Khát khao nắm giữ Merkel của đảng nhà đã quá mạnh mẽ ngay từ lúc bắt đầu nhiệm kỳ thứ ba của Merkel, nên bà sẽ tha hồ tận dụng lợi thế này trong thời gian dài sắp tới.

HÂM MỘ CUỒNG NHIỆT DÀNH CHO MERKEL

Sức mạnh mới của vị nữ thủ tướng

Trong năm thứ tám nhiệm kỳ thủ tướng của mình, một lần nữa, Angela Merkel đã đạt đến đỉnh cao quyền lực. Giờ đây, bà làm lãnh đạo của nền kinh tế giàu có nhất và hùng mạnh nhất châu Âu suốt hai nhiệm kỳ liên tiếp. Bà là vị thủ lĩnh được đảng nhà thừa nhận và gần như không vấp phải sự phản đối nào. Bà lãnh đạo một nội các phần lớn là những vị bộ trưởng trung thành và phục tùng. Bà đã thuần phục được người đồng nhiệm trong chính phủ liên minh, đặt dấu chấm hết với ấn tượng không tốt mà người ta dành cho chính phủ của bà lúc ban đầu. Bà phản hồi đảng đối lập bằng sự khinh thị. Trước công chúng, bà nhận được sự kính trọng lớn lao, chưa từng có thủ tướng nào trước bà nhận được tỷ lệ ủng hộ cao đến thế trong năm thứ bảy lãnh đạo chính phủ. Về kinh tế, đất nước của bà không ở trong tình trạng xấu như những láng giềng, và cũng không có bất ổn nội bộ nào.

Angela Merkel đã vươn đến một địa vị quyền lực và có tầm ảnh hưởng ra toàn thế giới. Bà thuộc nhóm thiểu số những nguyên thủ quốc gia có một quãng thời gian dài phía sau lưng để nhìn lại. Trong Liên minh châu Âu, bà là người cuối cùng thuộc thế hệ lãnh đạo xưa cũ: ngoài thủ tướng Luxembourg ra, chưa một ai nắm giữ quyền lực lâu như bà. Chủ tịch ủy ban châu Âu nhậm chức trước bà một năm, nhưng do bà giúp đỡ. Merkel đang làm việc cùng vị tổng thống Mỹ thứ hai trong thời gian cầm quyền của mình, và đạt được những thỏa thuận với các đời tổng thống Mỹ trước đó.

Bà đang tham gia vào một cuộc chạy đua kiểu “rùa và thỏ” với tổng thống Nga để xem ai sẽ tại vị lâu hơn. Ở Trung Quốc, Merkel chỉ mới chứng kiến một cuộc đổi ngôi lãnh đạo duy nhất: bà hào hứng tham gia các cuộc gặp những vị lãnh đạo mới, mong muốn so sánh những nguyên thủ mới nắm quyền lực với các bậc tiền nhiệm của họ.

Bà đã đóng góp vào tiến trình hòa bình tại Trung Đông. Bà có mối quan hệ căng thẳng và đôi khi giàu cảm xúc với Israel, dĩ nhiên một phần bởi lịch sử của nước Đức, nhưng còn bởi loại cảm xúc cá nhân vốn ít khi bà bộc lộ để tránh can thiệp vào những mối giao hảo quốc tế. Tính chất căng thẳng của loạt sự kiện trong thế giới Ả rập cũng làm bà bất ngờ. Với sự e dè lẫn nghi ngờ đạt đến một mức độ nhất định, bà đang dõi theo những tiến triển ở Trung Đông và ở những xã hội, giờ đang lộn xộn, vốn muốn có tự do song kết cục bị mất quyền lực. Merkel rất hiểu về tự do: bà có câu chuyện của riêng mình về đề tài này, dù ít khi kể, vì bà không thích tính cực đoan của cảm xúc. Trong mắt bà, tự do là vấn đề rất cá nhân: nhu cầu được tự do phát triển, mong muốn vượt qua giới hạn bản thân, khám phá những vấn đề mới, hiểu và làm chủ một môn học - tất cả đều có thể được dùng để miêu tả hành trình cá nhân của một phụ nữ từng phải che giấu tham vọng và tài năng của mình suốt 35 năm. Và niềm khao khát của bà dường như vẫn chưa được thỏa mãn.

Đôi lúc, người ta nói bà đã lên đến đỉnh sự nghiệp, nhưng Merkel không tin vào sự tiến bộ theo đường thẳng. Với bà, chính trị là trò chơi có tổng bằng 0 - sự bồi đắp của những điều tích cực lẫn tiêu cực và sự kết nối liên tục của thành công lẫn thất bại.

Và đây là nơi phát sinh vấn đề: thành công và thất bại được đo lường không chỉ bởi sự bền vững của một liên minh, sự thỏa mãn của cử tri hay tần suất các chuyến thăm quốc tế. Chúng đều là những tham số lệch lạc.

Các sự kiện mới là những tham số đúng: khi được một phóng viên hỏi điều gì có thể khiến một chính phủ đi chệch hướng, Thủ tướng Anh Harold Macmillan* từng trả lời: “Sự kiện, bạn thân mến của tôi ạ, các sự kiện.” Angela Merkel còn gánh vác một gánh nặng lịch sử khác: cuộc khủng hoảng kinh tế - và chỉ riêng sự kiện này thôi cũng sẽ quyết định thành bại cho cương vị thủ tướng của bà.

Bà không tìm kiếm khủng hoảng mà khủng hoảng tìm đến bà. Đầu tiên nó đến dưới dạng khủng hoảng ngân hàng, rồi hóa thành cơn khủng hoảng toàn cầu toàn diện - và cuối cùng trở thành cơn khủng hoảng châu Âu. Nhiều vấn nạn ập xuống mình trong bóng tối có khả năng tạo ra những thiệt hại không lường đến: một cuộc khủng hoảng nợ, những rắc rối về sức tăng trưởng và khả năng cạnh tranh và, đỉnh điểm, sự sụp đổ của đồng euro. Những hậu quả nhãn tiền rất đáng sợ: rút tiền gửi đột biến, vỡ nợ, sự sụp đổ của mọi ngành kinh tế, giảm xuất khẩu, tỷ lệ thất nghiệp cao, căng thẳng xã hội, sự trỗi dậy của những đảng phái cực đoan cùng sự tan rã chính trị ở châu Âu. Khi xem xét những viễn cảnh đó, chúng ta mới có thể đánh giá đúng tầm quan trọng lịch sử của cuộc khủng hoảng.

Angela Merkel đã bị buộc phải đối mặt với sự kiện này và tìm cách ngăn chặn những hiệu ứng tàn phá tiềm tàng của nó. Không như Helmut Kohl,* bà không có lợi thế cầm quyền trong một giai đoạn tương đối dễ thở trong lịch sử nước Đức. Kohl đã tận dụng tối đa hoàn cảnh thuận lợi và động lực tích cực của các phong trào giải phóng chính trị tại châu Âu, và bằng một bản năng vững vàng, ông đã dẫn dắt nước Đức đến thống nhất và đưa châu Âu đến một kỷ nguyên thịnh vượng mới. Ngược lại, Merkel đang tham gia một cuộc chiến bị động: bà chống lại khả năng sụp đổ. Bà không thể hứa hẹn về một viễn cảnh phồn thịnh - mà bà chỉ có thể nỗ lực ngăn không để châu Âu trở thành một chốn điêu tàn.

Chủ đề quyết định trong cương vị thủ tướng của Merkel là cuộc khủng hoảng tại châu Âu. Cố thủ tướng Konrad Adenauer* đã tạo nền móng vững chắc cho Cộng hòa Liên bang Đức ở thế giới phương Tây, và ông đã thi hành một mô hình chính trị giúp đem lại sự hòa hợp về mặt xã hội cùng một nền kinh tế thị trường. Willy Brandt* cải thiện mối quan hệ của Đức với phương Đông. Còn Helmut Kohl thì ghi dấu ấn vào lịch sử với tư cách vị thủ tướng giúp thống nhất nước Đức. Giờ đây, Merkel đã tìm thấy sứ mệnh lịch sử của riêng mình, và điều này giúp củng cố vị trí của bà mạnh mẽ hơn. Phải thừa nhận rằng cuộc khủng hoảng đã có ích cho sự nghiệp của Merkel. Nếu không có khủng hoảng, vai trò thủ tướng của bà đã kém ý nghĩa hơn nhiều nếu nhìn từ quan điểm lịch sử. Giờ bà đang có cơ hội để gia nhập hàng ngũ những nhà lãnh đạo vĩ đại. Những quyết sách của bà quan trọng không chỉ cho nước Đức, mà còn cho toàn bộ châu Âu.

Sự thăng hoa dưới tầm vóc của bà không được cảm nhận rõ tại Berlin bằng đấu trường chính trị châu Âu - ví dụ ở Brussels, tại các hội nghị cùng tổng thống Pháp, hay trong những chuyến thăm đến Athens. Giờ bà là một tượng đài châu Âu cao vợi - nhưng trong quá trình đó, bà đã trở thành một kẻ-cô-đơn-làm-chính-trị.

Sự chú ý dành cho tính cách của Merkel gia tăng, như thế chỉ mình bà quyết định được việc châu Âu có vượt qua nổi cơn khốn khó hay không. Vị thế mới của bà được khẳng định bởi rất nhiều vị khách đến Berlin, bởi sự soi xét dành cho bà tại Washington hay Bắc Kinh, cũng như những xuyên tạc và bôi nhọ mà bà phải gánh chịu.

Merkel trở thành nhân vật chính trên các tạp chí thời sự trong suốt bốn năm khủng hoảng. “Bí ẩn của Angela Merkel” (The Mystery of Angela Merkel), “Nhà lãnh đạo lạc lối” (The Lost Leader), “bà châu Âu” (Frau Europe), “Bà mẹ nản lòng” (Mother Discourage), “Báo động, Angela đấy”

(Achtung, It's Angela) - và chẳng có cụm từ hay tranh biếm nào mà người ta không dùng, để nói về bà. Đôi khi bà cười nhạo những dòng tiêu đề hay biếm họa - ví dụ một bức trên tờ *The Economist*, vẽ hình một chiếc tàu thủy mang tên *The World Economy (Kinh tế thế giới)* đang chìm sâu xuống đáy biển trong khi một tiếng nói phát ra từ tháp chỉ huy: “Làm ơn, chúng ta bật động cơ được chưa, thưa bà Merkel?”

Tuy nhiên, sự hóm hỉnh tế nhị như trên chỉ là ngoại lệ. Như một quy luật, nhiều biếm họa vẽ Merkel với bộ râu kiểu Hitler; Merkel ngược trần, đang cho anh em nhà Kaczyński bú sữa*; Merkel với máu chảy xuống từ hai vai, Merkel dưới hình hài một ả đàn bà bạo chúa đang giẫm lên thủ tướng Tây Ban Nha, còn ông này van xin tha thứ. Cuộc chơi hình ảnh đạt tầm cao mới trên trang bìa tạp chí chính trị của Anh *New Statesman*, vị nữ thủ tướng được ghép mặt của người máy Terminator cùng con mắt rô-bô. Câu chuyện bên trong, bên cạnh phép so sánh bà với Hitler quen thuộc, miêu tả bà như mối đe dọa cho sự bình ổn của thế giới hơn cả Kim Jong Un của Bắc Triều Tiên hay Tổng thống Ahmadinejad của Iran. Merkel được khắc họa như một kẻ bắt nạt, hoặc một Nero cười cợt khi cả châu Âu đang chìm trong lửa.

Tờ báo bảo thủ của Pháp *Le Figaro* đề xuất những kịch bản sau: hoặc Pháp gia nhập vùng bắc châu Âu do Đức thống trị, hoặc nước này “trở thành một trong những nước vệ tinh bị những kẻ theo chủ nghĩa Đại Đức cười nhạo là đồ con lợn”. Có lẽ tờ báo định nghĩa “những kẻ theo chủ nghĩa Đại Đức” chính là Đức cùng các nước lệ thuộc. Nhà kinh tế học xã hội Pháp Daniel Cohen gọi Đức là “Trung Quốc của châu Âu”. Còn nhà văn người Tây Ban Nha Javier Cercas thì đảm bảo Merkel đóng vai kẻ xấu trong vở kịch câm ở phía nam châu Âu: “Những điều khoản kinh tế bà ta áp đặt lên chúng ta không thể được đáp ứng, và những cảm xúc oán hận và

nhục nhã ngày một tăng có thể sánh với người Đức sau Thế chiến thứ I, khi phe Đồng minh thắng lợi áp đặt chương trình kinh tế lên nước này.”

Lại quay về chủ đề Hòa ước Versailles, nhưng với vai trò bị đảo ngược? Người Đức đã đánh giá thấp mức độ mà sức mạnh kinh tế của họ cùng quyền lực của Merkel bị các láng giềng căm ghét. Bậc thầy kinh tế học người Mỹ George Soros, một người thường xuyên lên tiếng phản đối chính sách cứu đồng euro của Đức, cảnh báo Merkel rằng phần còn lại của châu Âu sẽ không yêu hay ngưỡng mộ Đức như một đế quốc siêu cường: “Sẽ có oán ghét và phản kháng, bởi nước Đức sẽ bị xem như một kẻ áp bức.” Và đây chỉ là một trong những lời cảnh báo “nhẹ giọng”. Nguy hiểm hơn cả là sự tái xuất của những thuyết âm mưu xưa cũ: người ta đồn rằng sau khi thống nhất, Đức hỗ trợ toàn lực cho đồng euro vì nước này toan tính làm bá chủ châu Âu thông qua chính sách tiền tệ của riêng mình. Điều đã thất bại hai lần trên phương diện quân sự (ám chỉ sự tham gia hai cuộc đại chiến thế giới của Đức - ND) giờ sắp thành công nhờ sự trợ giúp từ đồng euro và đồng cent: chủ nghĩa đế quốc kiểu Đức, một chiến lược bá chủ kiệt xuất.

Liệu tất cả những điều này chỉ là phép ngoa dụ mang tính ý thức hệ? Hay một cơn lên đồng ảo tưởng? Chắc chắn, Thủ tướng Merkel ít nhất cũng ý thức được sự căng thẳng. Sự chênh lệch với châu Âu trên phương diện năng lực kinh tế và sức cạnh tranh đã cho Đức một lợi thế vô đối. Chưa hết, cỗ máy xuất khẩu của nước này vận hành rất tốt vì Đức được hưởng lợi từ một thị trường đơn (single market) rộng lớn và bởi vì nền công nghiệp hùng mạnh của Đức không chừa cơ hội cạnh tranh cho bất cứ ai, chẳng hạn các đối thủ Nam Âu, nơi có chi phí lao động cao hơn. Nhờ sức mạnh kinh tế của mình, Đức còn nhận được ưu ái từ các thị trường tài chính: tín dụng chưa bao giờ thấp đến thế, và tìm kiếm người mua trái phiếu chính phủ chưa bao giờ dễ dàng như vậy. Đức được xem như kẻ trục lợi trong thời

khủng hoảng, còn Merkel là “đạo diễn” cho kế hoạch chưa từng có tiền lệ. Nhờ những cuộc cải cách xã hội khắc nghiệt dưới thời Schröder* cùng một chế độ lương vừa phải, trung tâm kinh tế châu Âu đã chuyển dịch sang vùng giữa châu lục. Nhiều thị trường mới mở ra ở Nga và châu Á. Pháp thì đánh mất vai trò cân bằng kinh tế và chính trị truyền thống của họ: trong một châu Âu gồm hai mươi bảy nước, trung tâm quyền lực chính trị đã dời từ Paris sang Berlin.

Cuộc khủng hoảng đã cho Angela Merkel nhiều lợi thế. Đầu tiên, từ quan điểm nước Đức, chính sách cứu đồng euro của bà vừa kịp thời vừa thuyết phục, nên bà gặp rất ít phản kháng từ phe đối lập ở quê nhà. Thứ hai, bà đứng đầu chính phủ trong một giai đoạn then chốt cần đến sự lãnh đạo. Đó là lúc những lãnh đạo chính phủ ở châu Âu - không tính ủy ban châu Âu (European Commission) hay quốc hội các nước - dẫn đầu. Và thứ ba, không lối đi nào có thể qua mặt vị nữ thủ tướng của nền kinh tế mạnh nhất châu Âu, khi bất cứ ai mong muốn cứu đồng euro đều phải phối hợp với Merkel. Vì thế, ban đầu, cuộc khủng hoảng đặt Merkel vào vị thế thắng lợi, song bà cũng phải gánh vác một trọng trách nặng nề. Nếu công cuộc giải cứu (đồng euro) thất bại, bà sẽ bị liên đới nặng nhất, dù đã làm mọi thứ trong khả năng của mình để tránh thảm họa. Mọi con mắt ở châu Âu đều hướng vào bà. Nếu châu Âu thất bại, Merkel cũng thất bại theo.

Vị thế đặc biệt của nữ thủ tướng là điều hoàn toàn mới mẻ trong lịch sử Cộng hòa Liên bang Đức. Chưa bao giờ lại có một thủ tướng đóng vai trò quan trọng đến thế trong chính sách đối ngoại (của Đức). Ngay cả vào thời của Helmut Kohl, người ta tuy công nhận ông đã lèo lái con tàu lợi ích của nước Đức trong một thời điểm thuận lợi của lịch sử, nhưng cũng chỉ dừng lại ở đó. Một cách hoàn toàn vô ý và vô tình, Đức đã gạt hái được một tầm

quan trọng ở quy mô quốc tế, thứ vốn dĩ xa lạ với bản chất của dân tộc này, và đã bị họ phủ nhận trong suốt nhiều thập niên qua.

Lịch sử đã dạy ta biết rằng châu Âu không sẵn lòng dung thứ cho sự hiện diện của một kẻ đơn độc giữa lòng khu vực. Sự hồi sinh tức thời của một thiên kiến cổ xưa cho thấy vị thế đặc biệt của Cộng hòa Liên bang Đức mong manh ra sao giữa lòng châu Âu. Quốc gia này đã sẵn sàng và sẵn lòng chia sẻ quyền lực của họ tại châu Âu và hòa nhập vào một tập thể các nước theo chủ nghĩa hậu-quốc gia (post-national). Hiến pháp Đức cùng lịch sử đồng minh quốc tế của nước này kể từ Thế chiến II là chứng nhân cho nhiều loại “chốt an toàn” được lắp đặt để kiềm tỏa gã khổng lồ. Đây là lý do tại sao Helmut Kohl đảm bảo rằng Đức sẽ được “neo” chắc chắn vào lòng châu Âu để đổi lấy sự thống nhất (hai miền Đông Đức và Tây Đức). Hiệp ước Maastricht được ký vào năm 1992 và đồng Mark Đức (Deutschmark) bị loại bỏ để thay bằng đồng tiền chung với cùng một lý do. Tính bất biến của lịch sử châu Âu thời hậu chiến bỗng dưng bị thay đổi. Tâm quan trọng (của các nước khu vực) được chuyển dịch.

Chính vào lúc này, Angela Merkel trở thành tâm điểm chú ý. Người phụ nữ bí ẩn bao năm này là ai? Người mà chỉ sau vài năm đã làm thủ lĩnh đảng bảo thủ của Đức là ai? Vị lãnh đạo trỗi dậy một cách gần như âm thầm để lãnh đạo toàn bộ những nhà lãnh đạo châu Âu này là ai? Người Đức đã thắc mắc về sự bí ẩn của Merkel suốt nhiều năm qua, khi tìm cách giải mã tính cách và những gì đang diễn ra trong đầu óc bà. Nhưng giờ đây cả thế giới muốn biết: bà đã tham gia chính trường ra sao? Quan điểm thế giới của bà là gì? Giá trị và tiêu chuẩn của bà là gì? Merkel sở hữu một phẩm giá nội tại với tư cách một người hiếm khi lùi bước - và đây cũng là lý do bà chinh phục đỉnh cao nhất một lần nữa. Lần này, bà bị sấm soi về năng lực làm lãnh đạo, một chuyên gia đối ngoại. Bà sẽ làm gì nếu mục tiêu gia tăng

quyền lực của Đức bị xem là mối đe dọa? Bà đã xoay xở để giúp nên thống trị của Đức được chấp nhận cho đến thời điểm hiện tại - song liệu điều này có kéo dài mãi?

Đúng thế, Merkel gánh vác một trọng trách nặng nề - và bà vận dụng sự quyết đoán mới hình thành này một cách tự nhiên, vì tin rằng những sự bẻ cong luật lệ và thay đổi cấu trúc do bà khởi tạo sẽ tốt cho châu Âu. Song bà vẫn chưa tìm ra câu trả lời cho thế tiến thoái lưỡng nan do Bismarck* tạo ra: Đức quá nhỏ để thực hành quyền lãnh đạo châu Âu, song lại quá lớn để duy trì cân bằng cho chính nó. Hoặc, nói theo ngôn ngữ hiện đại: Đức quá mạnh để bị hòa tan vào khối châu Âu, và quá yếu để áp đặt những chính sách họ cho là đúng đắn với những quốc gia khác. Giới sử học gọi đây là sự thống trị-nửa vời - không phải một vị trí dễ chịu cho bất cứ nước nào.

Và Merkel đang ở đây, được phóng thăng lên ngay lãnh đạo châu Âu, và thường xuyên phủ nhận những cáo buộc rằng mục tiêu duy nhất của bà là biến châu Âu trở nên giống Đức hơn. Tương lai của dự án mang tính lịch sử của châu Âu: bỏ qua những hận thù truyền thống, đang nằm trong tay bà. Có lẽ những suy nghĩ này đã hiện lên trong tâm trí Merkel khi bà ngồi trong tòa thị chính thành phố Oslo để chứng kiến giải Nobel Hòa bình được trao cho Liên minh châu Âu.

Arnold Schwarzenegger*, người từng có quá khứ lừng lẫy, đã gọi Merkel là người phụ nữ quyền lực nhất hành tinh. Nếu cần thêm bằng chứng cho quyền lực mới của vị thủ tướng Đức, hãng sản xuất đồ chơi Mattel, từng làm ra mẫu búp bê Barbie dựa trên hình ảnh bà, đã gọi Merkel là hình mẫu cho những cô gái mơ ước trở thành “bất cứ điều gì họ muốn”. Bản thân Merkel không để tâm đến thần tượng. Trong phòng làm việc của bà chỉ có một bức tranh duy nhất: chân dung đóng khung bạc của Sophie von Anhalt-Zerbst, sau này được biết đến với tên Catherine Đại đế.* Là nữ

hoàng Nga, Catherine theo đuổi những chính sách chủ yếu chứa đựng tinh thần của Thời đại Khai sáng, song bà còn là một vị hoàng đế mẫn cán. Bà thích chơi đùa với quyền lực, cải đạo Chính thống giáo, lấy tên Nga và sử dụng đàn ông - tất cả vì mục đích mở rộng quyền uy của bà. Bức tranh được một phóng viên tặng cho Merkel, và nó được đặt trong văn phòng bà kể từ đó. Bà phủ nhận những diễn giải lệch lạc - bà chỉ ngưỡng mộ Catherine với tư cách một phụ nữ và một nhà cải cách, không hơn không kém. Không chỉ thế, vị nữ Sa hoàng (Tsanira) đã trị vì suốt ba mươi bốn năm - khoảng thời gian không dành cho Merkel.

MỘT THẾ GIỚI KHÁC

Một cuộc đời được che chắn giữa lòng Đông Đức

Thế giới của Angela Kasner trẻ tuổi khá thẳng thớm, bao gồm mẹ, cha, em trai và em gái của bà, khu tập thể Waldhof cùng những cửa hàng và con đường bên ngoài tòa nhà. Thỉnh thoảng, Angela băng qua bên kia đường, đến cửa hàng gần bên để đợi bố đi làm về. “Tôi không đi đâu xa hơn,” bà nói. Lúc còn bé, bà không đi nhà trẻ hay mẫu giáo và sợ ngựa - đây là những ký ức đầu tiên của Angela Merkel. Waldhof - một khu phức hợp gồm các tòa nhà căn hộ và nông trại, nhà kho và xưởng thủ công - giống một hòn đảo ở thị trấn thôn quê Templin nhỏ bé. Năm 1957, cha bà, Horst Kasner, được nhờ xây một trường đại học để nhà thờ quản lý, về sau được biết đến dưới tên gọi Đại học Giám mục, và làm hiệu trưởng tại đây. Các cha phó và giám mục thường đến thăm khu tập thể Waldhof để đào tạo hay dự khán những buổi họp về giảng đạo trong vài tuần. Waldhof là một hội sở quan trọng đối với nhà thờ Tin lành ở bang Berlin- Brandenburg - có thể nói mỗi mục sư tại nhà thờ vào thời điểm đó đều có lúc thọ giáo Horst Kasner.

Herlind và Horst Kasner lấy nhau ở Hamburg, con gái đầu của họ, Angela, sinh ra vào ngày 17 tháng 7 năm 1954 ở đây. Ông bà ngoại của bà, Gertrud và Willi Jentsch, cũng sống ở Hamburg, từ Danzig chuyển đến sau chiến tranh. Bà ngoại Willi Jentsch dường như đến từ Glogau ở Silesia, ngày nay được biết đến với địa danh Glogow, còn ông ngoại Gertrud Jentsch đến từ vùng Bitterfeld. Mẹ của Merkel, Herlind, sinh năm 1928 ở Danzig, khi đó còn mang danh Thành phố Tự do Danzig, nằm dưới sự bảo

hộ của Hội Quốc Liên (League of Nations).^{*} Lý do tại sao thành phố Elbing gần đây thường xuyên được cho là nơi sinh của Herlind vẫn còn là bí ẩn. Ông bà ngoại của Merkel chỉ sống ở đó vài năm.

Cha bà, Horst Kasner, xuất thân từ Berlin. Hoàn cảnh gia đình ông thì phức tạp hơn, và tổ tiên ông bị ảnh hưởng nặng nề bởi quá khứ hỗn mang của thành phố, nơi đường biên giới giữa Đức và Ba Lan liên tục thay đổi. Cha của Horst, Ludwig, ông nội của Angela, sinh tại Posen năm 1896 - không phải với cái tên Ludwig Kasner, mà là Ludwig Kazmierczak. Như hầu hết cư dân ở Posen, nhà Kazmierczak có gốc gác Posen, và vì cuộc chia tách đất nước Ba Lan lần hai, toàn thành phố cùng khu vực xung quanh đó đã chứng kiến nhiều thay đổi về đường biên giới và những luật lệ khác nhau. Vào lúc Ludwig Kazmierczak ra đời, Posen là một phần của đế quốc Đức, nên ông bà nội của Merkel cũng là công dân Đức thực thụ. Tuy nhiên, gia đình bà vẫn trung thành với nguồn gốc Ba Lan của họ, bất chấp Ludwig rõ ràng không chia sẻ những cảm xúc đó. Kết quả là ông thực hiện một quyết định tạo ra những hệ quả sâu sắc. Năm 1919, sau Thế chiến thứ I và Hòa ước Versailles, Posen một lần nữa trở thành một phần của Ba Lan. Những năm sau đó, phần lớn cộng đồng thiểu số dân Đức di cư khỏi đây - bao gồm những người không muốn trở về Ba Lan. Ludwig Kazmierczak là một trong những người bỏ cố hương và một phần gia đình lại sau lưng để đến Berlin, nơi ông gặp người vợ tương lai Margarethe. Con trai họ, Horst, sinh ra vào năm 1926. Nhưng đến năm 1930, Ludwig Kazmierczak quyết định dùng họ tiếng Đức và bắt đầu tự gọi mình là Kasner. Từng làm cảnh sát ở quận Pankow tại Berlin, ông qua đời vào năm 1939. Angela, khi ấy 5 tuổi, không có ký ức rõ ràng về ông. Tuy nhiên, Angela trẻ tuổi thường thăm mộ của bà ngoại Margarethe, người đã khơi gợi nơi bà niềm quan tâm đến âm nhạc và nghệ thuật.

Năm 1995, tại một hội nghị của nhà thờ Tin lành ở Hamburg, Angela Merkel cho biết một trong những người ông của bà xuất thân từ Ba Lan. Bà lặp lại tuyên bố này vào năm 2000, và miêu tả bản thân có “một phần tư Ba Lan”. Những niềm phấn khích đặc biệt đã xuất hiện xung quanh phát hiện mới này - đặc biệt tại Ba Lan, một hội Những người bạn của Angela Merkel lập tức được thành lập ở đây.

Tuy người ta ít biết về ông bà của bà, đã có nhiều công trình nghiên cứu về nhân thân bố mẹ của vị nữ thủ tướng. Vài tuần sau khi Angela chào đời vào năm 1954, mục sư trẻ Kasner cùng gia đình rời Hamburg và chuyển đến Đông Đức - giáo khu đầu tiên của ông là làng Quitzow, trong quận Prignitz, Brandenburg. Ba năm sau đó, gia đình ông chuyển đến Templin. Nơi đây chính là quê hương thời thơ ấu của Angela Merkel, trung tâm của cuộc đời thuở bé và là nơi định hình thời thiếu nữ của bà. Templin cách Berlin một tiếng rưỡi lái xe về hướng bắc, một viên ngọc ẩn giấu trong quận Uckermark. Với hồ nước, sông ngòi, kênh rạch, bầu trời rộng lớn và những tòa nhà xưa cũ - Templin vẫn giữ nguyên vẻ đẹp của nó đến ngày hôm nay. Khu Waldhof được thành lập vào năm 1852 với vai trò là ngôi nhà cho những thanh niên gặp khó khăn trong việc học và đã chứng kiến nhiều biến động - khu nhà ở trong tình trạng xấu khi mục sư Kasner bắt đầu thành lập trường dòng. Dưới thời Đông Đức Waldhof ngừng hoạt động trong vai trò một cơ sở giáo dục. Thay vào đó, nhà thờ sử dụng khu nhà lớn cho bệnh nhân có vấn đề tâm thần, những người vẫn đủ khả năng làm việc trong vườn rau và lò rèn, đan rổ hoặc theo đuổi một vài nghề ngành nghề hay bán buôn gì đó. Đây là một mô hình khá hiện đại lúc bấy giờ: người bệnh tâm thần sống tự do như một thành phần của xã hội; họ có thể làm việc ăn lương và còn được khuyến khích làm thế. Với Angela Merkel, sống cùng họ là một phần trong cuộc sống thường nhật.

Không có nhiều chi tiết về cuộc sống của gia đình Kasner, nhưng ít có nghi ngờ về việc Angela Kasner đã lớn lên trong một gia đình cởi mở và tham gia chính trị. Bất chấp tất cả những hạn chế ở Đông Đức, mục sư Kasner cùng vợ vẫn duy trì tự do tri thức của bản thân, còn cô con gái Angela thì hưởng lợi nhờ đó. Những ham thích của cô đối với thế giới được đánh thức và khích lệ từ sớm, và khu nhà của các mục sư giúp bảo vệ cô trước chế độ đương thời. Nhiều năm sau, trong một cuộc phỏng vấn cùng nhiếp ảnh gia Herlinde Koelbl, Merkel cho biết đã “không có bóng ma nào làm vẩn đục tuổi thơ bà”, rằng Waldhof là môi trường mà một đứa trẻ có thể dễ dàng hấp thụ và thấu hiểu. Merkel cho biết bà đã luôn bị mê hoặc bởi những người “tìm thấy bình yên trong cuộc sống”, chẳng hạn một người làm vườn đã trở thành bạn tâm giao của bà lúc bé, và ông này cũng là một hình mẫu tự tin và điềm tĩnh so với cha đẻ của bà. Tất cả ký ức tuổi thơ bà đều là sự an toàn và thân tình. Horst Kasner, qua đời năm 2011, cho biết trong một cuộc phỏng vấn hiếm hoi: “Bản thân Đông Đức đã đủ gò bó rồi. Nên ở nhà chúng tôi dành không gian cho con trẻ.” Ngay cả trong những năm 1970, bản thân Kasner cũng tận dụng sự tự do này để đến London và Rome.

Dẫu vậy, vẫn có điều gì đó như tấm màn che phủ lên quá khứ của Merkel - bởi vì nhiều người Tây Đức cảm thấy khó mà hình dung cuộc sống thời trẻ của bà tại Đông Đức lại thi vị và yên bình đến thế. Ngay cả cái tên Waldhof - “Cung điện trong rừng” - cũng nhuộm màu sắc cổ tích, gợi ý về những ngày xưa tươi đẹp. Cuộc sống trong khu nhà của các mục sư, cảnh điền viên được che chở và trí tuệ xuất chúng - tất cả đã tạo nên giai cấp tư sản tinh hoa Đức trong thời kỳ Biedermeier,* thời kỳ mở rộng công nghiệp nhanh chóng vào cuối thế kỷ 19 ở Đức, góp phần thúc đẩy an ninh và yên bình.

Ngay cả khi thể chế chính trị đôi lúc làm náo động sự yên bình của khu nhà mục sư, Angela Kasner cũng không hay biết. Bà tận hưởng niềm lạc thú của việc không phải khai báo thân thân với chính quyền. “Tôi chưa bao giờ cảm thấy Đông Đức là quê nhà tự nhiên của mình,” bà nói với Herlinde Koelbl, “song tôi luôn tận dụng những cơ hội mà nó đem lại.” Bà từng là ủng hộ viên nhiệt thành của câu lạc bộ bóng đá Lokomotive Leipzig, nhưng đến tận hôm nay bà vẫn cảm thấy tức giận về bàn thắng quyết định do Sparwasser ghi trong trận Tây Đức thua Đông Đức tại kỳ World Cup năm 1974 - hay ít nhất bà đã nói thế. Chiếc áo thi đấu của Sparwasser giờ đây được treo trong Bảo tàng Lịch sử Đức tại Bonn.

Trong số những khía cạnh ngoại lai của Templin là đơn vị đồn trú của quân đội Xô viết tại Vogelsang, ngay bên ngoài thị trấn. Sau Wünsdorf, Vogelsang là căn cứ quân sự Xô viết lớn nhất bên ngoài Liên bang Xô viết. Sư đoàn thiết giáp 25 và nhiều đơn vị khác đều đóng quân tại Vogelsang. Thành viên đồn trú thường đi vào Templin, và Angela Kasner nhận cơ hội này để luyện tập vốn hiểu biết về tiếng Nga của bà với các binh lính. Có lẽ bà thừa hưởng năng khiếu ngôn ngữ từ người mẹ Herlind, từng là giáo viên tiếng Anh và tiếng Latinh, song không được phép hành nghề tại Đông Đức vì đã kết hôn với một mục sư Tin lành. Tuy nhiên, sau khi Bức tường Berlin sụp đổ, bà quay lại nghề giáo và làm việc tại Trung tâm Truyền giáo Berlin (Berlin Mission House) cho công nhân xây dựng nhà thờ. Con gái bà thì không muốn trở thành giáo viên do không muốn biến thành công cụ tuyên truyền cho chế độ.

Ở trường học, Angela không có đối thủ trong các môn tiếng Nga và toán, và ngay ở tuổi thiếu niên, bà đã đủ trình độ tranh tài trong cuộc thi tiếng Nga quốc gia, vốn dành cho học sinh trường Trung cấp Bách khoa, hơn bà hai tuổi. Dù nhỏ tuổi, bà được chọn làm học sinh giỏi tiếng Nga thứ

ba toàn Đông Đức, giành được một chuyến đi đến Moscow, và cũng là nơi - thật mỉa mai biết bao - bà mua đĩa nhạc Beatles đầu tiên và được phỏng vấn về quan điểm đối với sự thống nhất nước Đức, như bà “thú nhận” sau này. Đây cũng là điều bà không lường đến. Hai năm sau, khi đang học cấp ba, bà thắng cuộc thi tiếng Nga. Lúc này mọi việc đã rõ ràng bà sẽ tiếp tục theo học tại một trường chuyên và tham dự “Abitur”, cấp học của Đức tương đương với A Level.

Angela Kasner là một học sinh xuất sắc và giành điểm số cao nhất một cách tự nhiên ở Abitur. Sau này, phóng viên Evelyn Roll tìm thấy một bình luận mạnh mẽ về thái độ của Merkel đối với ngôn ngữ và văn học Nga trong một hồ sơ Stasi* viết về bà: “Mặc dù Angela có xu hướng nhìn nhận vai trò của Liên bang Xô viết là một chế độ chuyên chế mà mọi quốc gia xã hội chủ nghĩa khác là chư hầu, cô ấy rất say mê tiếng Nga và văn hóa của Liên bang Xô viết.” Về cơ bản, điều tương tự cũng có thể được dùng để nói về bà ngày hôm nay.

Angela Kasner từng có đam mê lớn với du lịch và gặp gỡ bạn bè mới. Khi còn nhỏ, bà dành một phần trong kỳ nghỉ ở trường để sống cùng bà ngoại ở Berlin. “Đó là những thời khắc tuyệt vời, là niềm hạnh phúc tuyệt đối của tuổi thơ. Tôi được phép xem truyền hình đến tận mười giờ tối, và mỗi ngày tôi chạy ra khỏi nhà lúc chín giờ sáng để ghé thăm, một cách có hệ thống, mọi bảo tàng, từng cái một.” Sau này Merkel cho biết gia đình bà ít khi theo dõi truyền hình Đông Đức, “ngoại trừ các chương trình thể thao.” Ở Berlin, Angela cũng có hành trình khám phá của bà và có vẻ đặc biệt thích thú với người ngoại quốc cùng cuộc sống của họ. “Tôi đã gặp gỡ người Bulgaria, người Mỹ và người Anh - ở tuổi mười lăm tôi đã đi dùng bữa cùng vài người Mỹ và kể họ nghe mọi điều tôi biết về Đông Đức.” Song bà cũng đủ thành thật để thừa nhận mình “sẽ không quá cả tin như thế

ngày hôm nay.” Thật không may là chưa ai lần ra dấu vết của những người đã cùng bà có cuộc trò chuyện đó. Có lẽ cô gái sau này sẽ trở thành thủ tướng Đức đã để lại một ấn tượng không nhỏ.

Đến khi vào cấp ba, nhà Kasner - em trai Marcus của Angela sinh sau bà ba năm, và cô em gái Irene nhỏ hơn bà mười tuổi - luôn đi nghỉ cùng nhau. Merkel đặc biệt nhớ về hai chuyến đi. Ngay trước ngày 13 tháng 8, thời điểm bắt đầu xây dựng bức tường Berlin, gia đình bà đang trên đường từ vùng Bavaria quay về. Bà ngoại của Angela từ Hamburg cũng ở cùng họ trong chiếc VW Beetle - đó là kỳ nghỉ cuối cùng của bà cùng con gái, con rể và bảy cháu. Trong lúc họ đang lái xe về nhà vào ngày thứ sáu, Horst Kasner nhìn thấy một lượng lớn dây kẽm gai được trữ trong những cánh rừng, và nhận thấy một lượng lớn bất thường những binh sĩ xung quanh đó. Lòng ông tràn ngập cảm giác bất an. Vào chủ nhật, biên giới bị đóng và việc xây dựng bức tường được bắt đầu. Angela Merkel có ký ức sống động về ngày 13 tháng 8 năm đó. Mẹ bà khóc cả ngày, những lời cầu nguyện vang khắp nhà thờ, và cô bé Angela bị chìm ngập trong cảm giác bất lực - cô muốn giúp, nhưng chẳng thể làm được gì.

Mặc dù nhà Kasner giờ đây cùng chung số phận của nhiều người dân Đức, và họ hàng bị chia cắt giữa hai nước - lần đầu tiên Angela đến Tây Đức là vào năm 1986 - nhưng tinh thần của một nước Đức thống nhất vẫn duy trì sức sống bên trong đại gia đình này. Bố mẹ của Angela đã không thể chấp nhận sự chia tách Tổ quốc của họ, và là một đứa trẻ, bà không muốn dính dáng đến nhà nước mới. Bà theo dõi các chính trị gia Tây Đức với niềm đam mê mãnh liệt, và bà nhớ lại những lần lắng nghe cuộc bầu cử Gustav Heinemann làm tổng thống Cộng hòa Liên bang Đức (Tây Đức) trên chiếc máy thu thanh bán dẫn trong phòng vệ sinh ở trường. Bà nhớ

nằm lòng tên từng thành viên nội các chính phủ Tây Đức, còn ở nhà tại Waldhof, gia đình bà luôn xem tin tức trên truyền hình Tây Đức.

Nhưng lối sống này đi kèm một cái giá: im lặng và thận trọng luôn là điều kiện tiên quyết để sống sót trong một đất nước đầy rẫy mật vụ. Những mối nguy được thảo luận công khai trong khu nhà mục sư, và mặc dù vai trò chính trị của Horst Kasner trong hệ thống thứ bậc nhà thờ đã được những người viết hồi ký của bà diễn giải theo những cách khác nhau rõ rệt, Angela Merkel luôn nói bà hầu như không dính líu đến thể chế đương thời. Sau khi hoàn tất ngành vật lý và được các mật vụ Stasi liên tục chiêu mộ, bà phản ứng theo cách đã tập dượt ở nhà: bà khoác lên mình vẻ ngây thơ, giả vờ là một người thẳng ruột ngựa và khẳng định bà không biết giữ bí mật. Những chiến thuật này nhanh chóng đặt dấu chấm hết cho mọi nỗ lực tuyển mộ bà. Nếu có một điều Merkel đặc biệt “nhuần nhuyễn”, đến tận ngày hôm nay, thì đó là khả năng giữ im lặng. “Vâng, học cách giữ im lặng là một lợi thế lớn lao dưới chế độ Đông Đức. Nó là một trong những chiến lược sinh tồn của chúng tôi,” bà nói nhiều năm sau.

Trong một chuyến đi khác, vào mùa hè năm 1968, vốn để lại dấu ấn lớn trong quan niệm về thế giới chính trị của Angela, nhà Kasner thăm Tiệp Khắc, trú tại Pec pod Sněžkou dưới chân ngọn núi Sněžkou trên biên giới với Ba Lan. Để lại lũ trẻ với chủ căn nhà trọ họ thuê ở rặng núi Sněžkou, cha mẹ của Angela đến Praha, nơi họ chứng kiến tận mắt không khí đổi thay và thảo luận công khai trong năm diễn ra sự kiện Mùa xuân Praha. Có lúc trong không khí đã xuất hiện mùi của tự do. Nhưng vào ngày 21 tháng 9, Hồng quân tiến vào thành phố và đập tan phong trào dân chủ. Khi ấy Angela chỉ mới mười bốn, và nhớ rõ những cuộc tranh cãi nảy lửa do bà tổ chức tại trường học ở Templin. Không có nghĩa ban quản lý trường thể hiện quan tâm đối với việc thảo luận vấn đề này, như bà nhanh chóng nhận ra

sau đó; kế hoạch cải cách của Dubcek chẳng đi đến đâu, và Angela Kasner hiểu rằng tốt nhất cần tránh bị chú ý.

Hệ quả của chuyến đi này tự hiển lộ hơn ba mươi năm sau đó, khi nước Đức thống nhất tham gia vào một cuộc tranh cãi chua cay về những sự kiện quá khứ xảy ra ở phần phía tây của đất nước, vốn bị đẩy lên bởi việc phát hành vài bức ảnh chụp Joschka Fischer. Fischer khi đó là Ngoại trưởng Đức, bị chất vấn về những hình ảnh cho thấy ông đang đội mũ sắt và tấn công một sĩ quan cảnh sát trong một cuộc bạo loạn của sinh viên ở Frankfurt. Là lãnh đạo phe đối lập, Merkel lên án hành vi của ông này và yêu cầu một lời xin lỗi cho việc ném đá vào sinh viên, như một hình thức ăn năn mà trong đó Fischer thú nhận các quan điểm lật đổ trước đây của ông. Khoảnh khắc chiến thắng của Merkel là khi bà đề xướng chính xác câu nói mà Fischer cần tuyên bố cho lời xin lỗi của mình: “Đây không phải lỗi hành xử đúng đắn, và tôi phải nhận thức và ăn năn vì điều này.”

Merkel vẫn khó chịu với bản thân vì đã sử dụng từ “ăn năn”, nhưng dù sao bà phải biết ơn những gì đã học được từ phần còn lại của câu chuyện này. Toàn nước Đức dậy sóng bởi cơn giận dữ bùng phát của bà, và các chính trị gia Đảng dân chủ xã hội Đức (SPD) và đảng Xanh, những người từng tham gia vào các cuộc bạo động năm 1968 đã từ chối bình luận về nội tình của Tây Đức. Họ không cần đến những bài học lịch sử của một phụ nữ đến từ miền Đông. Merkel đột nhiên thấy mình bị cô lập, ngay cả trong đảng của chính bà. Bà từng nghĩ rằng bất cứ người Đông Đức nào cũng cảm nhận được một cảm giác xót xa cho năm 1968, bởi vì khi đó mọi hy vọng về tự do và một xã hội mở đều bị nghiền nát. Và việc một thế hệ người dân Tây Đức lại đi tụng ca những hành động này thật đáng chất vấn.

Tuy nhiên, ở Đông Đức, tầng lớp nhân dân mong ngóng tự do lại không xem phong trào sinh viên là điều có ích. Lãnh đạo của phe đối lập đã không

thể hiểu được tại sao ở Tây Đức người ta lại xem việc ôm ấp chủ nghĩa xã hội và công kích dân chủ - dù chỉ như một cách công khai tách biệt người dân với nhà nước và những cơ chế hậu chiến độc tài - là điều tốt. Merkel trân trọng giá trị của chế độ Tây Đức bởi hiến pháp ăn sâu bám rễ vào tự do của nó.

Tuy nhiên, Merkel không đủ khả năng để áp đặt các quan điểm của bà, và đã phải chịu đựng một lượng đáng kể những chỉ trích hằn học từ chính phủ liên minh của đảng Đỏ và đảng Xanh. Với bà, năm 1968 đại diện cho cú tách khỏi hệ thống mù mịt thời hậu chiến, thậm chí ngang ngửa với quá khứ Quốc xã của thế hệ cha mẹ bà. Những người dân Tây Đức từng tham gia vào các cuộc bạo loạn năm 1968 thì từ chối chấp nhận việc một ai đó có thể sử dụng và kết nối thời điểm lịch sử mang tính biểu tượng của họ với một sự kiện lịch sử hoàn toàn khác: Mùa xuân Praha. Từ trong tâm khảm, họ cũng cảm nhận được mùi vị của tự do, nhưng mùi vị này gắn liền với tự do của chính hệ tư tưởng mà người dân ở phương Tây đang thể hiện.

Merkel hiếm khi bị lạc lõng với dòng chảy của lịch sử, vốn là lý do tại sao bà bị buộc tội đã chấp nhận cách kể lại lịch sử của phương Tây nhằm đẩy sự nghiệp chính trị của bà đi xa hơn, và nhằm hòa nhập bản thân bà vào trong hệ thống tốt hơn. Người ta cũng nhận xét rằng bà đã làm ngơ quá khứ ở Đông Đức. Theo một nghĩa nào đó, lời cáo buộc này cũng đúng, nhưng trong phần lớn trường hợp - như câu chuyện về những người biểu tình năm 1968 đã cho thấy - thì sai hoàn toàn. Sau này, bà thừa nhận một cách phiến não: “Tôi từng tin rằng phong trào năm 1968 là một thảm họa toàn diện cho nước Đức. Nhưng rồi đến lúc tôi phát hiện, trong kinh ngạc, có nhiều người trong Liên minh Dân chủ Thiên chúa Giáo (CDU) phản đối những người tham gia phong trào trong đảng Cộng sản, và bây giờ họ cho rằng cần phải có đài tưởng niệm dành cho Rudi Dutschke [một lãnh đạo của phong trào

sinh viên]. Điều này khiến tôi mất cân bằng, nhưng ngày hôm nay tôi có thể hiểu thái độ của họ.”

Bà cũng cảm nhận điều tương tự về những phong trào xã hội lớn khác tại Tây Đức, chẳng hạn phong trào chống hạt nhân và phong trào hòa bình. Một lần nữa, Merkel phải học hỏi từ kinh nghiệm. “Một ngày nọ, tôi nghe Joschka Fischer nói về ‘nền kinh tế Plutoni chết tiệt.’ Và tôi tự hỏi: ‘Cái gì cơ?’ Chỉ khi đó tôi mới nhận ra rằng đối với nhiều người, có một mối liên hệ gần gũi giữa một nhà máy điện hạt nhân với việc sản xuất vũ khí hạt nhân, và giữa NATO và sự liên kết của chúng ta với phương Tây. Giờ tôi đã hiểu những điểm nhạy cảm này rõ hơn bao giờ hết.”

Bà còn có những cuộc thảo luận căng thẳng cùng đồng nghiệp về lý do tại sao, giữa mọi mối quan hệ với châu Âu của Đức, mối quan hệ giữa Đức và Pháp lại quan trọng hơn cả. Khái niệm vùng Rhineland thân Pháp của đảng CDU của Tây Đức không có sức lôi cuốn tức thời đối với bà. Nhưng, trong tinh thần của một nước Đức thống nhất, gia đình Kasner luôn giữ con mắt dè chừng đối với nền dân chủ kiểu phương Tây. Đây là lời giải thích duy nhất cho lý do tại sao, với tư cách một phụ nữ Đông Đức, Merkel không thấy mình phải thường xuyên mâu thuẫn với lối tường thuật lịch sử của người Đông Đức.

Từ những năm học cấp ba trở đi, thiếu nữ Angela Kasner đã đi du lịch cùng bạn học, bằng xe lửa với balô trên lưng, đến Praha, Bucharest và Sofia - giải pháp du lịch Trung Âu tương đương với vé Interrail. Sau này bà cho biết Batumi ở biển Đen là khu nghỉ dưỡng ưa thích của bà, và khi ở Budapest bà đã mơ về London, tưởng tượng thủ đô nước Anh hẳn cũng giống thế. Bà được nhắc đến như một người có khao khát sống, luôn sẵn sàng thử bất cứ điều gì, hướng ngoại và tích cực. Angela Kasner được phủ đầy bằng niềm tò mò với cuộc sống bên ngoài thế giới của bà: bà luôn so

sánh và thích nghi với các môi trường khác nhau, thử thách bản thân và năng lực trí tuệ của chính mình.

Bà đương đầu với thế giới ngột ngạt ở Đông Đức bằng cách vận dụng chính những biện pháp của Đông Đức. Điều này được kiểm chứng bằng một chương trong đời Angela Merkel, khi bà chuẩn bị rời trường. Những học sinh năm cuối tại Trường chuyên Hermann Matern ở Templin đã tiến hành một cuộc họp để tổ chức ngày hội văn hóa. Sau nhiều e dè - suy cho cùng, họ đều đã học xong Abitur và có lẽ đang trong tâm trạng muốn nổi loạn - một nhóm nhỏ quyết định dàn dựng một buổi biểu diễn mang màu sắc quốc tế. Có lẽ đó là buổi diễn đắt giá, vì ban giám hiệu trường, có mục đích kiểm soát bữa tiệc, đã nhanh chóng nhận thấy ý đồ được che giấu: những học sinh năm cuối đang quỳn tiền như đã thông báo, song không phải cho một nhóm phản chiến người Việt đang chống Mỹ. Thay vào đó, họ đang gom tiền cho phong trào tự do Fremilo của Mozambique, vốn chắc chắn mang nhân dạng chủ nghĩa xã hội, song sự phản kháng của phong trào này đối với thực dân không tránh khỏi việc đưa họ vào cuộc xung đột với giai cấp chiếm đóng người Bồ Đào Nha. Thật dễ dàng nhìn thấy sự tương đồng với quân đội Xô viết trên đất Đông Đức. Rồi các học sinh diễn xướng bài thơ *Mopsleben (Cuộc đời của một chú chó Pug)** của thi sĩ tai tiếng Christian Morgenstern, cảnh tình chúng ta:

Bước đi cho cẩn thận, nhân loại hỡi, khi người định đứng lên,

Hoặc người sẽ kết thúc như một chú chó Pug, treo xác trên tường.

Họ kết thúc buổi biểu diễn bằng màn đồng ca bài *Quốc tế ca* bằng tiếng Anh, ngôn ngữ của “thế lực thù địch”.

Nhưng tất cả những điều này đã quá rõ ràng: buổi biểu diễn vượt xa những giới hạn được chấp nhận, tạo ra khó khăn cho ban giám hiệu nhà trường và bản thân các học sinh, những người đã mạo hiểm từ bỏ suất vào

đại học thông qua một hành vi phản loạn như thế. Horst Kasner can thiệp thay cô con gái, vận động các kênh của nhà thờ nhằm tiếp cận với cấp lãnh đạo cao nhất - thế nên Angela mới có thể bắt đầu học ngành vật lý tại Đại học Karl Marx ở Leipzig vào năm 1973.

Giai thoại này cho thấy ngay từ khá sớm Merkel đã phát triển một xu hướng rõ nét đối với sự châm biếm, cũng như luôn sở hữu óc hài hước lém lỉnh. Bạn bè vào thời điểm đó thường thấy bà cười mở và tích cực. Bà đã luôn duy trì niềm say mê đối với lối nói hai nghĩa và mỉa mai châm biếm. Ngay cả ngày hôm nay, không ai phủ nhận bà có óc hài hước sắc bén, mặc dù hiếm khi bà để lộ ra trước công chúng. Điều gây ngạc nhiên là việc Merkel được xem như người cực kỳ nghiêm túc, đôi khi đến mức cau có. Bà giữ kiểm soát nghiêm ngặt biểu cảm gương mặt - song mặt nạ thi thoảng cũng tuột ra và bà phải tạo một biểu lộ phản bội lại những gì bà thật sự đang nghĩ.

Trong những năm đầu làm thủ tướng, khi bà ít cảnh giác hơn, thỉnh thoảng bà giễu nhại những người đã gặp - Giáo hoàng, thủ tướng Trung Quốc, tổng thống Pháp - từ đó để lộ nhược điểm của họ. Tạp chí *Die Zeit* từng viết, “Với bà, hài kịch là thứ không được nói ra.” Bà từng được trích lời khi nói rằng bài văn trào phúng chính trị ưa thích của bà là truyện ngắn *Dr Murkes gesammeltes Schweigen* (*Sự im lặng bình tĩnh của tiến sĩ Murke*). Bằng khả năng hài hước sắc sảo bà truyền tải định luật vật lý ưa thích vào cuộc sống chính trị thường nhật: “Làm gì có độ sâu nếu không có khối lượng.” Ngay cả bây giờ, bà “định lượng” người khác dựa trên việc họ có óc hài hước hay không. Một trong những người quan sát thường xuyên vị nữ thủ tướng này từng viết, “Bà đã làm chủ nghệ thuật móc máy một cách ý nhị.” Sở thích của bà đối với những điều mỉa mai và óc hài hước được đánh giá cao hiếm khi nào rõ hơn là trong một lần phỏng vấn báo chí

bà bị hỏi đầy sức ép: “Và điều gì tác động đến bà nhiều nhất về nước Đức ngày hôm nay?” “Những cửa sổ được trám bít đẹp đẽ.”

Việc học của bà tại Leipzig, theo sau đó là Học viện khoa học tại Berlin, sớm tạo ra sự xa cách giữa bà và gia đình tại Templin. Một lần nữa, Angela đạt được kết quả xuất sắc - bà thấy việc học thật dễ dàng, tận hưởng cuộc sống thủ đô, và vui vẻ tham gia và tổ chức các sự kiện với chúng bạn. Là một sinh viên giữa thành phố lớn, bà có một trải nghiệm vi diệu trong lúc làm việc tại một xưởng giặt là, ở đó bà phải ủi những chiếc áo của quân đội Nga (“Giặt là không bao giờ làm hại ai,” bà nói). Nhưng điều hấp dẫn hơn cả là những cơ hội mới để khám phá thế giới.

Bà đến Praha một lần nữa, cũng như đến Nga. Bà có vài chuyến đi đến Viện Heyrovský ở Praha để nghiên cứu, đôi khi mỗi lần đến ở lại nhiều tháng. Bà vẫn làm bạn với người thầy Rudolf Zahradnik, và ghé thăm ông mỗi khi bà có mặt tại Praha. Trong một chuyến thăm gần đây, vào tháng 4 năm 2012, bà được nhắc nhở về chuyến tàu tốc hành Vindobona huyền thoại chạy tuyến Berlin-Praha-Vienna và nổi tiếng về việc luôn trễ chuyến. Người cha tinh thần Zahradnik khuyên bà nên giữ bình tĩnh. “Con biết là chúng ta đang tham gia một thí nghiệm tên là chủ nghĩa xã hội mà,” bà nói, dẫn lời ông.

Năm 1974, bà đến Liên bang Xô Viết cùng vài người bạn sinh viên trong một chương trình trao đổi, thăm thú Leningrad và Moscow để gặp các sinh viên vật lý Nga. Trong nhóm có người sau này trở thành người chồng đầu tiên của bà, Ulrich Merkel. Hai năm sau họ chuyển đến sống cùng nhau. Như nhiều sinh viên Đông Đức đang tìm kiếm một chỗ làm và, trên tất cả, sinh kế, Angela Kasner cưới nhà vật lý Ulrich Merkel vào cuối thời gian học đại học. Điều này cho phép họ được phân một căn hộ dùng chung, và nhà nước thì không đòi hỏi nào chia tách một cặp đôi đang tìm việc.

Đám cưới diễn ra trong nhà nguyện Thánh George ở Templin. Angela lấy họ chồng, vốn giờ trở thành cái tên thân quen trong chính trường thế giới. Đó là năm 1977, bà hai mươi ba tuổi. Bốn năm sau, đám cưới tan vỡ: hai vợ chồng ly thân. Gần như chỉ sau một đêm, Angela Merkel chuyển khỏi căn hộ của hai người ở Berlin, để lại sau lưng một Ulrich Merkel trong cơn sốc. Họ ly dị năm 1982.

Sau khi ly hôn, Merkel bắt đầu chuyển hành trình có thể xem như mạo hiểm nhất của bà tính đến thời điểm hiện tại - cùng vài người bạn, bà bắt xe quá giang qua miền nam nước Nga đến Armenia, Gruzia và Azerbaijan; Ở Tbilisi bà ngủ đêm trong phòng trọ nhà ga xe lửa. Họ tránh mọi sự chạm trán với cảnh sát bằng cách cho biết đang quá cảnh đến Romania hoặc Bulgaria. Merkel biết cách dùng miệng đỡ tay chân thoát khỏi mọi tình huống khó khăn. Khả năng tiếng Nga của bà giúp ích rất nhiều, song bà cũng tìm cách luyện tiếng Anh trong thời gian này bằng cách đọc tài liệu kỹ thuật hoặc tờ *Morning Star*. Tờ báo của đảng cộng sản Anh này có thể được tìm thấy ở mọi quầy báo tại Đông Berlin một lần mỗi tuần, và ai chịu dậy sớm có thể tìm được một bản.

Trong nhóm làm việc về hóa học lượng tử tại Viện hóa lý trung tâm, Merkel là người phụ nữ duy nhất. Hầu hết phụ nữ làm việc tại nơi khác, thường ở ngạch hành chính. Bà không có cơ hội đến phương Tây - chỉ có hai mươi bốn nhà khoa học của viện được cấp phép thông hành để rời Đông Đức. Con số này tăng lên vào năm 1988-1989, và thêm nhiều nhà khoa học gia nhập nhóm. Một trong số họ, tiến sĩ Joachim Sauer, được cho phép rời Đông Đức vào thời điểm đó. Tên ông xuất hiện lần đầu tiên trên danh nghĩa liên quan đến Merkel là trong văn bản công nhận luận án tiến sĩ của bà vào năm 1984. Bà kết hôn với ông mười lăm năm sau đó.

Angela Merkel hoàn thành tâm nguyện du lịch của bà bằng những cách khác: với sự trợ giúp của Cục du lịch thuộc tổ chức Thanh niên Đức tự do (FDJ) là Youth Tourist, bà lấy được một hộ chiếu đến Ba Lan, nơi đây bà tìm được những tài liệu tuyên truyền của phong trào Công đoàn Đoàn kết - một hoạt động nguy hiểm, vì thiết quân luật đã được ban bố khắp Ba Lan kể từ năm 1981 và biên giới đã bị đóng. Những đồng nghiệp cũ tại viện sau này đã nói về niềm yêu thích sâu sắc của bà đối với những thảo luận chính trị. Mặc dù Stasi có tai mắt khắp nơi, các nhà khoa học rõ ràng ý thức được vị thế đặc biệt của họ và cảm nhận họ có thể cho phép mình chịu vài rủi ro nhỏ.

Merkel thường miêu tả mối quan hệ với các đồng nghiệp là thân tình và gần gũi. Việc dành thời gian rảnh cùng nhau không phải điều gì bất thường đối với họ - Đông Đức dành kỳ vọng lớn lao vào những liên kết thân thiết trong môi trường làm việc. Các chương trình trao đổi sinh viên tại viện đã mang Merkel quay lại Liên bang Xô viết. Một cách chính thức, những chuyến du hành xa xôi cách trở chỉ có thể được thực hiện cùng đội nhóm và với mục đích chuyên môn, còn mọi chuyện khác chỉ là giấc mộng viễn vông và mơ tưởng kỳ vọng. Mười năm sau, phóng viên Hugo Müller-Vogg hỏi làm thế nào bà thích nghi được với việc không thể đi đến phương Tây. “Giờ đây tôi có tự hỏi làm sao tôi đã có thể làm thế được,” bà đáp, “đặc biệt khi đang ở ngay tại Berlin.”

Ngay khi còn là một cô bé, Merkel đã phát triển một chiến thuật đối phó với những cấm đoán: bà so sánh chúng. Bất cứ ai từng gặp bà thời thiếu nữ đều nói về xu hướng thích so sánh của bà. Bà dùng đi dùng lại một phương thức, ví dụ khi bà trình bày những bảng biểu nổi tiếng của mình trong cuộc khủng hoảng đồng euro và cho các đồng nghiệp của bà trong Hội đồng châu Âu các đường cong so sánh để minh họa tiến trình đang xảy ra của cơn

khủng hoảng. Merkel so sánh các chế độ, các thủ tục chính trị và các giải pháp. Bộ não giống máy vi tính của bà luôn luôn so sánh các mô hình khác nhau, thử thách năng lực trí tuệ và đưa ra những phán quyết. “Mỗi khi tôi tiếp xúc với người phương Tây,” bà nói với Müller-Vogg, “tôi luôn cố gắng tìm hiểu xem liệu mình có thể bì kịp với họ về năng lực tư duy hay không. Và làm vậy khiến tôi dễ dàng chấp nhận việc mình không có khả năng đi đến vùng Địa Trung Hải hơn.” Ở đây chúng ta lại nhìn thấy bà trên cương vị một nhà phân tích đang đương đầu một cách có hệ thống với điều đã có thể là một chứng phức cảm tự ti. Bà có tìm được cách vượt qua khát khao đi lại, vốn rõ ràng che giấu mơ ước tự do không? Câu trả lời nằm ở một chuyến đi đáng chú ý bà thực hiện trong những năm tháng cuối cùng của Đông Đức.

Bà được cấp phép cho chuyến đi lạ thường này vào năm 1986, nhân dịp hôn lễ của một người chị em họ tại Hamburg. Merkel chưa từng đến Tây Đức kể từ khi người ta xây Bức tường Berlin. Dẫu vậy, bà sống với niềm tin kiên định rằng vào năm sáu mươi tuổi, bà sẽ thực hiện được ước mơ của mình là bay đến nước Mỹ. Sáu mươi là mốc tuổi được hưởng lương hưu, và là lúc Đông Đức cho phép phụ nữ được đi đến bất cứ đâu trên thế giới. Gia đình bà ở Templin đã có những cuộc thảo luận: liệu Angela có nên xin giấy phép di cư chính thức? Càng nhiều tuổi bao nhiêu, việc này càng nhiều áp lực bấy nhiêu, song bố mẹ bà không thích ý tưởng này. Người bạn Joachim Sauer, hiện là chồng bà, lại có quan điểm khác. Những người quen biết đôi vợ chồng miêu tả ông như nguồn động lực chính cho niềm tin nội tại của bà. Dù có lúc mất bình tĩnh, ông vẫn có một phong thái điềm tĩnh. Bà luôn lắng nghe ý kiến của ông, và khi bà bày tỏ nguyện vọng muốn đến Tây Đức, lời khuyên của ông là: nếu em không thể chịu được cuộc sống ở đây thêm một giây phút nào nữa, hãy làm bất cứ điều gì em muốn.

Sau cùng, Merkel cũng không xin giấy phép di cư. Có lần bà đã nói điều duy nhất khiến bà chịu đựng được Đông Đức là việc bà có thể xin giấy phép bất cứ khi nào bà muốn. Điều đầu tiên bà làm bây giờ là nhảy lên chuyến tàu đến thành phố quê nhà Hamburg. Không có nhiều chi tiết về đám cưới của người chị em họ, song sau đó bà đến Karlsruhe để thăm một giáo sư trong ngành học của bà, rồi gặp một đồng nghiệp tại Konstanz, trên đường biên giới với Thụy Sĩ. Bà chưa từng kể nhiều về chuyến đi này, ngoài vài mẫu chuyện về sự sạch sẽ của các đoàn tàu nội thành ở Tây Đức. Song có một bình luận mà Merkel thích nhắc lại: “Chính tại đám cưới đó, tôi hiểu rằng chế độ xã hội chủ nghĩa tại Đông Đức sẽ không kéo dài.” Chuyến đi từ Hamburg đến Karlsruhe cũng mang đến những lý do thích hợp cho kết luận này - một tuyến đường sắt gần Kassel có tầm nhìn tuyệt vời trông ra những tháp canh đường biên giới và của khu vực được biết dưới cái tên Dải Tử thần, nơi luôn túc trực những lính canh vũ trang, mặc dù lần này là ở phía Tây.

Sau đó chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Đức kéo dài thêm được ba năm nữa, rồi Angela Merkel bị “bắn” khỏi cuộc sống nhàn rỗi tại viện để đến một quỹ đạo khác. Suốt ba mươi lăm năm, bà đã sống tại Đông Đức như thể sống trong một cái kén: bà đã thích nghi và có thể sống và làm việc ở đó với tối đa tự do tri thức có thể. Khu nhà như một ốc đảo nằm giữa chế độ, còn vùng Uckermark và phong cảnh biệt lập của nó tạo thành một phong nền bình yên. Khi còn nhỏ, một Angela Merkel thông minh cao độ đã nhận được tất cả sự động viên và còn học được cách tự thúc đẩy bản thân. Bản tính hăng hái và dễ gần đã giúp bà vượt qua những điều kiện khó khăn trong lúc gia đình giúp tăng lòng tự tin nơi bà. Và còn có cả những bưu kiện quần jean từ Tây Đức - những món quà được gửi thường xuyên bởi người nhà bên đó.

Angela Merkel không phải là chiến binh tranh đấu vì tự do và không phù hợp để làm cách mạng, dù bà luôn giữ liên lạc với giới Nhà thờ ở Berlin. Bà thiếu sự can đảm để làm loạn, nhưng bà cũng chưa được chuẩn bị để cứ thế chấp nhận chế độ. Bà không muốn phơi bày bản thân. Cũng như em trai mình, đây là lý do bà chọn học ngành vật lý: môn này cung cấp nhiều tự do và cơ hội nhất cho việc phát triển bản thân. Bà nằm trong nhóm những sinh viên giỏi nhất cùng lứa tuổi, nhưng từ chối vào Đảng Cộng sản - dù ở chiều ngược lại, với tư cách con gái một vị mục sư kiêm nhà khoa học trẻ đầy triển vọng, đáng cho bà không gian để bà tự do làm mọi điều mình muốn. Trong những khuôn khổ gắt gao, bà đã được phép nhìn ngắm thế giới bên ngoài. Giờ đến lúc thế giới mở ra trước bà. Và những chuyến du hành khai phá qua những vùng đất của những đảng phái chính trị trong những ngày cuối cùng của Đông Đức vào cuối mùa thu năm 1989 đến vừa kịp lúc.

Khi Bức tường Berlin bị phá vỡ vào ngày 9 tháng 11 cùng năm, Angela Merkel đang trong phòng tắm hơi cùng một người bạn, việc đó khiến bà chịu nhiều sự nhạo báng về sau này. Tuy thế tính cách bà vẫn trở nên không thể nào tiêu biểu hơn: luôn dự trù trước các kế hoạch, kiểm tra địa hình vùng đất, không vội vã. Sau chuyến tắm hơi, bà đến đường giao biên giới Bornholmer Straße ở phía Tây Berlin, và có lúc bà thấy mình ở trong một căn hộ thuộc về những người hoàn toàn xa lạ, nơi có đồ uống và điện thoại. Sau đó bà về nhà. Ngày tiếp theo bà cùng em gái Irene tiếp tục khởi hành, lần này đến Kurfürstendamm, con phố mua sắm tại Đông Đức luôn được xem như đại diện cho sự xa hoa của phía Tây. Nhưng rồi xuất hiện các vấn đề chính trị.

Merkel đã có thể gia nhập đảng SPD, đảng Dân chủ xã hội của Đức, hay Bündnis 90, một trong ba tổ chức phi-cộng sản sau này sáp nhập cùng đảng Xanh Tây Đức. Tuy quan tâm đến tất cả đảng phái chính trị, song bản năng

của bà rất vững. Bà đánh giá cao tình đồng chí bên trong SPD, song chủ nghĩa quân bình trong đảng này là quá nhiều đối với bà. Bündnis 90 thì không thuyết phục được lòng tin cơ bản trong bà, đặc biệt trong những vấn đề năng lượng hạt nhân, chủ nghĩa hòa bình và quốc phòng. Trong những tuần đầu tiên đầy sóng gió đó, nhiều điều đã tình cờ xảy ra, và bà cũng tình cờ gặp gỡ mục sư Rainer Eppelmann, người bà quen biết thông qua nhà thờ. Rồi điều này đưa đẩy bà đến với đảng DA (Democratic Awakening / Giác ngộ dân chủ). Bà thích tên gọi và phát hiện trong đảng này còn quá nhiều điều chưa hoàn thiện, chờ được định hình. Trong những tuần đó đảng Giác ngộ dân chủ cần hơn hết thấy một điều: những con người với nguyên tắc vững chắc, cái nhìn tổng quan về sự việc đang diễn ra và những người đủ khả năng tổ chức. Angela Merkel là người giỏi tổ chức, nên bà tạm nghỉ công việc ở viện, và vào tháng 2 năm 1990 bà được bổ nhiệm vào tầng ba của khu văn phòng mới của Tòa nhà Dân chủ (House of Democracy), ở góc đường Friedrichstraße và Französische Straße.

Bất cứ ai từng sống ở Đông Berlin và chịu ảnh hưởng của nền chính trị nơi đây vào thời điểm đó đều nhớ một phụ nữ trẻ làm công việc đánh máy các thông cáo báo chí và viết các ghi chú ngay phía sau những cánh cửa. Một cách thật tình cờ, Merkel trở thành phát ngôn viên báo chí cho đảng DA khi một ngày nọ chủ tịch Wolfgang Schnur không thể gặp ký giả phương Tây, nên ông bèn cử bà đi. Khi ấy, Đông Đức đang sụp đổ, cuộc bầu cử tự do đầu tiên vào quốc hội Đông Đức (Peoples Chamber) sắp được tổ chức trong tháng 3, còn hoạt động chính trị ở Đức đang sôi sục. Vào tháng 2, ban Đông Đức của đảng Liên minh dân chủ Thiên Chúa giáo (Christian Democratic Union, CDU), đảng DA và đảng Liên minh xã hội Đức (German Social Union, GSU) hợp nhất thành đảng Liên minh vì nước Đức (Alliance for Germany). Khi chặng cuối của cuộc bầu cử vào quốc hội

ngiên về đảng CDU và chủ tịch Lothar de Maiziere, quá rõ để thấy rằng đảng DA, một đảng trung hữu nhỏ, hoặc phải tự gắn mình vào “bầu sữa” của đảng CDU (Tây Đức), hoặc chịu cảnh chìm ngìm dưới những cơn sóng trào của giai đoạn bão tố này.

Angela Merkel không thích ý tưởng về việc bị nhấn chìm. Bà đang làm chính trị bằng tất cả sức mạnh của mình, và có ba mục tiêu. Bà muốn đất nước được thống nhất càng sớm càng tốt, bà muốn có một nền kinh tế thị trường, và bà muốn ngồi trong Bundestag, quốc hội Tây Đức và sau này là quốc hội của nước Đức thống nhất.

Rồi một ngày nọ, điện thoại của bà reo lên, và Hans-Christian Maaß hỏi bà có muốn làm người phát ngôn cho Lothar de Maizière không. Maaß là một trong những nhà tư vấn Tây Đức có mặt khắp nơi ở Đông Berlin vào thời điểm đó. Họ được những đảng chị em ở Tây Đức gửi đến với nhiệm vụ hướng dẫn cho các chính trị gia Đông Đức và - nhìn từ góc độ của CDU, đảng thống trị Tây Đức khi đó - đưa ra (theo cách suôn sẻ nhất có thể) những quyết định vốn sẽ được hoan nghênh tại Bonn, thủ đô của Tây Đức. Sự thống nhất sẽ diễn ra. Ở Tây Đức giờ đây người ta công nhận rằng việc tính toán đúng thời điểm là rất quan trọng. Tình hình đang trở nên dễ lung lay: có lẽ sẽ có phản kháng dân sự hoặc bạo động từ tầng lán thấp nhất của nước Đức. Các đối tác trong đảng Liên minh vì nước Đức hoặc ủng hộ viên có lẽ sẽ tìm cách gây khó khăn cho tiến trình thống nhất. Nên rất cần có một chính phủ thật sớm, và CDU phải hành động.

Trong vai trò mới của mình, Merkel làm phó cho Matthias Gehler, phát ngôn viên cho chính quyền của de Maizière. Nên tuy không phải người trong cuộc, song bà đã chứng kiến nhiều quyết định lịch sử được thực hiện gần như hằng ngày trong suốt sáu tháng cuối cùng của Đông Đức. Công việc đưa bà tiếp xúc thường xuyên với cánh phóng viên, song bà luôn giữ

con mắt thận trọng đối với vị trí của bà trong đảng Giác ngộ dân chủ. Bà không hoang tưởng về tương lai của đảng này: sẽ sáp nhập cùng đảng CDU. Mỗi buổi sáng, người phát ngôn hoặc vị phó của ông sẽ tóm tắt cho thủ tướng và các cố vấn thân cận nhất của ông về những gì có trên báo chí. Không lâu sau, de Maizière nói rõ rằng ông cực kỳ hài lòng với cung cách tỉ mỉ của Merkel trong việc thể hiện bản thân bà trước cái gọi là “kitchen cabinet”,* năng khiếu nắm bắt vấn đề nhanh chóng, sự hiệu quả và năng lực diễn giải tình huống chính trị của bà.

Dù Merkel không đưa ra các quyết định chính trị, bà vẫn tham gia vào những cuộc tranh luận về chính sách của đảng diễn ra trong chính quyền cuối cùng của Đông Đức. Bà được phép tiếp cận thủ tướng, đặc biệt trong những chuyến công du nước ngoài. De Maizière đi rất nhiều - đến mức gần như làm Thủ tướng Đức Helmut Kohl khó chịu. Việc ghé thăm nước ngoài thu hút sự chú ý và góp phần giáng đòn mạnh vào sự nghiệp chính trị của vị thủ tướng Đông Đức. Do có những bất hòa, cả ở Tây Đức, về điều kiện của việc thống nhất nước Đức, nhiều cơ hội không lường được đã phát sinh, và de Maizière đã nỗ lực lợi dụng chúng một cách tối đa. Không chỉ có thế, những nhà chính trị mới ở Đông Berlin khi đó đang tận hưởng vai trò và tầm quan trọng mới mà họ vừa phát hiện mình có, đặc biệt ở nước ngoài. Kohl đặc biệt không vui về việc de Maizière thăm Tổng thống Pháp François Mitterrand: ông sợ rằng mối quan hệ không cần thiết này giữa Đức và Pháp sẽ sinh ra những rắc rối không cần thiết và làm suy yếu quyền hành của ông.

Như nước Anh, Pháp cũng nhìn gã khổng lồ đang trỗi dậy ở Trung Âu bằng con mắt nghi ngờ. Vị tổng thống Pháp đã ghé thăm Đông Berlin vào tháng 12 năm đó, nhằm nịnh bợ chính quyền cuối cùng của đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức dưới triều đại của Egon Krenz - một động thái bị

đánh giá là ô nhục, không chỉ bởi giới chính trị gia Tây Đức. Dù Mitterrand có ra sức thanh minh rằng chuyến thăm là kết quả của lời mời từ vị tiền nhiệm của Krenz là Erich Honecker, đây vẫn là một lý do không xác đáng.

Merkel không ưa Mitterrand vì chuyến thăm Đông Đức sớm này, nhưng dù sao - như mọi vị khách đến Điện Élysée - bà vẫn ấn tượng bởi bầu không khí nơi đây và lối nói chuyện khẽ khàng, uy quyền của ngài tổng thống. Mitterrand và Thủ tướng Anh, Margaret Thatcher, đang định hạn chế bớt quyền lực của Đức. Trong khi đó, Kohl thì muốn nước Đức mới được cắm neo vững chắc vào các đồng minh phương Tây, trong Liên minh châu Âu và NATO. Merkel ủng hộ ông quyết liệt trong việc này - không có nghĩa là ông không nhận thấy hay không ý thức là việc này quan trọng. Tuy nhiên, như de Maizière nhớ lại sau này, Merkel không giấu diếm niềm tin của bà nơi ông.

Chính phủ Đông Đức cuối cùng không thật sự là một chính phủ chuyên nghiệp. Những người làm việc trong chính phủ này có rất ít kinh nghiệm hoặc có rất ít cơ hội để tham gia chính trị. Người dân muốn có một đồng tiền chung cho cả hai miền nước Đức, và họ muốn thống nhất. Tuy thế, trong nội các của de Maizière - một liên minh rộng lớn bao gồm một sự pha tạp phong phú của những nhà lãnh đạo phong trào dân quyền, thành viên chế độ cũ, các chính trị gia mới và những người liên quan đến Nhà thờ - phát sinh một quyết tâm bất ngờ đối với việc xây dựng chế độ mới. Đối tác của họ trong liên minh, đảng SPD, vốn đang thảo luận những chiến lược đối ngoại dự phòng cho bản kế hoạch thống nhất nước Đức đang được soạn thảo tại Bonn khi đó. Sự cân nhắc chủ yếu xoay quanh việc liệu nước Đức mới có nên là một thành viên của NATO, hay liệu sự kết thúc của Hiệp ước Warsaw có nên đồng nghĩa với sự cần thiết của một chính sách an ninh mới tại châu Âu.

Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE) có hình ảnh tích cực tại Đông Đức hơn là NATO - nên tại sao không xây dựng một hình thức liên minh mới trên tổ chức này? Những câu hỏi về vấn đề liên minh như vậy đóng một vai trò then chốt trong một quyết định chủ yếu khác: nền tảng pháp lý cho quá trình thống nhất nên là gì? Nếu khi ấy Đông Đức không chịu chấp nhận bản hiến pháp và hàng loạt hiệp ước của Tây Đức, vị trí của nước Đức trong nền luật pháp quốc tế đã có thể bị đánh giá lại - mọi hiệp ước quốc tế đã có thể bị tái thương lượng, với tất cả hệ quả khó lường mà một tiến trình phức tạp và tốn kém như thế sẽ kèm theo.

Merkel đã chứng minh bà rất rắn trong tất cả cuộc thương thảo này. Trước đó bà đã có quyết định của mình, như de Maizière sau này đã công nhận. Vị phát ngôn viên nữ ấy còn có cơ hội đóng góp trực tiếp cho các cuộc thảo luận trong những công du cùng thủ tướng đến Nghị viện châu Âu ở Strasbourg, đến Paris và London, và cuối cùng là Moscow tại cuộc gặp các ngoại trưởng trong cái được gọi là nhóm Hai-cộng-Bốn, trong đó bốn cường quốc thắng trận trong Thế chiến II và hai miền nước Đức nhóm họp để thảo luận về những hệ quả của việc thống nhất đối với chính sách đối ngoại, câu hỏi về chủ quyền và bầu cử trong liên minh, việc đồn trú các binh đoàn và những đường biên giới quốc gia. Đây là nơi bà có được trải nghiệm đầu tiên về những diễn đàn quốc tế, hết phái đoàn này đến phái đoàn khác, nghi thức và các câu hỏi gây lúng túng được đưa ra mỗi lần các quốc gia chủ quyền làm việc với nhau. Ở đây, những tràng phát biểu liên thoảng là không phù hợp, vì ngoại giao đòi hỏi sự khéo léo và nhạy cảm.

Sau khi đảng SPD rời khỏi liên minh vào tháng 8, de Maizière giữ vai trò ngoại trưởng, và vì thế đại diện cho Đông Đức tại buổi họp cuối cùng của nhóm Hai-cộng-Bốn.

Angela Merkel đến Moscow cùng đảng này vào ngày 12 tháng 9 năm 1990. De Maizière biết rõ khả năng ngôn ngữ của người đồng nghiệp nên đã cử bà ra ngoài phố phường với mục đích - và cũng là hành vi đặc trưng cho tính cách ông - tìm hiểu xem thường dân nghĩ gì. Merkel ghi nhận được vài ý kiến ở trạm tàu điện ngầm - nước Nga đang phản bội lại chính quyền lợi của nó, Gorbachev đang bán đứng Đất Mẹ - và mang về phái đoàn. Tuy nhiên, nhiệm vụ chính của bà là trông chừng nhóm phóng viên nhỏ đến từ Đông Đức. Hans-Dietrich Genscher, đến từ Bonn, mang theo đoàn tùy tùng lớn hơn nhiều. Merkel nhớ lại, với chút ngạc nhiên, làm thế nào mà một Genscher nặng ký đã bỏ bùa mê đám phóng viên bằng chất giọng trầm và ghét bỏ tất cả thỏa thuận đã chốt. Trong khi đó, bà - đã chuẩn bị xong một bữa tối ở một nhà hàng Gruzia và đã có sẵn nhiều chi tiết và chuyện vặt về cuộc đàm phán hơn - lại bị cánh truyền thông đánh giá là kém quan trọng hơn - trên thực tế, bà không được để mắt đến. Đó là một bài học về việc không biết tự lượng sức trong thế giới chính trị.

Điều cánh phóng viên nhớ được là việc Merkel khi đó mặc một chiếc áo khoác cùng đôi giày mới. Sau này, de Maizière cho biết bà đã được phái đi sắm quần áo mới trước chuyến đi. Chủ đề này đã ám ảnh Merkel trong một khoảng thời gian, về ngoài, kiểu tóc, giày dép và những bộ trang phục luộm thuộm của bà - nữ chính trị gia trẻ đã phải nhanh chóng học hỏi thứ công chúng coi trọng bên cạnh khả năng phân tích sắc bén và kiến thức về chi tiết. Merkel đã gặp khó khăn nhất định đối với khía cạnh này trong công việc của bà, cũng bởi vì bà lao tâm khổ tứ vì điều này hơn hầu hết nữ chính trị gia khác. Bản năng hẳn đã mách bảo bà: tôi sẽ cho cô thấy quần áo và vẻ ngoài chỉ là ưu tiên hạng hai - tại sao cô không tập trung vào cái thật sự quan trọng?

Song phải mất mười năm nữa để những chỉ trích của công luận về phong cách thời trang của bà chấm dứt. Ngày hôm nay, nom bà thoải mái hơn về mặt phục sức trong công việc. Vào buổi sáng, bà dành thời gian cho trợ lý thời trang của mình, Petra Keller, để đọc báo, thông cáo báo chí và hồ sơ các loại. Tư thế chụp ảnh điển hình của bà trong bộ complê phụ nữ với hai tay chụm lại phía trước đã trở thành hình ảnh mang tính biểu tượng. Nhiều tràng cười và vỗ tay đã vang lên khi Merkel - trong chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ năm 2011 - Merkel tặng khung ảnh trang nhất của tờ *Frankfurter Allgemeine* cho một người phụ nữ nổi tiếng khác cũng hay mặc complê. Bức ảnh không thấy mặt mà chỉ chụp phần bụng và hông của hai phụ nữ trong bộ đồ complê đang nắm tay nhau. Hillary Clinton đã vui ra mặt.

Trong những năm tháng đầu tiên trên chính trường, Merkel rất vất vả trong vai trò người của công chúng. Ngay cả trong vai trò phát ngôn viên, bà vẫn thích để cho sếp mình là Matthias Gehler thu hút sự chú ý hơn. Về sau, khi bắt đầu nhiệm kỳ của bà tại Bonn, bà được xem như một người vừa cứng đầu lại vừa ngượng ngùng trước công chúng. Với bà việc xuất hiện tại những buổi họp bầu cử là sự tra tấn. Ngay cả ngày hôm nay, Merkel vẫn ghét nhận sự tán dương tại các hội nghị tiệc tùng. Bà đứng trên bục, ý thức rằng bà phải đứng đó liên tục trong nhiều phút, bởi vì - bao giờ cũng vậy - người ta đang đếm từng phút và luôn trông đợi bà sẽ được chào đón bằng những tràng pháo tay nhiệt liệt - song bà thà không có mặt ở đó còn hơn. Những đám đông lớn không phải phong cách của bà.

Nên không có gì ngạc nhiên khi Merkel đã phát triển những phẩm chất bà từng thể hiện khi còn nhỏ - chẳng hạn đa nghi và thận trọng. Những trải nghiệm cuộc sống của bà có xu hướng khiến bà càng ngượng ngùng hơn trước công chúng. Bà bị tổn thương khi truyền thông Tây Đức và người

chống đối ngay trong đảng của bà cáo buộc bà có quá khứ mờ ám ở Đông Đức: trong thời gian làm ở viện, bà có dính líu đến tổ chức Thanh niên tự do Đức. Theo lời kể của Merkel, vai trò của bà chỉ bao gồm việc đề xuất những sự kiện văn hóa, kiểm vé nhà hát và tổ chức các chuyến đi. Những kẻ phê phán buộc bà tội kích động và tuyên truyền nhân danh chế độ. Điều này mâu thuẫn với các nhân chứng, những người cung cấp chứng cứ vững chắc củng cố cho quan điểm của họ, và cho rằng vị thế đặc biệt của viện trong vai trò một cơ quan độc lập đã chứng minh Merkel duy trì khoảng cách lớn với chế độ.

Merkel từng đối mặt với những câu hỏi quen thuộc trong giai đoạn đầu sự nghiệp chính trị, khi bà còn làm Bộ trưởng Phụ nữ và Thanh niên. Tại một sự kiện ở Schwerin, bà từng nhắc lại một cách bông đùa về luận văn ML thời bà lấy bằng tiến sĩ. ML có nghĩa là chủ nghĩa Marx-Lenin, vốn là môn học bắt buộc ngoài những môn khác trong khoa vật lý của bà. Biến câu chuyện trở nên hài hước, bà cho biết luận án tập trung vào mối quan hệ giữa công nhân và nông dân trong một đất nước được biết đến dưới tên gọi Quốc gia của công - nông, nhưng không được chấm điểm cao vì bà quá xem trọng vai trò của nông dân. Tuy nhiên, các phóng viên diễn giải câu này hơi khác một chút và đào bới kho lưu trữ của thư viện để tìm bài luận văn của Merkel về chủ nghĩa Marx-Lenin. Song nó đã biến mất và không bao giờ được tìm thấy.

Merkel rất khó chịu khi nghĩ rằng bà sắp bị nhấn chìm bởi thứ chủ nghĩa giờ bị phê phán. Trong suốt sự kiện đó, đã có rất nhiều lời xàm xì đồn đoán. Không ai tỏ ra quan tâm đến thực tế rằng sinh viên nào cũng từng phải nộp bài luận văn ML và thậm chí ước được chấm điểm cao. Cơn la ó tương tự cũng bùng phát khi người ta đồn Merkel từng học tại Moscow. Dù điều này không đúng, lời đồn vẫn tiếp diễn. Tất cả những điều này đã làm

củng cố thêm tính đa nghi và thận trọng của Merkel. Bà từ chối đáp trả, và buộc tội những kẻ chỉ trích là “bới phân” và nghiện tin giết gần. Và cần phải nhắc đến việc những người này chưa từng bận tâm xem xét điều kiện sống của Đông Đức thời bấy giờ.

Ngay cả bây giờ vẫn tồn tại những vấn đề trong giao tiếp. Trong cuộc tranh luận về trợ cấp nuôi con, Merkel đã chỉ ra rằng mọi phụ nữ ở Đông Đức đều phải đi làm kiếm sống, và một cơn kêu gào đã bùng lên trong số những thành viên nữ của đảng CDU Tây Đức. Có phải bà thủ tướng đã chỉ trích cách sống của họ cũng như lý tưởng hóa những điều kiện ở Đông Đức cũ? Không hề, Merkel nói, bà không có ý định chỉ trích: trên thực tế, mẹ bà chưa từng có một công việc nào ngoài nuôi dạy con cái, nhưng đó chỉ vì bà không được phép đi làm. Dầu vậy, câu chuyện này một lần nữa cho thấy sự thiếu sẵn sàng của những phe nhóm già cỗi ở Đông và Tây Đức trong việc đối diện thực tế cuộc sống ở mỗi bên. Nhưng Angela Merkel đã sớm quyết định bà sẽ không đóng góp thêm vào mối bất hòa này. Bà đã mệt mỏi vì những mâu thuẫn nên bà giữ im lặng. Giờ đây, ở chặng cuối của nhiệm kỳ thứ hai làm thủ tướng, thái độ của bà đã hơi thay đổi - có lẽ vì sau tám năm tại nhiệm, bà đã thả lỏng mình và đã bắt đầu nghĩ về di sản của bà.

Trong giai đoạn ngay sau khi Bức tường Berlin sụp đổ, Merkel miêu tả bản thân là một mối vì xung đột, hay ít nhất là ghét bỏ những cuộc công kích cá nhân hiểm ác vốn thường là một phần của chính trị. “Điều duy nhất khiến tôi lo lắng là sự bất công và những cáo buộc sai trái cố ý. Tôi căm ghét những cuộc cãi vã nhắm vào cá nhân,” bà thú nhận trong cuộc đối thoại cùng Herlinde Koelbl. Bà thích những cuộc thảo luận và tranh cãi nghiêm túc hơn. “Trong chính trị, tôi tìm kiếm sự hợp tác hơn là đối đầu,” bà nói và cung cấp một sự tự đánh giá bản thân chính xác: “Tôi thấy xu hướng một số nam chính trị gia phải thường xuyên khẳng định bản thân họ

thật không dễ chịu. Nhiều người cứ gồng mình và át tiếng người khác nhằm nâng bản thân lên. Khi điều đó xảy ra, tôi cảm thấy như đang bị đè nén về mặt thể chất và thà không có mặt ở đó còn hơn.” Merkel nghiên cứu các đối thủ chính trị của bà rất sát sao, và tuy không phải hình mẫu đức hạnh hoàn hảo theo năm tháng, lúc đó bà đã nói: “Khi điều đó xảy ra, cuộc tranh luận không còn khách quan nữa, mà trở thành câu hỏi ai sẽ làm cho gió ngừng thổi vào buồng của người còn lại. Đây không phải cách tôi làm việc.”

Hai mươi hai năm sau, bất cứ ai muốn học theo phương pháp của Merkel cần phải xem xét điều gì để nổi lên vào lúc Bức tường Berlin sụp đổ. Angela Merkel luôn chân thực với bản thân bà. Mục sư Erhart Neubert, một trong những nhà sáng lập đảng Giác ngộ dân chủ và hiểu rõ mọi khía cạnh của Merkel, nói về một “kiểu thẩm mỹ đáng kính trọng và tốt đẹp” khi nhắc đến bà. Nghe hơi sến, nhưng dù Merkel thời hậu thống nhất đã hết lao đao, bà vẫn duy trì hình ảnh của một công bộc tận tụy, con gái của một mục sư giàu trách nhiệm vốn khao khát tìm đến cốt lõi của mọi thứ mà không cần đến những động cơ bí mật không hay ho. Dĩ nhiên, những dụng ý tốt đẹp này được vận dụng vào thực tế chính trị ra sao có thể là vấn đề hoàn toàn khác. Phe chống đối bà trong đảng CDU và những đảng phái đối lập, trong châu Âu (EU) hay giữa những đối tác liên minh của bà, có những quan điểm khác nhau về con người và phương pháp của bà.

Trật tự, hệ thống, năng lực hoạch định trước một bước - Merkel đã mang rất nhiều phẩm chất của bà sau 35 năm sống tại Đông Đức vào cuộc sống mới của mình. Bà từng nói ngay cả khi còn bé, bà đã phải tiên liệu mọi thứ, bởi những vấn đề về tăng trưởng và phát triển thể chất của bà đồng nghĩa với việc bà gặp khó khăn khi chạy và leo cầu thang. Bà kể từng “rất vụng về trong di chuyển”, và kết quả là mỗi cuộc đi bộ không cần thiết đều cần phải tránh và mỗi bước đi đều được tính trước. Hai tháng trước Giáng

sinh, bà đã nghĩ về quà. “Tôi luôn muốn biết về những thứ tôi sắp đón nhận, kể cả khi chúng sẽ phá hỏng sự bất ngờ. Việc đưa hệ thống vào cuộc đời mình và tránh sự hỗn loạn quan trọng hơn.”

Merkel còn duy trì cả ý thức trách nhiệm của người Phổ và đạo đức nghề nghiệp của một tín đồ Tin lành. Khi còn bé, bà sớm quen với việc cần cù và chu toàn, làm việc siêng năng hơn người khác. Sự đam mê mang đậm nét Martin Luther đối với việc tự hoàn thiện bản thân, làm mọi việc tốt hơn, hiểu mọi sự rõ hơn và tiến lên phía trước chưa bao giờ rời bỏ bà. Đây cũng là lý do bà tuyệt đối bác bỏ việc xem bản thân như tiền định cho bất cứ vai trò nào. Rõ ràng bà đã noi gương của nhiều người, cũng muốn trở nên giống những bé gái khác khi mơ ước làm diễn viên, vũ công và vận động viên trượt băng. Song đây chỉ là những giấc mơ và huyền tưởng thơ ấu về những vai trò mà Angela Merkel không phù hợp. Nhiều năm sau, khi được hỏi liệu bà có một hình mẫu tiêu biểu nào không, bà nhắc đến nhà vật lý Marie Curie, lớn lên tại Ba Lan (bị Nga chiếm đóng) trong thế kỷ 19, đi học ở Paris và kiên cường ghi dấu ấn của bà với tư cách một nhà khoa học nữ. Điều này khiến Merkel ấn tượng.

Ngày hôm nay, nếu được hỏi liệu bà có bất cứ hình mẫu chính trị gia nào không, bà luôn trả lời “Không.” Bà từng bình thản bác bỏ mọi sự so sánh nào giữa bà và Margaret Thatcher, và thế là không ai hỏi bà câu này nữa (ngoại trừ tại những nước nói tiếng Anh, nơi ký ức về Người đàn bà thép vẫn còn vương vấn). Ronald Reagan từng là một dạng người hùng khi bà còn nhỏ, nhưng Merkel không còn nhắc về ông nữa. Không chỉ vì bà đã phát hiện vị cựu tổng thống Hoa Kỳ đã đánh mất phần lớn hình ảnh tích cực của ông ở Tây Đức, mà có lẽ còn vì việc đứng dưới cái bóng của những chính trị gia khác và so sánh hình ảnh của bà với họ là đi ngược lại với nguyên tắc của Merkel.

Trong Angela Merkel có ba mươi lăm năm Đông Đức. Đó là quãng thời gian dài và đã để lại dấu ấn. Bí ẩn mang tên Merkel khởi nguồn từ nền cộng hòa thất bại của Đông Đức. Điều này giải thích cho sự mê hoặc ở bà với tư cách một con người, đặc biệt trong nhiệm kỳ thủ tướng thứ hai và đặc biệt là ở nước ngoài. Merkel không mở lòng với nhiều người, vì họ không có khả năng hiểu cuộc đời trước đây của bà và một thế giới khác hoàn toàn xa lạ của bà. Ảnh hưởng của Đông Đức lớn vờn quanh bà như một bí mật không tiết lộ. Tiết lộ làm sao được với những người không có cùng chung trải nghiệm với bà? Kết quả, quan tâm của công chúng đối với Merkel tiếp tục lâu hơn nhiều so với những chính trị gia có sự nghiệp tương tự song cuộc đời dễ hình dung hơn. Bà biết hết, và chăm chút cho sự “bí ẩn” này với sự quan tâm đặc biệt.

TÌM KIẾM NHỮNG BIÊN CƯƠNG MỚI

Bước vào chính trường

Trong những tháng cuối cùng của Đông Đức, Helmut Kohl liên tục giữ liên lạc với Lothar de Maizière và chính phủ của ông này. Tuy nhiên Merkel lại chưa từng gặp gỡ vị thủ tướng Tây Đức, mà chỉ thoáng nhìn thấy ông vào mùa hè năm 1990. Đây là điều bà muốn thay đổi. Buổi gặp đầu tiên giữa họ được thu xếp trong cuộc hội thảo thống nhất của đảng CDU, vài ngày trước dịp lễ chính thức vào đầu tháng 10 năm 1990. Kohl đang ngồi bên trong tòa nhà Hamburg Rathauskeller, nơi CDU từng tổ chức gặp gỡ báo chí trong những cuộc hội thảo của đảng này ở thành phố Hamburg. Trong những dịp đó, người lãnh đạo đảng sẽ làm chủ tọa, mời một số phóng viên được chọn lọc đến bàn mình và giục họ nếm thử món ăn địa phương ưa thích của ông là Labskaus, món hầm gồm thịt bò, củ cải đường, khoai tây và trứng chiên. Merkel nhờ một người quen của hai người từ Dresdent giới thiệu bà - rõ ràng bà rất muốn làm quen với ông.

Kohl dẫn bà đến một phòng khác để trò chuyện, và Merkel sau này miêu tả sự phấn khích của bà tại buổi gặp như sau: “Tôi tự nhủ với mình, giờ cô sắp gặp vị thủ tướng của Cộng hòa Liên bang Đức và ông ấy sẽ hỏi cô điều gì đó rất khó khăn đấy. Nhưng rồi tôi nhận được một câu hỏi rất giản đơn.” Merkel rõ ràng không ngờ Kohl lại thích trò chuyện đến thế và đã mừng rỡ tưởng rằng chính trị ở cấp cao hẳn phải sâu sắc và khó khăn hơn thế nhiều. Nhưng ngài thủ tướng có lẽ cũng rất ấn tượng: ông mời Merkel

đến và trò chuyện cùng ông một lần nữa ở Bonn vào tháng 11 năm đó. Có lẽ ông đã xem bà như một vị bộ trưởng trong nội các toàn-Đức đầu tiên.

Sau cuộc tổng tuyển cử vào tháng 12, Merkel được đề nghị giữ chức Bộ trưởng Phụ nữ và Thanh niên. Bà đồng ý một cách tự nhiên, dù vài ngày trước đó bà thú nhận không biết gì về những chủ đề này. Nhưng bà là một phụ nữ, bà đến từ Đông Đức và là một tín đồ Tin lành - nên Kohl, nhà “vô địch” của cuộc bầu cử theo phương pháp đại diện theo tỷ lệ, đã chọn bà. Bà tuyên thệ kết nạp vào Bundestag (quốc hội liên bang Đức) vào ngày 18 tháng 1 năm 1991. Sau cú thắng hoa tủa sáng vào hàng ngũ cấp cao của nền chính trị Đức này, việc bà thăng tiến trong hệ thống phân tầng của đảng CDU cũng đến một cách gần như tự nhiên. Khi người bảo trợ lâu năm của bà, Lothar de Maizière, trao trả lại mọi quyền hành của ông trong đảng vào tháng 9 năm 1991 - ông đã mệt mỏi bởi tất cả suy đoán về sự dính líu của ông với Stasi ở Đông Đức - Merkel đảm nhiệm vai trò phó lãnh đạo đảng vào tháng 12. Cùng với Gunther Krause, giờ đây bà đại diện cho Đông Đức ở hàng ngũ đứng đầu đảng CDU.

Bộ Phụ nữ và Thanh niên phát triển từ Bộ Phụ nữ, Gia đình, Thanh niên và Sức khỏe cũ. Trước đó Kohl đã chia bộ này thành ba chức năng. Merkel nhận lãnh một trong những đơn vị đó, và nhanh chóng cho thấy cách bà thực hiện công tác lãnh đạo bằng việc chỉ định một nhóm những đồng nghiệp trung thành.

Tuy nhiên, không ai trở nên quan trọng hơn một người phụ nữ trẻ đã bước vào cuộc đời của Merkel năm 1992. Khi đó, Merkel đang ở trong bệnh viện sau khi bị gãy chân trong lúc ghé thăm một hiệu sách. Bà đang tìm kiếm một trợ lý phụ việc cho mình sau khi đã làm chủ vai trò của bà trong đảng, và đã được phê duyệt một trợ lý bán thời gian với tư cách phó chủ tịch đảng. Trong lúc đang nằm viện, Merkel có một người khách ghé

thăm - Christian Wulff, một chính trị gia từ Hạ Saxony. Wulff, về sau thắng cử Tổng thống Liên bang Đức, khi đó vừa hoàn thành nhiệm kỳ làm hội viên hội đồng thành phố Osnabrück, và đang chuẩn bị khởi đầu sự nghiệp của ông trong chính trường cấp vùng. Ông có một mạng lưới quan hệ tốt trong đảng CDU ở vùng Hạ Saxony, và muốn giới thiệu người bạn đang nằm viện của mình với một phụ nữ trẻ tài năng ông quen biết từ tổ chức thanh niên của CDU là Liên hiệp thanh niên ở Osnabrück, vốn là người thích hợp cho công việc: Beate Baumann.

Và như thế, hai người phụ nữ sẽ thống trị bức tranh chính trị của Tây Đức đã gặp gỡ nhau. Hóa ra đây lại là sự cộng sinh có một không hai. Baumann sớm trở thành cố vấn riêng cho Merkel, rồi sau đó, vào năm 1995, là quản lý văn phòng và thư ký riêng cho bà, một chức danh bà vẫn giữ đến ngày hôm nay.

Vai trò của Baumann trong văn phòng thủ tướng thách thức mọi miêu tả về công việc: bà vừa phục vụ mà vừa chỉ huy, và hai người phụ nữ có hai cuộc đời giống nhau. “Những mối quan hệ như thế mọc lên như cây gỗ cứng,” nhà báo Đức Christoph Schwennicke viết, “rất chậm rãi, mỗi năm lại thêm một vòng tuổi.” Baumann hộ tống Merkel đến văn phòng tổng thư ký, đến các trụ sở đảng, chuyển đến cùng bà tại các văn phòng chính đảng quốc hội, và cuối cùng là đến văn phòng thủ tướng.

Có lẽ ngoại trừ chồng bà Merkel là Joachim Sauer, không ai hiểu Merkel rõ hơn, không ai biết chính xác phải tìm bà ở đâu hay theo dõi hoạt động chính trị của bà một cách tỉ mỉ hơn thế. Baumann là người cố vấn quan trọng nhất của Merkel, và bà có trí nhớ cũng đồ sộ như sếp của mình. Theo những lời đồn thổi ở Berlin, vị thư ký riêng này của Merkel là nhân vật quyền lực thứ hai trên chính trường đất nước - và được nể sợ tương đương.

Nếu có một điều Baumann ghét, đó là việc trở thành chủ đề bị soi mói hoặc bình luận. Việc của bà là dọn đường cho Merkel sao cho êm ả nhất có thể, nhận biết nguy hiểm từ xa và ngăn chặn tức thì. Bà là hoa tiêu của con tàu giữa một đại dương đầy những cuộc hẹn, câu hỏi, yêu cầu và yêu sách - một đại dương chứa đầy những thủy lôi trôi nổi. Bà là, theo như cách Schwennicke miêu tả, “sự hồ nghi của Merkel.” Baumann tận hưởng điều mà Merkel đã phải từ bỏ một cách miễn cưỡng: lớp vỏ che đậy sự khách quan và sự giấu tên. Bà đã hoàn thiện nghệ thuật làm thư ký riêng bằng cách phục vụ và trợ tá mà không làm giảm quyền lực riêng của mình. Trong những năm đầu tiên, ảnh hưởng của bà lên Merkel bị nhìn với sự ngờ vực, và có người đã khẳng định chính bà mới là người giật dây.

Đúng là bà thường xuyên tiếp cận với nữ thủ tướng, có thể nói chuyện với Merkel một cách thẳng thắn và dám thể hiện ý kiến riêng. Do Merkel hoàn toàn tin tưởng bà, nhiều đồng nghiệp thấy thật khó mà qua mặt Baumann để trình bày quan điểm của họ với vị thủ tướng. Chỉ có Ulrich Wilhelm, phát ngôn viên chính phủ đầu tiên của Merkel và là đồng nghiệp thân cận suốt bốn năm rưỡi bà làm thủ tướng, mới có thể hoàn thành chức năng cân bằng tương tự.

Sinh năm 1963 và trẻ hơn Merkel chín tuổi, Baumann học tiếng Đức và Anh và, cũng như Merkel, gia nhập đảng CDU vì tình cờ hơn là chủ ý. Cuộc chạy đua vũ trang và sự bố trí những tên lửa tầm trung của Mỹ tại Đức vào giữa những năm 1980 là những yếu tố quyết định trong việc bà theo đuổi sự nghiệp chính trị. Bà căm ghét sự chật hẹp về ý thức hệ của đảng Xanh và đảng Dân chủ xã hội, cũng là điều ảnh hưởng đến Merkel trong việc tìm kiếm một đảng phù hợp tại Đông Berlin. Baumann chia sẻ niềm đam mê chính sách đối ngoại với sếp của mình. Với tư cách thư ký riêng, bà hiếm khi có thể di chuyển cùng Merkel, nhưng đôi khi bà giữ

trọng trách điều khiển chính phủ khi thủ tướng đi vắng - chẳng hạn đến Canada hoặc Trung Đông - và khi tình hình yên bình ở Berlin. Bà từng có mặt cùng Merkel ở Sochi khi Putin thả chó ra giữa phòng và ở Israel khi Merkel có bài phát biểu lịch sử tại Knesset (quốc hội). Cả Baumann và Merkel đều thích việc phân tích tính cách của những vị khách nước ngoài, và cũng như vị thủ tướng, bà có một trí óc nhanh nhạy và hay mất kiên nhẫn ra mặt khi một diễn giả nào đó lạc đề trong một cuộc tranh luận mà bà đã hiểu rồi.

Ngoài sự ưa thích dành cho mọi thứ đến từ thế giới nói tiếng Anh, trên tất cả, Baumann chia sẻ với Merkel sự gắn bó với Israel cùng thái độ của bà đối với chủ đề diệt chủng người Do Thái. Có lẽ không phải tình cờ mà Israel là nước thứ hai Merkel ghé thăm với tư cách Bộ trưởng Phụ nữ và Thanh niên vừa được bổ nhiệm. Nước đầu tiên là Pháp - bà đã chứng kiến đủ trong quá trình làm việc cùng Kohl để biết nên dành sự chú ý nhất định cho những người đồng cấp chính trị ở Paris. Cùng có mặt trong ban điều hành chính phủ là Bộ trưởng Bộ nghiên cứu Heinz Riesenhuber, và Ngoại trưởng phụ trách an ninh Lutz Stavenhagen, người chỉ chín tháng sau đó đã thú nhận chịu trách nhiệm cho vụ vận chuyển linh kiện xe tăng của quân đội Đông Đức đến cơ quan an ninh Israel, và bị buộc phải từ chức.

Tuy nhiên, về mặt đối ngoại, cao trào trong năm đầu tiên làm bộ trưởng của Merkel là chuyến thăm của bà đến Mỹ vào tháng 9 năm 1991 cùng Helmut Kohl - nếu Kohl đạt được mục đích của mình.* Đầu tiên ông thủ tướng đến California, rồi đến Washington. Đi cùng ông là Bộ trưởng Phụ nữ và Thanh niên, như một dạng chiến tích từ cuộc thống nhất. Nhưng Merkel thích vai trò người quan sát hơn. Bà đã không được cho phép hoạt động độc lập, và không muốn trở nên nổi bật, mặc dù bà có bắt tay cùng thần tượng

thời bé, Ronald Reagan, và được giới thiệu với George Bush Cha tại Nhà Trắng.

Sau này, Merkel miêu tả cảnh tượng trong chiếc xe buýt khi Helmut Kohl, với thói quen truyền thống, muốn giới thiệu bà với mọi người đi cùng. Ngài thủ tướng nói với người bộ trưởng trẻ tuổi của mình rằng bà nên kể cho mọi người nghe ở Đông Đức người ta thật sự nghĩ gì về ông. Merkel rất khó xử. Ai cũng nghĩ bà sẽ phải thừa nhận rằng Kohl có gương mặt quá lê cũng là trò đùa tại Đông Đức nhiều như tại Tây Đức. Tuy nhiên vẫn còn một lý do nữa cho sự chần chừ của Merkel. Bà không muốn nịnh hót, bởi vì điều bà nhớ rõ hơn cả về Kohl là bài phát biểu sau bữa tối trứ danh của ông trong chuyến thăm của Erich Honecker* đến Bonn vào năm 1987. Theo như những gì đã được đồng thuận trước đó giữa hai đảng, cuộc đấu khẩu giữa Kohl và Honecker tại dinh thự Redoute ở Bonn phải được phát trên truyền hình Đông Đức cũng như Tây Đức, và bài phát biểu của Kohl đã khiến cư dân Đông Đức cảm thấy tràn đầy hy vọng, bởi ông đã ám chỉ rõ ràng đến sự thống nhất của nước Đức.

Trong những năm tháng đầu tiên làm bộ trưởng, chính sách đối ngoại chỉ quan trọng thứ nhì đối với Merkel. Đó không phải trách nhiệm của bà tại Bộ Phụ nữ và Thanh niên. Sau này, trong khi công tác tại Bộ Môi trường, những vấn đề trong chính trị châu Âu và những cuộc gặp giữa các bộ trưởng môi trường EU càng trở nên cấp thiết với bà. Bất cứ lúc nào có thể, Merkel cũng di chuyển bí mật cùng chồng Joachim Sauer. Bà bảo Herlinde Koelbl rằng họ thích dành thời gian ở California. Mùa hè năm 1993, bà tham gia một “chuyến đi tuyệt vời” đến Bờ Tây nước Mỹ. “Một kỳ nghỉ thật xa quê hương giúp tôi trốn thoát. Trong bốn tuần đó tôi đã ngừng làm việc.” Bốn tuần liên tục - một thành tựu đáng kể đối với một bộ trưởng, và là minh chứng cho thái độ vô lo của Merkel vào thời điểm đó. Một năm

sau, bà đến Provence, song bà “cảm thấy mình như một đứa trẻ chưa được sinh ra,” vì bà không biết nói tiếng Pháp. Lần tiếp theo lại là California, nhưng là vào dịp Giáng sinh. “Không có gì làm phiền tôi ở đó,” bà nói.

Trên thực tế, giai đoạn này đáng chú ý bởi những thông điệp lẫn lộn của nó, như được minh họa bởi cuộc phỏng vấn dài giữa bà và Koelbl. Ban đầu, Merkel từng phải vật lộn để quen với cuộc sống của một chính trị gia, rồi dần dần cũng bớt. “Tôi vẫn không thể tưởng tượng rằng phần còn lại của đời mình sẽ như bây giờ,” bà rên rỉ vào năm 1993. Bà hồi tưởng về việc làm thế nào mà nghề nghiệp của bà đã tạo ra ảnh hưởng tiêu cực lên vài khía cạnh trong tính cách của bà mà gần đây bà mới phát hiện ra và không thích thú lắm: thiếu kiên nhẫn, thiếu thiện chí lắng nghe người khác và mất khả năng chìm đắm vào trong một quyển sách. “Tôi thấy mình trông ngóng thời khắc tất cả những căng thẳng này kết thúc,” bà vẫn nói thế vào năm 1997. “Với tôi, chất lượng cuộc sống đồng nghĩa với việc nấu các bữa ăn ở nhà và có mặt trong lịch hẹn của những người xung quanh.” Merkel tiếp tục đấu tranh tư tưởng về việc khi nào sẽ là thời khắc thích hợp để rời bỏ chính trường, có lẽ để trấn an bản thân rằng bà vẫn có thể làm điều gì khác với cuộc đời mình. “Tôi không muốn trở thành một kẻ thân tàn ma dại khi tôi rời bỏ chính trị,” bà nói. “Sau một thời gian nhàm chán tôi thích tìm thứ gì đó khác để làm hơn.”

Ngay cả bây giờ, bà vẫn đùa giỡn với ý nghĩ rời bỏ cuộc sống chính trị. Có vẻ bà đặc biệt bị thu hút bởi khả năng làm được điều gì hoàn toàn khác biệt - dù trong quá khứ nhiều hơn so với hiện tại. Vào cuối những năm 1990, bà nói với một phóng viên rằng bà có thể tưởng tượng ra cảnh đi cùng Joachim đến một viện nghiên cứu ở đâu đó, có thể ở Nam Phi. Một lần khác, bà bày tỏ khát vọng học tiếng Pháp sau khi kết thúc sự nghiệp chính

trị, hay sống tại Mỹ trong một thời gian, hay chỉ đơn giản là ngồi nhà và sau đó tái xuất hiện, “để xem đang có gì.”

Song những mong muốn này chưa bao giờ thành hiện thực. Angela Merkel băng qua toàn cảnh chính trị của thập niên 90 với nhịp điệu vũ bão. Tháng 11 năm 1994, bà rời vị trí chuyển tiếp từ Bộ phụ nữ và thanh niên sang Bộ môi trường. Với việc đảng CDU quay trở lại làm đảng đối lập vào tháng 11 năm 1998, bà trở thành tổng thư ký đảng, và hai năm sau, sau tai tiếng tiền bạc và cú nghỉ hưu của Wolfgang Schäuble, bà được bổ nhiệm làm chủ tịch đảng. Vào lúc này, chính sách đối ngoại không được ưu tiên bằng việc củng cố quyền lực, chống lại phe đối lập và, trên tất cả, sống sót qua cơn khủng hoảng khó khăn nhất trong lịch sử đảng Liên minh dân chủ Cơ đốc giáo.

Tuy nhiên, còn một sự kiện nữa nổi bật hơn cả trong những năm đó, mà một trong số này vẫn được Merkel kể lại bằng đôi mắt lấp lánh, và là trải nghiệm giúp bà hiểu thêm về chính trị thế giới: hội nghị thượng đỉnh về khí hậu năm 1995 ở Berlin. Chính sách môi trường khi đó là một yếu tố mới trên sân khấu chính trị toàn cầu. Đại biểu của gần như mọi quốc gia đã gặp nhau lần đầu tiên tại Rio de Janeiro trong năm 1992 để thảo luận về biến đổi khí hậu. Đây là sự tiến bộ vĩ đại: loài người cuối cùng cũng đã nhận ra rằng khí hậu toàn hành tinh ảnh hưởng đến tất cả mọi người, song không ai có thể nhất trí rằng những thay đổi này tốt hay xấu, hay có thể làm gì với chúng. Và đó cũng là lần đầu tiên một hiệp ước ràng buộc có trọng tâm nói về biến đổi khí hậu được ký kết theo luật pháp quốc tế.

Khi Bộ trưởng Môi trường Angela Merkel thay mặt chính phủ Đức đến Hội nghị thượng đỉnh về khí hậu Berlin một năm sau khi Công ước Rio có hiệu lực, câu hỏi rất đơn giản: làm sao để khiến thỏa thuận Rio có ý nghĩa. Hội nghị Berlin chính là phép thử: nếu Rio có ý nghĩa, thì nó phải được

thực thi sâu sắc hơn. Nếu những nỗ lực bảo vệ môi trường lung lay ở giai đoạn này, thì toàn bộ dự án quốc tế có thể sẽ thất bại.

Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức tổ chức sự kiện vĩ đại này. Trước đó ở Rio, Helmut Kohl đã hào phóng tiến cử Đức làm nơi tổ chức kỳ hội nghị tiếp theo, và giờ đây ông đang kêu gọi cam kết từ các vị bộ trưởng khác. Rốt cuộc, ông nói với họ, đây là “hội nghị quốc tế quan trọng nhất được tổ chức trên đất Đức trong tương lai nhìn thấy được.” Ngoại trưởng kiêm phó thủ tướng Klaus Kinkel mời các vị đại biểu đến dự bữa tối - được tổ chức bên dưới những bộ xương khủng long ở Bảo tàng lịch sử tự nhiên tại Berlin. Angela Merkel được chọn làm chủ tịch cuộc họp, và chủ trì sự kiện trong sảnh đường lớn của Trung tâm hội nghị quốc tế, bên dưới một quả địa cầu màu xanh khổng lồ lơ lửng trước những ngọn sóng trắng.

Khoảng 160 nước, cùng con số tương đương những tổ chức phi chính phủ khác, đã nhận lời mời, và bên cạnh hội nghị chính còn có chương trình bổ sung các sự kiện liên quan cùng một hội chợ môi trường.

Merkel yêu cầu không khí nơi đây khi, lần đầu tiên trong đời, bà phát biểu trước một đám đông khán giả khổng lồ: một ngàn đại biểu, hàng trăm các cá nhân liên quan, một tháp Babel ngôn ngữ, và một mạng lưới chằng chịt các cuộc thương thảo. “Đó là điều tôi luôn hình dung,” bà nói sau này. “160 nước. Tôi thật sự trở nên giác ngộ. Lần đầu tiên tôi có được cơ hội tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau của thế giới và những cách thức hoạt động đa dạng của chúng.”

Với tư cách chủ tịch, Merkel đảm nhiệm luôn vai trò của một nhà môi giới: bà phải điều đình giữa các phe phái khác nhau. Cuối cùng, bà lắng nghe lời khuyên của người đồng nghiệp Ấn Độ giàu kinh nghiệm Kamal Nath. Nath đã làm Bộ trưởng Môi trường Ấn Độ nhiều năm, nên ông hiểu sự phức tạp của hội nghị và kéo Merkel ra một bên để nói chuyện riêng.

Hãy cẩn trọng trong buổi tối cuối cùng, ông khuyên bà, hãy chia các đại biểu ra thành những nước đã công nghiệp hóa và những nước đang phát triển, và để họ trong hai căn phòng riêng biệt. Merkel làm theo những gì được khuyên: bà chia các đại biểu và đi qua đi lại giữa hai nhóm, với mục tiêu ngăn toàn bộ sự kiện sụp đổ cũng như ít nhất nhằm đạt được một thời hạn ràng buộc đóng vai trò nền tảng cho giai đoạn tiếp theo của chính sách về biến đổi khí hậu.

Lúc 6 giờ sáng, sau một đêm thương thảo, kết quả đã đến: ủy nhiệm thư Berlin (Berlin Mandate). Cái tên này do Tim Wirth đặt ra, ông là nhà thương thuyết chính của đoàn Mỹ. Bản ủy nhiệm thư nói rằng, khi hội nghị tiếp theo diễn ra, được tổ chức vào năm 1997 tại Kyoto, các nước công nghiệp phải ký kết một thời gian biểu ràng buộc cho việc cắt giảm khí CO₂. Những nước “cứng đầu” hơn cả trong số này, đặc biệt là Mỹ, đã tiến hành câu giờ song vẫn bị ràng buộc về mặt nghĩa vụ đối với các đề xuất. Merkel đã khiến bà trở nên nổi tiếng trong những nước đang phát triển, và ngay cả đến ngày hôm nay, danh tiếng của bà trong thế giới thứ ba đôi khi vẫn nhờ vào hội nghị môi trường năm 1995. Hội nghị Berlin đã hé mở một mặt thú vị khác của Merkel, vốn đặc trưng và thậm chí còn có thể định nghĩa cho cách hành xử của bà: bà cực kỳ thực dụng khi có cơ hội đạt được một sự thỏa hiệp. Bà không chấp nhận những thỏa thuận ràng buộc không cần thiết. Sau hội nghị Berlin, bà đã phát biểu, “dĩ nhiên một người có thể liên tục đưa ra những yêu sách tối đa suốt nhiều năm và từ chối thỏa hiệp. Tôi thường quyết định thúc đẩy mọi thứ tiến tới ít nhất một đến hai bước, dù biết tôi sẽ không nhận được sự nhất trí chung cho chúng [...]. Có lẽ một sự thỏa hiệp chỉ có tác dụng khi những ai tham gia kết thúc bằng tâm trạng không vui - nên tôi đành phải ăn mừng một mình thôi.” Merkel nói về chính trị như một quá trình tuyến tính: những cuộc thương thảo đi kèm một dạng

phạm vi. Nếu bà tranh cãi với một đối thủ về một vị trí nhất định, Merkel sẽ vẽ một đường thẳng và nhìn vào điểm trung tâm giữa hai vị trí. Dù vị trí đó chỉ hơi nhích về phía bà, bà vẫn xem cú thỏa hiệp là thành công. Song trên tất cả, bà vẫn thích một kết quả không mâu thuẫn với phong cách ôn hòa của bà hơn.

Berlin vào năm 1995 mang đến một minh chứng rõ rệt cho quá trình định lượng các cuộc tranh cãi và thẩm quyền của bà đối với vai trò điều phối viên, song cũng minh họa cho lòng nhiệt thành đôi khi thơ ngây của bà đối với chính trị trong giai đoạn đầu này. Mỗi năm, Merkel lại trở nên bớt non nớt đi một chút. Rồi một đặc tính mới xuất hiện, một đặc tính bà chưa từng thừa nhận trước đó: khoái cảm của cạnh tranh, hưng phấn của chiến thắng. Là một chính trị gia ngay sau thời hậu thống nhất, Merkel luôn tập trung vào vấn đề chính và thích thú những cuộc tranh luận đầy dữ kiện, trong khi Merkel “bộ trưởng” thì liên tục tận hưởng sự phấn khích của thành công chính trị. Bà đã thoải mái hơn với cuộc sống trước công chúng. Bà trở nên yêu thích những cú giáp lá cà khi tranh luận và nhìn xuyên thấu những chiến thuật mà đối thủ sử dụng. Khi bà bị làm cho bẽ mặt vài lần trước công chúng bởi Thủ hiến vùng Hạ Saxony, Gerhard Schröder, quanh vấn đề bảo quản vĩnh viễn chất thải hạt nhân, ban đầu bà đã phản ứng với cơn thịnh nộ không kiểm soát. Schröder đã luôn giờ trò với bà, nên bà cảm thấy như bị lôi vào sự chú ý của công chúng chỉ để bị chơi khăm. Với tư cách Bộ trưởng Môi trường, bà càng lúc càng trở nên giống một Dì Sally* cho phe đối lập. Schröder miêu tả bà là một người “không biết chỉ huy, mà chỉ đáng khinh.” Và rồi, trong bài phỏng vấn với Herlinde Koelbl, bà đã đưa ra lời bình luận hăng hái sau: “Tôi đã nói với ông ta rằng sẽ đến lúc tôi cũng dồn được ông ta vào góc tường. Tôi vẫn cần thời gian để làm chuyện

đó, nhưng ngày ấy rồi sẽ đến. Tôi đang mong chờ nó.” Schröder lẽ ra phải làm tốt để đón nhận lời cảnh báo một cách nghiêm túc.

Merkel bắt đầu miệt mài trong cuộc cạnh tranh: giết hoặc bị giết. Phải làm tốt hơn kẻ khác nhằm giành lấy lợi thế. Vài tháng trước khi đảng CDU bị đánh bại trong cuộc tổng tuyển cử năm 1998 và Schröder trở thành thủ tướng, Merkel cho thấy bà đã sẵn sàng cho cuộc đối đầu. “Tôi đã tự hứa với lòng sẽ không chịu đựng quá nhiều,” bà nói với Koelbl bằng giọng gần như đe dọa. “Và tôi đang tận hưởng điều đó. Giống như đánh chìm một con tàu vậy - tôi cảm thấy tuyệt mỗi khi tôi ghi được một bàn.” Về sau bà còn nói điều này một cách rõ ràng hơn. Khi được hỏi về niềm vui thú đi kèm với quyền lực, bà đáp: “Nếu là trước đây tôi sẽ nói rằng niềm vui là việc tạo ra các chính sách. Còn bây giờ tôi sẽ nói rằng đó là việc giạt con mồi khỏi tay đối thủ.” Và bỗng nhiên người ta thấy ở đó, một Merkel - nữ thợ săn với một bản năng hoàn toàn quyết đoán, khả năng lần theo con mồi vào đúng thời điểm và cả lòng can đảm, khi mọi chuyện trở nên đáng nghi ngờ.

Ở Đức, trong thời gian “học việc” chính trị, trọng tâm chính vẫn nằm ở vấn đề đối nội. Và kết quả là Merkel đạt được rất ít cột mốc trong công tác đối ngoại trong quá trình bà dần trưởng thành hơn về chính trị. Với tư cách tổng thư ký đảng của mình, nhiệm vụ đầu tiên của bà là tấn công - và do khi đó, đảng CDU chủ yếu tham gia những cuộc chiến với bản thân đảng này cùng quá khứ của nó (bao gồm những khoản đóng góp cho đảng và tài khoản ngân hàng phi pháp), Merkel giáng cú đánh tối hậu lên chính Helmut Kohl khi đề xuất rằng CDU cần phải rời bỏ hình tượng người cha của đảng này. Dầu vậy, bà không có khao khát từ bỏ chính sách đối ngoại của Kohl (và bà cũng không có quyền lực làm thế, dù ở thời điểm đó hay sau này). Bà không cảm thấy cơn bức bách phải tái định hình cục diện chính trị của

CDU: rõ ràng Helmut Kohl đã để lại một trật tự tốt cho chính sách đối ngoại của CDU.

Chỉ từ năm 2002 trở đi, với tư cách chủ tịch CDU kiêm thủ lĩnh đảng Đối lập, bà mới làm được cú giáng trả quyết định đối với chính sách đối ngoại. Nên ai cũng ngạc nhiên khi Merkel lần đầu tiên hé lộ một vài trong số các chính sách cá nhân của bà trên vũ đài chính trị, cung cấp khẩu vị của bà đối với chính trị châu Âu. Và khẩu vị của một chính trị gia đặc biệt trở nên tham lam trong việc bổ nhiệm người vào những vị trí thích hợp. Năm 2004 chứng kiến cuộc tìm kiếm chức vụ Chủ tịch ủy ban châu Âu trong một cuộc phô bày chính trị quyền lực. Từ ngày 10 đến 13 tháng 6 năm 2004, Nghị viện châu Âu được bầu lên lần thứ sáu. Đa số lá phiếu được dành cho Đảng Nhân dân châu Âu, cấu thành bởi nhiều đảng theo đường lối bảo thủ ở châu Âu. Sau đó, ủy ban châu Âu cần phải được bầu lại, với một chủ tịch đứng đầu, và người này phải được Nghị viện châu Âu cùng phe đa số theo đường lối bảo thủ trong đó chấp thuận.

Với đảng Xã hội châu Âu (European Socialist), vốn bao gồm cả Thủ tướng Đức Gerhard Schröder, việc một thành viên của họ - dưới ánh sáng của sự cân bằng quyền lực mới trong nghị viện - có thể thắng là điều bất khả thi. Nhưng họ đã tìm thấy một ứng viên phù hợp nơi vị thủ tướng theo đường lối tự do của nước Bỉ: Guy Verhofstadt. Là một ứng viên, ông có một lợi thế to lớn khác: Verhofstadt đã được Tổng thống Pháp (thuộc phe bảo thủ) Jacques Chirac chấp nhận, bởi năm trước đó ông đã tổ chức “hội nghị thượng đỉnh hộp sôcôla” (chocolate-box summit) - một cuộc gặp giữa các lãnh đạo chính phủ Pháp, Đức, Luxembourg và Bỉ - với mục tiêu tạo ra một liên minh an ninh châu Âu, một mô hình tương tự NATO và, dưới bóng đen của cuộc chiến Iraq, được xem như lời đáp trả dành cho Mỹ.

Những ý tưởng này không hề phù hợp với Merkel. Mô hình cũ của khối đồng minh với Đức trong quan điểm của bà không được bàn tới, nên bà quyết định cản đường Verhofstadt. Không những thế, phe bảo thủ muốn trình diễn sức mạnh mới của mình, nên họ phải sở hữu một ứng viên riêng nhằm ngăn đường người Bỉ. Ngạc nhiên thay, vào buổi tối trước cuộc họp của Hội đồng châu Âu, Merkel xuất hiện tại buổi quy tụ những người đứng đầu chính phủ và lãnh đạo các đảng chị em châu Âu. Bà từng thuyết phục lãnh đạo đảng Bảo thủ Anh, Michael Howard, để xúc tiến việc đề bạt vị ủy viên Hội đồng châu Âu được kính trọng rộng rãi Chris Patten cho vị trí này. Ông là một địch thủ cạnh tranh mạnh mẽ, đặc biệt kể từ khi Tony Blair - vị thủ tướng đến từ đảng Lao động Anh và là người ủng hộ cuộc chiến Iraq - kiên quyết bỏ phiếu chống lại Verhofstadt và vị ứng viên người Anh. Như thường lệ, khi những chiến thuật “cản mũi” như thế được sử dụng, cả hai ứng viên đều bị hy sinh - và, như một phương án thỏa hiệp, chui ra khỏi chiếc nón chóp của nhà ảo thuật là thủ tướng thuộc đảng Bảo thủ Bồ Đào Nha, José Manuel Barroso. Ông không là lựa chọn ưa thích của Merkel, nhưng ít nhất ông cũng là một người theo phái bảo thủ, và ông còn đại diện cho một bước lùi đáng kể dành cho Gerhard Schröder. Tại Brussels, ai cũng tròn mắt vì ngạc nhiên - cho đến thời điểm đó, chưa ai ở châu Âu chú ý nhiều đến Angela Merkel.

Tuy nhiên, bất cứ ai quan sát kỹ hơn cũng thấy một bức tranh khác: một người phụ nữ biết chính xác mình đang làm gì. Là lãnh đạo phe đối lập, Merkel vô cùng tích cực: bà đi khắp châu Âu và gặp gỡ các chính phủ láng giềng của Đức. Tổng thống Pháp Chirac cũng nằm trong danh sách của bà, nhưng bất chấp lời khuyên của Helmut Kohl, bà không giấu diếm sự không ưa thích của bà đối với các chính sách của tổng thống Pháp. Và một lần nữa, ai quan sát kỹ cũng nhận thấy từng có một phụ nữ bắt đầu chính xác ở

nơi Helmut Kohl đã bỏ lại. Merkel có ý tưởng rõ ràng về vai trò của Đức, cùng những bạn bè và đồng minh của nước này, trên thế giới.

CÂU HỎI NIỀM TIN

Điều gì khiến Merkel khó chịu?

Angela Merkel yêu opera, đặc biệt là Richard Wagner cùng khía cạnh định mệnh và bi thảm trong âm nhạc của ông. Tác phẩm ưa thích của bà là vở *Tristan und Isolde*, đặc biệt nếu được dàn dựng bởi Heiner Müller, người có những tác phẩm quen thuộc với Merkel - với tư cách một người hay đến nhà hát - tại Đông Berlin trước khi Bức tường sụp đổ. Câu chuyện tình có số phận bi thảm của Wagner qua sự dàn dựng của Müller có mặt trong lễ hội văn hóa Bayreuth sáu lần, và Merkel tin rằng vở diễn “tiệm cận sự hoàn hảo”. Có lẽ bà thích Tristan đến thế bởi con trai của nhà vua không bao giờ mong được cứu rỗi. Chỉ có cái chết mới có thể giải thoát cho thứ tình yêu thối nát xương tan của chàng.

Cũng không có chút mơ hồ nào trong nhận thức của bà đối với vở *Der Ring de Nibelungen*.^{*} Ở đây, cách diễn dịch của Merkel ngắn gọn và sắc sảo: “Nếu mọi chuyện đi sai hướng ngay lúc bắt đầu, chúng có thể phát triển theo nhiều hướng khác nhau, song chúng sẽ không bao giờ kết thúc tốt đẹp.” Merkel không tin vào chuyện phó mặc bản thân cho số phận, song bà có xúc cảm rung động về Wagner: “Tôi đau đớn khi nghĩ đến việc ngay từ đầu, kết quả chung cuộc đã không thể tránh khỏi. Nên để làm điều gì đó đàng hoàng, bạn cần phải làm tốt ngay từ đầu.”

Nữ thủ tướng không thể chọn được câu châm ngôn nào khác phù hợp hơn cho cuộc đời của chính bà. Làm tốt ngay từ ban đầu, từng bước một, một cách có phương pháp, một cách cẩn thận - đây là mục tiêu của bà, hay

ít nhất cũng là điều bà mong mỏi. Tư duy tuần tự đi từ mục đích mong muốn để tìm ra phương tiện là nguyên tắc cơ bản được bà chia sẻ cùng Bộ trưởng Tài chính của mình, Wolfgang Schäuble. Merkel rất ghét khi mọi thứ trở nên không thể tránh hay không thể thoát được. Bà không muốn bị dẫn dắt, bà muốn kiểm soát và gây ảnh hưởng lên lộ trình của các sự kiện. Dầu vậy phong thái hùng vĩ của Wagner, âm nhạc đầy uy lực của ông và những chủ đề nặng ký mang chủ nghĩa lãng mạn không phù hợp với bà chút nào. Ngược lại, về phong cách và cá tính, thì Merkel là sự tương phản chính xác với thế giới opera của Wagner. Song có lẽ đó là lý do vì sao, trong niềm đam mê của bà đối với âm nhạc của ông, bà cho phép mình hưởng một đốm lửa cuối cùng của sự phi lý trí - cũng như trong thời niên thiếu của mình, bà đã mơ về những hình mẫu vốn đặc biệt xa lạ với cuộc sống của bản thân bà: vận động viên trượt băng, vũ công, ngôi sao điện ảnh.

Ai dành thời gian quan sát Merkel cũng sớm hiểu và xếp loại được bà. Nữ thủ tướng bộc lộ sự nhạy cảm và khí chất theo một cách tương đối cởi mở. Bà không hứng thú với sự sấm vai, bà không láu cá và không thất thường, bà không lập dị. Thật dễ liệt kê những điều không phải tính cách Angela Merkel. Song nếu không có điều nào trong những điều này miêu tả được tính cách của bà, vậy thì tính cách của Merkel là gì?

Phần đông mọi người xem Merkel là gần gũi một cách đặc trưng với nguồn cội của bà và “bình thường.” Song có lẽ đây là nơi chúng ta tìm hiểu tại sao lại có nhiều sự quan tâm đến thế dành cho tính cách của bà: chúng ta ngờ rằng còn có một người phụ nữ khác đằng sau một Merkel mà công chúng nhìn thấy. Bạn không làm thủ tướng được nếu mọi người đều nhìn thấu bạn. Và thế nên cùng một thắc mắc này cứ hiện đi hiện lại: bà thực sự là người thế nào? Điều gì khiến bà khó chịu?

Câu trả lời không hấp dẫn cho lắm: với Merkel, người bạn nhìn thấy cũng chính là con người thật. Không có bí mật lớn lao nào đằng sau hình ảnh trước công chúng của bà. Đây là một người phụ nữ đã được nghiên cứu khá cẩn trọng bởi những bình luận viên cùng những người thân cận lâu năm của bà. Có nhiều phẩm chất tích cực có thể dùng để nói về Merkel: bà được miêu tả xác thực là một người phụ nữ có óc tò mò, luôn ham học hỏi. Nếu phải giải quyết một vấn đề, bà cần nhận diện mọi yếu tố của nó trước. Dù đó là vấn đề tính toán tiền lương hưu, bong bóng nhà đất, bà muốn thấu hiểu phía bên kia của cuộc tranh luận, ngay cả khi bất đồng với ý kiến của bà. Trước khi gặp gỡ tân Tổng thống Pháp François Hollande tại Reims vào ngày 8 tháng 12 năm 2012 để chào mừng kỷ niệm năm mươi năm ngày giảng hòa giữa Pháp và Đức, bà đã tìm hiểu lịch sử của thành phố này và mối quan hệ giữa hai nước. Bà mổ xẻ hồ sơ cá nhân của những người nước ngoài bà gặp để tìm kiếm tư liệu giúp bà giải quyết vấn đề của riêng mình.

Bà đã tạo dựng một mối gắn kết chặt chẽ với Thủ tướng Ấn Độ, Manmohan Singh: bà ấn tượng bởi sự nghiệp chính trị của ông, nhưng còn ấn tượng nhiều hơn bởi sự điềm tĩnh, phong thái bình thản và sự điềm đạm của một người cha nơi ông. Nếu có một ngày mà Merkel không còn khả năng sừng sốt trước những trải nghiệm mới, thì, như một người gần gũi bà từng nói: “Tất cả sẽ chấm dứt.” Ngay cả những người lên lịch làm việc cho bà cũng nhận biết khuynh hướng này và biết cách thích ứng với nó. Merkel hiếm khi ra nước ngoài mà không ghé thăm một viện khoa học. Tại Indonesia, bà đến thăm một trung tâm cảnh báo sớm sóng thần, và tại Canada là một trung tâm nghiên cứu hàng hải.

Merkel định hình thế giới quan của bà bằng phép phân tích. Bà cần đo đong đếm những cuộc tranh luận, thu thập một cách khoa học các dữ kiện, đánh giá thiệt hơn. Vấn đề với cách tiếp cận biện chứng này là Merkel thà

tìm kiếm một sự thỏa hiệp còn hơn là bày tỏ chính kiến của bà. Bà không bốc đồng giống các chính trị gia, và cũng không phải là một nhà tư tưởng. Trong phạm trù này, bà trái ngược hẳn với Gerhard Schröder, người thường ra quyết định dựa trên cảm xúc cá nhân. Khả năng đó đã gây ấn tượng với Merkel, song đây lại không phải một trong những phẩm chất của bà. Bà hình thành một lòng kính trọng lớn lao dành cho Schröder - bà từng miêu tả ông là “người có tài năng vô hạn” - song luôn đi kèm một cảm giác chiến thắng âm thầm trong sâu thẳm, vì bà biết mình đã đánh bại ông về số phiếu. Schröder là bậc thầy của hiện tại, một trong những chính trị gia giàu bản năng nhất nước Đức. Nói lên những từ ngữ biết ơn dành cho người tiền nhiệm luôn dễ dàng với Merkel: bà xem mình đang tham gia một trận đấu thể thao với ông.

Nhìn chung, bà ngưỡng mộ những người có loại phẩm chất mà bà không có, song bà vẫn thích tự phần đấu một cách bền bỉ về phía trước. Ở đây tồn tại vấn đề của Merkel: nếu đối thủ của bà không tranh luận một cách duy lý thì toàn bộ mô hình logic sẽ ngừng hoạt động, những cuộc tranh luận sẽ không còn được dùng để phản bác lẫn nhau và sự thỏa hiệp sẽ không thể đạt được. Quá trình gần như bất tận được Hy Lạp sử dụng để tìm cách tiết kiệm 12 tỉ euro trong khi thực hiện cải cách đã đẩy Merkel đến chỗ tuyệt vọng. Bà trình bày những tranh cãi bênh vực cuộc cải cách và lý lẽ của chính sách tiết kiệm tại vô số những cuộc họp của Hội đồng châu Âu, cũng như với chính người Hy Lạp. Trên thực tế, những cuộc phản biện diễn ra ngày một hời hợt. Nhưng rồi các quan điểm chính trị hóa thành những tranh cãi vụn vặt. Một trong những câu châm ngôn ưa thích của bà là: “Nếu anh bảo anh sẽ làm điều gì đó, thì anh phải làm.”

Merkel ưa thận trọng, và bản thân bà cũng là sự thận trọng. “Chúng ta có xu hướng không thận trọng trong một xã hội đã trở nên không kín tiếng,”

bà nói trong một cuộc phỏng vấn cùng người dẫn chương trình Anne Will. Với bà, việc giữ kín miệng đôi khi mang một ý nghĩa đặc biệt. Trên thực tế, thường thì điều này còn là sự cấp thiết chính trị, chẳng hạn vào ngày trước cuộc tổng tuyển cử vào năm 2005, khi trong một cuộc tranh luận trên truyền hình giữa các lãnh đạo đảng, Gerhard Schröder trở nên giận dữ và dự đoán rằng bà sẽ không bao giờ trở thành thủ tướng, vì vai trò lãnh đạo nhỏ nhoi của bà, và vì đảng của ông. Nếu Merkel cũng đáp trả bằng giọng tương tự thì có lẽ mọi chuyện đã chấm dứt, còn cuộc tranh luận sẽ kết thúc bằng một pha tranh chấp không ai chiến thắng. Kết quả cuộc bầu cử là Schröder bị đánh bại và, bất chấp kết quả bầu cử kém cỏi, CDU trên dưới một lòng thế nên cuối cùng bà đã trở thành thủ tướng. Nên thận trọng và im lặng - “Với tôi, đó là cái đẹp tuyệt vời.”

Điều này không phải lúc nào cũng đúng - do Merkel là người hòa đồng và hoạt ngôn. Những ai từng tháp tùng bà - những phát ngôn viên và cố vấn viên của bà - cần biết nhiều hơn ngoài chuyên môn trong lĩnh vực của mình: họ cần phải biết nhiều điều khác, như bóng đá, opera, nghệ thuật, lịch sử. Merkel trân trọng người có học vấn cao biết kích thích tâm trí bà.

Song thái độ của bà thay đổi tùy theo người đồng hành, đặc biệt khi liên quan đến khả năng phát ngôn công khai. Merkel có thể rất thẳng thắn, rất trực diện trong việc phán xét người khác khi bà ở giữa những người thân cận. “Gần gũi” ở đây là những ai nằm trong phạm vi văn phòng thủ tướng: cố vấn, phát ngôn viên chính phủ, người làm công việc tóm tắt tin tức cho bà mỗi buổi sáng. Những người thân cận này còn bao gồm các đồng nghiệp như Volker Kauder, chủ tịch đảng CDU và các vị bộ trưởng như Wolfgang Schäuble và Thomas de Maizière. Những cá nhân được tin tưởng này có một điểm chung: họ đều cẩn trọng. Cẩn trọng là dấu ấn của lòng trung thành. Vào lúc mới làm thủ tướng, Merkel thường tìm kiếm lời khuyên từ

những nơi khác, và thường có những bữa tối mà nhất định phải mời chuyên gia trong một số ngành tham dự. Nhưng sau một thời gian, những sự kiện này trở nên ít dần do có quá nhiều “mồm mép”. Gần đây, một giáo sư được mời đến một trong những bữa tối như thế, và châu Âu là chủ đề thảo luận. Sáng hôm sau, một nửa Berlin đã biết chuyện vị giáo sư ăn tối cùng Merkel. Và phải rất lâu nữa ông mới được mời trở lại.

Khi ai đó không đạt được kỳ vọng của bà, Merkel có thể trở nên lạnh nhạt, cay độc và mỉa mai. Những ai làm việc trong văn phòng riêng của bà đều biết bà nguy hiểm nhất khi ở trạng thái tuyệt đối bình tĩnh. Khi bà im lặng, người ta đều chờ đợi một cơn bùng phát. Merkel không bao giờ la hét, mà chỉ mỉa mai - rồi bà mới công kích. Khi một điều gì đó tích tụ nơi bà trong một thời gian dài, hay một cá nhân khó chịu nào đó làm bà bức mình, bà thu mình về trong hang của bà như một con lươn biển, chỉ hét lên vào đúng thời điểm. Thường chỉ có những đồng nghiệp thân cận hay các cộng tác viên có tương lai phụ thuộc vào bà, và những ai - nói thẳng ra - không còn được bà trọng dụng mới chứng kiến tính cách cứng rắn, bất khuất của bà. Nạn nhân nổi bật gần đây nhất là Bộ trưởng Môi trường, Norbert Röttgen, không muốn từ chức sau khi thua cuộc bầu cử địa phương tại North Rhine-Westphalia, và bị bà cách chức đột ngột. Röttgen từ chối chấp nhận rằng sự thất bại trong cuộc bầu cử đồng nghĩa ông đã trở thành gánh nặng cho cả nội các và bộ của ông.

Với những ai có sự nghiệp không nằm trong tay bà, và là những người bà cần đến - chẳng hạn lãnh đạo các đảng liên minh và người đứng đầu những chính phủ nước ngoài - Merkel hành xử khá khác biệt. Bà không cho phép mình mất kiểm chế với họ, và bà cũng tránh thể hiện bất cứ sự ưu ái công khai nào. Bà sẽ không bao giờ nói rằng bà hợp với Rainer Brüderle, lãnh đạo nghị viện của đảng Dân chủ tự do hơn là với Philipp Rösler, vị chủ

tịch của đảng này. Trong danh sách những người ưa thích, bà không bao giờ cho phép mình xếp George W. Bush cao hơn Barack Obama. Mọi thứ đơn giản là: bà không thể thay đổi họ, nên bà chấp nhận họ.

Merkel chia các đồng nghiệp và đối thủ chính trị thành hai nhóm: những người biết khi nào cần giữ im lặng và những người không biết. Vào lúc đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng đồng euro, nữ thủ tướng thường mời một số lãnh đạo đảng đến để trao đổi các ý tưởng với bà. Merkel rất thẳng thắn về sự nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng, vốn không phải lúc nào cũng thể hiện rõ, ngay cả với giới chuyên gia. Việc giữ bí mật là tuyệt đối quan trọng, bởi vì thị trường - như ai giờ cũng đã biết - sẽ phản ứng ngay lập tức ngay cả với các tin đồn nhỏ nhất. Nói về sự thận trọng, Merkel đã có nhiều kinh nghiệm với đối thủ của bà trong cuộc bầu cử năm 2013, PeerSteinbrück của đảng SPD. Trong cuộc khủng hoảng ngân hàng năm 2008, khi Steinbrück là Bộ trưởng Tài chính trong liên minh và, trong một màn phô diễn sức mạnh bất thường, chính phủ đã quyết định (gần như chỉ sau một đêm) đảm bảo cho mọi khoản tiết kiệm, cả hai người họ đều đồng ý giữ im lặng. Song giữa hai người cũng có nhiều giai đoạn không tin tưởng nhau.

Mối quan hệ của Merkel với lãnh đạo nghị viện của đảng SPD, Frank-Walter Steinmeier và Jürgen Trittin, lãnh đạo đảng Xanh tương đối suôn sẻ hơn. Nhiều chính trị gia cấp cao khác bị nữ thủ tướng xem là kém tin cậy hơn. Tuy nhiên, những cuộc họp tối mật của Merkel cũng nguy hiểm đối với những đảng đối lập: bà mong đợi các đối thủ của mình hiểu rằng họ có nghĩa vụ phải giữ bí mật - song trách nhiệm và lợi ích chính trị thì không được chia sẻ đồng đều. Trong liên minh hai đảng CDU-FDP tồn tại một môi trường tin cậy giữa bà và Ngoại trưởng Guido Westerwelle của đảng FDP. Ngay cả trong đảng của chính bà không phải lúc nào cũng có thể phát ngôn

công khai. Trong quá khứ, khi các nội dung trong chính sách ngoại giao phải được sự đồng thuận của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Karl-Theodor zu Guttenberg, rất nhiều chi tiết trong đó đã lọt vào tay giới truyền thông. Tuy nhiên, sau đơn từ chức của Guttenberg, mọi chuyện đã trở nên êm ả hơn.

Trong chừng mực sự cởi mở của bà, Merkel rất thận trọng với những người bà xem là bạn. Gần như không ai biết điều gì về giao thiệp xã hội của bà. Klaus von Dohnanyi, một chính trị gia thuộc đảng SPD đến từ Hamburg, được cho là một trong những người bạn của bà; còn những người khác được miêu tả là “bạn xem opera”. Song những thành viên trong giới giao thiệp của bà không bao giờ nói về tình bạn giữa họ và Merkel. Nữ thủ tướng duy trì một khoảng cách chuyên nghiệp giữa bà và những người làm việc cho bà; Merkel còn gọi thư ký riêng của mình, Beate Baumann bằng họ và dùng lối xưng hô trịnh trọng *Sie* khi nói chuyện với Baumann. Tuy nhiên, với vài đồng nghiệp, chẳng hạn Guido Westerwelle, Edmund Stoiber và Horst Seehofer, Merkel lại dùng cách xưng hô thân mật *du*.*

Trong đảng CDU còn có những người bạn khác thân mật với bà, nhưng cũng có một trường hợp đặc biệt mà trong đó mối quan hệ giữa bà và người này duy trì ở cách xưng hô *Sie*: Bộ trưởng Tài chính Wolfgang Schäuble. Vị chủ tịch tiền nhiệm đảng của bà có lẽ không phải là người trịnh trọng đến thế, song họ đã tiếp tục duy trì một khoảng cách có phần cảnh giác nhau. Trong một cuộc bầu cử châu Âu, Schäuble và Merkel từng để họ bị chụp hình chung với nhau. Schäuble dùng lời chú giải: “Không phải lúc nào cũng chung ý kiến, song lúc nào cũng cùng phe với nhau.” Ít nhất đây cũng là câu nói chân thành. Có lẽ ông vẫn chưa quên rằng khi bà từng công bố một lá thư trên tờ *Frankfurter Allgemeine* để công khai cắt đứt quan hệ với Helmut Kohl, bà đã không cho ông biết đầu tiên. Hay một năm trước đó, khi bà lặng lẽ thông báo kết hôn cùng Joachim Sauer, Schäuble cũng không

biết gì về chuyện này (và cả bố mẹ và anh chị em của cặp đôi này cũng thế). Điều đó đã làm ông tổn thương nặng nề. Trong đời tư, Merkel đôi khi có thể hành xử khá kỳ quặc.

Tuy nhiên, trong mùa xuân năm 2012, đã có một buổi gặp riêng giữa họ mà sau đó cũng đến tai công luận, và vì thế tạo ra một hiệu ứng còn lớn hơn nhiều. Merkel hỏi Schäuble có muốn cùng bà đến rạp xem bộ phim Pháp *Les Intouchables*, được phát hành ở Đức với tựa *Ziemlich beste Freunde*, và có thể được dịch thành *Gần như bạn tốt* hay không. Đây là câu chuyện nổi tiếng và xúc động về một người bị liệt chân con nhà quý tộc, Philippe Pozzo di Borgo, vốn bị bó buộc vào một chiếc xe lăn và chiếc xe hơi màu đen dị thường của anh. Schäuble tự hỏi một cách đùa bỡn rằng ông có nên đi xem phim với một phụ nữ không phải vợ mình hay không. Nhưng rốt cuộc, ông cùng Merkel đã lọt vào trong một rạp phim ở khu Potsdamer Platz mà gần như không bị ai phát hiện. Nữ thủ tướng và vị Bộ trưởng Tài chính - gần như bạn thân, nhưng chỉ gần như mà thôi. Sau đó họ đi uống và xem bóng đá.

Từng có lúc Merkel nói khá cởi mở về cuộc sống cá nhân của bà, và nhờ thế chúng ta biết rằng bà không những xem trọng hai chữ “khiêm nhường,” mà còn cả ý nghĩa của nó. Nếu ai đó nài ép bà quá mức, bà sẽ nói với các đồng nghiệp: “Ông ấy cần khiêm nhường hơn một chút.” Từng tính cách con người bà đều cho thấy rõ bà xem vai trò của mình là một người phục vụ, trách nhiệm và hệ thống. Kỷ luật là một khái niệm then chốt trong cuộc sống lao động của bà, sự đúng giờ là quan trọng: bà sẽ thúc đẩy bản thân quyết liệt, gần đến mức hành xác, ngồi trong vô số các buổi họp và chỉ ngủ vài tiếng mỗi ngày. Bà mang đến ấn tượng của sự điềm tĩnh tuyệt đối, của sự giải thoát ý thức hệ, song còn là một nhà chiến lược tài ba. Merkel giới hạn bản thân bà trong hai việc bà làm giỏi nhất: tranh cãi và bàn luận.

Bà bám sát những dữ kiện thực tế, và dùng chúng để chống lại các luồng ý kiến khác và chiến thắng. Bà biết bà phải nỗ lực để chứng minh cho sự khẳng định quyền lực của bà, và không thể xem nhẹ vị thế bất khả xâm phạm mà bà đang có. Khi được hỏi về quan hệ của bà với quyền lực, bà phát biểu một câu gay gắt thấy rõ: “Tôi không phải người theo chủ nghĩa thất bại, một người không thể chỉ đơn giản bắt chước kẻ khác. Tôi thích giữ đầu mình phía trên mặt nước. Tôi không giỏi lạc lối.” Khi được hỏi liệu bà có thích tận hưởng quyền lực không, Merkel đáp: “Nếu người ta tiếp cận nó một cách đúng đắn, thì đó chỉ là một phần công việc. Nó không phải điều mà người ta nên bàn luận.”

Vào lúc mới vươn đến đỉnh cao, việc bị đánh giá thấp cũng là lợi thế của bà. Bà luôn tỏ ra kém ghê gớm hơn con người thực sự của bà. Những chính trị gia như Schröder hay Kohl thì không bao giờ xem nhẹ thành tựu của họ. Không như Merkel, vốn từng nói: “Tôi biết nỗi sợ các bạn có khi mọi chuyện diễn ra quá suôn sẻ. Tôi hiểu rằng vận rủi, dù ít hay nhiều, cũng có xu hướng lấn át vận may. Nói cách khác, khi tôi may mắn, khi tôi đã trải qua một giai đoạn tốt, tôi luôn lo sợ rằng nó sẽ được tiếp diễn bằng một giai đoạn xấu.”

Tuy nhiên, vào cuối nhiệm kỳ thứ hai, bà có vẻ thư giãn hơn. Mặc dù Merkel đã chịu áp lực to lớn và cuộc khủng hoảng euro làm dấy lên quan ngại sống còn, bà đã chứng tỏ bà luôn hài lòng với thế giới. Bà đã hai lần được bầu làm thủ tướng, và đã trải qua hai quốc hội, vượt xa mọi trông đợi sau khi bắt đầu vai trò thủ tướng không dễ dàng với một đa số mỏng manh dành cho đảng CDU trong chính phủ liên minh. Nhưng cũng ít người ngờ được rằng trong nhiệm kỳ thứ hai của bà, chính phủ liên minh với đảng có vẻ là đối tác lý tưởng của bà, đảng FDP, vốn trở nên vô tổ chức cuối cùng lại đứng vững lâu đến thế.

Merkel tỏ ra hài lòng với bản thân bởi vì bà đã vượt lên trên sự dễ tiện của chính trị trong những hoàn cảnh khó khăn. Giờ bà nắm quyền một cách gần như không có đối thủ, đặc biệt trong chính sách ngoại giao. Tuy cuộc bầu cử đầu tiên trong năm 2005 đã đặt bà dưới một áp lực khổng lồ, cả thể chất lẫn tinh thần, bà vẫn hướng về cú chạy đà cho cuộc bầu lại thứ hai tiềm năng với tâm trạng thư giãn một cách đáng ngạc nhiên. Bà không còn gì để phải chứng minh nữa. Bà muốn được nhìn nhận như bến neo an toàn trên các đại dương đầy bão tố. Những chuyên gia PR và truyền thông thật may mắn: rốt cuộc họ có thể tận dụng một cách có lợi các phẩm chất của ứng viên phe mình.

Trong trạng thái không để tâm đến nghĩa vụ cho cuộc tái bầu cử, Merkel tỏ ra khá ngờ nghệch. Dầu vậy, đây lại là bí mật cho thành công của bà trong ít nhất tám năm qua. Có lẽ những nhu cầu rồi sẽ thay đổi còn mọi người sẽ khao khát có một thủ tướng mồm mép và nồng nhiệt hơn, song đây lại không phải phong cách của Merkel. Không ai có thể tưởng tượng cảnh bà bị chụp ảnh trong tư thế chiến thắng như Gerhard Schröder với tất cả những hiện vật phù phiếm như xì gà và áo choàng dài lấp lánh. Điều quan trọng nhất là khả năng tự kiềm chế, giữ mọi sự ổn định và điều độ. Tiền không quan trọng với bà, và bà không thích sự phô trương - của vị tiền nhiệm hay cựu Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy. Tất cả những gì bà cần là sự riêng tư trong căn nhà ở miền quê của bà và căn hộ bà thuê tại Berlin.

Đứng trong tâm điểm của thế giới riêng tư này là Joachim Sauer, một trong những nhà hóa học lượng tử giỏi nhất nước Đức và trên toàn thế giới. Nếu, bất chấp mọi sự phơi bày trước công chúng, Merkel vẫn giữ được sự bí ẩn nhất định thì Sauer thật sự sống ở một thế giới khác. Điều này được kiểm chứng nhờ cách ông chào đón bất cứ câu hỏi nào về bản thân: “Tôi đã quyết định không thực hiện cuộc nói chuyện với phóng viên nào không hỏi

về công việc của tôi với tư cách một nhà nghiên cứu và giảng viên ở trường đại học, mà chỉ quan tâm đến hoạt động chính trị của vợ tôi.”

Điều này khiến người ta không còn cách nào khác là tôn trọng quyết định của ông, bởi Sauer quay lưng với mọi sự công khai. Không ai biết về quan điểm chính trị của ông, nên việc đánh giá ảnh hưởng của ông lên công việc của vợ mình là điều bất khả thi. Tuy vậy, bản hồ sơ cá nhân được trình bày một cách khoa học của ông thì rất ấn tượng, một minh chứng cho sức mạnh sáng tạo to lớn. Chẳng hạn, ông sẽ rất hào hứng nói về tương tác giữa các nguyên tử vàng và các phối tử thiosunfat và arila trên một bề mặt vàng.

Angela Merkel gần như chưa bao giờ nhắc đến vai trò của Joachim Sauer trong đời sống chính trị của bà. Nếu chúng ta nhớ lại sự ưa thích của bà đối với mẫu đàn ông điềm tĩnh, biết phân tích và biết giữ khoảng cách, những người như thủ tướng Ấn Độ Singh, thì chồng bà sở hữu hết những phẩm chất này. Bà từng gọi những cuộc trò chuyện cùng ông là “sống còn” đối với cuộc đời bà và từng miêu tả ông là một “nhà cổ vấn rất giỏi.”

Bởi quy tắc cần trọng mà họ áp đặt lên cuộc sống của mình, cặp đôi Merkel và Sauer đã đặt ra những tiêu chuẩn mới cho những mối quan hệ chính trị. Bằng cách này, họ cũng mang nghi thức ngoại giao của nghệ thuật kỹ trị quốc tế vào thế kỷ 21. Những ngày tháng một chính trị gia cùng vợ phải công du cùng nhau đã xa rồi. Một lý do cho chuyện này có thể vì chính trị gia không còn là đàn ông nữa, còn đối tác của chính trị gia không nhất thiết là giới tính ngược lại. Trong thời kỳ Merkel làm thủ tướng những yêu cầu về nghi thức đã giảm thậm chí còn mạnh hơn, đặc biệt là những nghi thức lỗi thời “màn trình diễn của đệ nhất phu nhân,” mà bây giờ gọi là “chương trình nghị sự cho vợ/chồng lãnh đạo” - nếu nó vẫn tồn tại.

Hội nghị G8 của Merkel ở Heiligendamm vào năm 2007 là nỗ lực thích ứng với lễ nghi đầu tiên và cuối cùng của Joachim Sauer. Khắp nơi trên thế

giới, những đối tác có cùng tư duy thuộc cả hai phái (của các vị lãnh đạo) đều đã làm theo ông. Giờ đây không còn tổng thống nào nghiêm nhiên có phối ngẫu đồng hành với mình nữa - Hillary Clinton đã đặt dấu chấm hết cho điều này. Merkel chỉ ghé thăm qua một vài quốc gia và để vinh hạnh cao nhất này lại cho tổng thống Đức. Là thủ tướng, bà thích những chuyến công du được lên lịch nghiêm ngặt hơn, khi bất cứ điều gì cần nói đều được trình bày trong phạm vi vài tiếng đồng hồ.

Trong không nhiều chuyến công du cùng Merkel, Sauer đôi khi sẽ tham gia một vài nghi thức ngoại giao nhỏ. Ông từng hai lần công du với bà: năm 2006, không lâu sau khi bà nhậm chức, ông đi cùng bà đến Vienna, mặc dù có lẽ chỉ vì âm nhạc ở đó. Rồi ông tháp tùng bà khi bà được Barack Obama trao tặng Huân chương Tự do của Tổng thống. Cũng như nữ thủ tướng, ông cảm nhận sự thân thuộc gần gũi với Hoa Kỳ, và công việc của ông thường mang ông sang bên kia bờ Đại Tây Dương. Trong quốc yến tại Nhà Trắng, ông đã bắt tay cùng 208 vị khách mà không tỏ ra bị choáng ngợp. Trước đó ông đến một mình, và trễ do một hội nghị ở Chicago chiếm ưu tiên, ông đã quyết định đặt ưu tiên ở đâu, chứ không theo lễ nghi của người Mỹ. Hơn nữa, như chính ông từng nói, “Tôi không có lợi gì với công chúng.”

Khái niệm tự do của Merkel

Nếu Joachim Sauer nắm giữ chìa khóa đến tính cách và các giá trị của Merkel, thế giới tư tưởng nội tâm của bà lại thường được hé lộ bởi những người mà bà ít gần gũi hơn, chẳng hạn huấn luyện viên bóng đá Vicente del Bosque và Jurgen Klinsmann. Đầu tiên bởi vì bà thích bóng đá và ngưỡng mộ thành quả của cả hai người đàn ông này, và thứ hai bởi họ là hiện thân của những thái độ và niềm tin mà bà xem là mẫu mực. Nếu có một thứ phiên bản phổ biến của danh mục những niềm tin của Merkel, thì hai vị huấn luyện viên bóng đá này có thể giúp ta tiếp cận nó.

Merkel là một người hâm mộ nhiệt thành Jürgen Klinsmann rất lâu trước khi huấn luyện viên này tạo ra mùa hè 2006 thần diệu - cơn sáng khoái World Cup quét qua khắp đất nước và còn cho phép giới chính trị gia hòa mình vào cơn ngất ngây của nước Đức. Điều Merkel ngưỡng mộ ở Klinsmann là cách tiếp cận logic để đưa ý tưởng vào thực hành, là cách ông trở về sau khi sống xa quê tại California để điều hành đội tuyển quốc gia, là cách ông cải tổ giải bóng đá Đức với những chiến thuật và phương pháp huấn luyện mới mẻ để cuối cùng tạo ra một khía cạnh đóng vai trò hình mẫu cho ưu thế và hiệu quả.

Mọi chuyện gần như tương tự đối với huấn luyện viên đội tuyển Tây Ban Nha, Vicente del Bosque, người mà Merkel không trực tiếp quen biết. Del Bosque không chỉ biến đội tuyển Tây Ban Nha trở nên gần như bất khả chiến bại, mà ông còn gắn kết được các cầu thủ (những người vốn trung thành với tín ngưỡng của riêng họ) bằng cách mang đến cho họ một cảm giác về dân tộc và cộng đồng, thậm chí họ một triết lý dựa trên tự do và tôn trọng.

Trong khi nghiên cứu về những giá trị của Merkel, sớm hay muộn chúng ta cũng phải nói về tự do, bởi vì đó là nguồn động lực thúc đẩy những giá trị đó. “Giá trị” là thuật ngữ được dùng nhiều trong một thời đại mà ý thức chính trị nghiêm túc (political correctness) có hẳn một catalog những niềm tin và lời buộc tội được làm sẵn để tùy nghi sử dụng, nơi mà chúng ta có thể trông đợi để được nghe một bài giảng về lòng khoan dung và phẩm hạnh con người bởi những thành viên trong hội đồng địa phương, nơi mọi công ty xuất-nhập khẩu công bố những tuyên ngôn sứ mệnh và đạo đức trên trang web. Nên khi các chính trị gia khoác lên mình những bộ đồ đẹp nhất và nói chuyện về các giá trị, cử tri thường không chú ý mấy. Họ biết mình đang sống trong một thời đại hậu-ý thức hệ mà trong đó các chính

trị gia phải sẵn sàng để hạ thấp niềm tin của chính họ nếu muốn thắng trong các cuộc bầu cử. Angela Merkel đã không trở thành thủ tướng nếu bà mắc kẹt một cách cứng nhắc vào một vị trí duy nhất, cũng như không cho thấy sự linh hoạt trong việc thích ứng với quan điểm của hai cánh tả và hữu.

Tuy nhiên, có một sự khác biệt lớn giữa luận bàn về giá trị và bản thân các giá trị. Có lẽ những niềm tin chỉ có thể được kiểm chứng một khi chúng đã lắng xuống, như những lớp trầm tích. Vậy liệu giá trị có phải chỉ là một dạng niềm tin đã hóa thạch? Những lãnh đạo chính phủ thích nói về các giá trị của họ, đặc biệt khi thảo luận về chính sách ngoại giao. Tuy thế, những ngôn từ này mang rất ít ý nghĩa trừ khi chúng được kiểm nghiệm trong thế giới thật và sống sót qua quá trình ra những quyết định chính trị, vốn bất trắc và khó lường. Trong ngày đầu của sự nghiệp chính trị, Angela Merkel thường xuyên nói về những nguyên tắc của bà - nhưng chỉ đến bây giờ, sau hai nhiệm kỳ thủ tướng, thì một mô hình mới bắt đầu lộ diện.

Đứng đầu thang giá trị của Merkel là tự do. Chỉ nói riêng về độ xác tín đơn thuần thôi, bà đã có lợi thế sau khi sống 35 năm ở Đông Đức.* Điều gây ngạc nhiên duy nhất là bà phải mất mười năm trước khi “tự do” trở thành một vũ khí từ ngữ trong từ điển của bà - một cách gần như lén lút ban đầu tại hội nghị đảng CDU tại Essen vào năm 2000, khi bà được bầu làm chủ tịch đảng và dĩ nhiên xem việc làm rõ các nguyên tắc là hành vi khôn ngoan. Nên bà kể ra hàng loạt các giá trị - không phải của bà, mà của CDU, vốn có thể khiến các đại biểu tập trung lắng nghe. Tự do, trách nhiệm, an toàn: một trong những “bộ ba thần thánh” mà đảng CDU và các đảng khác thích dùng trong thời hậu chiến.

Từ “tự do” tái xuất với uy lực tối đa ba năm sau đó, trong bài diễn văn có lẽ được chuẩn bị kỹ lưỡng nhất mà Merkel từng trình bày. “*Quo vadis, Deutschland?*”* là một chủ đề có phần lỗi thời khi, với tư cách lãnh đạo

đảng đối lập, Merkel kêu gọi phe bảo thủ vũ trang vào ngày 1 tháng 10 năm 2003, một năm sau khi cuộc tái bầu cử của liên minh đảng Đỏ-Xanh. Bà cải tổ các học viện lỗi thời và tình trạng trì trệ của đất nước và tạo ra một thứ tương tự như lịch làm việc. Dầu vậy, tâm điểm của điều này vẫn là khái niệm tự do của bà, hay đúng hơn là sự kết hợp của các giá trị tự do, đoàn kết và công lý. Điều nghe giống như một diễn từ lấy lòng đám đông từ Mười điều răn của đảng CDU vào thời điểm đó về sau đã được lặp lại nhiều lần.

“Không có tự do thì không có gì cả!” vị chủ tịch đảng CDU đã tuyên bố như thế trước khán giả của bà tại Bảo tàng Lịch sử Đức. “Tự do là niềm vui của thành tựu, sự thăng hoa của cá nhân, sự ăn mừng những khác biệt, sự cự tuyệt những điều xoàng xĩnh, và tinh thần chịu trách nhiệm cá nhân.” Đây là bài thuyết giáo mà Merkel, với tư cách chính trị gia, trình bày để đối phó với các vấn đề trong nước - và bà cũng muốn buộc đảng mình tiếp nhận những giá trị hiện đại. Theo bà, dân chủ và nền kinh tế thị trường xã hội là con đẻ của tự do. “Nếu chúng ta được sống trong công lý và đoàn kết một lần nữa, thì tự do phải được khôi phục trong thang bậc giá trị của chúng ta, được viết rõ ràng từng dòng một.”

Năm 2005, tự do một lần nữa xuất hiện trên các trang nhất, khi Merkel tuyên thệ nhậm chức thủ tướng và đọc bài diễn văn chính sách đầu tiên từ dãy ghế vòng tròn trong Quốc hội Đức. “Chúng ta hãy dám khao khát có thêm tự do” chính là cái gậy đầu dành cho Willy Brandt cũng như bước đi chiến thuật để thống trị đối tác của bà trong liên minh SPD. Cũng như trong bài diễn văn *quo vadis*, bà sử dụng chủ đề tự do chủ yếu để nói về chính trị trong nước - nhấn mạnh vai trò của cá nhân trong xã hội và việc mọi người cần phải chịu trách nhiệm cho cuộc đời của chính họ.

Với Merkel, giá trị là điều gì đó rất cá nhân, nên không ngạc nhiên khi - trong bối cảnh bà luôn tránh nói về đời tư - bà chưa bao giờ tận dụng quá khứ Đông Đức của mình. Cũng cần nhận thấy rằng ý tưởng về việc Merkel đóng vai trò biểu tượng của tự do chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Tổng thống George W. Bush là người đầu tiên bị thuyết phục bởi câu chuyện Lọ Lem từ Đông Âu này. Cuộc đời Merkel đã có khá nhiều thăng trầm, nên việc bà dễ được thấu hiểu tại vùng đất của Hollywood và người nổi tiếng làm chính trị gia cũng hợp lẽ tự nhiên.

Barack Obama tặng bà Huân chương Tự do của Tổng thống không phải để công nhận việc bà đã quyết định từ bỏ chương trình hạt nhân của Đức, mà vì chính cuộc đời bà, vốn đã làm lay động sâu sắc người Mỹ. Tuy nhiên với Merkel, tự do có những ranh giới rõ rệt. Bà không muốn làm biểu tượng của quyền tự do và từ chối đeo biểu ngữ tự do mà người ta trao cho bà. Song với người quan sát, điều này chỉ thấy được khi điều nghiên kỹ lưỡng. Chẳng hạn, con gái của cựu thủ tướng Ukraine, Yevhenia Tymoshenko từng xin gặp Merkel với hy vọng tận dụng chủ đề tự do nhằm thuyết phục bà bênh vực cho mẹ mình. Merkel từ chối vì bà cảm thấy mình đang bị thao túng. Số phận của Yulia Tymoshenko là một chuyện, quá khứ của riêng bà là một chuyện khác. Trong trường hợp này, Merkel là thủ tướng Đức chứ không phải một cô chị gái cho cuộc tranh đấu giành tự do.

Dẫu vậy, thật sững sốt khi thấy lối tường thuật về mối liên hệ giữa bà và tự do như vậy thành công đến nhường nào, đặc biệt ở bên ngoài nước Đức. Khi ở nước ngoài, bà bớt miễn cưỡng hơn trong việc dùng câu chuyện của mình để bắt đầu. Khi một lãnh đạo chính phủ được bầu lên ở đâu đó, hay khi bà muốn tạo lập một mối quan hệ cá nhân, bà sẽ nói về cuộc sống ấu thơ của mình - để rồi nhận lại sự hoài niệm tương tự hay một tiết lộ cá nhân khác. Tất cả những điều này giúp củng cố các mối quan hệ.

Giờ đây, sau bảy năm làm thủ tướng, tự do là chủ đề xuyên suốt nhiều hơn bao giờ hết trong chính sách đối ngoại của bà. Tự do, như bà trình bày trong những biến thể ban đầu về chủ đề này, là vượt lên tất cả những cơ hội khai phá giới hạn của một con người. Chuyển sang bản thân bà: là một nhà vật lý trẻ, Angela Merkel bị ngăn cản hiện thực hóa tiềm năng của bản thân bởi chế độ Đông Đức ngặt nghèo. Chỉ nhờ sự sụp đổ của Bức tường mới cho phép bà khám phá và phát triển năng lực của mình. Và giờ đây bà đã vươn đến vị trí thủ tướng. Ngay cả bây giờ, bản thân trải nghiệm tự do này thể hiện sự viên mãn đối với Merkel: “Tự do là trải nghiệm hạnh phúc nhất của đời tôi. Không gì làm tôi tràn đầy nhiệt huyết, thúc tôi chạy nhanh hơn, giúp tôi cảm thấy tích cực hơn là sức mạnh của tự do.”

Trong trải nghiệm này có một thông điệp quan trọng gửi đến thế giới: một chế độ ngăn trở con người phát triển một cách tự do thì không phải một chế độ tự do hay công bằng. Tính cá nhân - đặt trong ngữ cảnh nguyên tắc luật pháp - chính là sức mạnh thúc đẩy đằng sau dân chủ. Chỉ những ai phát huy hết bản thân mới có tự do. Thông điệp này cũng tiện thể phù hợp với giá trị cốt lõi của đảng CDU. Tuy nhiên, trong vài năm qua, đảng này đã luôn phải đứng thứ hai trước khán giả quốc tế mà bà Merkel hiện đang trình diễn. Thông điệp tự do của bà phù hợp với Trung Quốc cũng như Mỹ Latinh hay Nga. Thông điệp này vừa dành cho những nước ngập trong nợ, nơi mà hệ thống luật hạn chế là vật cản của tự do và sáng tạo, vừa dành cho cả ủy ban châu Âu, vốn cản trở sự đa dạng trong lòng châu Âu do nỗi ám ảnh của nó đối với cộng đồng chung này.

Với Merkel, tự do là trải nghiệm cá nhân hơn là giáo điều chính trị. Nhưng nữ thủ tướng xem tự do là một trong những nguồn lực thúc đẩy mạnh mẽ nhất thế giới. Bất cứ khi nào xuất hiện một nỗ lực cải cách - bà nói ngay trước khi được bầu vào năm 2005 - tự do phải luôn đóng vai trò

trung tâm trong những quyết định chính trị, ngay cả trong các xung đột quốc tế. Và sau này bà đã nói: “Việc dân chủ đối diện với Liên Xô và đặt dấu chấm hết cho Chiến tranh lạnh là một thắng lợi phi thường. Và tôi muốn đóng góp phần mình bằng cách giúp tự do và nhân quyền tỏa khắp thế giới. Chúng ta có phương tiện để làm điều đó.”

“Chúng ta” ở đây nghĩa là phương Tây, với am hiểu của họ về giá trị của tự do. Còn phương tiện bao gồm dân chủ, niềm tin vào sự giải phóng, sự hoàn thành mong muốn cá nhân, sự cởi mở - tất cả những sản phẩm của sự Khai sáng. Hẳn thế, nếu (sau bảy năm làm thủ tướng, sáu chuyến thăm đến Trung Quốc, nhiều mâu thuẫn về chiến tranh và hòa bình, những tranh luận kịch liệt với Tổng thống Nga Putin, những bất đồng về tư tưởng với Thổ Nhĩ Kỳ quanh vấn đề hòa giải, tóm lại là các trải nghiệm của bà về cách mạng, đàn áp và bất công) nếu có một ý tưởng nảy mầm trong con người nữ thủ tướng, thì đó chính là: Angela Merkel quan tâm đến phương Tây.

Bà sợ rằng các chính quyền theo chế độ tự do sẽ không sống sót nổi, rằng dân chủ và kinh tế thị trường có thể rồi sẽ tỏ ra quá yếu kém. Merkel, vốn hay so sánh và nghiên cứu các thể chế, có một thông điệp rõ ràng: bài kiểm tra khó khăn nhất cho tự do là thứ mà phương Tây vẫn chưa trải qua. Quyền lực tối thượng của những giá trị này vẫn chưa được đảm bảo. Mọi thứ đều có thể suy thoái thành cuộc chiến giữa các giá trị. “Tôi lo sợ rằng những xã hội cởi mở trong thế giới hậu Chiến tranh lạnh đang gặp nguy hiểm hơn chúng ta hình dung,” bà từng nói.

Merkel ít khi phát biểu quan ngại của bà dành cho chế độ. Trên thực tế, bà chưa từng nói về điều này một cách chi tiết. Có vài lần tùy dịp, chẳng hạn trong bài diễn văn của bà sau khi ký bản hiệp ước thống nhất cách đây hai mươi năm: “Đôi khi nỗi sợ lớn nhất của tôi là bằng cách nào đó chúng

ta đã đánh mất sức mạnh nội tâm để tranh đấu cho con đường sống của chúng ta. Chỉ có thể nói về điều này như sau: nếu chúng ta đã đánh mất nó, thì chúng ta cũng có thể mất luôn sự phồn vinh và thành công của mình.”

Trong một dịp khác, bà đã thừa nhận “trách nhiệm nhận biết khi nào thì chế độ sụp đổ” của bà. Sau này bà còn trả lời trong một cuộc phỏng vấn: “Việc chúng ta không lừa phỉnh chính mình là rất quan trọng. Hiện trạng tại Đức và châu Âu không phải là quy luật tự nhiên.” Hay, nói theo một cách tích cực hơn: “Chúng ta phải rời xa một thế giới lưỡng cực, dựa trên việc cản trở lẫn nhau, để hướng đến một thế giới đa cực. Trong thế giới mới này sẽ có ổn định nếu có một thỏa thuận quốc tế về những giá trị căn bản, và chúng ta tôn trọng nhau thông qua những giá trị đó.”

Nếu chúng ta phân tích câu này, Merkel nói rằng thế giới đang chạm trán với một sự xung đột các hệ giá trị, một sự xung đột chế độ chính trị và lối sống ưu việt hơn. Xung đột này có thể trở nên khó chịu hoặc - nói theo ngôn ngữ chính trị - tạo ra bất ổn. Có lẽ nước và tài nguyên thô sẽ trở nên khan hiếm, có lẽ các khu vực ảnh hưởng, luật lệ thương mại hoặc đất đai sẽ bị đe dọa: tất cả sẽ là xung đột giữa những chế độ tự do và không tự do. Bởi vì, như Merkel nói: “Chúng ta không có quyền đương nhiên gắn với dân chủ hay thịnh vượng dài lâu.” Các mối đe dọa luôn ở đó, còn lịch sử là một quá trình đang diễn ra.

Trong những chuyến công du nước ngoài, nữ thủ tướng thích tập hợp các phóng viên tháp tùng bà trong buồng hội nghị trên chiếc Airbus của không quân Đức (Luftwaffe). Họ gặp nhau một lần trong chuyến đi, và một lần trong chuyến về, và họ ngồi trên những ghế sofa sắp theo hình chữ nhật xung quanh một bàn cà phê đóng chặt xuống sàn của căn buồng. Họ phải ngồi gần nhau, gối bó lại do không đủ chỗ. Nữ thủ tướng sẽ chen vào giữa họ: việc cố tránh không đụng chạm là vô nghĩa. Trong khi đó, màn hình lớn

trong buồng cho thấy những bức ảnh do các máy ảnh gắn ở đuôi máy bay chụp được: bạn có thể thấy máy bay đang bay, toàn thân chiếc máy bay đang lướt giữa đám mây như một tên lửa, mặt đất ở xa bên dưới. Đây là lúc dành cho tư duy chiến lược, nền tảng. Các đồng nghiệp của Merkel có thể nhận biết khoảnh khắc bà nhìn xa vào tương lai - trước 10, 20 năm. Những điều bà nói công khai đọng lại trong tâm trí bạn: “Suốt 35 năm qua, tôi đã sống dưới một thể chế chuyên chế. Nên tôi luôn nghi ngờ khi người ta nói: nó không thể xảy ra lần nữa.”

Merkel chia sẻ kinh nghiệm này với nhiều nhà lãnh đạo chính phủ từ Đông Âu, và trong cuộc khủng hoảng euro bà nhắc đi nhắc lại với nhóm lãnh đạo EU một cách không biết mệt: “Tôi biết cảm giác sống trong một chế độ đang sụp đổ ra sao, và tôi không muốn trải qua điều đó lần nữa.” Có những lúc Merkel đã dùng nhãn quan Đông Đức của bà để nhìn vào hình mẫu phương Tây mà bà luôn ngưỡng mộ. Một dịp bà nói: “Những nền kinh tế thị trường đã tận dụng cuộc khủng hoảng kinh tế để kiếm lời, song điều này không có nghĩa họ đã thắng trong cuộc cạnh tranh giữa các chế độ khác nhau một lần và mãi mãi.”

Bà sẽ kiểm tra tốc độ tăng trưởng thần tốc của các nước châu Á, so sánh các dữ liệu nhân khẩu học; bà có thể miêu tả mức đóng góp dựa theo độ tuổi ở Đức và châu Âu bằng trí nhớ. Bà biết các mục tiêu tăng trưởng cần phải đạt được nếu duy trì được sự phồn vinh của châu Âu, và hỏi: “Chúng ta có thể bắt kịp tốc độ trong môi trường toàn cầu không, hay chúng ta phải học cách sống chung với những nhược điểm do cơ cấu dân số và tình trạng thiếu tăng trưởng của mình gây ra?” Bà phàn nàn về các quá trình ra quyết định ở châu Âu, những khoảng thời gian dài lê thê mà khu vực này cần để thảo luận những đề xuất cũng như thông qua hay loại bỏ chúng, trong lúc ở

bên kia địa cầu, một cỗ máy chuyên quyền đói khát tăng trưởng đang chuẩn bị nuốt chửng cả thế giới.

Một dự báo bị thổi phồng chẳng? Có lẽ nói hơi quá, song các nhà địa chiến lược đều đồng ý rằng cuộc đối đầu ý thức hệ lớn tiếp theo (sau cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản) sẽ là giữa những thể chế mở và đóng, giữa tự do và chuyên quyền. “Chúng ta có thể trông thấy những quá trình chuyển dịch đang dần diễn ra trước mắt,” Merkel từng nói. “Hai mươi năm không phải một thời gian dài. Những thế lực khác biệt nhau vẫn đang phát triển. Những đường lối để các nước có thể cộng sinh thì chỉ mới bắt đầu thành hình.” Có lẽ bà cũng từng nói: Tôi muốn dân chủ chiến thắng.

Những mâu thuẫn mới giữa các quốc gia chỉ mới xuất hiện. Chẳng hạn, trong suốt cuộc khủng hoảng tiền tệ gần đây, Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF) đã yêu cầu thành viên của mình nâng mức đóng góp nhằm tăng danh mục tài sản nắm giữ. Ethiopia và nhiều quốc gia khác đã làm theo, nhưng Hoa Kỳ thì không. Những điều như vậy đã làm Merkel tổn thương, bởi vì bà không ngờ mình lại nhìn thấy ở chính nơi này sự ưu tiên đang bị chuyển dịch. Có lúc, mối quan hệ giữa những nước đóng góp sẽ biến thành những khối đầu phiếu (voting bloc), và những nước ngoài Hoa Kỳ sẽ quyết định chính sách cho IMF. Thành thạo, Merkel thích lắng nghe những cuộc thảo luận của ủy ban Thường vụ Bộ chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, khi tám nhân vật cao nhất ở mảnh đất hùng mạnh đó ra quyết định. Hoặc bà thích có mặt trong những cuộc thảo luận của liên đoàn Ả rập. Có lẽ bà cũng không phản đối việc du hành ngược thời gian để có mặt trong bộ chính trị của đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất ở Đông Đức cũ.

Mỗi khi Merkel đến Trung Quốc hoặc những quốc gia mới nổi với mức độ dân chủ tối thiểu hoặc hoàn toàn không có gì, bà luôn để lại cho họ lời

cảnh báo: các bạn đang làm tốt, nhưng con người cần có tự do. Theo kinh nghiệm của bà, tự do là phần thưởng đến cùng với thịnh vượng và tăng trưởng. Còn trong quan điểm của bà, đó là một phần thưởng đáng có.

Năm 2010, Merkel trao tặng một giải thưởng truyền thông cho Kurt Westergaard, nghệ sĩ vẽ tranh biếm họa Muhammad. Bà đọc bài diễn văn nhan đề “Bí mật của tự do là lòng can đảm.” Joachim Gauck, lúc đó chưa làm tổng thống Đức song quá hiểu về tự do, đảm nhiệm việc trao giải.* Trong bài diễn văn, Merkel nỗ lực định nghĩa tự do - để không ai có mặt ở đó có thể tìm cách kéo căng khái niệm cơ bản này cho phù hợp với tiêu chuẩn của cá nhân họ. Tự do, Merkel nói, đầu tiên và trước hết là liên quan đến trách nhiệm. “Một mặt là tự do thoát khỏi thứ gì đó, còn mặt khác là tự do để làm điều gì đó. Nên khi chúng ta nói về tự do, chúng ta thật ra luôn nói về tự do của người khác.” Sự khoan dung cũng cần thiết. Trong hệ thống giá trị của Merkel, lòng khoan dung chỉ đứng sau tự do và ngang hàng với trách nhiệm.

Trong hệ thống giá trị này, trách nhiệm chủ yếu liên quan đến chính trị và nền kinh tế. Bà không thích sự tự do của mình bị xem nhẹ. Trong cuộc khủng hoảng tài chính, như Merkel nhìn nhận, nền kinh tế ngân hàng đã làm thế - nó đã hành xử vô trách nhiệm. Merkel có thể rất khó chịu với các chủ ngân hàng quy lụy Mỹ sau khi tự trả cho họ những khoản bồi lộc khổng lồ. Bà không chỉ cảm nhận một cú đánh đã được tung ra nhằm vào sự hiểu biết các giá trị của bà, mà còn là việc uy quyền của bà đã bị thách thức. Nên bà viết ra chữ để ai cũng đọc được: “Nhà nước bảo vệ trật tự của nền kinh tế thị trường xã hội của chúng ta.” Merkel cảm thấy quyền lực của nhà nước Đức đã bị thách thức, và bà đã thề sẽ khôi phục ý tưởng của riêng bà về giá trị và trật tự.

Một thứ khác liên quan đến tự do trong hệ thống giá trị của Merkel là lòng can đảm. “Bí mật của tự do là lòng can đảm,” bà nói, dẫn lời vị tướng kiêm chính trị gia cổ đại Pericles của thành Athens. Hay, để lặp lại nhạc sĩ bất đồng chính kiến Đông Đức Wolf Biermann, vốn là người bà ngưỡng mộ: “Lòng can đảm bắt đầu với việc vượt qua sự thoái chí của chính bản thân.” Chúng ta đều đã trải qua điều đó, ngay cả khi chưa từng sống ở Đông Đức. Rõ ràng Merkel thuộc về câu lạc bộ của những người nghĩ gì nói vậy - khi thời điểm chín muồi, khi bà đã cân nhắc xong các hệ quả và loại bỏ mọi phương án song song, Merkel có thể trực ngôn một cách tàn nhẫn.

Trường hợp các bức tranh biếm họa Muhammad là câu chuyện của các giá trị phổ quát, là việc ai sẽ thắng sau cùng, hoặc những người tự do hoặc những người không tự do. Bà kết thúc bài diễn văn trao thưởng cho Westergaard bằng một tuyên ngôn nữa về nguyên tắc. Với những ai tự hỏi rằng “Liệu chúng ta có được phép làm thế không?” bà nói, “chúng ta không hề tự phụ. Bất cứ ai chất vấn những quyền này đều không quan tâm đến thiện tính của nhân loại. Không một khác biệt văn hóa nào có thể biện minh cho sự xem thường những quyền đó.” Merkel không phải một kẻ yếm thế, bà tin tưởng vào phương Tây theo cách bà nhìn nhận nó cũng như những giá trị của chính bà, mặc dù đôi khi những giá trị này thể hiện khá chậm. Bà còn nói: “Tôi tin rằng những xã hội tự do thì sáng tạo hơn, và về lâu dài sẽ tạo ra nhiều giải pháp có hiệu quả hơn.”

Một lần, trong cuộc khủng hoảng euro, Thủ tướng Bulgaria, Boyko Borisov ghé thăm văn phòng Thủ tướng Đức và có cuộc đồng hợp báo theo thông lệ chung với Merkel. Rõ ràng ông vẫn ngây ngất với những gì chủ nhà đã nói với ông, bằng những thuật ngữ sống động, về bản chất của cuộc khủng hoảng, và nói với toàn thế giới: “Bà Merkel đã rất đúng khi chỉ ra rằng Maya cùng nhiều nền văn minh khác đã biến mất khỏi bề mặt trái đất.”

Châu Âu với tư cách là một nền văn minh bị đe dọa tuyệt chủng sao? Vị Thủ tướng Bulgaria trông rất nghiêm túc, còn nữ thủ tướng thì trông rất áy náy. Rõ ràng bà đã khiến cho sức nặng của tình hình trở nên hơi bị nhẹ quá. Tuy nhiên, như thông lệ, không có nhiều nhà báo Đức có mặt tại buổi họp báo nên phát ngôn đi vào lịch sử của ông đã không được ai biết đến.

ĐIỀU XẤU CẦN THIẾT

Nữ thủ tướng và liên minh của bà

Như tôi đã nhắc đến, Angela Merkel thích chính trị đối ngoại hơn là chính trị trong nước. Bà đã nói rất ngắn gọn trước khi được bầu làm thủ tướng lần đầu tiên, và cũng sẽ nói như thế vào ngày hôm nay: “Chính sách đối ngoại là điều ưa thích của tôi,” bà thổ lộ với bất cứ ai chú ý lắng nghe. Hoặc: “Chính sách đối ngoại là điều dễ dàng.”

Không khó để tìm ra lý do cho sự cởi mở đầy nhiệt huyết của bà dành cho thế giới. Phần lớn lãnh đạo các chính phủ ưa thích chính sách đối ngoại vì nó giúp tăng vị thế cho họ: không một đấu trường nào mà một thủ tướng lại có nhiều sức mạnh và tự do sáng tạo cùng một vị thế xuất chúng trước mắt nhân dân hơn ở những quyết sách của họ với nước ngoài. Trên mặt trận trong nước, Merkel phải đối phó với một đối tác liên minh vốn không thật sự hợp tác là đảng CSU (đảng anh em vùng Bavaria với đảng CDU), quốc hội và quyền lợi của hàng trăm nghị sĩ. Bà phải nghĩ về kết cấu của nội các và không bao giờ rời tầm mắt đối với quyền lợi của *Länder*, hay bang: bạn không bao giờ biết khi nào thì Bundessrat, cơ quan lập pháp đại diện cho các vùng sẽ lên tiếng. Tất cả những điều này diễn ra trên một sân chơi chính trị ngày càng nhỏ, trong một cơ chế bị kiểm soát quá mức, có luật cho mọi thứ - và trong đó Tòa án Hiến pháp có quyền phủ quyết sau cùng.

So sánh để thấy rõ, chính sách ngoại giao thì không bị cản trở. Kinh doanh giữa các nước đang nở rộ, thế giới muốn được điều phối và hợp tác, những thảm họa thiên nhiên và những phong trào đối lập kêu gọi sự chú ý

của lãnh đạo các chính phủ - những người sẵn lòng chấp nhận nhiệm vụ. Ở Pháp và Mỹ, tổng thống luôn là hình mẫu lãnh đạo trong chính sách ngoại giao, một mình chèo lái con tàu đất nước. Tuy nhiên, ở Đức, lãnh đạo chính phủ không có quyền lực lớn tương đương. Song thực tế hiến pháp cũng đang dần bắt kịp khi tâm điểm truyền thông quốc gia tập trung vào việc nữ thủ tướng xuất hiện hết hội nghị thượng đỉnh này đến hội nghị thượng đỉnh khác, ngày càng tham dự nhiều cuộc họp hai bên, chủ trì những cuộc hội ý chính phủ nhiều hơn. Trên tất cả, những hội nghị thượng đỉnh của Liên minh châu Âu cũng đang dồn lên. “Chính sách châu Âu cũng là chính sách nội địa,” Merkel luôn nói như thế - nhưng bà đối xử với nó như chính sách đối ngoại cổ điển bằng đặc quyền của nhà lãnh đạo đất nước. Chính trị Đức đang dần trở nên mang tính tổng thống chế, thứ bậc và tập trung.

Không có chỉ dẫn nào cho lĩnh vực chính trị này, còn những thỏa thuận liên minh thì thường yếu kém đối với chính sách đối ngoại. Kết quả là người ta nảy sinh nhu cầu trì hoãn thời gian. Những giá trị cơ bản cần phải được thiết lập: những mục tiêu của nữ thủ tướng là gì? Bà nhìn thế giới ra sao, vị thế của đất nước bà là gì? Trước khi trở thành ngoại trưởng, Joschka Fischer đã viết một cuốn sách trình bày thế giới quan của ông trong suốt 340 trang, hiện trạng của các sự vụ trong nước Đức liên quan chính sách ngoại giao, cũng như nhắc đến lịch sử của các tư tưởng. Ở Anh, Pháp và Hoa Kỳ việc các lãnh đạo quốc gia ra tuyên ngôn về các mục tiêu chính sách đối ngoại của quốc gia họ được xem là đương nhiên. Chiến lược và tầm nhìn luôn đi cùng nhau, ở Mỹ hai điều này được học như một phần của Học thuyết An ninh Quốc gia.

Merkel chưa từng làm điều này. Bà cũng chưa từng có bài diễn văn về chính sách ngoại giao tương xứng với các ý tưởng cao vời ấy. Rõ ràng bà đã đọc nhiều diễn văn, trong đó có những bài diễn văn miêu tả chi tiết các kế

hoạch và niềm tin của bà. Bất cứ ai nghiên cứu chúng kỹ đều có thể kết nối những nút thắt thành một văn kiện lớn về chính trị vượt Đại Tây Dương hay một loạt các ý kiến về chính sách châu Âu, song không bao giờ tạo ra được một bản vẽ hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, vậy không có nghĩa khi Merkel chuyển đến tầng bảy của dinh thủ tướng, bà không có kinh nghiệm nào về lĩnh vực này. Mà còn hơn thế. Bà không ngừng nghĩ về vị trí chính xác của nước Đức ở chính sách ngoại giao, bà đã dành những phần dài trong các bài diễn văn của mình cho chủ đề này, đã thu thập các công trình nghiên cứu từ khắp châu Âu và khắp thế giới và tạo ra một mạng lưới đầu mối liên lạc trong những chuyến công du với tư cách thủ lĩnh đảng đối lập. Nhưng khi bà lên nắm quyền, thoát đầu chẳng có gì xảy ra. Trong bản tuyên ngôn đầu tiên với cương vị thủ tướng năm 2005, chính sách ngoại giao được nhắc đến ở trang 15 của bài diễn văn dài 18 trang. Với một chút e dè, Merkel nhắc đến những bình luận về chính sách đối ngoại trong một loạt bài phát biểu về chính sách đối nội. Dẫu vậy, cũng cần nhấn mạnh rằng những gì bà nói về châu Âu, Hoa Kỳ, an ninh và các thể chế quốc tế không làm dấy lên sự nhiệt tình nào. Công chúng Đức vẫn nghe giọng nói the thé của Schröder văng vẳng bên tai họ. Merkel công khai thừa nhận: “Tôi sẽ không tiếp tục chiến đấu trong những cuộc chiến của quá khứ nữa. Những mâu thuẫn đó đã được định đoạt xong lâu rồi.”

Một câu nói nhàm chán, nhưng cùng với một vài hành động biểu trưng là đã đủ để khôi phục chính sách ngoại giao của Đức lên hàng đầu trong chương trình nghị sự. Với việc phản đối kịch liệt cuộc chiến Iraq và tổng thống George W. Bush, Gerhard Schröder đã tạo ra đủ sự phật ý. Châu Âu khi đó vẫn đang phải đối phó với những đường đứt gãy do mâu thuẫn này. Còn ở phía đông thì có Vladimir Putin, Tổng thống Nga, đã ve vãn thủ

tướng Schröder và đàm phán thành công những thỏa thuận đường ống khí đốt mới trong lúc người Ba Lan lo sợ về một sợi thông lọng Đức-Nga khác nữa.

Với Merkel, thời tiết chính trị quốc tế khi đó rất lý tưởng để điều chỉnh hoàn cảnh cho hợp với các sáng kiến của bà trong phạm vi chỉ vài tuần. George Bush vừa được bầu làm nhiệm kỳ thứ hai, song ông phải đấu tranh với một quốc hội thù địch trong lúc sự ủng hộ của công chúng đối với chính sách ngoại giao cứng rắn của ông sụp đổ. Rất ít người tiền nhiệm của ông từng phải đối diện một viễn cảnh ảm đạm đến thế trong việc tìm kiếm thỏa thuận. Ở châu Âu, Merkel cũng gặp gỡ hai nhà lãnh đạo chính phủ đang suy yếu quyền lực - Tony Blair và Jacques Chirac. Vị thủ tướng Anh bị tổn hại bởi mối quan hệ gần gũi cùng Bush còn Chirac đang sắp kết thúc nhiệm kỳ thứ hai và cũng là nhiệm kỳ cuối cùng của ông này. Thời điểm diễn ra cuộc bầu cử tổng thống Pháp và lịch trình nghị sự chính trị đều có lợi cho Merkel: trong năm thứ hai cầm quyền, Đức nắm chức chủ tịch luân phiên của G8 và Liên minh châu Âu. Hoàn cảnh này có thể làm được điều gì đó. Với suy nghĩ ấy, bà phải chỉ đích danh vị trí của nước Đức với tư cách thủ tướng.

Cơ hội đầu tiên để giành lấy một vị trí luôn là cơ hội tốt nhất. Nên Merkel dùng các chuyến thăm chính thức đến Brussels, Paris, Washington và Moscow để đưa ra các bản tuyên bố. Người Pháp đã ngạc nhiên khi thấy vị nữ thủ tướng này không vội vàng cúi đầu trước lá cờ ba màu - điều đã trở thành thông lệ của người tiền nhiệm của bà: Helmut Kohl - mà lại nói với tổng thống Pháp, với tất cả lòng kính trọng, rằng bà nghĩ chính sách ngoại giao châu Âu của ông trong suốt cuộc khủng hoảng Iraq đã gây chia rẽ khối. Bà đã có một hành động táo bạo tại Washington khi, chỉ bằng vài phát biểu trong một cuộc phỏng vấn, xua tan mọi nỗi lo rằng bà có thể đã quá

gần gũi một cách không cần thiết với Hoa Kỳ. Không lâu trước khi gặp gỡ George W. Bush, bà đã thông báo trên tờ *Der Spiegel* về sự cần thiết của việc đóng cửa nhà tù Guantanamo và tôn trọng luật pháp - chưa từng có một thủ tướng nào dám làm thế trong vài tuần đầu nhậm chức. Và bởi vì bà đã báo trước cho Bush - vốn đã gần hết nhiệm kỳ tổng thống - về vị trí của bà, nên ông cũng không lấy làm phiền.

Nhưng bà gửi đi tín hiệu rõ rệt nhất khi ở Moscow, khi không chỉ yêu cầu Tổng thống Putin cung cấp lời giải thích nhanh chóng cho vụ mưu sát phóng viên Anna Politkovskaya rõ ràng vì động cơ chính trị, mà còn gặp gỡ cả những thủ lĩnh đối lập và phe chỉ trích chính phủ Nga vào một buổi chiều tối với vodka và rượu vang. Bà luôn thấy chướng tai gai mắt trước mối quan hệ đầy kích thích tố nam tính giữa Putin và Schröder, nên không còn nghi ngờ gì cho thực tế rằng một chương mới đã được mở ra. Báo giới tha hồ ca ngợi bà. Tờ *Die Ziet* nhắc đến một “ngọn sóng chí mạng” và ghi nhận mục tiêu mới mà bà tự đặt ra cho mình. Bài báo nói về “những bước tiến nhỏ đưa đến một sự tự nhận thức mới,” song điều gây kinh ngạc nhất là phần kết như sau: “Bí mật đầu tiên về thành công của bà đến dưới cái tên Schröder. Trong hai năm nhiệm kỳ cuối cùng của mình, ông đã khiến cho chính sách ngoại giao của Đức bị chững lại. Tổn thất lâu dài đã bị tạo ra trong quan hệ của chúng ta với Hoa Kỳ, còn Đức lại quá gần gũi với Nga để có thể đón nhận bất cứ chỉ trích hiệu quả nào.”

Tờ *Frankfurter Allgemeine* viết ngắn gọn rằng tại Nhà Trắng, Merkel nói rõ bà thuộc về “trường phái của Helmut Kohl.” Câu này có thể hiểu theo nhiều nghĩa, song thông điệp cơ bản của nó truyền tải ý niệm về sự tin cậy và truyền thống. Vào dịp kỷ niệm thăng cử của Merkel - cách khá xa sự kiện vừa nêu - tờ *The Economist* đã viết: “Merkel với tư cách ngôi sao toàn cầu. Vị thủ tướng Đức muốn bộ máy quyền lực của châu Âu đóng vai trò

lớn hơn trên sân khấu quốc tế.” Rồi tờ tạp chí viết thêm, với một giọng lo âu: “Song liệu Đức đã sẵn sàng cho điều đó?”

Ở giai đoạn này, tất cả những điều xác tín Merkel có được là việc bà đã khôi phục tình hình trở về nguyên trạng trước kia. Sau khi rời nhiệm sở, Schröder để lại sau lưng một thế giới đầy bất mãn và mưu mô. Liệu đây vẫn là một nước Đức thời hậu chiến - một phần thống nhất của châu Âu và liên minh quân sự Đại Tây Dương? Hay đây là thứ gì khác đang nổi lên - liệu gã khổng lồ châu Âu có đang trong giai đoạn trỗi dậy? Merkel cảm thấy Schröder bị thu hút quá mức về phía những người đàn ông sắt máu, trong khi bà luôn chuộng lối cầm quyền kín đáo hơn. Nên bà giữ khoảng cách với Vladimir Putin, không thật sự gần gũi với Nicolas Sarkozy và hoàn toàn không thích Silvio Berlusconi.

Song khía cạnh đáng chú ý trong công tác tái tổ chức của Merkel là việc bà không mang nước Đức quay lại bộ máy nhà nước sơ sài thời hậu chiến như trước kia - chẳng hạn như chính quyền thời Kohl - vốn cản trở mọi hình thức phê bình do sợ phát sinh mâu thuẫn với những đồng minh của nước này. Sự táo bạo trong hành động của Merkel cũng đáng chú ý như lối diễn giải của cá nhân bà về chính sách ngoại giao. Điều này được minh họa bởi cách bà đối phó lần đầu tiên bởi vấn đề của chính nước Đức, nhằm xem nước này đóng vai trò của mình bên cạnh những nước khác, và vì thế giải quyết câu hỏi về nhân dạng của nước Đức. “Nếu Đức có thể tìm ra nhân dạng của mình và bảo vệ nhân dạng này, điều đó sẽ tốt cho nền dân chủ,” bà nói sau khi trở thành chủ tịch đảng CDU. “Một phần lớn tổn thương gây ra bởi chính những điều không được tiết lộ và bị giấu kín. Chúng ta phải phát triển một nhận thức thống nhất về lịch sử quốc gia để nói rằng: chúng ta vui mừng được là người Đức. Khi đó câu chữ sẽ tuôn ra dễ dàng hơn.” “Vui mừng” (nguyên văn “glad”) là cách nói mang thương hiệu Merkel - một

tuyên ngôn được diễn tả bằng thuật ngữ mang tính tương đối: bà tránh dùng chữ “tự hào”.

Khi đảng CDU một lần nữa vật lộn với chủ đề nhân dạng và khẳng khẳng cần phải có một cuộc tranh luận về *Leitkultur* (văn hóa dẫn lối [nguyên văn “guiding culture”]) ở Đức, bà đã khéo léo né tránh vấn đề này trong một cuộc phỏng vấn với tờ *Der Spiegel* - trước sự khó chịu của phe bảo thủ trong đảng của bà. Khi bị buộc tội phát ngôn xem nhẹ quê hương và Tổ quốc, bà vặn lại: “Các bạn chỉ nhìn được từ phía Tây Đức - nhưng tôi thì nhìn bằng quan điểm của toàn bộ nước Đức. Tôi đã gom vào trong mình những khái niệm này vì tôi không thể nói công khai về chúng tại Đông Đức. Khi tôi dùng những từ như Tổ quốc, tôi không có ý nâng cao quan điểm. Tôi không nghĩ người Đức đặc biệt xấu hay cực kỳ tuyệt vời. Tôi thích món kebab và bánh pizza, tôi nghĩ người Ý có nền văn hóa cà phê ngoài trời tuyệt hơn, và tôi nghĩ ở Thụy Sĩ nhiều nắng hơn.”

Rồi bà kể lại rằng vào thế kỷ 19, phải đến khi có sự xuất hiện của người Huguenot* cùng những con tằm của họ mới khiến nước Phổ chịu từ bỏ loại vải gây ngứa và bất tiện của họ. Nhưng bà nghiêm túc hơn khi cuộc phỏng vấn sắp kết thúc: “Tôi dùng thuật ngữ Tổ quốc không phải để nói rằng chúng ta là trung tâm mà toàn thế giới xoay quanh. Tôi dùng từ này theo nghĩa đây là ngôn ngữ của tôi, đây là những cái cây của tôi, kia là hồ nước của tôi, tôi sinh ra ở đây. Tôi thích sống ở đây. Tôi tự tin vào đất nước này, tôi là một phần trong lịch sử của nó với tất cả nỗi đau và tất cả điều tốt đẹp.” Một tuyên ngôn chân thành mang tính xoa dịu.

Vốn hiểu biết về nước Đức của Merkel cũng được phản ánh trong cách bà muốn nước này giữ vị thế trên thế giới như một quốc gia hiện đại và cởi mở hơn, bên trong ngôi nhà của các định chế đồng minh-quốc tế, được dẫn dắt bởi những lợi ích và giá trị của nước này - và tự tin vào bản thân mình.

Theo nghĩa nào đó, điều này nghe giống một định nghĩa cổ điển phù-hợp-cho-tất-cả; tuy nhiên theo một nghĩa khác, Merkel có thể trấn an những nhà quan sát nhạy cảm khắp thế giới. Rốt cuộc, bà chỉ là người lãnh đạo chính phủ đầu tiên kể từ thời của Kohl, vị thủ tướng mở ra thời thống nhất. Vào lúc mà những công tác ngoại giao trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, người tiền nhiệm của Kohl, Gerhard Schröder, đã ngụ ý rằng vị trí của Đức trên thế giới có thể thay đổi. Ai có thể dám chắc nước Đức mạnh mẽ hơn này sẽ tập trung sức mạnh của nó vào đâu? Merkel đã làm rõ rằng người ta không thể thay đổi giáo lý cơ bản của chính sách ngoại giao chỉ sau một đêm, tương tự với chính sách y tế hay lương hưu cũng thế.

Nguyên tắc quan trọng nhất trong chính sách ngoại giao của bà là nước Đức không thể một mình giải quyết những vấn đề của nó: đất nước này là một phần của nhiều liên đoàn và liên minh. Châu Âu và Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, liên minh quân sự xuyên đại dương dưới hình thức của NATO, lệ thuộc vào luật pháp quốc tế dưới Hiến chương Liên hiệp quốc và một ý thức nghĩa vụ sâu sắc dành cho Israel - đây là những đặc quyền chính của Merkel. Mọi thứ khác đều phát sinh từ những đặc quyền này: tình hữu nghị với Pháp, tầm quan trọng của Ba Lan, cân bằng lợi ích của châu Âu, đồng euro và sẵn sàng cho việc can thiệp quân sự như một phương sách sau cùng.

Nói về chính sách an ninh của Đức, năm 2011 bà đã phát biểu tại Körber Foundation rằng “liên minh của chúng ta với Mỹ và các đồng minh NATO tạo thành nền tảng của chính sách ngoại giao của chúng ta.” Trong những bài phát biểu của bà, Merkel thường nhắc đến liên minh với Mỹ rồi mới đến châu Âu, như thế bà muốn xây dựng một thứ tự ưu tiên - có lẽ vì bà nhìn thấy, với thoáng lo âu, cách mà nước Mỹ đang rời xa châu Âu và Đức. Mỗi quan ngại chính của bà không phải về những lời hứa hỗ trợ hay thỏa thuận bố trí quân đội tại châu Âu. Nước Mỹ chiếm vị trí trung tâm

trong thế giới đồng minh của bà, bởi vì nước này chia sẻ lịch sử, văn hóa và các giá trị chung với châu Âu - và giá trị, suy cho cùng, là thứ gắn kết các nước lại với nhau. Trong liên minh giá trị chung với Mỹ, có những thời khắc đen tối Merkel thì thoảng đã nghi ngờ rằng nước Mỹ làm ngơ trước gốc rễ của nó, hoặc tệ hơn, không hiểu được toàn cầu hóa có thể làm suy kiệt những nguồn lực của cả một siêu cường. Bởi vì siêu cường này có thể bỗng dưng một sáng thức dậy và nhận ra rằng mặc dù to lớn và đông dân, nó đã ngủ vùi qua quá trình hiện đại hóa và quên chú ý đến vài người bạn quan trọng của mình.

Trong nhiệm kỳ đầu tiên của Merkel, ít có khủng hoảng về chính sách ngoại giao. Bà chiếm lĩnh các vị trí, đưa mọi thứ vào guồng và dàn xếp tất cả. Trên thực tế, bà bỗng thấy mình đóng vai trò nhà hòa giải tại Trung Đông do bà đã xây dựng được mối quan hệ tốt với chính quyền Olmert ở Jerusalem và chính quyền Siniora ở Lebanon mà không lãng quên các phe Palestine và Ả rập. Việc Merkel đưa châu Âu và G8 đạt được một thỏa thuận mới về chính sách khí hậu là một ngạc nhiên khác. Tại hội nghị của Merkel ở Heiligendamm, Tổng thống George W. Bush lần đầu tiên đã thừa nhận rằng đang thật sự tồn tại một vài vấn đề về biến đổi khí hậu, và rằng việc giảm lượng khí thải đến năm 2050 nên được “xem xét nghiêm túc”. Như thế là có tiến bộ.

Nhiệm kỳ đầu tiên của bà đã có thể bị xem là không có gì nổi bật, nếu không có cú phá sản của ngân hàng Lehman Brothers vào năm trước cuộc tổng tuyển cử - năm mà hệ thống tài chính toàn cầu cùng với sự giám sát và quy định của nó trở thành chủ đề trung tâm trong mọi cuộc thảo luận về chính sách đối ngoại, và cũng là khi nỗi lo sợ về sự sụp đổ của nền kinh tế bao trùm lấy mọi thứ khác. Cuộc khủng hoảng của thị trường tài chính vào tháng 9 năm 2008 là bước ngoặt đối với Merkel trong tư cách một chính trị

gia quốc tế. Kể từ đó, mối bận tâm chính của bà là nền kinh tế, sự ổn định của các ngân hàng, sự tồn vong của đồng tiền chung và cùng với nó là một loạt thoái trào chính trị đi kèm với cuộc khủng hoảng đồng euro. Nếu không có sự sụp đổ của Lehman Brothers, châu Âu đã có thể thoát khỏi cơn khủng hoảng nợ công tồi tệ nhất. Vì thế, cú giải thoát kịch tính của mùa thu năm 2008 chỉ là khúc dạo đầu cho cơn khủng hoảng tiền tệ bóp nghẹt châu Âu hai năm sau đó, và là thứ trở thành mô típ trung tâm cho công việc thủ tướng của Merkel.

Hai bộ trưởng trong đảng của bà đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chính sách đối ngoại của Merkel: Thomas de Maizière và Wolfgang Schäuble. Bà gặp de Maizière - em họ của vị sếp chính trị đầu tiên của Merkel, Lothar de Maizière - khi người này làm thư ký riêng cho Lothar de Maizière trong thời gian Lothar de Maizière làm thủ hiến vùng Dresden. Merkel ấn tượng bởi tài tổ chức và năng lực làm việc nhóm của ông, và bà nhanh chóng quyết định có de Maizière bên cạnh với tư cách một bộ trưởng. Nhưng chính xác thì bạn làm sao để điều hành một văn phòng thủ tướng? Làm sao bạn giữ một chính phủ liên kết với nhau? Vị tiền nhiệm Schröder không để lại cẩm nang hướng dẫn nào: mọi thủ tướng đều phải tự phát triển những chiến lược và cơ cấu đặc thù của riêng họ sao cho phù hợp với nhu cầu bản thân. Merkel có lối làm việc dựa theo trình tự. Bà gọi cho Thủ tướng Anh Tony Blair, người mà bà có một mối quan hệ thân thiện và gần như ngưỡng mộ. Liệu thủ tướng Anh có thể giúp bà một tay?

Blair đề nghị giúp đỡ, và de Maizière đến London để học hỏi kinh nghiệm thực tiễn. Trong suốt hai tuần, ông tháp tùng vị chánh văn phòng của Blair trong văn phòng nội các ở phố Downing, học về trình tự lập pháp, thi hành luật, ai được phép ký văn bản nào, làm sao để quản lý công tác mật vụ và các quy định thủ tục. Ông ghi chú về việc ai được nằm trong phạm vi

nào và ai cần được cập nhật tin tức thường xuyên, ai được tiếp cận với thủ tướng, làm sao để điều hành lịch trình của người đứng đầu chính phủ và làm sao để tìm kiếm những cố vấn thích hợp. Khóa học việc của de Maizière đã có kết quả: bản thân ông trở thành một nhà cố vấn không thể thiếu (của Merkel) đến tận ngày hôm nay, đặc biệt trong những vấn đề về chính sách đối ngoại.

Như đã nói ở trên, người thứ hai được bà tin tưởng trong vấn đề chính sách ngoại giao, đặc biệt là chính sách châu Âu, là Wolfgang Schäuble. Ông và Merkel có một mối quan hệ đặc biệt. Nếu có hai người trong nội các có cùng trí tuệ nhanh nhạy và sự hiểu biết xuyên thấu giống nhau, thì đó là nữ thủ tướng và vị bộ trưởng tài chính của bà. Sau nhiều bước lùi trong sự nghiệp của mình, Schäuble đã có được sự điềm tĩnh tự tin giúp ông trở nên không thể bị công kích. Ông có một uy quyền tự nhiên mà bản thân Merkel kính trọng. Trên thực tế, mối quan hệ của họ có thể được miêu tả chính xác nhất là “đây kính trọng”. Schäuble tôn trọng thực tế rằng vị cựu tổng thư ký của ông đang làm tròn nghĩa vụ thủ tướng theo cách mà ông mơ tự mình làm được. Và Merkel tôn trọng sức ảnh hưởng và sự độc lập của Schäuble.

Trong suốt cuộc khủng hoảng đồng euro, đã có vài lần họ bất đồng với nhau - chẳng hạn, Merkel kiên quyết rằng IMF nên tham gia vào mọi kế hoạch giải cứu, và tỏ ra không tin tưởng ủy ban châu Âu. Nhưng khi mọi việc liên quan đến các chiến lược và đánh giá sự kiện, Schäuble luôn là đối tác đồng hành của bà. Khi ông nằm viện nhiều tuần trong năm đầu của cuộc khủng hoảng và rầu rĩ bởi nỗi nghi ngờ về tương lai chính trị của mình, sức mạnh của mối quan hệ giữa hai người đã thể hiện rõ: Schäuble muốn nghỉ hưu, nhưng Merkel liên tục từ chối đơn từ nhiệm của ông. Cuối cùng, nữ thủ tướng gọi cho vợ của Schäuble và nhờ bà này nói với chồng rằng ông

nên dành thời gian để hồi phục và ngưng đưa ra đề nghị nghỉ việc. Có lẽ thế ông mới chịu nghe lời bà - và ông đã làm thế thật.

Chính trị ngoại giao cũng nằm trong phạm vi trách nhiệm của một liên minh cầm quyền, vốn là lý do tại sao Merkel không bao giờ tự huyễn hoặc bản thân tin rằng khi liên minh với đảng Dân chủ tự do (FDP) bà sẽ có nhiều vấn đề phải giải quyết với thế giới hơn khi liên minh với đảng Dân chủ xã hội (SPD). Điều này liên quan rất nhiều đến tính cách của hai vị bộ trưởng trong hai chính phủ thuộc hai nhiệm kỳ liên tiếp của bà, nhưng cũng còn liên quan đến hàng loạt chính sách mà mỗi liên minh đều có liên quan. Merkel có một mối quan hệ vận hành ổn, dẫu không phải là nồng ấm cho lắm, với ngoại trưởng đầu tiên của bà: Frank-Walter Steinmeier của đảng FDP. Bà cảm thấy gần gũi hơn với Franz Müntefering, phó thủ tướng của bà kiêm chủ tịch đảng đối tác liên minh SPD. Steinmeier không chỉ là người ủng hộ trên cả nhiệt thành đối với Schröder để có thể bày tỏ lòng trung thành tuyệt đối với người đã đánh bại vị thủ tướng tiền nhiệm, mà sau một thời gian, trong cương vị ngoại trưởng, ông bắt đầu tìm thấy khuyết điểm trong chính sách ngoại giao của Merkel. Ông “thọc gậy bánh xe” một cách có tính toán để không thật sự phá vỡ các thỏa thuận liên minh. Theo cách tương tự, ông tự tách mình khỏi Merkel khi một thượng nghị sĩ trẻ từ Illinois muốn ghé thăm Berlin trên đường đến Nhà Trắng - ngay bên ngoài Cổng Brandenburg. Steinmeier nghĩ rằng đây là một ý tưởng tuyệt vời - ông xem nó như minh chứng của những mối quan hệ quốc tế tốt đẹp. Ông cũng biết điều này được phần đông dân Đức chào đón. Song Merkel cảm thấy bà đang bị Obama lợi dụng: bà không tin việc một chính trị gia nước ngoài vận động tranh cử trước biểu tượng quốc gia quan trọng nhất của nước Đức là điều đúng đắn.

Một va chạm khác nghiêm trọng hơn giữa Merkel và Steinmeier xảy ra khi nữ thủ tướng tiếp kiến Đạt Lai Lạt Ma vào tháng 9 năm 2007 - làm mất mặt Trung Quốc, vốn xem điều này là ủng hộ nỗ lực độc lập của Tây Tạng. Steinmeier nghĩ động thái này là không cần thiết và lịch sử gần đây của nó là đáng xấu hổ.

Quan hệ giữa hai người trở nên đặc biệt chông gai vào mùa thu năm 2007, khi Steinmeier tiếp nhận chức phó thủ tướng từ tay Franz Müntefering. Müntefering quyết định từ giã chính trường để chăm sóc cho người vợ mắc bệnh nan y. Steinmeier hiểu rõ ông sẽ phải định vị bản thân là ứng viên dẫn đầu cuộc tổng tuyển cử tiếp theo, và vào tháng 9 năm 2008 ông quyết định sẽ trở thành người thách thức Merkel. Làm sao hai người họ tìm ra cách làm việc cùng nhau một cách thân tình (không ít thì nhiều) bất chấp sự kèn cựa này là một trong những thành tựu đáng ghi nhận của nữ thủ tướng.

Sự thay đổi chính phủ vào năm 2009 đánh dấu một bước ngoặt mới cho Merkel. Không ai lường được một nhiệm kỳ quốc hội khó khăn đến thế, vốn có nhiều sự kiện diễn ra mạnh mẽ và dồn dập giống như năm thống nhất nước Đức. Không ai ngờ đồng euro sẽ đối mặt với sự sụp đổ không chỉ với tư cách một đồng tiền, mà còn là chất keo kết dính châu Âu lại với nhau. Và không ai ngờ rằng một trong những lĩnh vực chủ yếu giữa tất cả những hỗn loạn này lại là chính sách đối nội của Đức, mà đặc biệt là mối quan hệ giữa các đối tác liên minh, đảng CDU/CSU và FDP.

Người ta thường quan niệm những năm khủng hoảng là những năm có lợi cho các thủ tướng. Rõ ràng Angela Merkel đã không thể thâm tóm được nhiều sức mạnh đến thế, cho cả bản thân lẫn quốc gia, cũng như không thể trở thành hình mẫu lãnh đạo không có đối thủ tại châu Âu nếu cuộc khủng hoảng sinh tử đa diện này không có chỗ đứng vững chắc đến thế trên chính

trường Đức và châu Âu. Không chính trị gia nào muốn đối phó với khủng hoảng. Họ ưu tiên mọi thứ khác, vì khủng hoảng làm đổ bể mọi hoạch định và làm tê liệt năng lực ra quyết định. Mục tiêu của chính trị là làm thay đổi tốc độ của một cơn khủng hoảng và buộc nó thích ứng với nhịp độ chính trị. Khủng hoảng giúp Merkel mạnh mẽ.

Trong nhiệm kỳ thứ hai của mình, Merkel không chỉ phải đối phó với khủng hoảng, mà còn phải đối mặt với cuộc tranh đấu tuyệt vọng nhằm kiểm soát liên minh cầm quyền. Từ tháng 10 năm 2009, với sự thay đổi của liên minh, bầu không khí trở nên thù địch rồi từ từ lây nhiễm vào toàn bộ máy chính trị. Nó làm rung chuyển bộ máy chính trị từng bước một. Ở châu Âu, tin xấu nối tiếp nhau dồn dập: số liệu ngân sách tiêu cực ở Hy Lạp, quốc gia gần như không có khả năng trả nợ, tình hình tài chính nguy cấp ở Ireland và Bồ Đào Nha, các tín hiệu báo động gây hoang mang ở Tây Ban Nha rồi sau đó là ở Ý. Các chính phủ tan rã, các lãnh đạo chính trị bị thay thế.

Chiến lược nào sẽ giải quyết cuộc khủng hoảng? Thời mà khủng hoảng chỉ là vấn đề của riêng châu Âu đã qua từ lâu. Đến hiện tại, toàn thế giới đã bị cuốn vào nó. Và ai nấy đều đe dọa, van nài và giận dữ - và cùng hướng đến một hướng duy nhất: Willy-Brandt-Straße và văn phòng thủ tướng Đức. Angela Merkel ngồi trên tầng bảy, gánh vác trên vai hy vọng và mong chờ của mọi người cũng như vấn đề của họ. Dầu vậy, bất chấp hào quang của bà ngày một sáng nhờ nền kinh tế mạnh khỏe của Đức, những cuộc khủng hoảng của thế giới vẫn không chịu tan biến. Rồi, vào tháng 12 năm 2010, một người bán hàng rong Tunisia tự thiêu để phản đối chế độ chuyên quyền, và cuộc nổi dậy của thế giới Ả-rập bắt đầu.

Đầu tiên là Tunisia và Ai Cập, rồi vào tháng 2 năm 2011 là bước ngoặt cho Libya: một cuộc nội chiến được NATO giúp kết thúc, nhưng không có

mặt người Đức. Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc thiết lập một vùng cấm bay, từ đó cho phép sự can thiệp của một liên minh quân sự dưới quyền NATO. Đức không tham gia và giữ vững lập trường của mình. Merkel từ chối bỏ phiếu thuận với những quốc gia khác, và ngoại trưởng của bà cùng vị đối tác liên minh Guido Westerwelle cũng làm thế, trong khi những đảng đối lập trong nước Đức một mực bày tỏ sự thất vọng và yêu cầu can thiệp với lý do nhân đạo.

Nhưng một thảm họa quốc tế khác sắp xảy ra. Vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 bờ biển Nhật Bản hứng chịu một trận động đất và một cơn sóng thần quét qua đất nước này, gây ra một thảm họa về hạt nhân. Là một nhà vật lý, niềm tin của Merkel đối với công nghệ hạt nhân bị lung lay, và bà lập tức ban hành lệnh hoãn đối với chính sách hạt nhân của Đức. Cùng lúc đó bà phải đối phó với thất bại của các đảng liên minh cầm quyền tại những cuộc bầu cử cấp tỉnh quan trọng ở Baden-Württemberg và những vùng khác. Ở văn phòng thủ tướng, mọi người bắt đầu dùng thì quá khứ để miêu tả một nhiệm kỳ quốc hội khiến ai nấy đều câm lặng.

Năm “đại hạn” của Merkel không chỉ là hệ quả của những sự kiện thảm khốc ở nước ngoài, mà còn do sự suy yếu của liên minh cầm quyền. Vì cùng lúc đó, không chỉ khu vực đồng euro và thế giới Ả rập rối loạn, mà giấc mơ chính trị trong nước Đức cũng thế: liên minh của đảng CDU và FDP. Guido Westerwelle và đảng của ông thắng 14,6% số phiếu trong cuộc bầu cử vào quốc hội Đức, và kết quả là ông tiến vào cuộc thương thảo liên minh một cách tự tin. Lẽ đương nhiên, cùng với vai trò phó thủ tướng, vị chủ tịch FDP giành được vị trí vốn lâu nay vẫn luôn do đảng này nắm giữ trong những liên minh trước kia với CDU - chức vụ bộ trưởng ngoại giao. Đảng sau quyết định này là vài tính toán sai lầm. Về sau người ta thấy rõ rằng một liên minh như thế không có hiệu quả: suốt nhiều năm, CDU và

FDP luôn tin rằng họ sinh ra vì nhau. Kể từ sự chấm dứt của chính phủ Kohl, ai cũng xem một liên minh ôn hòa gần như là một nghĩa vụ chính trị. Không ai ngờ đảng FDP lại thiếu kinh nghiệm cầm quyền đến thế.

Song mười một năm là một khoảng thời gian dài. Và trong suốt hai thập kỷ nắm quyền đảng FDP, Westerwelle đã không đủ khả năng thu được bất cứ kinh nghiệm nào trong chính quyền. Lãnh đạo một bộ với vài ngàn công chức là một nhiệm vụ phức tạp hơn nhiều so với điều hành đại bản doanh của đảng FDP. Ngược lại, đảng CDU đã quay lại nắm quyền sớm hơn bốn năm, và liên minh cầm quyền đã để lại dấu ấn mạnh mẽ đối với đảng này hơn người ta tưởng. Không chỉ thế, Merkel cùng êkíp của bà cảm nhận họ đang có lợi thế dẫn đầu đối với những vấn đề trong tầm tay. Tại bộ ngoại giao, một cách đầy đau đớn, Guido Westerwelle đã phải chấp nhận rằng sức mạnh của chính sách đối ngoại giờ đây tập trung chủ yếu trong văn phòng của thủ tướng.

Dẫu thế, sự thật là Merkel và Westerwelle có một mối quan hệ dựa trên lòng tin. Trong thời gian hai người ở thế đối lập, giữa họ đã phát triển một liên kết mang tính chất công việc, gần gũi và cởi mở hơn bất cứ mối quan hệ nào trên những hành lang chính trị của Berlin. Khi cùng làm việc, họ đã đưa Horst Köhler lên làm Tổng thống Cộng hòa Liên bang Đức, từ đó phơi bày những khuyết điểm của liên minh hai đảng Đỏ-Xanh vốn đang nắm quyền lúc ấy. Hai người đều hy vọng một ngày nào đó sẽ nắm quyền. Nhưng khi ngày đó đã đến, hết thảm họa này nối tiếp thảm họa khác.

Trong văn phòng thủ tướng, nhận định về năm đầu tiên của đảng FDP và đặc biệt là Westerwelle có nội dung đồng nhất: lẽ ra ông có thể làm được nhiều hơn thế, có thể tập trung vào ít vấn đề hơn, những trọng tâm của ông nên dành cho những việc khác. Thay vào đó, dường như ông thường xuyên làm việc quá sức cho đảng mình và những vị trí bộ trưởng, hay gây lo lắng

và thiếu kế hoạch hành động. Tuy nhiên ông và nữ thủ tướng tin tưởng nhau. Westerwelle luôn yêu cầu đồng nghiệp rời phòng khi ông gọi điện thoại cho Merkel. Còn với bà, ông là một nguồn thông tin quan trọng nơi trái tim của FDP. Bà tin ông hơn Philipp Rösler, người thay thế Westerwelle làm phó thủ tướng kiêm chủ tịch FDP.

Trong năm đầu tiên của cuộc khủng hoảng đồng euro, sau nhiều tháng bị chỉ trích do cách ông thể hiện trách nhiệm trong vai trò ngoại trưởng và chủ tịch đảng, có hai sự kiện đã thúc đẩy cuộc lật đổ Westerwelle: thất bại trong cuộc bầu cử cấp tỉnh vào mùa xuân năm 2011 và lập trường của Đức trong vấn đề Libya. Chính quyền Đức đã không bỏ phiếu thông qua vùng cấm bay ở Libya tại Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc - vì thế tự tách mình khỏi những đồng minh NATO. Kết quả là Đức thấy mình ở cùng phe nhóm với Nga và Trung Quốc, những nước cũng phủ quyết và luôn chống lại mọi sự can thiệp.

Merkel và Westerwelle đã cùng đồng thuận với quyết định này. Họ tin rằng Đức nên tránh khỏi Libya. Nhưng họ đã không lường đến sự căm phẫn trong nước cũng như ở những đồng minh phương Tây. Trước công luận, Westerwelle liên tục thấy ông phải có nghĩa vụ giải trình cho việc bỏ phiếu trắng, vốn chỉ làm cho mọi chuyện tệ hơn.

Suốt hai năm, những vấn đề của liên minh cầm quyền cũng làm tổn hại đến chính sách đối ngoại của Đức. Điều này dẫn đến nhu cầu của một liên minh khác thường: công chức trong cả văn phòng thủ tướng lẫn bộ ngoại giao bắt tay nhau để hòa giải những khác biệt giữa họ. Thế kinh địch truyền thống của họ biến mất. Suy cho cùng, họ đều biết lẫn nhau, đặc biệt là cố vấn chính sách ngoại giao Christoph Heusgen của Merkel và người phụ nữ quyền lực nhất bộ ngoại giao là Quốc vụ khanh Emily Haber. Hai người họ thân nhau, trân trọng công việc của nhau và thường nói chuyện điện thoại ít

nhất mỗi ngày một lần. Hơn nữa, việc văn phòng của Đại diện cấp cao về Chính sách an ninh và đối ngoại chung trong Liên minh châu Âu được điều hành bởi một công bộc Đức giàu kinh nghiệm là rất hữu ích: Helga Schmid, phó tổng thư ký của Catherine Ashton.* Khi nhiệm kỳ thủ tướng thứ hai của Merkel sắp kết thúc, Heusgen, Haber và Schmid tạo thành tam giác của sức mạnh Đức ở cấp cao nhất khối hành chính công. Hiếm khi những đại diện của các thể chế chính sách đối ngoại quan trọng này lại làm việc cùng nhau một cách hòa hợp đến vậy.

Christoph Heusgen chắc chắn xứng đáng nhận lời khen ngợi trong chuyện này. Là cố vấn của Merkel trong những vấn đề ngoại giao, ông giờ đây có nhiều kinh nghiệm hơn bất cứ ai trong chính quyền cũng như có mặt trong đó ngay từ ngày đầu. Đôi khi ông mô tả mình như một phần của đồ nội thất. Tất nhiên ông chỉ đang đùa - hơn nữa, trong bức ảnh nổi tiếng nhất của mình, Heusgen không đứng yên như một món đồ nội thất mà ông đang nửa ngồi nửa nằm một mình tại bàn họp của hội nghị G8 ở Camp David. Đứng phía sau ông là tổng thống Mỹ và Pháp, thủ tướng Anh và thủ tướng Đức. Merkel trông có vẻ gượng ép, Cameron và Obama thì hờn hờ, Hollande có vẻ không biết phải làm gì. Còn Heusgen? Trên mặt ông hiện lên một vẻ kinh hãi tuyệt đối. Họ đang xem bóng đá, và Bayern Munich sắp thua trận chung kết Champions League huyền thoại trước Chelsea trên chấm phạt đền. Với Heusgen, một người hâm mộ nhiệt thành của Bayern Munich, đó có lẽ là ngày tồi tệ nhất trong sự nghiệp của ông ở văn phòng thủ tướng.

Heusgen là nguyên mẫu của loại chuyên gia cố vấn mà nữ thủ tướng thích có xung quanh bà. Kín đáo và khiêm nhường, ông đến văn phòng bằng xe đạp. Ông không có cái tôi lớn như những người đồng cấp ở Paris hay Washington. Ông thu hút sự chú ý của Merkel khi còn là chánh văn

phòng cho Javier Solana, đại diện cấp cao về Chính sách an ninh và đối ngoại chung của EU. Thành tựu lớn nhất của Heusgen trong giai đoạn này là một cuốn sách nhỏ, quyển “Chiến lược an ninh EU” đầu tiên, vốn do ông biên soạn và nhờ nó, ông đã dẫn đầu những cuộc thương thảo.

Không lâu sau cuộc bầu cử năm 2005, Merkel mời Heusgen đến Berlin. Họ trò chuyện trong nhiều giờ và nhận ra họ chia sẻ quan điểm trong nhiều lĩnh vực. Rồi Merkel nhờ ông soạn thảo một lịch làm việc cho vài ngày đầu nhậm chức của bà. Heusgen đề nghị bà ghé thăm Paris, Brussels và Warsaw trong cùng một ngày để cho thấy rằng chính sách đối ngoại là ưu tiên của bà. Cuối cùng ông không thể lên lịch cho chuyến thăm Warsaw, song toàn kế hoạch đã có hiệu quả. Và thế là bắt đầu cho sự nghiệp của ông trong văn phòng thủ tướng, nơi ông đóng một vai trò thiết yếu. Ngoài thư ký riêng Beate Baumann, chưa có ai từng làm việc với Merkel lâu đến thế.

NHỮNG GIẤC MƠ HÒA BÌNH

Khao khát về nước Mỹ

Angela Merkel có hai mối quan hệ với Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ: một mối quan hệ riêng tư, và một rất công khai. Thế giới công khai, chuyên nghiệp của nước Mỹ là phía bà nhìn với tư cách thủ tướng: đó là nước Mỹ của những cuộc hội thảo qua video với ngài tổng thống, những hội nghị thượng đỉnh, chính trị cấp cao. Nước Mỹ này đứng như một tảng đá giữa bức tranh chính trị của Merkel: nó được đánh dấu vững chắc trên bản đồ tư tưởng của bà. Các giá trị, sức thuyết phục, các chiến lược - từ quan điểm chính trị, mọi thứ đều xoay quanh nước Mỹ. Nhưng thỉnh thoảng, nước Mỹ này là một kẻ xa lạ với Angela Merkel. Nhiệm kỳ thủ tướng của bà càng kéo dài, bà càng đặt câu hỏi về nước Mỹ. Theo cách nhìn của bà, trong nước Mỹ này có một chính sách đối nội không bình thường, một vị lãnh đạo bí hiểm nơi Tổng thống Obama và nỗi nghi ngờ ngày một tăng về khả năng tự chất vấn bản thân của quốc gia này.

Nước Mỹ riêng tư là một nước Mỹ được lý tưởng hóa, mảnh đất của những giấc mơ và xúc cảm mạnh mẽ. Angela Merkel biết đến quốc gia này khi bà còn trẻ - như một tâm điểm cho những khao khát của bà, nơi của tự do và phát triển bản thân. Thời thanh niên, bà bị thuyết phục rằng bà sẽ không thể đến đó cho đến sau sinh nhật 60 tuổi. Nhưng hóa ra, Angela Merkel lại tới được cái đích mơ ước này lúc bà mới ba mươi sáu tuổi. Năm 1990, chưa đầy một năm sau sự sụp đổ của Bức tường Berlin, bà cùng chồng Joachim Sauer đáp một chuyến bay đến Los Angeles.

Joachim Sauer khi đó đang ở vị trí được hưởng nhiều đặc quyền: Học viện khoa học Đông Đức đã thăng chức cho ông lên hàng ngũ những người được phép đi nước ngoài. “Tôi đã chờ đợi rất lâu cho điều này,” Sauer nói, trong lần phỏng vấn có lẽ là duy nhất xuất hiện dưới dạng văn viết trong suốt cuộc đời ông, được xuất bản trong tờ báo của Humboldt Foundation. Vào ngày Bức tường sụp đổ, ông đang ở Karlsruhe, để nhận một khoản vay nghiên cứu. Tại đây, ông gặp gỡ một số nhà khoa học Mỹ và được mời đến làm việc tại San Diego trong hai năm với tư cách phó giám đốc kỹ thuật của hãng công nghệ phần mềm BIOSYM. Vào đầu năm 1990, ông nhận nhiệm sở tại California, và cũng trong mùa hè năm đó, ông chuẩn bị cho Angela Merkel nhìn thấy biển Thái Bình Dương.

Gần hai thập niên sau, vào ngày 3 tháng 11 năm 2009, Merkel kể lại về chuyến đi này, bà cho biết mình đã cực kỳ tin tưởng nước Mỹ chính là môi trường tốt nhất theo hình dung của bà. Chỉ có một thủ tướng Đức khác từng nói chuyện với một quốc hội Mỹ được nhóm họp: Konrad Adenauer, vào năm 1957 - khi Angela Kasner mới ba tuổi và vẫn đang tập đi. Khi còn bé, bà tạo ra nước Mỹ của riêng mình dựa trên phim ảnh và sách vở, đôi khi được những người họ hàng Tây Đức chuyển lậu vào khu Templin. Đó là nơi bà phát triển quan điểm lý tưởng hóa của bà về nước Mỹ, vốn được bà miêu tả trước quốc hội Mỹ bằng cảm xúc khác thường nhiều năm sau đó:

“Tôi đã quá say mê điều gì? Giấc mơ Mỹ - cơ hội để ai cũng thành công và đến được đâu đó bằng chính nỗ lực của họ,” bà nói, giọng bà nghẹn ngào. “Và cũng như nhiều thiếu niên khác, tôi là người hâm mộ của một thương hiệu đồ jean nhất định vốn không có mà mua ở Đông Đức, nhưng tôi có một bà dì ở Tây Đức gửi cho tôi. Tôi yêu phong cảnh rộng lớn của nước Mỹ, nơi bầu không khí ngập tràn tinh thần tự do và độc lập. Năm 1990, tôi cùng chồng bay đến Mỹ lần đầu tiên, đến California. Chúng tôi sẽ

không bao giờ quên cảnh biển Thái Bình Dương đầu tiên khi đó, không khác nào một sự huy hoàng.”

“Huy hoàng” - là hình ảnh hiện lên trước mắt Merkel và Sauer vào một ngày mùa hè ở cuối chặng bay xuyên Đại Tây Dương của họ. Tại Los Angeles, họ đáp một chuyến bay nữa đến San Diego. Trên chuyến bay về phía nam đó, một khung cảnh của Thái Bình Dương mở ra bên phải của chiếc máy bay. Merkel phấn khích khi nghĩ về việc ở phía bên kia chính là châu Á. Tối cùng ngày, họ đến bãi biển.

Ngày hôm nay, Angela Merkel vẫn thích đi nghỉ ở California, song sự khác biệt về múi giờ và khoảng cách từ Berlin khiến điều này trở nên bất khả thi. Chín tiếng đồng hồ từ văn phòng của bà đến điểm nghỉ - miễn bàn đối với một nguyên thủ quốc gia vốn phải luôn được giữ liên lạc vào mọi lúc.

Tuy nhiên, những vết tích trong xúc cảm hoài niệm của bà dành cho nước Mỹ liên tục xuất hiện trở lại trong cuộc sống thường nhật của nữ thủ tướng, và bà cho phép một số lượng bất thường những vị khách Mỹ được lên thẳng tầng bảy của dinh thủ tướng. Các đồng nghiệp của Merkel biết rõ những ai có một suất trong nhật ký của bà: từ New York thường có Henry Kissinger, danh nhân về đối ngoại. Ông không bao giờ lưu lại quá một giờ, và 30 phút thường đã là đủ. Và bà luôn thích được nhìn thấy Condoleezza Rice, Hillary Clinton và Bob Kimmitt. Một Kimmitt kín đáo từng là đại sứ Mỹ tại Bonn khi Merkel mới là một bộ trưởng. Nhà ngoại giao yêu cầu được gặp bà vì ông bị mê hoặc bởi câu chuyện về người phụ nữ đến từ Đông Đức. Không có nhiều đại sứ tìm đến Bộ Phụ nữ và Thanh niên, và điều này gây ấn tượng lớn với Merkel. Bà vẫn giữ liên lạc riêng với Kimmitt.

Bà cũng bị ấn tượng bởi hai cựu ngoại trưởng Mỹ, Clinton và Rice. Việc nguyên thủ quốc gia Đức gặp gỡ ngoại trưởng nước ngoài là không thường xảy ra, nhưng Clinton và Rice là những ngoại lệ. Merkel trân trọng những phụ nữ mạnh mẽ thành công trong thế giới chính trị khắc nghiệt của Washington. Bà luôn cảm thấy gần gũi với Hillary Clinton - mặc dù bà chưa từng nói nhiều về điều này trước công chúng, bà có lẽ đã muốn trông thấy Clinton thắng cử tổng thống hồi năm 2008. Sự nghiệp trước kia của Condoleezza Rice cũng là mối quan tâm của bà. Trước khi gia nhập chính trường, Rice từng là giảng viên môn chính trị tại Stanford, chuyên trách về Nga và Đông Âu. Năm 1995, bà là đồng tác giả cuốn sách *Germany Unified and Europe Transformed (Đức thống nhất và châu Âu thay đổi)*, vốn vẫn là tác phẩm tham khảo về chủ đề này. Cũng như Merkel, bà biết nói tiếng Nga, và đây là mối ràng buộc bổ sung giữa hai người.

Merkel bị mê hoặc bởi phong cách chính trị Mỹ, vốn thường bất cần và thiếu toan tính chiến lược, và tưởng thưởng cho những ai ham thích tranh cãi và đối đầu quyết liệt. Mỹ là một quốc gia bảo thủ, và không sánh được trong mọi phương diện về chính sách xã hội so với Đức và châu Âu. Và tuy không so sánh, bà vẫn ngưỡng mộ sự rõ ràng trong tranh luận và tính tranh đấu sôi nổi của hệ thống Mỹ. Bà bị mê hoặc bởi cách mà chủ nghĩa cấp tiến đơn thuần của một ứng viên tổng thống, hay một phong trào chính trị lớn như đảng Trà,* có thể đặt dấu hỏi cho sự đồng nhất của xã hội, và làm thế nào mà những khái niệm cơ bản như ý niệm và mục đích của của an sinh xã hội có thể bị bỏ qua một bên. Liệu nhà nước có thật sự phải chịu trách nhiệm cho tiền lương hưu? Liệu chăm sóc y tế có phải là việc của chính phủ? Có thể trông chờ ở một người dân bao nhiêu trách nhiệm cá nhân? Một nhà nước cần bao nhiêu ý thức về cộng đồng? Nó sẽ dung thứ bất công đến mức nào?

Merkel thích so sánh các thể chế và đi khắp thế giới với những tiêu chuẩn sau trong đầu bà: người ta làm điều này như thế nào hoặc so với cách chúng ta làm điều đó như thế nào? Chúng ta có thể học được gì? Chúng ta tốt hơn ở điểm nào? Nước Mỹ đáp trả sự tò mò này và đặt cho người Đức một số câu hỏi mang tính thách thức: thoát nhìn, nước Mỹ rất giống Đức, rất châu Âu, ảnh hưởng sâu sắc lịch sử và văn hóa của Cựu thế giới. Song người châu Âu thường thất vọng với Mỹ vì người Mỹ có thể trở nên quá tàn nhẫn, quá cấp tiến.

Bản thân Merkel từng trải qua hành trình khám phá mang tính châu Âu điển hình đó, vốn bắt đầu từ khi bà còn nhỏ, khi bà chỉ biết về nước Mỹ qua truyền hình Tây Đức. Trong quá trình nghiên cứu của bà tại viện khoa học, bà thường theo dõi những cuộc chơi cân não của những siêu cường quanh vấn đề vũ trang. Dẫu vậy, có lúc niềm tin của bà vào Mỹ từng bị hoài nghi trầm trọng - khi Mikhail Gorbachev và Ronald Reagan bắt đầu hội nghị giải trừ quân bị tại Iceland. Nguyên nhân đến từ Reagan, vốn ban đầu vào tháng 10 năm 1986 đã từ chối đề nghị của Gorbachev về một sự cắt giảm triệt để vũ khí hạt nhân chiến lược. Reagan đã không sẵn lòng làm điều Gorbachev muốn là từ bỏ kế hoạch lá chắn ngăn ngừa tên lửa đạn đạo ngoài không gian (còn được biết đến ở phương Tây là Sáng kiến phòng thủ chiến lược, hay “Chiến tranh giữa các vì sao”). Những cuộc thảo luận trong căn nhà gỗ trắng ở Iceland kết thúc trong lưỡng lự, thậm chí không có nổi một tuyên bố. Reagan tỏ ra là một người kiên định, sẵn sàng tranh đấu. Phải chăng ông đã thua cược cơ hội lớn để giảng hòa? Liệu đây có là khởi đầu cho một giai đoạn hải hùng mới của Chiến tranh lạnh?

Những người ở Đông Berlin nhanh chóng đưa ra nhận định riêng của họ về hội nghị. Đường lối của Gorbachev đã luôn quá mềm yếu đối với Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất (Socialist Unity Party), nên bản phân tích có

mặt trên bàn của Merkel tại viện khoa học nói rằng họ phải chuẩn bị cho tình huống xấu nhất - thậm chí có lẽ cả chiến tranh. Niềm tin của Angela Merkel vào nước Mỹ và sự sáng suốt của Reagan bắt đầu lung lay - song những điểm yếu này chỉ tồn tại vài giờ. Tối hôm đó ở nhà, Joachim Sauer đã khôi phục được niềm tin của bà vào phương Tây.

Sự tái thiết lập quan hệ chính thức của bà với Mỹ bắt đầu vào tháng 9 năm 1991, khi Thủ tướng Helmut Kohl khởi hành với một đoàn tùy tùng ấn tượng cho chuyến thăm sáu ngày tuyệt diệu ở Mỹ - ngày nay ít có chuyến đi nước ngoài chính thức nào kéo dài được một tuần. Đầu tiên Kohl bay đến California, rồi đến Washington. Với tư cách Bộ trưởng Phụ nữ và Thanh niên, Merkel là một thành viên trong đoàn đại biểu. Kohl muốn giới thiệu bà như một trong những khám phá hợp nhất của ông, đứa con nuôi chính trị của ông. Ông cũng muốn giúp bà bằng cách cho bà thấy nước Mỹ - đôi lúc Kohl quá tích cực. Những người khác trong chuyến đi nhớ lại cảnh Merkel cố tìm cách thoát khỏi sự nuông chiều thường xuyên này cùng sự chú ý của vợ Kohl, Hannelore và thư ký riêng của ông, Juliane Weber, luôn đẩy bà vào hàng ghế trước, nơi mà các nghi thức bắt buộc bà phải đứng. Dường như đoàn tùy tùng Kohl thậm chí còn đảm bảo rằng tủ quần áo của vị nữ bộ trưởng trẻ tuổi phù hợp với sự kiện.

Trong chuyến thăm đến một công viên quốc gia, Kohl khá phật lòng khi ông chỉ cho Merkel thấy những kỳ quan thiên nhiên của nước Mỹ, nhưng “cô gái của ông”, như cách ông gọi bà, trả lời lạnh nhạt rằng bà đã đến đây cùng chồng và biết hết rồi. Nhưng ít nhất chuyến đi cho Merkel cơ hội gặp gỡ Ronald Reagan, khi đó đang mắc bệnh Alzheimer. Trong những ngày tháng ở Đông Đức, bà luôn tôn sùng trí tuệ sáng suốt và ý chí không thể lay chuyển của ông. Cuộc gặp diễn ra ở trang trại của Reagan ở Santa Barbara, và Nancy Reagan cũng có mặt ở đó.

Ngày nay, Merkel ít khi nhắc đến người hùng thời niên thiếu của bà. Hình ảnh của Reagan tại phương Tây khác nhiều so với nhận thức người ta có về ông ở những nước thuộc khối Warsaw cũ, vốn luôn ngưỡng mộ trí óc nhạy bén và lối nói chuyện thẳng thắn của vị tổng thống, và bản thân Merkel có lẽ cũng sẽ dành nhiều khen ngợi cho vị tổng thống áp cuối của thời Chiến tranh lạnh. Nhưng, lúc nào cũng thế, bà tránh miêu tả bản thân như người thừa kế của bất cứ hình mẫu chính trị nhất định nào.

Không như hình ảnh nước Mỹ của Kohl, hình ảnh nước Mỹ của Merkel không được tô đậm bằng lòng biết ơn một cách rõ rệt cho lắm. Ở trung tâm nước Mỹ của Kohl là vai trò của quốc gia này trong việc giải phóng nước Đức thoát khỏi Phát xít tàn bạo và sự ủng hộ kiên định của Washington đối với việc thống nhất nước Đức. Kohl mãi luôn bày tỏ lòng biết ơn của ông. Khi Merkel nói đến lòng biết ơn, điều này nghe giống như bà đang “đãi bôi” những hội nghị hùng biện xuyên Đại Tây Dương. Bà thích nhắc đến tình hữu nghị hơn. Bà có xu hướng bị làm phiền khi mỗi lần bà đến Washington, luôn có những câu hỏi bản khoản không biết liệu mối quan hệ giữa bà và tổng thống Mỹ có tốt không - liệu người Đức, hay người châu Âu nói chung, vẫn còn gì để đưa ra, hay liệu Mỹ không quay lưng với những đồng minh cũ. Những câu hỏi như vậy tiết lộ một sự thiếu tự tin, thiếu khả năng hành động độc lập. Trong quan điểm của Merkel, tình bạn đồng nghĩa với quyền lợi bình đẳng, một sân chơi công bằng.

Tuy nhiên, lòng tự tin như thế không tự nhiên đến với Merkel, mà bà có được nhờ làm việc chăm chỉ tuyệt đối. Hình ảnh chính trị về nước Mỹ của bà xoay quanh một sự kiện duy nhất: Chiến tranh lạnh, với những hệ thống cạnh tranh nhau và cuộc tranh đấu giành tự do cho nô lệ. Với bà, nước Mỹ là hiện thân của tự do và, sau tất cả, bà mắc nợ sự tự do của bản thân trong bàn tay kiên định của nước Mỹ. Ban đầu, nước Mỹ của Merkel trên tất cả là

nơi ký thác những giá trị phương Tây như được ghi trong Tuyên ngôn độc lập và Hiến pháp Hoa Kỳ. “Điều mang người dân châu Âu chúng ta và người Mỹ lại với nhau, và giữ chúng ta bên nhau, là những giá trị chung của chúng ta,” bà nói trên Đồi Capitol. “Hình ảnh của phẩm giá không thể chuyển nhượng của nhân loại chính là thứ chúng ta đồng sở hữu, một sự am hiểu chung về tự do trong trách nhiệm.”

Tự do trong trách nhiệm: đây là mã riêng của nữ thủ tướng cho một mối quan hệ giữa những người ngang hàng: bạn là đối tác của tôi, nhưng tôi cũng là đối tác của bạn - nên nếu bạn cư xử như một đối tác, chúng tôi sẽ làm giống thế. Hay nói theo lối mạnh mẽ hơn: những mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương nằm trong tâm điểm của chính sách ngoại giao Đức. Chúng không thể nhân nhượng, dù tổng thống là George W. Bush hay Barack Obama. Không một tổng thống nào có thể tụt tệ đến mức hy sinh mối quan hệ quốc gia vì quyền lợi của cá nhân mình. Với Merkel, những quan hệ với Mỹ, cũng như với Liên minh châu Âu và Israel đều là nền tảng cho chính sách ngoại giao của Đức. Đôi khi bà nhắc đến nghĩa vụ quốc gia, đặc biệt trong trường hợp của Israel. Nhưng bà luôn muốn nói một điều: chính sách Đức phải không bao giờ chống lại Liên minh châu Âu, Israel hay Mỹ.

Vì lý do này, ngay trước cuộc tấn công Iraq vào năm 2003, Angela Merkel với tư cách chính trị gia đã đối mặt với cuộc khủng hoảng ngoại giao nghiêm trọng nhất của bà tính đến thời điểm đó khi, không như đa số quốc hội ở Đức do thủ tướng Gerhard Schröder dẫn đầu và đi ngược lại ý kiến công luận, bà từ chối “dán nhãn” cho tổng thống Mỹ khi đó, George W. Bush, là đại diện của quỷ Satan trên trái đất. Nước Đức chưa khi nào chứng kiến nhiều tranh cãi đến thế về chính sách ngoại giao hơn là trong giai đoạn từ mùa hè năm 2002 đến lúc bắt đầu cuộc chiến Iraq vào ngày 20 tháng 3 năm 2003.

Chín tháng sau cuộc tấn công vào tòa Tháp Đôi ở New York và Lầu Năm Góc ở Washington, người ta thấy rõ rằng chính quyền Bush có nhiều tính toán trong đầu hơn là chỉ quét sạch Taliban ra khỏi Afghanistan như một cách thể hiện quyền lực Mỹ một cách đơn thuần: nói cách khác, Mỹ cần trả thù cho những ai chết trong vụ 11 tháng 9. Thủ tướng Gerhard Schröder nghe được ý kiến công luận ngay từ lúc bắt đầu cuộc chạy đua tranh cử vào năm 2002, và quyết định đặt chính sách ngoại giao vào tâm điểm chiến dịch của ông. Ngày 5 tháng 8, ông bắt đầu việc nỗ lực cho chiến dịch tái tranh cử trên đường phố Hannover, với bài phát biểu trên quảng trường Opernplatz. Chính cú chuyển dịch sang chính sách ngoại giao này - sau một thời gian dài mà trọng tâm thuộc về chính sách xã hội và giáo dục cùng những cải cách đối nội khác - đã kích thích công chúng. Schröder nói về những mối nguy hiểm mới mà thế giới đang đối mặt, về khủng bố, rồi ông bổ sung: “Tôi nói rằng chúng ta đã sẵn sàng thể hiện tinh thần đoàn kết, nhưng dưới sự lãnh đạo của tôi, đất nước này sẽ không bao giờ tham gia vào những cuộc mạo hiểm nữa.”

Đây là cú tát vào mặt George W. Bush và tin đồn về một cuộc tấn công Iraq có thể xảy ra. Phản ứng của công luận tỏ ra rất ủng hộ. Schröder lưu ý điều này bằng sự thỏa mãn - ông đã tìm ra chủ đề phù hợp để làm hài lòng khán giả của mình. “Chơi trò chơi chiến tranh hay can thiệp quân sự - tôi chỉ biết cảnh báo chống lại chúng,” vị thủ tướng cho biết vào một dịp khác của sự kiện, và được khích lệ bởi tràng vỗ tay. “Đó không phải điều chúng ta làm.”

Đảng CDU và CSU, lãnh đạo bởi ứng viên Edmund Stoiber của họ, bị lâm vào thế bất lợi bởi những bình luận này. Đến tận hôm nay, những người gần gũi với Merkel cho rằng từ quan điểm cạnh tranh, Schröder vô cùng khôn ngoan trong sự am hiểu tâm trạng quốc gia của ông. Sự thiếu năng lực

của Stoiber trong việc tham gia tranh luận về chủ đề này, cũng như cú giải quyết tồi trong tình huống khẩn cấp do trận lụt sông Oder đã khiến ông mất chức thủ tướng. Song với tư cách thủ lĩnh đảng Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo, Angela Merkel thấy niềm tin bền vững nhất của bà (không bao giờ hành động chống lại Mỹ, không bao giờ chống lại châu Âu) đang lâm nguy. Vì điều mà Schröder đã gây ra khi miêu tả Iraq là một chuyến phiêu lưu chính là: một châu Âu bị chia rẽ. Bỗng nhiên xuất hiện điều hâu và bồ câu giữa những siêu cường châu Âu: nhóm năm nước và nhóm mười nước. Có những nước công khai giữ khoảng cách với Mỹ và một nhóm khác thì thích tạo sức ép quân sự lên Saddam Hussein hoặc ít nhất - nhìn từ quan điểm chiến lược - muốn tránh việc tranh cãi với Mỹ.

Merkel đương nhiên thuộc về nhóm cẩn trọng hơn. Bà rất muốn tránh va chạm với Mỹ và bảo toàn sự thống nhất của châu Âu. Về sau bà trả lời trong những cuộc phỏng vấn rằng, với sự giúp đỡ của một mặt trận châu Âu thống nhất, bà đã hy vọng thuyết phục Bush dừng tấn công (Iraq) vào mùa xuân 2003, hoặc ít nhất trì hoãn cuộc tấn công này trong sáu tháng. Điều này có thể sẽ cho Mỹ thời gian để lật đổ Saddam mà không cần đến can thiệp quân sự. Một lưu ý khác cũng là tâm điểm trong lý lẽ của Merkel: bà không bao giờ hiểu nổi tại sao Mỹ muốn chứng minh - trên một quan điểm mập mờ đến thế - rằng Iraq sở hữu vũ khí hủy diệt hàng loạt. Bà cho rằng sự xuất hiện của ngoại trưởng Mỹ Colin Powell trước Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc là không phù hợp. Trong một màn trình diễn dị thường, Powell cáo buộc Saddam Hussein có một phòng thí nghiệm vũ khí hóa học di động.

Trong quan điểm của Merkel, vấn đề rất rõ ràng: Liên hiệp quốc đã thông qua ít nhất hai tá nghị quyết chống lại Iraq. Nhưng Saddam Hussein đã từ chối tuân theo những yêu cầu của cộng đồng quốc tế, vì lẽ đó mà có lý

do chính đáng để khẳng định uy quyền bao gồm cả đe dọa dùng vũ lực. “Tôi thật sự đau khổ trong những tháng trước cuộc chiến Iraq, vì tôi biết cách những nhà độc tài suy nghĩ và điều gì để lại ấn tượng nơi họ,” bà nói trong một cuộc phỏng vấn cho cuốn sách của nhà báo Hugo Müller-Vogg. “Thật khó mà đứng chờ và nhìn thấy quá nhiều người bôi bác chính họ. Mười bảy nghị quyết Liên hiệp quốc đã không có hiệu quả. Và khi nghị quyết gần nhất được thông qua, chúng ta đã không thể nhất trí về một thời hạn. Và rồi thủ tướng Đức đứng giữa chợ và nói: ‘Đừng bận tâm Liên hiệp quốc làm gì, chúng ta sẽ không làm theo.’ Điều này thật quá xuẩn ngốc!”

Trong những tuần lễ đó của mùa thu năm 2002 và mùa xuân năm 2003, thái độ của Angela Merkel về chính sách đối ngoại được tôi rèn. Sau khi đảng của bà thua cuộc tổng tuyển cử, bà lên làm chủ tịch nhóm có mặt trong quốc hội của đảng này thay Friedrich Merz, do đó đưa ra lời tuyên bố sớm về việc ứng cử của bà cho chức thủ tướng vào kỳ bầu cử tiếp theo. Bà cũng cần đến sự ủng hộ của cánh bảo thủ trong đảng của bà, cho đến khi đó vốn ngả về Merz và Roland Koch, thủ hiến vùng Hesse. Và bà cần tăng cường hồ sơ chính sách đối ngoại của mình. Trong đảng, bà bị vây quanh bởi các chuyên gia thích chia sẻ ý kiến cá nhân họ về công việc quốc tế với các thủ hiến các vùng khác nhau. Friedrich Pflüger, phát ngôn viên của nhóm trong quốc hội của đảng CDU về chính sách ngoại giao, ủng hộ luận điểm rằng Iraq có vũ khí hủy diệt hàng loạt. Vào tháng 3, ông tháp tùng Merkel trong một chuyến thăm đến Washington, vốn có tầm quan trọng tăng cao nhờ vào một bài báo.

Những tuần trước chuyến thăm được đánh dấu bằng sự lo lắng. Hội đồng Bảo an đã làm việc không ngừng nghỉ trước vấn đề Iraq, quân đội đã được triệu tập, mối đe dọa chiến tranh ngày một tăng, giọng điệu ngày một đanh tai. Không lâu sau Giáng sinh, Bộ trưởng Ngoại giao Đức khi đó,

Joschka Fischer, cho biết trong một cuộc phỏng vấn với tờ *Der Spiegel* rằng ông có thể đương đầu với việc Đức đồng ý can thiệp vào Iraq nếu Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc chấp thuận chiến tranh. Fischer rõ ràng đã đặt mình vào thế đương đầu với lằn ranh mà Thủ tướng Schröder đặt ra. Trong liên minh chính phủ xuất hiện đấu đá nội bộ ác liệt. Schröder rõ ràng sẽ không cho phép sự bất tuân của vị bộ trưởng ngoại giao diễn ra mà không bị chú ý: ngài thủ tướng phải là người nói lời sau cùng. Ông đưa ra lời phản hồi vào ngày 21 tháng 1 - lần này tại khu chợ Goslar trong chiến dịch tranh cử ở Hạ Saxony. Không, Schröder nói, Đức sẽ không ủng hộ việc can thiệp, ngay cả khi Liên hiệp quốc bỏ phiếu thuận cho việc đó.

Phát biểu của Schröder gây sốc cho cả phe đồng minh. Vậy Đức đứng ở đâu? Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld, người vốn ưa nhạo báng, đưa ra những bình luận miệt thị về châu Âu cũ và mới. Fischer ném trả cơn thịnh nộ của châu Âu cũ vào mặt Rumsfeld khi thì thầm vào tai ông này tại Hội nghị an ninh Munich trong tháng 2 là: “Thưa ông bộ trưởng, chúng tôi không bị thuyết phục.”

Thật ra rất ít người ở châu Âu bị thuyết phục, nhưng từ tận đáy lòng, Merkel biết cuộc chiến này không được phép dẫn đến một sự rạn nứt xuyên Đại Tây Dương hoặc gây tổn hại cho châu Âu. Câu trả lời của bà cho vấn đề này xuất hiện vào ngày 20 tháng 2 - ở vị trí không ngờ đến là trang 39 của tờ *Washington Post*.

Một lần nữa, bà phát biểu ý kiến trên một tờ báo. Hiếm khi Angela Merkel tỏ ra can đảm một cách cố ý, và hiếm khi bà để lộ mình trước những mối nguy hiểm. Trước đó người ta chỉ mới được biết bà đã thực hiện những quyết định táo bạo vài lần. Khi còn là Bộ trưởng Môi trường, bà thăm cơ sở xử lý chất thải hạt nhân tại Gorleben - một chuyến đi mạo hiểm khi bên ngoài nhà máy đang có những cuộc biểu tình huyên náo. Và vào tháng 12

năm 1999, bà viết thư chia tay với nhân vật cha già của đảng CDU, Helmut Kohl, được đăng trên tờ *Frankfurter Allgemeine Zeitung*. Đã bị rung chuyển bởi bê bối công tác phí, CDU bị rung chuyển đến tận gốc rễ và Merkel đã thực hiện một nước đi sống còn dẫn đến việc trở thành lãnh đạo của đảng.

“Chúng ta không biết mọi chuyện sẽ ra sao. Chúng ta phải tự trải nghiệm lấy.” Đây là điều Merkel thường nói với các đồng nghiệp trong những tình huống khó khăn có kết quả không rõ ràng. Đây là trường hợp của ngày 20 tháng 2 năm 2003, khi tờ *Washington Post* đăng tải một bài viết khách mời của thủ lĩnh đảng đối lập Đức trên trang ý kiến. “Schröder không nói thay cho tất cả người dân Đức” là nhan đề bài viết. Trong đó, Merkel quở trách ngài thủ tướng do chính sách của ông về Iraq - một điều khá lạ tai. Luật bất thành văn là không bao giờ được tấn công chính phủ của nước mình ở nước ngoài, và đương nhiên không phải trên một tờ báo. Tác giả của một bài viết như thế có rủi ro bị buộc tội cầu cạnh sự ủng hộ theo lối rẻ rúng nhất có thể, thậm chí là hèn nhát. Trong mục khách mời đó, Merkel cáo buộc Schröder đã chiếm lĩnh vị thế bằng “chiến thuật cử tri”. Bà cũng chê trách chính phủ Pháp đã công kích những ứng viên Đông Âu xin gia nhập EU “chỉ vì họ tuyên bố sự cam kết đối với mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương.” Và bà gọi ra viễn cảnh ác mộng của chính sách đối ngoại của Đức: một lần nữa trở nên đơn độc và bị cô lập trong lịch sử.

Đây là những nỗi sợ hãi lớn nhất của vị thủ lĩnh đảng đối lập: rằng Đức có thể tự tách rời khỏi liên minh những giá trị phương Tây, Schröder có thể gãy đổ với Mỹ, quốc gia mà Đức mắc nợ sự hồi sinh của họ sau Thế chiến II cũng như sự chấp thuận vào khối đồng minh phương Tây. Và không chừng sẽ trở lại với thuyết đầu độc, quá thường xảy ra trong lịch sử Đức, đã đẩy quốc gia này vào cảnh cô lập và cuối cùng là sụp đổ.

Bài viết cung cấp một minh họa trung thực cho những tri giác cốt lõi của Merkel. Bà không có ý định trừng phạt Schröder: bà chỉ muốn - thông qua một tờ báo Mỹ - xua tan mọi nghi ngờ rằng Đức sẽ không trở thành một đồng minh đáng tin cậy. Ở nơi mà chính sách ngoại giao là quan trọng, bà giữ vững những niềm tin sâu sắc của mình.

Trong hàng ngũ gần gũi nhất với nữ thủ tướng ngày hôm nay, người ta có quan điểm rằng bài báo đó không thật sự cần thiết. Bây giờ bà sẽ không viết quá nhiều nữa. Là thủ lĩnh phe đối lập, bà đã làm rõ vị thế của mình thông qua những bài phát biểu trước quốc hội Đức. Điều này có thể đúng, nhưng với tư cách bài phát ngôn về chính sách ngoại giao, bài viết trên tờ *Washington Post* là bài viết xác thực nhất bà từng viết trong thời gian lãnh đạo đảng đối lập - theo đó, nó đem đến cho bà sự chỉ trích dữ dội. Dầu vậy, trên hết, bài viết đã thiết lập hình ảnh Angela Merkel là người ủng hộ chân chính cho các mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương và là một đồng minh biết điều trong những năm tới. Bài viết trên tờ *Washington Post* của bà đã làm được cho chính sách ngoại giao điều mà hội nghị đảng ở Leipzig đạt được đối với chính sách xã hội và kinh tế. Trong hỗn hợp của sự tự khẳng định bên trong đảng của bà, sự phẫn nộ chính đáng trước Thủ tướng Schröder và nỗi lo sợ rằng nền móng của thế giới của bà có thể bị đổ vỡ, Merkel chọn cách xích lại gần Mỹ, và vì thế trong con mắt của giới chỉ trích, bà là người ủng hộ chiến tranh. Bà phải trở thành thủ tướng thì mới có thể sửa lại hình ảnh vị thế của bà trong chính sách ngoại giao.

Vào thời điểm ấy, không khó để xem thường Tổng thống George W. Bush. Bush được bầu vào năm 2000 chỉ vì, sau những cuộc chiến pháp lý nảy lửa, Tòa án Tối cao Mỹ dừng việc tái kiểm phiếu tại Florida và cho ứng viên đảng Cộng hòa chiến thắng tại bang này. Bush là một tổng thống được bổ nhiệm bởi tòa án chứ không phải người dân. Các nước Tây Âu theo

đường lối tự do phản ứng giận dữ. Al Gore là người thắng cuộc tự nhiên, chứ không phải tay chính trị gia tỉnh lẻ dốt nát đến từ Texas này mà giá trị duy nhất chỉ là việc ông ta là con trai của George Herbert Walker Bush, cựu tổng thống kiêm đồng minh của Helmut Kohl trong suốt cuộc thống nhất nước Đức.

George W. Bush phải mất nhiều thời gian để ổn định công việc. Rồi khủng bố Al Qaeda lái máy bay đâm vào hai tòa Tháp Đôi, và cuộc chiến bắt đầu. Khi Angela Merkel chuẩn bị thông báo ứng cử chức thủ tướng vào năm 2005, Bush được bầu vào nhiệm kỳ thứ hai còn phiến quân thì đang giết hại người dân ở Afghanistan và đặc biệt là Iraq. Cả thế giới phẫn nộ bởi bê bối tra tấn ở Abu Ghraib và những chuyến bay vận chuyển tù nhân của CIA. Trại tù nhân chiến tranh tại Guantanamo không phù hợp với bất cứ tiêu chuẩn nào dựa trên quy tắc luật pháp. Phe bảo thủ cực đoan đã đánh mất sự xác đáng của họ, và nước Mỹ giờ đây khá xa lạ với hầu hết người Đức. Chính quyền Schröder có mối quan hệ tồi tệ nhất với Washington đến mức không thể tưởng tượng được.

Trong chiến dịch tranh cử năm 2005, Angela Merkel né tránh chính sách ngoại giao. Nước Đức khi đó đang thảo luận về “Chương trình nghị sự 2010” và cải cách xã hội của Schröder. Ngay cả chính phủ liên minh của hai đảng Đỏ-Xanh cũng không quá mặn mà với việc đưa chính sách ngoại giao vào chiến dịch tranh cử - quyết định gửi lính Đức đến Afghanistan đã tiêu tốn của chính phủ liên minh nhiều sức lực và đánh mất niềm tin ở công luận. Bốn năm đã trôi qua kể từ đó, nhưng không ai muốn xới lại bất cứ chi tiết nào của cuộc chiến này. Bản thân Merkel né tránh chủ đề Iraq và không thực hiện chuyến thăm định kỳ đến Washington như một ứng viên bầu cử. Hình ảnh đoàn kết lễ ra phải mang đến ý niệm về sự tin cậy và tiếp nối trong quan hệ ngoại giao. Nhưng lần này có vẻ như bà có thể bỏ qua một

chuyển đi như vậy. Thay vào đó, người đi là Wolfgang Schäuble, *lãnh chúa* của quốc hội về các vấn đề ngoại giao.

Tháng 11 năm 2005, Angela Merkel cuối cùng cũng trở thành thủ tướng. Tờ giấy chứng nhận bổ nhiệm vẫn nằm cạnh bàn làm việc của bà, cuộn tròn, còn cả nước Đức ngạc nhiên trước sự ung dung lo liệu chính sách ngoại giao của vị thủ tướng mới. Cụ thể khi làm việc với George W. Bush, Merkel cho thấy những kỹ năng của một võ sĩ judo đai đen khi tận dụng sức nặng của đối thủ để làm lợi cho mình. Trong trường hợp của chính nước Mỹ, mục tiêu công kích của bà là Guantanamo. Vài ngày trước khi bay đến Washington, Merkel trả lời phỏng vấn tờ *Der Spiegel*. Chỉ một câu cũng đủ để bà tách mình khỏi Bush và thiết lập hình ảnh của bà là một người có óc tư duy chiến lược. “Một nơi như Guantanamo không thể và không được phép tồn tại dài lâu,” Merkel nói. “Phải tìm ra những cách và phương pháp khác để xử lý tù nhân.” Đó là tất cả những gì bà nói, song bỗng dưng có sự đồng thanh nhất trí.

Niềm vui sướng trước hành vi táo bạo này dâng lên mạnh mẽ. Như thế bỗng nhiên được cởi trói, Liên minh châu Âu tham gia vào cuộc phê phán. Merkel đã đặt giọng điệu đúng: không khoan nhượng trước cuộc chiến chống khủng bố, đồng thời bác bỏ phương pháp của chính quyền Bush. Chỉ có một hạn chế duy nhất: những chỉ trích dành cho Guantanamo không đáng tin chừng nào chính quyền Đức còn để cho người dân Đức phải gánh chịu hệ thống bất công này. Thế nên Thomas de Maizière, chánh văn phòng Thủ tướng Đức, nhanh chóng thu xếp để tù nhân người Đức gốc Thổ Nhĩ Kỳ Murat Kurnaz được trao trả. Kurnaz, đã ở trong trại tù này từ năm 2002, và là đối tượng của hai ủy ban điều tra lẫn vô số tiến trình pháp lý, đã trở về Đức sau bốn năm rưỡi bị Mỹ giam cầm.

Bằng cách chỉ trích Bush, Merkel đã cho mình khoảng trống để lên kế sách. Tổng thống Mỹ, và đặc biệt là đội ngũ đối ngoại của ông, do Condoleezza Rice cùng cố vấn an ninh Stephen Hadley dẫn đầu, rất quan tâm đến việc tái thiết lập một mối quan hệ tốt với Đức. Washington bắt đầu cảm nhận mình bị cô lập. Merkel đề nghị cơ hội cho một khởi đầu mới: đổi lại, Nhà Trắng phải chấp nhận những chỉ trích của bà dành cho Guantanamo. Không chỉ vậy, Merkel có một câu chuyện cuộc đời thú vị. Bush đặc biệt thích ý tưởng về tự do do một phụ nữ đến từ Đông Âu chiến đấu - nó phù hợp với chương trình nghị sự của cá nhân ông với tư cách một tác nhân cho tự do và dân chủ trong thế giới Ả rập, dù điều này trông có vẻ viễn vông đến đâu chăng nữa. Và cuối cùng, việc không trở thành Schröder là đủ cho Merkel.

Vị tiền nhiệm của bà đã tránh né bằng chính sách ngoại giao của ông. Schröder đã quá gần gũi với Pháp, không quan tâm nhiều đến Liên minh châu Âu, khẳng định rằng Thổ Nhĩ Kỳ nên trở thành thành viên EU, nuôi dưỡng một mối quan hệ thân thiết với Vladimir Putin - và vì thế ông đã tự đẩy mình sát góc tường đến nỗi không còn chỗ nào để đi. Merkel được xem là người mang đến sự thoát ly ra khỏi điều này. Bà thậm chí còn có thể áp đặt các điều kiện hoặc bày tỏ phê bình - và, gần như không cần gắng sức, những quyền chọn hoàn toàn mới trong chính sách ngoại giao được mở ra. Đảng SPD muốn bỏ lại Gerhard Schröder đằng sau và đi theo bà trong lối này - Liên minh cầm quyền đang khao khát thành công. “Giải phóng mà không gặp phải chống đối rõ ràng khiến bạn được tự do,” tờ *Die Zeit* viết để nhạo báng điều mà họ gọi là “sự cam lạng gượng ép” của Schröder về chủ đề những hướng đi mới cho chính sách đối ngoại. Merkel đã nắm bắt được cơ hội - chứng minh rằng bản năng của bà đã đúng.

Việc Angela Merkel và George W. Bush hòa thuận cũng rất có ích. Cần hiểu rõ Bush một cách cá nhân để biết rằng đằng sau hình ảnh của một kẻ dốt nát, hiếu chiến và siêu bảo thủ súng đạn còn có một người đàn ông thân thiện, vui tính và nội tâm. Về cơ bản, Bush là người ân cần với một kho những câu chuyện hay ho và tiểu lâm, một người biết tận hưởng cuộc sống. Các đồng nghiệp của Merkel miêu tả ông là người dễ thương chứ không kiêu ngạo, một người cộng tác nhiệt tình chưa từng nói dối nữ thủ tướng một lần nào.

Ông chia sẻ tính cách cởi mở, vui tươi này với Merkel, một người có thể là bạn tốt, bất chấp mọi sự dè dặt bà thể hiện trước công chúng. Bush đã làm rõ với bà ngay từ đầu rằng, bất chấp sức ép của chức vụ lãnh đạo, họ vẫn có thể có những khoảnh khắc thân mật. Kinh nghiệm đã cho thấy một khi hai nguyên thủ quốc gia bỏ lại lễ nghi và những cố vấn sau lưng, một ý niệm về tình bằng hữu liền nhanh chóng xuất hiện - suy cho cùng, trên những tầm cao chóng mặt đó, họ chỉ có nhau. Dù gì chẳng nữa, chất xúc tác cá nhân giữa hai người là dễ thấy. Bush thi thoảng đặt tay quàng vai Merkel - điều bà không chấp nhận với rất nhiều người, ông nổi tiếng khi tìm cách xoa bóp sau cổ cho bà trong hội nghị G8 tại Heiligendamm, còn bà gạt tay ông một cách đanh thép và giả vờ như bị sốc.

Ngay cả khi họ bất hòa ở mức độ nghiêm trọng trong những vấn đề đối ngoại - yêu cầu gia nhập NATO của Ukraine và Gruzia - Bush gạt bỏ bất cứ sự khác biệt nào sang một bên bằng sự tự tin chuyên nghiệp. Tại hội nghị NATO 2008 trong lâu đài cũ xa hoa của Ceaușescu ở Bucharest, Merkel là đối thủ chính của Bush. Trước khi rời nhiệm sở, vị tổng thống muốn cho Gruzia và Ukraine, vốn đang thiết tha làm thành viên NATO, viễn cảnh về quyền thành viên đầy đủ: cái gọi là Kế hoạch Hành động Quyền thành viên, một bước đi sơ bộ để được chấp thuận vào trong tổ chức này. Merkel phản

đối. Mặc dù nữ thủ tướng luôn để người ta biết về những nghi ngờ của bà trong những cuộc họp trù bị, Bush không nghĩ bà sẽ giữ vững những nghi ngờ này và đem chủ đề đó vào chương trình nghị sự trong ngày.

Các phái đoàn chính phủ hiểm khi va chạm nhau theo lối mất trật tự như thế. Cách diễn tả kế hoạch và văn kiện thường được nhất trí trước khi bắt đầu bất cứ hội nghị nào. Những chi tiết cuối cùng có thể cần được quyết định, song không có nghĩa sẽ có bất kỳ sự bất ngờ nào. Tuy nhiên, lần này tiềm tàng bùng nổ một sự khác biệt về quan điểm: liệu NATO sẽ vươn đến hai nước thường có đường đầu công khai với Nga, khi cả hai nước này đều không thể xem là ổn định? Tổng thống Nga Putin đã lên tiếng phản đối, nhưng Bush vẫn muốn việc này được thông qua. Merkel đứng vững, và khi NATO tìm cách đạt được một thỏa thuận nhất trí, họ bị buộc phải hoãn lại. Trên hành lang của trung tâm hội nghị, các nguyên thủ quốc gia đứng xung quanh với vẻ băn khoăn, còn các nhóm nhỏ thì nhóm lại để đưa ra một lời tuyên bố chung cuộc hòng che giấu thất bại. Sau đó Bush bày tỏ sự kính trọng ông dành cho Merkel - bà đã chính trực và chân thành, ông nói, và đó là lý do tại sao ông rất kính trọng bà. Còn trong một khoảnh khắc hiếm hoi của lòng biết ơn, Putin nói với nữ thủ tướng rằng ông sẽ không bao giờ quên điều bà đã làm.

Merkel và Bush từng hai lần gặp nhau trong những hoàn cảnh mà nghi thức ngoại giao miêu tả là “riêng tư”. Merkel chủ động lần đầu vào năm 2006, khi bà mời ông đến khu vực bầu cử của bà. Tại một buổi gặp ở Washington, Bush tỏ ra rất quan tâm đến quá khứ Đông Đức của bà, thế nên nữ thủ tướng mời ông đến Trinwillershagen, một thành phố tự trị khoảng bảy trăm dân, mà giới chính trị quốc tế đổ đến như bầy châu chấu. Một bữa tiệc thịt nướng ngay giữa vùng quê, mộc mạc nhất có thể (thịt lợn rừng, thịt nai và vịt - những biểu tượng của sự bình dị, của sự gần gũi thiên nhiên) do

Olaf Micheel, chủ nhà trọ của ngôi làng, chuẩn bị. Khoảng 30 vị khách riêng có mặt - cách không xa bảng hiệu “Red Banner” (Biểu ngữ đỏ) của các hợp tác xã từ thời Đông Đức) - để thưởng thức hương vị đồng quê yên bình giữa vùng Mecklenburg-Western Pomerania.

Vì niềm đam mê cày cấy lẫn tình yêu dành cho trang trại của mình, Bush có biệt danh Shrub.* Ông luôn nói ông hạnh phúc nhất khi ở trên đất của mình, phát quang các bụi rậm bằng cưa xích. Nên thật dễ hiểu khi ngài tổng thống mời nữ thủ tướng đến trang trại riêng của ông ở Texas. Đây là vinh dự đặc biệt mà Bush chỉ mới dành cho mười bảy quan chức cấp cao nước ngoài: hai vị vua, một hoàng tử cùng vài tổng thống và thủ tướng. Những nghĩa cử như vậy là xa lạ với Merkel. Nhà riêng của bà đối diện Bảo tàng Pergamon trên Museum Island ở Berlin là bất khả xâm phạm với khách - một nơi riêng tư tuyệt đối. Căn nhà nghỉ cuối tuần của bà ở Uckermark cũng thế: ngay cả cộng sự gần gũi nhất của bà cũng chưa từng được bước chân vào. Nicolas Sarkozy có thể đã mời bà đến tòa nhà giữa thành phố của ông và vợ, Carla Bruni; Gordon Brown từng mời bà đến căn nhà nghỉ cuối tuần của thủ tướng Anh tại Chequers; Ôn Gia Bảo từng mời bà vào trung tâm của khu phố chính phủ - nhưng với Merkel, riêng tư là riêng tư.

Nên vào tháng 11 năm 2007, bà khởi hành đến Texas với sự dè dặt nhất định. Dù bẩm sinh thân thiện, Merkel thích kiểm soát người bà gặp gỡ, và một lời mời đến trang trại của tổng thống là một sự kiện rất riêng tư. Tuy nhiên, hiếm có chuyến công du nước ngoài nào từng làm cho nhiều cặp mắt sáng lên và khơi gợi nhiều ký ức vui vẻ đến thế trong số những người thân cận với nữ thủ tướng. Bush yêu trang trại của ông, một khu phức hợp gồm nhiều công trình với một hồ bơi, một hồ nước, gara và nhà chứa máy bay trực thăng trên một khu vực đồng cỏ sáu kilômét vuông. Khu đất từng thuộc

về một người di cư Đức tên là Heinrich Engelbrecht. Là tổng thống, Bush thường bị chỉ trích vì dành quá nhiều thời gian cho trang trại của ông, vốn còn được biết đến, thậm chí một cách chính thức, là Nhà Trắng phía Tây. Bush cảm thấy thoải mái nhất khi ở đó. Ông tự hào hướng dẫn cho các vị khách, cùng họ đạp xe leo núi dài ngày hoặc câu cá cùng họ. Có lần ông từng nói (và có thể ông thật sự nghiêm túc) rằng khoảnh khắc tuyệt nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của ông là khi bắt được một con cá vược miệng rộng nặng 7,5 pound (khoảng 3,4 kg).

Merkel cùng chồng ở trong căn nhà chính của gia đình, còn những người đồng hành được tuyển chọn của nữ thủ tướng - gồm phát ngôn viên Uli Wilhelm và cố vấn đối ngoại Christoph Heusgen - thì ngủ trong nhà khách, trong những phòng ngủ dành cho con gái Bush hoặc cha mẹ ông: George H.W. và Barbara Bush mỗi khi họ ghé thăm. Bush xử lý sự thân mật khác thường của sự kiện này bằng lòng nhiệt thành to lớn. Merkel có vẻ gì đó dè dặt và lúng túng trong những cuộc nói chuyện - rõ ràng bà không muốn cam kết bản thân mình vào một màn thể hiện cởi mở tình bằng hữu. Vào sáng sớm, nữ thủ tướng và ngài tổng thống có màn dạo chơi chóng vánh trên khu đất, song bà không cảm thấy thích tham dự đoàn viên chinh đạp xe leo núi.

Nửa năm sau đó, Bush cuối cùng cũng đến Đức trong một chuyến thăm từ biệt và trú tại Schloss Meseberg, ngay bên ngoài cổng thành phố Berlin - một nghĩa cử nhỏ, gần như kín đáo, nằm ngoài con mắt công luận. Vị tổng thống Mỹ kế tiếp cũng đã chuẩn bị đến Đức. Merkel, và đặc biệt là những cố vấn của bà, bị thuyết phục rằng mối quan hệ với Mỹ chưa bao giờ tốt đẹp hơn thế, và những mối liên lạc chuyên môn giữa đội ngũ cán bộ Đức và Mỹ trở nên gần gũi hơn là trong nhiệm kỳ của Bush.

Thượng nghị sĩ Barack Obama, ngôi sao đang lên của bầu trời chính trị Mỹ có một vấn đề: ông không tinh thông về chính sách đối ngoại. Suốt bốn năm liền, ông là chủ tịch Tiểu ban sự vụ châu Âu của Thượng viện Mỹ, nhưng trong thời gian đó ông chỉ mới đến London duy nhất một lần - dừng chân trong chuyến đi từ Trung Đông đến Washington - và chưa có dịp nào mang ông đến Berlin. Tuy nhiên, giờ đây ông muốn khóa lấp cho sự thiếu vắng kinh nghiệm đó và, nhằm chuẩn bị cho chiến dịch tranh cử của mình, ông đã lên kế hoạch cho một chuyến đi mở rộng đến những điểm nóng như Afghanistan và Iraq cũng như đến châu Âu: đến Cổng Brandenburg, trước đó là ranh giới Đông-Tây, một tượng đài biểu trưng cho Chiến tranh lạnh.

Trong chiến dịch tranh cử của mình Obama đã đóng vai nhiều nhân vật: Abraham Lincoln, Martin Luther King, John F. Kennedy. Giờ đây rõ ràng ông muốn mượn địa vị biểu tượng của Ronald Reagan và phô bày cho thấy ông thật sự mang tính quốc tế. Mặc dù êkíp vận động tranh cử của ông không bao giờ chính thức xác nhận rằng ứng viên Obama sẽ thích phát biểu trước Cổng Brandenburg, khả năng xuất hiện của ông trước biểu tượng quốc gia nổi tiếng nhất nước Đức đã khiến người ta bàn tán suốt nhiều ngày và làm chia rẽ chính phủ liên minh, như đã được đề cập trước đó. Cuối cùng, Obama nhượng bộ và đọc bài phát biểu của ông trước Cột Chiến thắng - song sự kiện đã cho Merkel nếm trải trước những gì mà bà có thể trông đợi từ vị thượng nghị sĩ trẻ tuổi nếu ông thắng cử.

Như chúng ta đã thấy, Merkel không thích đàn ông ồn ào, và bà xem thường nam tính cường điệu của Vladimir Putin, vốn luôn thích khoe cơ bắp và tìm kiếm quyền lực. Và bà cũng không mấy may quan tâm đến màn phô trương nam tính của Silvio Berlusconi. Bà đã chết lặng khi vị thủ tướng Ý để bà đứng chờ trên thảm đỏ tại hội nghị NATO ở Baden-Baden sau khi được đưa đến, chỉ để ông ta vừa trả lời điện thoại vừa đi lên đi xuống dọc

bờ sông Rhine. Merkel cũng không quan tâm đến thói phù phiếm đồng bóng của Nicolas Sarkozy. Mỗi khi một ví dụ mới của loại tính cách tự tôn này xuất hiện trên radar của bà, bà bèn nói với các nhân viên: hãy chờ xem ông ta có thể thật sự làm được gì.

Ban đầu bà cũng ngỡ vực tương tự đối với Barack Obama khi bà quan sát tài hùng biện của ông bằng sự nghi ngờ. Có lẽ bà còn cảm thấy một mức độ ghen tị nhất định. Merkel chưa bao giờ là một thuyết khách có tài hùng biện. Ngôn từ của bà mang đến sự khả tín và điềm đạm - nhưng bà chưa bao giờ thật sự có khả năng làm mê hoặc thính giả. Ngày hôm nay, người ta thích nói rằng sự kiện Cổng Brandenburg làm hỏng mối quan hệ giữa Merkel và Obama, và cả hai người họ đều chưa lành vết thương. Bằng chứng là người ta chỉ ra rằng Obama đã không đến Berlin trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên của ông.

Lối diễn dịch này đi quá xa. Sẽ đúng hơn khi nói rằng yếu tố con người có thể gây ảnh hưởng lên cả những mối quan hệ giữa các nguyên thủ quốc gia, và rằng Merkel lẫn Obama có thể giống tính nhau hơn họ chịu thừa nhận. Với sự trầm tĩnh đầy tính toán của mình, họ không thể trình diễn một tình bạn nồng ấm và không theo nghi thức. Merkel và Obama thường xuyên trò chuyện qua điện thoại và thực hiện hội nghị qua video mỗi tuần một lần. Đúng là những người thân cận nhất của Obama không giữ liên lạc gần gũi với cố vấn của Merkel như tùy tùng của Bush từng làm. Và cũng đúng là Obama gặp khó khăn trong việc truyền tải thứ sức hút mà ông sử dụng trong các bài phát biểu của mình hiệu quả tuyệt vời đến thế với những mối quan hệ cá nhân.

Có nhiều lần, chẳng hạn bên lề các hội nghị thượng đỉnh châu Âu, khi Gordon Brown, Nicolas Sarkozy và Merkel tự hỏi liệu có phải vị tổng thống Mỹ chỉ tỏ ra bối rối, lạnh lùng và xa cách với họ hay không. Những

ai tham dự các buổi hội đàm chính phủ tại Nhà Trắng luôn ngạc nhiên trước lối hành xử tiêu cực của Obama tại bàn hội nghị; êkíp của Obama cho biết vị tổng thống luôn luôn hỏi ông sẽ phải bắt tay bao nhiêu người trong ngày hôm đó. Đây không phải một Obama chúng ta thường thấy trước công chúng.

Bất chấp nhiệt huyết trong những bài phát biểu của mình, bản chất Obama không phải người hướng ngoại: ông có xu hướng tỏ ra hướng nội, tập trung vào gia đình và trên tất cả là vợ ông Michelle. Dẫu vậy, ông vẫn đủ nhạy cảm để biết khi nào thì người ta đưa ra những yêu cầu vô lý. Trong hội nghị G20 tại Cannes, Merkel chịu áp lực khổng lồ từ mọi nguyên thủ các nước khác, vốn muốn bà sử dụng kho dự trữ vàng của Ngân hàng Quốc gia Đức trong cuộc khủng hoảng khu vực đồng tiền chung euro. Obama nhận thấy sự cân bằng quyền lực đang di chuyển theo chiều hướng sai lầm, và can thiệp đúng lúc Merkel sắp sửa bị mất mặt. Ông kêu gọi hoãn hội nghị: mọi chuyện đã đi đủ xa, Angela Merkel không cần phải trải qua cuộc hành quyết chính trị.

Mối quan hệ giữa Merkel và Obama có sự tham gia của một lượng lớn tâm lý học và cả một liều nặng đô của chủ nghĩa hiện thực. Trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên của mình, Obama là tù nhân của chính sách đối nội. Ông hoạt động dưới bầu không khí thù địch ngọt ngào ở Washington, vấp phải chống đối mãnh liệt trước kế hoạch cải cách y tế của ông, trong khi cùng lúc đó còn phải đối phó với di sản rối rắm của người tiền nhiệm. Tất cả chỉ để lấy lại cơ hội xoay xở cho nước Mỹ trong sự cân bằng quyền lực. Kết quả là Đức và châu Âu không nằm ở ưu tiên hàng đầu chương trình nghị sự của ông. Về phần mình, nữ thủ tướng chủ yếu chỉ quan tâm đến cuộc khủng hoảng đồng euro. Nếu bà có gọi điện cho Obama cũng chỉ để bàn về vấn đề này.

Merkel và Obama có lần đã tìm cách để đem một điều gần như thân mật vào mối quan hệ giữa họ. Họ so sánh sự vươn lên đến vị trí lãnh đạo hai nước của hai bên. Cả hai đều là những tay ngoại đạo về chính trị: người đàn ông da đen trẻ tuổi từ Hawaii và người phụ nữ từ Đông Đức cũ. Cả hai đều thành công trước sự phản kháng quyết liệt. Con đường sự nghiệp của họ cũng không thường thấy - họ rất giống nhau về sự phi thường. Cả hai đều tinh táo, đều giỏi phân tích và khách quan. Cũng như Merkel, Obama luôn cố gắng nghĩ cách giải quyết rốt ráo các vấn đề. Cũng như bà, ông ngần ngại ra quyết định khi ông nhìn thấy những hệ quả nhân tiền.

Thỉnh thoảng Merkel khó chịu trước những câu hỏi không dứt về mối quan hệ giữa bà và vị tổng thống Mỹ. Bà không muốn đến Washington như một cô nữ sinh, bà không muốn được ghi điểm vì những sự quan tâm mà vị tổng thống Mỹ trao cho bà trước công chúng. Lòng tự trọng của bà ngăn cản điều đó và đòi hỏi sự bình đẳng. Chúng ta có lợi ích, bà nói, chúng ta có những giá trị chung. Merkel không thể bị buộc tội hợm hĩnh. Bà cũng rất khó chịu trước lối nghĩ quy chụp: Bush là kẻ xấu còn Obama là thiên sứ hòa bình.

Khi bà ở Washington vào đầu mùa hè năm 2011, bà đùa với Obama rằng báo giới sẽ ngay lập tức hỏi mối quan hệ của họ đã gần gũi đến mức nào do vị tổng thống đã không đến Berlin trong nhiệm kỳ đầu tiên của ông. Vì thực tế Obama chỉ mới ghé thăm Đức hai lần trong bốn năm đầu tiên, đầu tiên đến dự một hội nghị tại Baden-Baden, rồi đến Dresden và Buchenwald, ông đã từ chối lời mời dự lễ kỷ niệm 20 năm ngày sụp đổ Bức tường Berlin vì quá bận - một lý do gần như si nhục.

Hẳn vậy, trong cuộc họp báo ở Căn phòng phía Đông của Nhà Trắng, câu hỏi về việc tại sao ngài tổng thống chưa đến Berlin đã được nêu lên một cách đúng lúc. Merkel nở một nụ cười nữ tính, Obama cũng cười lại, rồi bà

cam đoan với ông rằng Berlin đã sẵn sàng cho một chuyến thăm của ông vào bất cứ lúc nào và, như ai cũng có thể thấy, Cổng Brandenburg hãy còn đứng vững mãi. Bằng giá đã được phá vỡ, và chương ngại của Cổng Brandenburg được bỏ qua một cách thanh nhã. Bằng giọng nhẹ nhàng, Merkel đã cho vị tổng thống hiểu rằng bà hy vọng ông không nghĩ đến việc thăm Berlin với tư cách một khách du lịch như cách ông đã thăm Paris mùa hè sau khi thắng cử. Điều đó sẽ làm bà phật lòng nghiêm trọng. Trên thực tế, nhiều tháng trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11 năm 2012, Merkel và Obama đồng ý rằng nếu ngài tổng thống tái đắc cử, ông sẽ ghé thăm Berlin trong nhiệm kỳ thứ hai của ông và trước khi Merkel gặp gỡ các cử tri. Nên trước kỳ tổng tuyển cử Đức, vấn đề tế nhị về sự kiện Cổng Brandenburg cuối cùng đã được giải tỏa và Obama cuối cùng cũng đọc bài phát biểu của ông trước địa điểm đặc trưng này.

Merkel hy vọng nhiều ở nhiệm kỳ thứ hai của Obama, nhưng bà cũng rất lo lắng. Lo lắng cho chính nước Mỹ: một cường quốc vĩ đại bị hành hạ bởi ngờ vực chính mình, tỷ lệ thất nghiệp cao, một gánh nặng nợ công khổng lồ, một sự gia tăng cách biệt giàu nghèo ngày một lớn và căng thẳng ý thức hệ nghiêm trọng giữa hai cánh tả và hữu.

Nước Mỹ đang đối mặt với thay đổi nhân khẩu học lớn lao. Dân số da trắng sẽ sớm không còn là đa số, và nước Mỹ sẽ càng lúc càng đánh mất bản chất châu Âu của mình. Cùng lúc đó, quốc gia này quá chú tâm vào bản thân đến nỗi không còn khả năng hiểu được hay thậm chí nhìn được những chuyển dịch chấn động trên thế giới. Đôi khi Merkel nói về ngoại giao bá quyền khi bà muốn bày tỏ sự không thoải mái của mình trước thái độ cư xử với quyền lực của một quốc gia như Mỹ. Bà đã chứng kiến điều này tại hội nghị về biến đổi khí hậu năm 1995 ở Berlin, khi nước Mỹ khiến cho việc

thỏa hiệp trở nên đặc biệt khó khăn và cuối cùng từ chối ký vào Nghị định thư Kyoto.

Ngày hôm nay không thiếu vắng những vấn đề quốc tế, song nước Mỹ hiếm khi quan tâm đến việc đưa đường chỉ lối, còn toàn cầu hóa tỏ ra không phù hợp với lịch trình của người Mỹ. Có phải Mỹ đã thất bại trong việc hiểu về tiến trình đa văn hóa mà thế giới đang thay đổi? Những ai nghiên cứu về nước Mỹ ngày hôm nay bằng cách theo dõi lộ trình của những vùng công nghiệp cũ, vùng phía nam nghèo khó và mọi trào lưu ngầm biệt lập có thể cảm thấy không dễ chịu. Liệu Mỹ sẽ là kẻ thua cuộc trong tiến trình toàn cầu hóa? Liệu có phải chúng ta đang nhìn thấy quốc gia kém toàn cầu hóa nhất thế giới?

Nước Mỹ của những hoài niệm xưa cũ trong Merkel và nước Mỹ chính trị hiện tại đang ngày càng không giống nhau. Quốc gia này đã thất bại trong việc đưa hai cuộc chiến đến một kết thúc thành công, và không có một chiến lược có ý nghĩa nào giúp Mỹ đứng thẳng trở lại. Chiến tranh đang bào mòn xã hội. Hai cuộc chiến sau các vụ tấn công khủng bố đã đem lại nhiều thay đổi sâu sắc trong nước Mỹ. Ngay cả một người nhiệt thành ủng hộ nước này như Merkel cũng có thể cảm nhận điều đó. Bà không thích nhìn thấy một nước Mỹ suy yếu. Bà muốn đem lại cho Mỹ điều gì đó, bà muốn biến châu Âu thành một viễn cảnh hấp dẫn cho sự hợp tác được làm mới. Kể từ khi bắt đầu nhiệm kỳ thủ tướng, bà đã được truyền cảm hứng bởi ý tưởng về một khu vực phi thương mại xuyên Đại Tây Dương - một điều tương tự như thị trường nội địa châu Âu song ở quy mô to lớn hơn. Tuy nhiên, thương mại tự do không phải là cụm từ kích thích được sự quan tâm ở những người theo chủ nghĩa xã hội Pháp như François Hollande hay giới ủng hộ bảo vệ nền công nghiệp nội địa của Mỹ.

Ảnh hưởng của Mỹ với thế giới giờ đây đã yếu hơn. Đây không phải tin tốt cho những người - như Merkel - luôn xem sức nặng của Hoa Kỳ như một yếu tố nền tảng trong các nỗ lực đạt cân bằng đối trọng của châu Âu. Đã có quá nhiều tin xấu cho nước Mỹ và điều này đã làm cạn kiệt khả năng giải quyết vấn đề cũng như làm lu mờ hào quang của nước này. Merkel, người bị ánh hào quang đó thu hút hơn bất cứ điều gì trong suốt 35 năm đầu tiên của bà, buộc phải cảm thấy lo lắng. Bà nghĩ về sức mạnh và tính ưu việt, và thà nhìn thấy một nước Mỹ mạnh mẽ còn hơn một Trung Quốc quá quyền lực.

Tuy nhiên, vào thứ ba ngày 7 tháng 6 năm 2011, dưới bầu trời xanh trong, Angela Merkel trải nghiệm tất cả vẻ diễm lệ, huy hoàng và hào phóng vô tận của Hoa Kỳ, đất nước trong mơ của bà. Vào ngày thứ ba đó, ngài tổng thống cùng giới tinh hoa chính trị hào phóng ban tặng bà mọi vinh dự của nước Mỹ. Barack Obama trao tặng Angela Merkel, cô gái từ Đông Đức đã không ngừng đạt những điều vĩ đại, Huân chương Tự do của Tổng thống. Đây là danh hiệu dân sự cao quý nhất của nước Mỹ, và nó được trao cho Angela Merkel trong một buổi lễ huy hoàng nhất mà Washington có thể làm được.

Nữ thủ tướng Đức đã bay đến Washington vào ngày trước đó, máy bay công vụ của bà đầy ắp thành viên nội các, các thủ hiến của các vùng khác nhau ở Đức, thành viên quốc hội và các cố vấn. Trong buồng của thủ tướng ở phía mũi máy bay, các tinh hoa chính trị Đức ngồi cùng Merkel: Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ trưởng Kinh tế, Bộ trưởng Tài chính, Bộ trưởng Quốc phòng. Những vị khách chính thức của bà ngồi xa hơn về phía đuôi. Ở Washington, họ được huấn luyện viên bóng đá Jurgen Klinsmann và chồng của Merkel là Joachim Sauer nhập đoàn. Vào ngày đặc biệt này, ông

đương nhiên phải có mặt, dù ông chỉ đến thẳng từ một hội nghị khác để xuất hiện đúng lúc diễn ra bữa tối.

Lần nào ra nước ngoài, Merkel cũng được tháp tùng bởi một đoàn tùy tùng lớn: hai bác sĩ, các thông dịch viên, các chuyên gia nghi thức và các công chức, thành viên mật vụ để bảo vệ vòng trong lẫn vòng ngoài, người mang hành lý cùng một đội bay lớn từ cơ trưởng đến kỹ thuật viên viễn thông cho đến tiếp viên. Trên mỗi chuyến đi, dù chỉ trong một ngày hay qua đêm, chuyên gia thời trang của bà luôn có mặt để chăm sóc tóc và trang điểm cho bà.

Chuyến thăm cấp nhà nước đến Mỹ là một dịp hiếm hoi: không ai trong phái đoàn từng tham gia một chuyến đi mang tính chất tương tự trước đây. Helmut Kohl và Richard von Weizsäcker là những người Đức cuối cùng được nhận vinh dự này. Merkel có một ngày đầy ắp tiếng kèn lệnh, duyệt binh danh dự, các buổi họp chính trị, những khoảnh khắc yên lặng cùng ngài tổng thống và bữa trưa tại Bộ Ngoại giao Mỹ cùng rất nhiều vị khách khác. Tuy nhiên, cao trào chính là quốc yến do tổng thống chủ trì tại Vườn Hồng của Nhà Trắng.

Các căn phòng dưới tầng trệt thường được dùng cho quốc yến, nhưng gia đình Obama đã khôi phục một truyền thống xưa khi đặt Vườn Hồng giữa tòa nhà chính và Phòng Bầu Dục được lát sàn gỗ và phủ thảm. Trưởng ban lễ tân của ngài tổng thống đã chọn một chủ đề trang trí nhẹ nhàng với những món đồ bằng bạc gợi nhớ về phong cách Bauhaus gồm nệm, pha lê, những đường kẻ giản dị, những hình khối đều mắt. Về sau, những tờ báo lá cải ở Washington đã bàn tán về cách làm tối giản này - không chỉ trong phong cách, mà còn cả trong danh sách khách mời. “Toàn sự kiện trông (và cảm nhận) như một lễ cưới ngoài trời sành điệu, chỉ thiếu những cô phù dâu say xỉn,” tờ *Washington Post* viết.

Trước bữa tối, Merkel tiếp đón các vị khách cá nhân tại nơi ở của bà. Obama đã bố trí cho nữ thủ tướng ở tại Nhà Blair, nhà khách của tổng thống, ngay đối diện Nhà Trắng trên đại lộ Pennsylvania và gồm nhiều tòa nhà khác nhau. Một bữa tiệc buffet được bày ra ở tầng trệt, nơi nữ thủ tướng cùng các vị khách chính thức của bà có thể thưởng thức champagne, cà phê, trà, bánh sandwich nhỏ và bánh ngọt. Merkel chọn một bộ áo buổi tối ngắn tay màu đen kiểu chéo một bên vai. Các quý ông mặc tuxedo đen, và chỉ có vị chủ trì chương trình người Đức Thomas Gottschalk cho phép mình mặc quần jean thêu hoa dẹt gấm cùng ủng cao bồi bên dưới nửa trên trang trọng hơn. Người Đức có thể tha thứ cho ông (họ đã quen với gu ăn mặc của ông), song người Mỹ thì phải mất vài phút để làm quen. Sau đó, báo giới và những diễn đàn trên mạng Internet thảo luận về danh sách khách mời, trang phục của các quý bà (nào quá nhiều màu xanh, nào lựa chọn trang phục quá an toàn vân vân...) và sơ đồ ghế ngồi, vốn thể hiện những “manh mối” quan trọng về thứ bậc nội bộ trong giới tinh hoa xã hội và chính trị của Washington.

Merkel cùng chồng tiến vào Nhà Trắng qua cửa chính và được Obama cùng phu nhân dẫn lên lầu một - khu nhà riêng tư của tổng thống cùng gia đình ông - nơi họ có chút thời gian để trò chuyện riêng. Trong khi đó, ở tầng dưới, các quan khách tràn vào Phòng Đông. Các nữ binh sĩ thuộc lực lượng hải quân trong đồng phục và váy quần dài phục vụ thức uống. Rồi ngài tổng thống, nữ thủ tướng cùng vợ chồng họ tiến xuống cầu thang lớn. Họ bước qua 208 vị khách, bắt tay 208 lần trong lúc một người trợ lý xướng tên từng vị khách, 208 bức ảnh chụp sự kiện nhận được 208 chữ ký của tổng thống, mà sau đó được gửi đến từng người - những chiến lợi phẩm quan trọng giữa một Washington coi trọng địa vị.

Merkel quan sát những vị quyền cao chức trọng xếp hàng trước mặt bà bằng vẻ thích thú, và ngay cả Joachim Sauer, vốn thường e dè trước công chúng, cũng có vẻ tận hưởng tất cả sự lộng lẫy này. Trong bữa tối, ông ngồi cạnh Michelle Obama và Eric Schmidt của Google cùng Bob McDonald của Procter & Gamble. Nữ thủ tướng ngồi giữa Obama và kiến trúc sư Helmut Jahn, trên ve áo ông đeo Huân chương Công trạng của Cộng hòa Liên bang Đức. Ngồi đối diện là thẩm phán cao cấp nhất của Mỹ: Chánh án John Roberts. Chỉ huy dàn nhạc Christoph Eschenbach cũng ngồi cùng bàn với họ, dù ông có được suất tham dự bằng việc chỉ đạo màn trình diễn của Dàn nhạc Giao hưởng Quốc gia.

Màn bế mạc cho những sự kiện như vậy thường được góp mặt bởi một tên tuổi lớn từ lĩnh vực giải trí hoặc âm nhạc đại chúng hoặc biểu diễn của Mỹ. Với chủ tịch Hồ Cẩm Đào của Trung Quốc, là Thành Long, Yo Yo Ma, Herbie Hancock và Barbra Streisand sẽ mang đến sự quyến rũ, trong khi Beyoncé giải trí cho các vị khách tại bữa tiệc nhà nước dành cho lãnh đạo Mexico. Theo tiêu chuẩn của các chuyên mục lá cải Mỹ, và để tương xứng với bản chất thực tế của bà, Merkel (được cho là) nhằm chán một cách tích cực: James Taylor, ca sĩ kiêm nhạc sĩ đậm chất Mỹ nhất nước Mỹ, trình diễn phục vụ bà.

Taylor về sau tuyên bố rằng Nhà Trắng đã yêu cầu một cách cụ thể bài *You've got a friend* (*Bạn có một bằng hữu*) của ông. “Khi bạn suy sụp và gặp rắc rối,” bài hát mở đầu bằng một câu sâu muộn, “và bạn cần một bàn tay giúp đỡ - và không gì, ôi, không gì sẽ ổn - hãy nhắm mắt lại và nghĩ về tôi - và tôi sẽ nhanh chóng có mặt nơi đó.” Không rõ bài hát nhắm vào ai trong số họ, Merkel hay Obama. Nhưng có một điều chắc chắn: “Tất cả những gì bạn cần làm là gọi và tôi sẽ có mặt nơi đó - bạn có một bằng hữu.”

Với Angela Merkel, lần đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ trước đó hai mươi năm, đây là một chuyến trở về rất đặc biệt. Bà đã biến tự do thành chủ đề xuyên suốt trong quan điểm chính trị toàn cầu của bà, và giờ bà được trao Huân chương Tự do ngay giữa trái tim của thế giới tự do. Với Obama và người dân Mỹ điều này rất đơn giản: là người Đông Đức đầu tiên làm thủ tướng của một nước Đức thống nhất, Tiến sĩ Angela Merkel tượng trưng cho chiến thắng của tự do.

Câu trả lời của bà rất ngắn gọn: “Lịch sử đã thường xuyên cho thấy lòng khao khát tự do có thể mạnh mẽ đến nhường nào. Nó đã truyền cảm hứng cho con người vượt qua nỗi sợ hãi của họ và chống lại những chế độ độc tài.” Và bà nói tiếp: “Sau rốt, không chuỗi độc tài nào, không một gông cùm đàn áp nào có thể chống lại sức mạnh của tự do. Đó là niềm tin vững chắc của tôi, và nó sẽ tiếp tục dẫn lối cho tôi.”

Nhưng Angela Merkel sẽ không là Angela Merkel nếu bà dừng lại ở khoảnh khắc xúc cảm ngắn ngủi đó. Nên buổi quốc yến tại Washington kết thúc bằng một cú bắt tay đầy thành ý. Và trong khi những đời tổng thống Mỹ trước đó kết thúc sự xa hoa và nghi lễ của những chuyến thăm nhà nước bằng tiệc đêm sau bữa tối, thì bà được đưa thẳng đến sân bay từ bãi cỏ phía nam của Nhà Trắng để bay về Berlin buổi tối cùng ngày. Bà và bầu đoàn của mình thay lễ phục và áo khoác ăn tối ngay trên máy bay.

THẺ PHÒNG THỦ

Angela Merkel và Chiến tranh

Angela Merkel hiếm khi chạm gần đến ngưỡng chiến tranh như ngày 4 tháng 11 năm 2007. Bà đã tại vị được hai năm, và từ Ấn Độ trở về Berlin buổi tối ngày hôm trước. Điều này không ngăn bà đáp một chuyến bay khác sau đó chỉ vài tiếng và bay về theo gần như cùng một hướng - lần này là đến Uzbekistan, nơi một chiếc máy bay quân sự Transall đang chờ bà. Bà bay tiếp đến Kabul. Chuyến đi được giữ bí mật tuyệt đối, như ba chuyến thăm sau đó của bà đến Hindu Kush.*

Chỉ có chừng hai tá hành khách khác có mặt trên chiếc Airbus của chính phủ, và vài phóng viên tháp tùng họ cũng đã thề giữ bí mật. Các vệ binh từ Cơ quan điều tra tội phạm liên bang Đức mang theo một kho vũ khí. Ngay cả Merkel cũng phải mặc áo chống đạn. Bầu không khí trở nên căng thẳng khi các phi công của chiếc máy bay quân sự phải chuyển sang hướng bay khẩn cấp những hai lần. Những thiết bị điện tử nhạy cảm trên chiếc trực thăng và chiếc Transall đã bắt được sự phản chiếu ánh sáng - một tín hiệu cảnh báo. Đó là tia sáng từ hòng một khẩu súng trường? Súng phòng không trang bị đầu đạn hồng ngoại? Hay đó chỉ là ánh mặt trời bị phản chiếu?

Hệ thống cảnh báo điện tử trên máy bay lập tức phản ứng và bắn đạn môi gây nhiễu. Những chùm pháo được lắp đặt trên đuôi chiếc máy bay. Lửa ma-nê được dùng để gây nhiễu tên lửa đang lao đến, vốn có cảm biến nhiệt dẫn đường cho tên lửa nhằm vào động cơ máy bay. Phi công của Merkel thực hiện hành động tránh đạn, khói từ tên lửa đánh chặn chui qua

lỗ súng, tiếng ồn khiến cả chiếc máy bay rung chuyển. Vào những lúc như thế, ngay cả những binh sĩ dày dạn kinh nghiệm cũng không biết được máy bay đã bị bắn trúng hay chưa.

Angela Merkel đối mặt sự việc một cách tương đối bình thản, và hỏi đoàn hộ tống quân sự xem họ có định biểu diễn thêm những tiết mục tương tự hay không. Nếu bạn dành cả đời trên những chiếc máy bay, trực thăng và xe hơi, có lẽ bạn cần phát triển một mối quan hệ theo thuyết định mệnh với những người bảo vệ bạn và công nghệ của họ. Cùng ngày hôm đó, ở Kabul, một kế đánh bom tự sát đã bị ngăn chặn trên đường đến sân bay, và hai ngày trước đó, một quả bom được tìm thấy trên đường.

Một năm rưỡi sau, trong chuyến thăm thứ hai của nữ thủ tướng đến Afghanistan, quân phiến loạn bắn hỏa tiễn tự chế vào căn cứ Đức ở Kunduz không lâu sau khi Merkel cất cánh trên một chiếc trực thăng. Tuy chúng không bắn trúng, song thông điệp là rất rõ ràng: Afghanistan đang có chiến tranh, nữ thủ tướng là một biểu tượng tối cao và là một mục tiêu đáng giá, việc đi đến quốc gia này là vô cùng nguy hiểm - cho cả khách lẫn tất cả binh lính đang phục vụ ở đó.

Đó là hai năm trước khi nữ thủ tướng đến thăm các binh sĩ ở Afghanistan. Ngay cả khi là lãnh đạo đảng đối lập, bà chưa một lần đến thăm binh lính đồn trú ở đó, và kết quả là hình ảnh của bà bị tổn hại. Khi còn là ngoại trưởng, Steinmeier vẫn đang châm rượu cho nữ thủ tướng tại hội nghị đảng SPD năm 2007, và nói rằng bà cố tránh bị châm thêm rượu. Vị lãnh đạo cuối cùng của Đức ghé thăm binh sĩ ISAF (Lực lượng an ninh quốc tế) là Gerhard Schröder - nhưng đó đã là bốn năm trước. Không gì minh họa rõ nét hơn cho sự thiếu thoải mái của bộ máy chính trị Đức trong việc gửi quân ra nước ngoài bằng câu hỏi về mức độ thường xuyên những chuyến thăm của các chính trị gia cao cấp nước này.

Vào thời gian tổng tuyển cử năm 2005, để nhận biết những đảng phái chính trị đang tránh né vấn đề nhạy cảm đó. Merkel đã học được bài học của bà: ngay trước khi Hoa Kỳ tấn công Iraq năm 2002, Gerhard Schröder đã cho thấy làm thế nào để thắng một cuộc tổng tuyển cử trên vấn đề chiến tranh và hòa bình. Và mặc dù Merkel có một thái độ thực tế đối với việc sử dụng sức mạnh quân sự (“có những lúc can thiệp quân sự là không thể tránh khỏi”) cũng như ghé thăm binh sĩ thường xuyên, trước công luận bà luôn xử lý chủ đề này hết sức thận trọng. Có lẽ bà đã học được từ kinh nghiệm trong cuộc bầu cử năm 2002 rằng khi liên quan đến vấn đề quân sự, bà sẽ thành công nhất khi sử dụng chủ nghĩa im lặng thực dụng.

Trước cuộc đánh bom chí tử hai xe chở dầu gần căn cứ Đức ở Kunduz vào tháng 9 năm 2009, Merkel chủ yếu giao phó Afghanistan cho các bộ trưởng là những chuyên gia thực địa. Bằng cách này, nữ thủ tướng nhận được ủng hộ cả trong nước lẫn quốc tế. Năm 2003, quân đội Mỹ tiến vào Baghdad và lật đổ Saddam Hussein, và vào đầu năm 2004, số vụ bạo lực tại cả hai “nhà hát chiến tranh” - Iraq và Afghanistan - đều tăng. Vào thời điểm cuộc bầu cử năm 2005, rõ ràng quân Taliban đã tái tổ chức ở Pakistan và Afghanistan, và sức ép lên quân đội nước ngoài ngày một nhiều. Tuy nhiên, ở Đức, cả chính phủ sắp mãn nhiệm lẫn chính phủ sắp nhậm chức đều không muốn thừa nhận cái được miêu tả là một sứ mệnh tái thiết và bình ổn thực chất là một cuộc chiến vì một trật tự thế giới mới: một cuộc đối đầu quân sự giữa phiến quân và các lực lượng chính quy. Afghanistan là một cuộc chiến bị làm ngơ, một cuộc chiến người ta không được phép nói đến, và bị lãng quên trong cái bóng của Iraq.

Chính vị tướng Mỹ David Petraeus, vốn phụ trách tái cơ cấu lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại Afghanistan vào thời điểm đó, đã trình bày những thay đổi lớn lao trong các thủ tục và chiến lược trong lúc cuộc xung đột vẫn

đang diễn ra. Song những nỗ lực của Hoa Kỳ trong việc đảm bảo rủi ro được san sẻ công bằng trong khối NATO không có tác dụng đối với Đức. Chính phủ Schröder và chính phủ đầu tiên của Merkel nhất trí rằng quân Đức đang làm tốt tại nơi họ đang đồn trú, ở vùng phía bắc tương đối an toàn. Trong khi quân Anh, Canada, Hà Lan và Mỹ chịu tổn thất nặng nề ở miền nam Afghanistan, đặc biệt tại các tỉnh Helmand và Kandahar, người Đức đã lờ đi thực tế rằng cuộc chiến đang leo thang.

Khi NATO kêu gọi thêm quân đến điểm nóng vào đầu năm 2007, Đức dùng đến một mưu mẹo. Máy bay do thám Tornado được phái đi chụp ảnh các địa điểm, quân địch hoặc phương tiện tình nghi bằng cách sử dụng máy ảnh độ phân giải cao gắn bên thân. Tuy nhiên, máy bay Tornado cần một lượng lớn nhân lực. Chúng cần được bảo dưỡng, sửa chữa và nhân viên kỹ thuật - nên bỗng dưng Đức lại triển khai thêm 500 quân nữa, và có thể khẳng định họ đã đáp ứng đủ nghĩa vụ quốc tế. Luật tham chiến của Đức quan tâm nhiều đến mối đe dọa gây ra bởi chính trị quốc nội hơn là làm giảm mỗi nguy hiểm cho binh lính ở điểm nóng. Binh lính không được phép sử dụng biện pháp ngăn chặn và chỉ được bắn trả nếu kẻ thù nổ súng trước. Máy bay Tornado trên không cũng không được phép sử dụng vũ khí nó mang theo, mà cần đến vị đại tá kém may mắn Klein ra lệnh để oanh tạc đoàn xe chở dầu bị mắc kẹt giữa một lòng sông trước khi bản chất thật sự của chiến dịch được quê nhà Đức hiểu tường tận: có một cuộc chiến đang diễn ra.

Tính nước đôi ngữ nghĩa học về từ “chiến tranh” được biện hộ một mặt bởi những thỏa thuận có từ lâu của luật pháp quốc tế, mặt khác bởi nỗi lo dành cho chính trị trong nước. Từ quan điểm pháp lý, bất cứ chiến dịch nào chi phối bởi điều luật chiến tranh đều tuân theo luật pháp quốc tế: cuộc chiến phải được tuyên bố chính thức và kết thúc bằng một bản hiệp ước hòa

bình. Bất cứ ai gây chiến đều phải có đối thủ và phải đối xử với tù nhân dựa trên Công ước Geneva. Song không ai lại muốn công nhận Taliban là kẻ thù trong một cuộc chiến có thể nâng cao vị thế cũng như cho phe này tính chính danh trước luật pháp quốc tế.

Từ “chiến tranh” cũng đã tạo ra nhiều vấn đề không lường được cho mỗi người lính tham gia chiến dịch. Chẳng hạn, bảo hiểm nhân thọ không thanh toán trường hợp tử vong trong khi tham gia chiến dịch chiến tranh. Phí tổn bảo hiểm và chăm sóc thương binh cùng với gia quyến của người mất khiến các chuyên gia bận rộn suốt nhiều năm qua. Cuối cùng, chính vị bộ trưởng quốc phòng đầy hứa hẹn Karl-Theodor zu Guttenberg đã phá bỏ điều cấm kỵ khi lần đầu tiên đề cập tới “hoàn cảnh thời chiến” rồi đề nghị rằng “trong những thuật ngữ thông tục”, khái niệm này có thể được gọi là một cuộc chiến tranh. Chỉ vài tháng sau đó Angela Merkel, trong chuyến thăm thứ ba đến Afghanistan vào ngày 17 tháng 12 năm 2010, cũng thừa nhận với binh sĩ: “Các bạn đang tham gia vào loại trận đánh có thể được tìm thấy trong những cuộc chiến tranh.”

Các chính trị gia, và đặc biệt là Bộ trưởng Quốc phòng đầu tiên của Merkel, Franz Josef Jung, không chỉ lo lắng về những khái niệm pháp lý tối nghĩa. Hơn bất cứ điều gì khác, họ lo lắng về ý kiến công luận, vốn không đánh giá cao chính sách an ninh được tính toán cẩn thận đóng vai trò trụ cột cho chiến dịch. Vị bộ trưởng quốc phòng thuộc đảng SPD cuối cùng, Peter Struck, được chào đón bằng những tràng cười khi ông nói câu: “An ninh của Đức cũng đang được bảo vệ ở Hindu Kush.” Mặc dù các chuyên gia quốc phòng đồng ý với phân tích của Struck, chủ nghĩa ái quốc thâm căn cố đế của nước Đức hiện đại cùng sự thiếu vắng văn hóa thảo luận chiến lược đã một lần nữa xung đột với chính sách thực dụng tinh táo và mối ràng buộc của những liên minh quốc tế. Ban đầu, Merkel không làm gì để giải

quyết cuộc khủng hoảng. Như mọi thành viên khác trong chính phủ liên minh, đương nhiên bà hiểu chiến dịch này có thể quyết định nhiều sự nghiệp chính trị. Và trong mọi trường hợp, do thiếu sự đồng thuận của dư luận về những gì nước Đức đang làm, thật khó mà lấy được nhiều phiếu bầu.

Vì lý do này, những gì xảy đến cho Franz Josef Jung đóng vai trò lời cảnh báo. Sau vụ đánh bom Kunduz vào ngày 4 tháng 9 năm 2009, Afghanistan bất ngờ trở thành tâm điểm trong nền chính trị quốc nội Đức. Giờ đây mọi người đều hiểu bản chất thật sự của chiến dịch. Cuộc tranh cãi về tính ổn định và việc giúp đỡ dân bản xứ tự chăm sóc bản thân họ đã kết thúc. Đức đang thảo luận về một cuộc chiến - chỉ vài ngày trước tổng tuyển cử. Ngay lập tức sau vụ đánh bom, Merkel dẫn đầu và trình bày bài phát biểu chính thức trước quốc hội Đức - bài diễn văn đầu tiên của bà về chủ đề Đức. Bà phát biểu toàn những câu nói đáng nhớ nối tiếp nhau: “Sự hiện diện của quân đội Đức tại Afghanistan, cùng với quân đội của đồng minh chúng ta trong Liên minh Bắc Đại Tây Dương, là cần thiết. Sự hiện diện này đóng góp vào an ninh quốc tế, hòa bình thế giới và bảo vệ mạng sống của người Đức trước tai họa của chủ nghĩa khủng bố quốc tế.” Và: “Đức cam kết phục vụ hòa bình thế giới, như được viết trong phần lời tựa hiến pháp của chúng ta. Trong thế giới này, Đức có những đồng minh và liên minh mạnh mẽ. Những nhu cầu đặc biệt của Đức không phải là lựa chọn thứ cấp trong chính sách đối ngoại của Đức.” Rồi bà nhắc nhở người nghe - như thể bà đang ban bố một lời cảnh báo cho bất cứ ai còn nghi ngờ trong quốc hội Đức - về trách nhiệm của nước này: “Chiến dịch quân sự này đã và đang đóng vai trò quan trọng sống còn đối với an nguy của nước ta. Nó được dựa trên các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Kể từ đầu năm 2002, mỗi nhà nước liên bang đều có nghĩa vụ gửi binh sĩ.”

Do các hoạt động nội bộ của chính phủ liên minh, sức nặng trọn vẹn của cuộc đụng độ chỉ được cảm nhận sau kỳ bầu cử vào đầu tháng 10. Cho đến lúc những lá phiếu được đưa ra, đảng CDU và SPD thấy họ cùng có trách nhiệm đối với chiến dịch quân sự. Chỉ khi xảy ra vụ đánh bom Kunduz, Merkel mới nhận ra rằng bà cần phải nỗ lực hơn và trực tiếp tham gia vào chiến dịch. Con số ngày một tăng những hội nghị về Afghanistan - London năm 2010 và Bonn năm 2011 - cùng tầm quan trọng được thừa nhận tại các cuộc họp NATO cho thấy rõ nữ thủ tướng giờ đây cần phải lãnh đạo phong trào rút quân, nhằm lôi Đức ra khỏi chiến dịch với thiệt hại ít nhất có thể. Trong phát ngôn chính thức vào ngày sau vụ Kunduz, bà đã đem đến hy vọng cho một việc rút quân như thế.

Kể từ chuyến thăm đầu tiên của bà vào năm 2007, Merkel chưa từng quay lại Kabul, song bà đã đến vùng phía bắc Afghanistan ba lần. Chuyến đi thứ hai của bà diễn ra vài tháng trước khi xảy ra vụ đánh bom đoàn xe chở dầu, và mang bà đến thị trấn Mazar-i-Safif, ở đó bà gặp gỡ thống đốc Atta Muhammad Nur cùng vài vị chức sắc địa phương. Nur tổ chức một buổi tiếp đón xa hoa dành cho nữ thủ tướng, ông ngồi như vị vua trên chiếc ghế mạ vàng trang trí bằng những chiếc đầu rắn Medusa. Chính giữa căn phòng là chiếc bàn trầu trệt dưới sức nặng của bánh bột và đồ ngọt. Quần thần của vị thống đốc ngồi thành một vòng tròn. Một vài phụ nữ được tuyển chọn đặc biệt bàn về những tiến bộ đang diễn ra đối với nữ quyền, còn Nur thì gọi người của mình phát biểu một cách đầy khoan dung.

Khi người ta nghe thấy một tiếng nổ lớn phát ra bên ngoài, vị trưởng ban an ninh vùng trấn an mọi người rằng có lẽ đó chỉ là một chiếc lốp xe bị vỡ. Tuy nhiên, đội ngũ an ninh Đức cảm thấy không yên. Khi bà ra ngoài, Merkel vui sướng trước công trình tòa nhà đang diễn ra quanh nơi ở của vị thống đốc cùng những công nhân trên giàn giáo. Bà không được nói cho

biết rằng những “công nhân” này thực ra là xạ thủ của quân đội Đức. Các vệ sĩ thúc giục bà quay trở lại doanh trại có an ninh tốt hơn - vụ nổ trên đường đã báo động cho tất cả mọi người. Nhưng Merkel không định tỏ ra yếu đuối. Bà phái phần lớn phái đoàn của mình trở lại trại, còn bà thì được đưa đến cuộc họp chính thức tiếp theo và thăm một bệnh viện, dù bà không nán lại lâu.

Những chuyến thăm của thủ tướng Đức luôn là sản phẩm dàn dựng, và ở Afghanistan chúng thật sự đã được sân khấu hóa. Bà hài lòng nghe những người lính bày tỏ ý kiến chân thật của họ về bữa thịt nướng tối hôm đó, sự việc này không thể bị Merkel quên mất - dù thứ duy nhất những người lính muốn có ngay lập tức là một lá cờ mới. Về cơ bản, chuyến thăm đóng vai trò ghi nhận thành tích của binh sĩ và để khen ngợi họ - và giúp bảo vệ vị thế chính trị cho bà. Nếu nữ thủ tướng không lãnh đạo từ tiền tuyến, bà sẽ khiến mình dễ bị tấn công và bị buộc tội thiếu quan tâm. Nhưng nếu tham gia quá mật thiết, rốt cuộc bà có thể sẽ bị quy trách nhiệm về việc những chiếc xe chuyên chở không được bọc giáp đúng mức.

Không ở đâu mà thế tiến thoái lưỡng nan vị nguyên thủ quốc gia này phải đối mặt lại được khắc họa rõ nét hơn là trong thế giới vi mô của một doanh trại quân đội Đức xa nhà. Một mặt, bà không thể tránh được việc là một phần của toàn bộ cuộc biểu diễn - chẳng hạn, khi đại diện của Tập đoàn đầu tư và phát triển Đức báo cáo với bà về dự án “đoàn xe caravan vì hòa bình cho phụ nữ” tại thành phố Kunduz. Mặt khác, bà cũng đang đại diện cho một chiến dịch an ninh chính trị lớn vốn cần phải được phối hợp ở nhiều cấp độ: với những người thực thi quyền lực tại Afghanistan (chính quyền, các bộ lạc, các thủ lĩnh địa phương), với công việc nội bộ của các liên minh quân sự vốn hoạt động tuân theo những khái niệm như đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau, và cuối cùng là với sự mong chờ của cử tri ở quê hương

vốn không thật sự hiểu về cuộc chiến xa xôi này và không muốn nghe tin xấu.

Dẫu vậy, tin xấu vẫn ủa về nhanh và nhiều trong mùa xuân năm 2010, chỉ trong vòng vài tuần có bảy lính Đức bị chết khi đang thi hành nhiệm vụ. Ba binh sĩ đến từ Schleswig-Holstein thiệt mạng vào ngày thứ sáu Tuần Thánh:* đơn vị của họ tham gia một trận giao tranh nhỏ gần Kunduz. Merkel được báo tin khi bà đang đi nghỉ lễ Phục sinh. Bà rút ngắn kỳ nghỉ của mình và đến dự đám tang tại thị trấn Selsingen, ở đó bà trò chuyện cùng gia quyến của các nạn nhân - một trải nghiệm xúc động. Các gia đình muốn nghe một điều trên tất thấy từ nữ thủ tướng: rằng cái chết của con trai họ đã không vô ích, rằng nhiệm vụ của con trai họ là quan trọng đối với quốc gia. Nhiều thành viên gia đình nạn nhân cũng viết thư cho bà sau tang lễ. Một trường hợp làm bà xúc động một cách cá nhân: Jörg Ringel, sĩ quan cảnh sát từng là thành viên trong đội bảo vệ thân cận bà suốt nhiều năm đã bị giết trong một chuyến đi đến Kabul. Merkel vẫn giữ liên lạc với gia đình anh.

Một ngày sau tang lễ ở Selsingen, bà nêu rõ việc ghé thăm Bộ tư lệnh quân đội Đức (Bundeswehr) ở Potsdam - nơi kiểm soát hoạt động của lực lượng Đức tại Afghanistan - là vấn đề quan trọng. Tướng Rainer Glatz cùng các sĩ quan miêu tả trận đánh một cách chi tiết, cho bà biết về số lượng lớn đạn dược được sử dụng. Các binh sĩ từ Afghanistan phát biểu ý kiến cá nhân trong một hội nghị qua video, và yêu cầu được nhận thêm nhiều hỗ trợ tinh thần từ Đức. Merkel xúc động thấy rõ trước lý lẽ của họ, và hỏi lại một câu đơn giản: bao nhiêu lính Taliban đã bị bắn trong vòng mười tiếng đồng hồ đó? Bối rồi, vị tướng nhìn xuống sàn nhà. Không ai biết câu trả lời.

Một tuần sau, ngay sau khi Merkel đến San Francisco trong chặng cuối cùng của chuyến thăm Mỹ, thư ký riêng Beate Baumann của bà bị đánh thức lúc nửa đêm bởi một cuộc gọi từ Berlin: đã có thêm nhiều trận đánh

hơn, nhiều người chết hơn, lần này bốn người tử vong. Merkel luôn mang theo quần áo màu đen trong những chuyến đi nước ngoài để bà có thể mặc phù hợp cho những dịp như vậy, còn văn phòng báo chí chính phủ thì luôn mang theo một màn hình xanh cuộn lại được để tạo ra phong nền trung tính cho ống kính mỗi khi bà trả lời phỏng vấn hoặc đưa ra phát biểu. Merkel tổ chức một cuộc họp báo trong sáng sớm hôm đó, và khởi hành về Đức buổi chiều cùng ngày.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2010, bà thực hiện bài phát biểu có lẽ là mạnh mẽ nhất của bà về Afghanistan khi công khai thừa nhận các binh sĩ và nhiệm vụ của họ. Bà nói về lòng can đảm của họ, việc giao chiến, chiến tranh và sự hèn nhát được quy cho các chính trị gia. “Chúng ta không thể yêu cầu binh lính của mình phải can đảm trong khi chính chúng ta thiếu lòng dũng cảm đấu tranh cho những quyết định của mình,” bà cảnh báo các nghị sĩ. Trước kia Merkel chưa từng nói về vấn đề chiến tranh bằng cảm xúc như thế. Bà sử dụng những lời lẽ của thượng sĩ Daniel Seibert, người đã tham gia vào một trận giao tranh chín tháng trước đó và được phỏng vấn rằng ông đã giết ai chưa. Câu trả lời của ông, được Merkel dẫn lại trước quốc hội Đức, là: “Có, tôi đã bắn đối phương của mình. Hoặc hắn, hoặc tôi.”

Điều này - tính chất nguyên thủy của chiến tranh - không xa lạ gì với Merkel. Bà có thể nhận diện tính chất của một sự đối đầu. Nữ thủ tướng đã suy ngẫm thấu đáo về hành vi giết người như một giải pháp cuối cùng. Bà cho người ta biết quan điểm của bà vào buổi sáng ngày 2 tháng 5 năm 2011, khi tin về cái chết của Osama bin Laden là tâm điểm chú ý của thế giới. Merkel xuất hiện trước máy quay, phát biểu tuyên bố, rồi trả lời ba câu hỏi. Một trong số đó là: “Thưa thủ tướng, nhiệm vụ thành công mà bà miêu tả rõ ràng là một vụ giết người có tính toán - có nhiều bằng chứng cho điều này.

Liệu lực lượng phòng vệ Đức có ở vào vị thế để chống khủng bố theo cách như thế?” Merkel trả lời: “Tôi có mặt ở đây hôm nay, trước tiên và trên tất cả, để nói rằng tôi vui mừng khi nghe kế hoạch giết bin Laden đã thành công... Kết quả là tôi đã gửi thư đến tổng thống Mỹ để bày tỏ lòng kính trọng của tôi cho chiến dịch hành động thành công này, đó là điều tôi cảm thấy mình cần phải làm.” Bà đã không thể chuyển tải được nhu cầu nói rõ quan điểm của mình hơn thế.

Chiến tranh và hòa bình, nền tảng của não trạng tiết chế nước Đức hiện đại với mọi thứ liên quan đến quân sự, những kỳ vọng sâu sắc của những đối tác của nước Đức trong liên minh, sự khó khăn của việc đạt được cái nhìn tổng quan rõ ràng về thế giới hiện đại, tốc độ của những cơn phản nộ lương tâm trước bất công, bạo lực và độc tài - có lẽ cũng là hợp lý khi những quyết định về chính sách đối ngoại của Merkel có hậu quả nghiêm trọng nhất đến nay liên quan đến những vấn đề khó khăn này. Vào ngày 17 tháng 3 năm 2011, một ngày thứ năm, và các đồng sự thân cận nhất của bà đã tụ họp trong văn phòng của Beate Baumann để uống mừng sinh nhật cố vấn đối ngoại của Merkel, Christoph Heusgen. Song không ai cảm thấy muốn ăn mừng cả. Văn phòng của Baumann không được bày trí sang trọng. Vật trang trí duy nhất trong căn phòng là một bản đồ địa chính trị thế giới treo trên tường, và trông có vẻ hơi lạc lõng. Thế giới chính trị đó đã rẽ một bước ngoặt bất ngờ khác.

Vào đêm trước, tại trụ sở Liên hiệp quốc ở New York đã phát sinh một sự thay đổi tâm trạng đột ngột. Tổng thống Pháp đã đạt được mục đích tại Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Một vùng cấm bay đã được thiết lập trên bầu trời Libya, và tại đây sẽ có chiến tranh. Chính quyền Đức phải lựa chọn một chương trình hành động. Hội đồng Bảo an dự định bỏ phiếu vào tối hôm đó, và với tư cách một thành viên không thường trực, Đức sẽ phải

tham gia vào cuộc bỏ phiếu. Nước Đức có đồng ý về một vùng cấm bay không? Và liệu nước Đức có sẵn sàng gửi quân tham gia vào một cuộc nội chiến tại Libya?

Tháng 3 năm 2011 hóa ra là một tháng tệ hại đối với Merkel. Khắp nơi, các sự kiện có vẻ đều leo thang, hết khủng hoảng này đến khủng hoảng khác. Trong tháng 2, chủ tịch Ngân hàng Trung ương Đức (Bundesbank), Axel Weber, tuyên bố ông sẽ thôi việc - rõ ràng ông không tin tưởng Ngân hàng Trung ương châu Âu đối với cuộc khủng hoảng của khu vực đồng euro, cho dù ông không bao giờ giải thích tường tận lý do thôi việc của mình. Vào ngày 1 tháng 3, cả nước Đức nín thở khi Bộ trưởng Quốc phòng Karl-Theodor zu Guttenberg chấp nhận hậu quả của vụ tai tiếng đạo văn và tuyên bố rút lui khỏi chính trị. Vào cuối tháng 2, cuộc bầu cử tại Hamburg mang lại sự hình dung trước những vấn đề mà đảng CDU, và đặc biệt là FDP, có thể sẽ đối mặt trước kết quả kiểm phiếu. Những cuộc bầu cử cấp vùng tiếp theo - vốn bao gồm - thành lũy của đảng CDU tại Hesse và Baden-Württemberg - diễn ra vào ngày 20 và 27 tháng 3. Còn xuất hiện sự thất vọng ngày một tăng của đối tác liên minh Guido Westerwelle, thủ lĩnh FDP và là Bộ trưởng Ngoại giao.

Rồi liên tiếp những cú giáng nặng đòn hơn lũ lượt kéo đến: vào 14 giờ 47 phút ngày 11 tháng 3 trận sóng thần Nhật Bản, kéo theo thảm họa hạt nhân Fukushima. Trong một hội nghị thượng đỉnh ở Brussels, bằng chiếc iPad của mình Merkel chứng kiến những vụ nổ khí hydro kinh khủng. Là người tin vào sức mạnh của hình ảnh, bà biết đây là một khoảnh khắc mang tính phán xét khác: đây là thảm họa làm mọi thứ đảo lộn. “Mãi đến gần đây,” bà nói trong một cuộc phỏng vấn, “tôi mới nghĩ sự nguy hiểm (của sự kiện) là nằm ngoài mọi thứ tôi từng thấy trong đời mình.” Ba ngày sau thảm họa, bà hoãn việc kéo dài thời hạn hoạt động của các nhà máy nguyên tử

Đức và đi ngược một cách ngoạn mục chính sách năng lượng của chính bà - một hành động xem thường ngành năng lượng lẫn chính phủ liên minh.

Trong khi đó, cuộc khủng hoảng ở Libya đang leo thang. Từ giữa tháng 2, phe nổi dậy ngày càng kiểm soát được thêm nhiều phần của nước này. Vào đầu tháng 3, chính phủ bắt đầu phản công, từ từ giành lại được vài phần của nước này. Thành phố Misrata và khu ngoại ô Benghazi thành trì của phe nổi dậy ở miền đông Libya nhanh chóng bị quân đội chính phủ pháo kích. Gaddafi thông báo rằng ông sẽ chiến đấu “từ căn nhà này đến căn nhà khác” và “sẽ không thể hiện lòng khoan dung.”

Tổng thống Pháp từ lâu đã luôn đề xuất ủng hộ một sự can thiệp của phương Tây vào Libya. Nicolas Sarkozy đang chịu áp lực: ông đã tạo ra hình ảnh xấu trong những tuần đầu tiên của Mùa xuân Ảrập. Sự thân cận của ông với cựu lãnh tụ Tunisia là một vấn đề. Ông từng tiếp đón Gaddafi ở Paris. Nhà lãnh đạo lập dị đến Paris cùng toàn bộ quan chức chính phủ, cắm trại đối diện Điện Élysée trong một căn lều Bedouin với các nữ vệ sĩ. Khi đó, Sarkozy trấn an đồng bào của ông rằng nhà độc tài này là sự đảm bảo cho ổn định và các mối quan hệ kinh tế thịnh vượng. Dầu mỏ của Libya cũng đầy sức hấp dẫn. Giờ đây, vị hàng xóm bên kia Địa Trung Hải của Sarkozy đang tàn sát chính đồng bào mình.

Merkel không hào hứng với sự hăm dọa của Sarkozy trong việc can thiệp vào Libya, và xem đây như một sự đánh lạc hướng. Đây là lý do quan trọng nhất khiến bà không bỏ phiếu thuận cho đề xuất này. Bà không muốn bị lôi kéo vào một cuộc chiến tranh mà - theo ý bà - vị tổng thống Pháp chỉ muốn có để phục vụ các mục đích chính trị trong nước. Sarkozy đang có ý định viết lại lịch sử - và đó là lời kết án dành cho bà. Không như ông, bà luôn tránh xa Gaddafi, và chưa từng gặp gỡ ông này ngoại trừ bên lề những cuộc nhóm họp quốc tế lớn. Bà cũng nhìn phong trào nổi dậy ở Libya và phần

còn lại của thế giới Ả-rập bằng sự hoài nghi. Bà bác bỏ bất cứ sự so sánh nào giữa nó và phong trào tự do ở Đông Âu vào năm 1989 - dù Guido Westerwelle đã thực hiện lối nói so sánh này. Bà cho rằng dòng chảy chính trị tại những quốc gia đó không biểu lộ rõ ràng cho một tư cách nhà nước khả dĩ của họ trong tương lai.

Dẫu vậy, nữ thủ tướng còn có một nỗi lo khác về việc can thiệp quân sự. Trải nghiệm ở Iraq đã để lại một ấn tượng sâu sắc nơi bà. Bà đã gắn hy vọng của mình vào khả năng của nước Mỹ trong việc định hướng lộ trình sự kiện và đem lại hòa bình. Nên nỗi thất vọng của bà càng trở nên lớn hơn khi phong trào kháng chiến ở Iraq tăng lên. Về cơ bản, Hoa Kỳ đã thất bại, và sớm phải rút quân. Merkel lo lắng về khả năng hoàn thành mục tiêu của Mỹ, và sợ rằng ảnh hưởng của Washington sẽ bị tổn hại, từ đó làm suy yếu toàn khối phương Tây trong cuộc chiến giữa hai hệ thống. Xuất khẩu dân chủ không phải việc dễ dàng, nhưng kinh nghiệm của Merkel cho bà sự tự tin vào khả năng của nước Mỹ trong việc mang những giá trị và thể chế của họ đến các quốc gia khác. Bà lo ngại mọi chuyện sẽ không thành tại Libya. Còn Washington không thể có thêm một Iraq nữa - một cuộc chiến có hậu quả tàn khốc. Cuộc can thiệp tiếp theo phải có tác dụng và đưa đến một cảnh tượng tốt đẹp hơn cuộc can thiệp có trước đó, nếu không uy tín của toàn khối phương Tây sẽ lâm nguy.

Cuối cùng, Merkel còn có một lý do thuộc về chính trị trong nước. Nếu Đức bỏ phiếu thông qua can thiệp quân sự, thì theo quan điểm của bà, Đức sẽ phải tham gia. Bà nói với các đồng sự rằng việc đồng ý một chiến dịch rồi lại không gửi quân là không trung thực. Vài ngày trước cuộc bỏ phiếu, điều này được thảo luận đi thảo luận lại. Merkel được cho biết rằng nước Đức sẽ tham gia một cách tượng trưng - có lẽ là nhóm chuyên gia Đức trên những máy bay do thám AWACS. Hoặc Đức có thể ủng hộ một đợt cấm vận

đường biển hay cung cấp tài chính. Merkel cùng Bộ trưởng Quốc phòng, Thomas de Maizière, không thích giải pháp nửa vời này. Theo cách phân tích tình huống của bà, một cuộc can thiệp toàn diện sẽ là quá sức đối với quân đội Đức (Bundeswehr). Những chiến dịch ở Afghanistan, vùng Balkan, ngoài khơi Lebanon và Somalia đã kéo căng quân đội Đức đến mức giới hạn.

Tuy nhiên, chính phủ Đức bị làm cho ngạc nhiên vào sáng thứ năm 17 tháng 3 năm 2011, vì họ tin rằng tổng thống Mỹ sẽ từ chối tham chiến, và cả Pháp lẫn Anh đều không thể tham chiến mà thiếu Mỹ. Vào sáng ngày thứ tư, de Maizière trở về sau chuyến thăm ra mắt Washington với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao - mang theo một thông điệp đơn giản từ Lầu Năm Góc: nước Mỹ cũng không muốn chiến tranh, đặc biệt vì mọi vị tướng Mỹ đều chống lại điều đó. Tuy nhiên, cũng trong ngày thứ tư đó, hoàn cảnh của phe nổi dậy tại Benghazi trở nên ngày càng vô vọng, còn ở Washington, phe ủng hộ can thiệp vận động Ngoại trưởng Hillary Clinton và đại sứ Liên hiệp quốc Susan Rice thuyết phục tổng thống thay đổi ý định của mình. Barack Obama không gọi điện thoại thông báo cho Merkel, một hành vi làm mất thể diện. Nhưng nữ thủ tướng cũng không gọi cho Washington. Giữa chính phủ hai nước có một sự im lặng về mặt truyền tin. Phải đến ba tháng sau Merkel và Obama mới có thể có cuộc trò chuyện về đề tài đó. Vào buổi tối trước chuyến thăm nhà nước của bà đến Washington, nữ thủ tướng dùng bữa tối với tổng thống Mỹ trong một nhà hàng nhỏ và bảo ông - có lẽ bằng ngôn từ khá thẳng thắn - rằng giữa hai người không nên có bất cứ sự vi phạm tín nhiệm nào nữa.

Vậy nên Merkel chỉ biết về cú “thay lòng đổi dạ” này một cách gián tiếp, thông qua đại sứ Đức tại Liên hiệp quốc, Peter Wittig. Wittig, một trong những nhà ngoại giao Đức giàu kinh nghiệm nhất, đã sử dụng ghế

không thường trực của Đức tại Hội đồng Bảo an, vốn có thời hạn hai năm, để cải thiện hình ảnh nước này trước Liên hiệp quốc. Vào thứ năm, ông yêu cầu được hướng dẫn: ông nên bỏ phiếu thuận, phiếu chống hay phiếu trắng đối với vùng cấm bay vào tối hôm đó? Một thảm họa nhân đạo đang dần hiện rõ - thật không thể tưởng tượng được phản ứng của thế giới sẽ ra sao trước một lá phiếu trắng hay một lá phiếu chống của Đức.

Hơn nữa, Đức không thể chống đối những đồng minh quan trọng nhất của mình. Việc đứng ở vị trí khác so với Pháp và Mỹ sẽ phá vỡ hai nguyên tắc mà Merkel đặc biệt xem trọng: không bao giờ hành động chống lại Hoa Kỳ và không bao giờ đóng góp vào sự chia rẽ ở châu Âu. Nếu Đức bỏ phiếu chống hoặc phiếu trắng, họ sẽ đứng cùng phe với Trung Quốc và Nga, những nước bị đặt câu hỏi về nhân quyền và tự do. Hai nước này bác bỏ chính sách can thiệp của phương Tây, nhưng vì một lý do khác: họ sợ việc này sẽ tạo ra tiền lệ. Can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác trên danh nghĩa nhân đạo cũng có thể xảy đến với họ.

Quyết định về lá phiếu của Đức được thực hiện bên trong văn phòng của nữ thủ tướng, bao gồm nữ thủ tướng, Ngoại trưởng và Bộ trưởng Quốc phòng. Các cố vấn chính phủ: Christoph Heusen bên phía Merkel, Bộ trưởng quốc vụ khanh Emily Haber của Westerwelle - đã đồng ý phiếu thuận. Giờ đây Westerwelle, de Maizière và Merkel đứng cùng phe với nhau. Trong cuộc điện đàm với người đồng cấp Anh, Westerwelle nói rõ rằng họ phải để ngỏ đàm phán với Liên đoàn Ảrập và thực hiện các kế hoạch thuyết phục Gaddafi rời Libya và đi lưu vong ở nước ngoài.

Westerwelle luôn miễn cưỡng ủng hộ can thiệp quân sự. Trong những ngày đầu tiên của chính phủ liên minh, cả hai đảng đã tranh cãi một thời gian dài về sự tiếp diễn của chế độ ủy trị của Liên hiệp quốc tại Lebanon. Vị ngoại trưởng tự xem mình có vị trí “sẵn có từ lâu” đối với quân đội, và

thích dẫn lời của nhân vật cha đẻ về chính sách đối ngoại nổi tiếng của đảng FDP, Hans-Dietrich Genscher: “Tôi sẽ rất vui cho bất cứ ai đang tìm kiếm một cuộc phiêu lưu số điện thoại của quân đội Lê Dương (Legion) Pháp.”

Sau cuộc gặp giữa ba vị bộ trưởng, chỉ thị được gửi đến New York để đại sứ Đức bỏ phiếu trắng. Merkel đã cân nhắc các lựa chọn của bà. Điều khiến bà lo lắng nhất là khả năng về một chiến dịch không thành công với những hậu quả không lường được. Viễn cảnh về những hệ quả trong nước của một quyết định nghiêng về chiến tranh cũng không mấy hấp dẫn, đặc biệt trong cuộc chạy đua đến những cuộc bầu cử cấp vùng. Tình hình rõ ràng đang dẫn đến một mâu thuẫn lớn với đối tác liên minh của đảng CDU là đảng FDP và trong vai trò của Guido Westerwelle với tư cách chủ tịch. Ông đã bị tổn hại thanh danh nặng nề và chống lại mạnh mẽ việc gửi quân Đức.

Dẫu vậy, đối với đối tác của chính phủ Đức trong khối đồng minh, giới truyền thông và ngay cả phe đối lập, chính phủ Đức xuất hiện dưới một diện mạo rất khác biệt: dù quân của Gaddafi đang rầm rộ tiến vào Benghazi, Đức vẫn từ chối bỏ phiếu cho một cuộc can thiệp nhân đạo - và đặt mình ngang hàng với Trung Quốc và Nga.

Không ai trong ban lãnh đạo chính phủ liên minh ngờ được điều xảy ra sau đó. Phản ứng với lá phiếu của Đức là rất tệ. Ngoài nước lẫn trong nước, Merkel và Westerwelle bị vùi dập: một đợt sóng cơn giận dữ dấy lên trong khắp chính phủ. Trong nước, hoàn cảnh đầy hỗn loạn: đảng Xanh và các phần tử trong đảng SPD dẫn đầu dàn đồng ca chỉ trích. Đức bị cáo buộc thiếu đoàn kết và theo chủ nghĩa biệt lập. Merkel, từng một thời chỉ trích mãnh liệt Schröder, giờ đang lặp lại những gì ông từng làm hồi năm 2003. Buổi họp Hội đồng NATO trở nên náo động khi, sau những phát biểu của tổng thư ký Anders Fogh Rasmussen, phái đoàn Đức bỏ ra ngoài trong giận

dữ. Khối đồng minh gặp khủng hoảng. Đức bị cô lập và cảm nhận sự cay đắng đến từ mọi hướng. Giới chiến lược gia phương Tây gần như muốn nổ tung khi tìm cách phân tích tầm quan trọng và những hệ quả thích hợp của việc bỏ phiếu trắng. Chính phủ Đức nghĩ họ đang đi đâu? Merkel và Westerwelle hành động do lo ngại những cuộc bầu cử vùng, nói cách khác: đó không là gì khác ngoài bước đi được tính toán cẩn thận dựa trên chính trị trong nước? Merkel đã bao giờ bị hăm dọa bằng lời đe dọa chia rẽ trong chính phủ liên minh chưa? Với những khẩu hiệu hòa bình của mình, Westerwelle luôn bị cáo buộc là người theo chủ nghĩa dân túy. “Cối xay” tin đồn trở nên quá tải.

Vào thứ sáu, khi quốc hội Đức thảo luận xong tình hình sau một tuyên bố chính thức của ngoại trưởng, một tin đồn khiến những suy đoán ngày càng dày đặc. Người ta đồn rằng Westerwelle đã muốn bỏ phiếu chống, song nữ thủ tướng đã thuyết phục ông kiềm chế bản thân bằng lá phiếu trắng - một hình thức thỏa hiệp. Văn phòng ngoại giao đổ lỗi cho văn phòng thủ tướng vì tin đồn này, còn văn phòng thủ tướng thì kịch liệt phủ nhận. Song vị ngoại trưởng sục sôi giận dữ. Ông cảm thấy Merkel đã qua mặt và khiến ông trở nên ngớ ngẩn. Trong mắt ông, nữ thủ tướng đã trốn tránh cuộc bỏ phiếu và giờ muốn thoát khỏi hậu quả bằng cách thí ông, để mặc ông bảo vệ quyết định bỏ phiếu trắng trước công luận. Trong đó, Westerwelle đã bảo lá phiếu trắng - đầu tiên bằng một tuyên bố trước quốc hội Đức, rồi trong một loạt cuộc phỏng vấn và bài báo - chỉ khiến mọi chuyện tệ hơn.

Chính phát ngôn của Westerwelle đã dọn đường cho một loạt tranh cãi trong đó vị bộ trưởng ngoại giao lao mình vào một cơn điên của sự tự biện hộ. Ông liên tục nhấn mạnh quan điểm rằng Đức không đơn độc trong việc bỏ phiếu trắng. Brazil và Ấn Độ - cũng như Trung Quốc và Nga - cũng hoài

ngihtương tự. Westerwelle còn nói về “những đối tác chiến lược”. Trong số các đồng minh của Đức, tuyên bố này gây ra sự ngạc nhiên. Westerwelle đang cố viết lại chính sách đồng minh? Vị bộ trưởng ngoại giao Đức đang tìm kiếm sự ủng hộ của các quốc gia đang phát triển? Westerwelle tiếp tục cô lập bản thân ngày càng xa bằng cách lặp đi lặp lại mỗi khi có dịp rằng hành động quân sự là vội vã và phản tác dụng. Ngược lại, Merkel nói rất ít. Bà chỉ tổ chức hai cuộc họp báo, trong đó bà tìm cách đạt được một sự hòa giải bằng cách chúc các đồng minh của Đức thành công và nhấn mạnh tính đoàn kết của khối đồng minh.

Libya để lại những vết sẹo đau đớn và hằn sâu. Cho đến bây giờ, rạn nứt giữa Westerwelle và Merkel vẫn chưa lành. Westerwelle thoải mái với bản thân và quyết định của mình, và không như Merkel, giờ đây ông xem việc chán ghét can thiệp quân sự gần như là vấn đề niềm tin. Merkel thì thay đổi liên tục. Theo những người bạn, tùy tâm trạng mà Merkel hoặc sẽ bảo vệ, hoặc sẽ nghiên ngẫm về lá phiếu trắng của Đức. Bà sẽ thích hơn nếu không phải nghĩ đi nghĩ lại về nó. Sau rốt, liệu cái giá phải trả có quá cao? Bà sẽ không bao giờ thú nhận tới mức đầy trước công chúng, song có thể đó là quyết định tồi tệ nhất bà từng thực hiện trong chính sách ngoại giao trong suốt thời gian làm thủ tướng Đức.

ÁNH SÁNG PHỤC QUỐC

Sự mê hoặc của Israel

Trên tất cả, chính sách ngoại giao của Angela Merkel rất linh hoạt, được kiểm soát và tính toán cẩn thận. Nếu có khả năng đạt được một kết quả tích cực, bà sẽ luôn dành chỗ cho sự thỏa hiệp. Nhưng có một ngoại lệ: Israel. Mỗi quan hệ giữa Merkel và Israel hoàn toàn là một mối quan hệ giàu cảm xúc. Hiếm khi nào nữ thủ tướng tỏ ra đầy đam mê và toàn tâm toàn ý như với vấn đề Nhà nước Israel và người Do Thái. Israel tạo ra nền tảng cho trục đối ngoại của bà - có tầm quan trọng sánh ngang Liên minh châu Âu và Mỹ. Merkel giữ vững niềm tin sâu sắc rằng Israel là một phần cho lý do tồn tại của Đức với tư cách một nhà nước. Đây là chủ đề của nhiều cuộc tranh luận gay gắt, và dẫu thế những cuộc tranh luận này không khiến Merkel lay chuyển. Bà đã hình thành một mối liên hệ sâu sắc cùng Israel và người Do Thái. Hiểu biết của bà về lịch sử Đức, và từ đó là ngữ cảnh lịch sử của hướng đi được thực hiện dưới chính sách của bà trên cương vị thủ tướng, là không thể tách rời với Shoah - cuộc thảm sát người Do Thái bởi người Đức. Do vậy, chính sách của bà đối với Israel, lòng tôn kính và ủng hộ của bà dành cho cách sống của người Do Thái và sự diễn dịch lịch sử của dân tộc này là một ưu tiên lớn. Merkel không bao giờ nước đôi với chủ đề này: bà yêu Israel, và trong sự tham gia về mặt lịch sử của Đức đối với nước này, bà nhìn thấy một nghĩa vụ quốc gia vượt xa khỏi mọi điều từng được hoạch định bởi các vị tiền nhiệm của bà.

Không rõ sự thân tình với Israel như thế đến từ đâu. Ngay cả những người gần gũi nhất với bà, và đã chứng kiến bà trong những khoảnh khắc quyết định trong chính sách đối ngoại cũng không thể đưa ra câu trả lời. Merkel đã thiết lập những mối quan hệ gần gũi với nhiều đại diện Do Thái tại Đức và giữ liên lạc với các phe nhóm quan trọng trong nền chính trị Israel. Bà có mối quan hệ đặc biệt tốt với cựu Thủ tướng Israel Ehud Olmert.

Những tư vấn thân cận với bà đóng vai trò như bảng điều khiển âm thanh trước những vấn đề về Israel: Beate Baumann có niềm quan tâm đặc biệt đến lịch sử quan hệ với Israel và tầm quan trọng của cuộc thảm sát người Do Thái (Holocaust). Christoph Heusgen duy trì những đầu mối chiến lược, đặc biệt khi Merkel đóng vai trò người hòa giải trong những tiến trình hòa bình. Cựu quốc vụ khanh Hildegard Müller và người tiền nhiệm Eckart von Klaeden chịu trách nhiệm giữ liên lạc xã hội với cộng đồng Do Thái. Suốt nhiều năm - theo yêu cầu của Merkel - Müller làm chủ tịch nhóm nghị sĩ Đức-Israel và sở hữu mạng lưới liên lạc đồ sộ tại Israel. Cuối cùng là Shimon Stein, vị đại sứ Israel tại Đức từ năm 2001 đến 2007. Merkel phát triển một tình bạn cá nhân với ông và duy trì mãi đến sau nhiệm kỳ đại sứ của ông - Stein được tiếp cận bà ở mức độ mà chỉ hai hoặc ba vị đại sứ khác có được. Ông sở hữu những tính cách cho phép một mối quan hệ như thế diễn ra tốt đẹp: ông nhiệt tâm và nóng nảy, thích tranh cãi, biết giữ mồm giữ miệng và thích opera - đây luôn là lợi thế trong việc quen biết Merkel và đặc biệt là chồng bà.

Lý do giải thích cho cảm xúc sâu nặng của Merkel dành cho Israel và người Do Thái không chỉ nằm trong quá khứ cá nhân bà. Trong nhiều buổi phỏng vấn, bà từng nói rằng khi còn đi học, bà và cả lớp thường đến nơi từng là trại tập trung nằm ở Ravensbrück, cách Templin 30 kilômét. Những

chuyến thăm này nằm trong chương trình giảng dạy của các trường học Đông Đức. Ravensbrück vốn được xây dựng là trại tập trung dành cho phụ nữ, về sau đàn ông và cả thanh niên cũng được đưa vào đây. Phát xít Đức giam giữ tại đây 150 ngàn tù nhân, sử dụng họ làm lao động khổ sai trước khi tổng họ đến các trại tử thần. Không rõ đã có tổng cộng bao nhiêu người chết ở Ravensbrück. Đến cuối cuộc chiến, một phòng hơi ngạt đã được xây tại trại này và khoảng 6 ngàn tù nhân đã bị giết.

Merkel nhớ lại rằng dưới hệ thống giáo dục Đông Đức, người ta dành sự chú trọng cho mọi nạn nhân thuộc phe Cộng sản hoặc Dân chủ xã hội trong trại này. Theo phiên bản lịch sử của Đông Đức, nước này chỉ đóng một vai trò nhỏ trong sự hành hạ người Do Thái. Trên thực tế, tính hợp pháp của nhà nước Đông Đức được dựa trên việc tự cách ly với những người thuộc phe Quốc xã. “Tôi sống 30 năm đầu của đời mình trong một phần của nước Đức - nước Cộng hòa Dân chủ Đức - xem chủ nghĩa quốc xã đơn thuần là vấn đề của Tây Đức,” bà giải thích trong bài phát biểu lịch sử trước quốc hội Israel. Đông Đức luôn xem họ là đối nghịch của nước Đức phát xít: quốc gia này đặt hình ảnh lịch sử của mình dựa trên cuộc kháng chiến của phe Cộng sản và Xã hội chủ nghĩa - và có lẽ cả phe Dân chủ xã hội. Việc thừa nhận sự tồn tại cuộc diệt chủng người Do Thái đồng nghĩa với việc phải san sẻ trách nhiệm về sự kiện này. Khi đó, Đông Đức sẽ phải mang vác gánh nặng lịch sử của riêng nó.

Merkel nhớ lại rằng hễ có học sinh ở trường hỏi về những gì xảy ra cho người Do Thái tại Ravensbrück, chúng đều được giải đáp, nhưng phải lên tiếng hỏi. Tuy nhiên, ở nhà, gia đình Kasners nói nhiều về chủ nghĩa quốc xã và cuộc thảm sát người Do Thái. Nên có thể cho rằng hiểu biết về lịch sử của Merkel được dựa trên những cuộc thảo luận với cha mẹ bà, và những nội dung trên truyền thông phương Tây. Bài phát biểu của tổng thống Tây

Đức Richard von Weizsäcker vào ngày 8 tháng 5 năm 1985, đánh dấu 40 năm kỷ niệm kết thúc chiến tranh, để lại ấn tượng mạnh mẽ nơi bà. Thông qua những đầu mối của bố trong nhà thờ, bà kiếm được một bản sao bài phát biểu ấy và mang đến chỗ làm tại viện khoa học, ở đây nó được chuyền tay nhau và thảo luận. “Đó là một bài diễn văn ấn tượng,” sau này bà nhận xét - mặc dù không phải vì von Weizsäcker giới thiệu ngày 8 tháng 5 với người dân Tây Đức như ngày Giải phóng. Ở Đông Đức người ta đã quen thuộc với cụm từ này từ lâu, quân Xô viết chỉ định ngày 8 tháng 5 là ngày Giải phóng, còn ngày 9 tháng 5 là ngày Chiến thắng của Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Lý do chính khiến Weizsäcker để lại ấn tượng sâu sắc đến thế đối với người dân Đông Đức là vì ông nói rằng lịch sử của nước Đức là không thể bị chia năm xẻ bảy. “Người Đức chúng ta là một dân tộc và một quốc gia. Chúng ta cảm nhận rằng chúng ta thuộc về nhau, vì chúng ta đã sống qua cùng một quá khứ” - đây là những nhận xét đọng lại trong tâm trí Merkel. Nhưng có chung lịch sử đồng nghĩa với chia sẻ trách nhiệm cho những gì mà phe Quốc xã đã làm.

Thái độ của người Đông Đức với lịch sử của nước này và với nhà nước Israel từng khiến Merkel phẫn nộ. Là nhà khoa học, bà luôn nói rằng bà không thể trích dẫn các nguồn Israel trong phạm vi chủ đề nghiên cứu, vì Đông Đức không xem Israel là một nhà nước và không có quan hệ chính thức với quốc gia này. Dầu vậy, những bài nghiên cứu quan trọng vẫn được in tại Viện Weizmann gần Tel Aviv. Merkel cho biết bà từng viết cho các nhà khoa học ở Mỹ để nhờ họ cố gắng thu gom vật liệu từ Israel theo đường vòng. Tuy nhiên mỗi điều này thì chưa đủ để giải thích cho tình cảm bà dành cho Israel. Vậy nên, liệu có phải bà đang tìm cách khắc phục cho điều mà bà cho là lỗi lầm của Đông Đức đối với người Do Thái? Đây có thể là một trong nhiều yếu tố, dù không phải yếu tố quyết định. Merkel không có

mối liên hệ nào với Israel lúc còn trẻ, không có bất cứ cuộc trò chuyện nào với người Israel đồng lứa trong những chuyến thăm diện trao đổi, và cũng chưa từng nghĩ về bản thân bà cũng như vai trò riêng của bà theo cách mà mọi chính trị gia Tây Đức hậu chiến từng có lúc trẻ khi tham dự những buổi họp Đức-Israel. Merkel không có những trải nghiệm này mãi đến khi bà trở thành một bộ trưởng chính phủ. Nên chúng ta đành cho rằng có những yếu tố khác đóng vai trò trong đó: tôn giáo, và đặc biệt là hiểu biết của bà về lịch sử.

Năm 1991, khi Merkel trở thành Bộ trưởng Bộ Phụ nữ và Thanh niên, một trong những chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của bà là đến Israel. Câu chuyện về chuyến thăm này vẫn thường được bà nhắc lại bằng giọng hài lòng. Merkel bay đến Tel Aviv cùng Bộ trưởng Bộ Nghiên cứu và công nghệ Heinz Riesenhuber. Riesenhuber là một nhân vật nặng ký trong nội các của Helmut Kohl, và ông nhận được sự chào đón nồng hậu tương xứng bởi người đồng cấp và giới truyền thông Israel - trong khi vị bộ trưởng trẻ từ miền Đông bỗng thấy bà bị chìm xuống phía sau. Đại sứ Đức Otto von der Gablentz, từng là cố vấn đối ngoại của Thủ tướng Helmut Schmidt* và là một nhà ngoại giao lỗi lạc, dành mọi chú ý của ông cho Riesenhuber. Ông không chú ý đến vị bộ trưởng trẻ tuổi từ miền Đông đang chảy những giọt lệ giận dữ - một nhược điểm Merkel thường bộc lộ vào đầu sự nghiệp chính trị của bà. Bằng nỗ lực lớn, bà đã kiểm soát được mình. Những phóng viên có mặt tỏ ra thông cảm với người phụ nữ trẻ tuổi đến từ Đông Đức cũ, quốc gia được dung thứ nhờ đóng vai trò tiểu quốc trong cuộc chơi lớn chính trị. Nhưng khi không bị tác động bởi người khác, Merkel sắp xếp được cuộc gặp với Ngoại trưởng Israel David Levy, và vị thế của bà tăng nhanh chóng trong mắt ngài đại sứ - bỗng dưng ông nôn nóng được trông thấy ở cạnh bà.

Sau này Merkel nhớ lại một chương khác trong chuyến thăm đó. Tại tu viện Tabgha bên bờ biển hồ Galilee, bà ghé thăm các tu sĩ Đức tại một nhà tu kết nối với nhà thờ Dormitio trên núi Zion tại Jerusalem. Tại Đại hội Công giáo Hamburg 1995, bà đã phát biểu công khai về niềm tin của mình, và nhắc đến chuyến thăm Tabgha trong số những chuyện khác. Một tu sĩ dẫn bà dạo quanh tu viện và chỉ một địa điểm được cho là nơi xảy ra câu chuyện cổ mẫu nhiệm về cá và bánh mì. “Thế là chúng tôi đứng trên cảnh đồi núi đó và nhìn về vùng đồng bằng màu mỡ nơi có biển hồ Galilee, và vị tu sĩ nói với chúng tôi: ‘Đây là nơi Jesus bước xuống từ ngọn núi, rồi ngài đứng đây, cạnh hồ; và nếu các bạn đi dọc đến vịnh tiếp theo, đó là nơi ngài gặp Peter người ngư phủ, và nếu các bạn đi xa hơn chút nữa các bạn sẽ có mặt giữa nơi ngài cho năm ngàn người ăn, rồi ngài băng ngang từ đây, rồi cơn bão ập đến xuống hồ.’”

Merkel rõ ràng bị ấn tượng bởi niềm tin sâu sắc của người đàn ông. “Vị tu sĩ đó có một nguồn sức mạnh hiện rõ trong lời nói. Tôi hơi ghen tị với ông ấy.” Merkel hiểu rõ cuốn Kinh Thánh của bà, như bà thường xuyên thể hiện mỗi khi làm việc với các văn bản tại các hội nghị Công giáo, và bà phân biệt được bản dịch của Luther và “bản dịch thống nhất” hiện đại. Một người phụ nữ lớn lên gần gũi với hai bản Cựu và Tân Ước bên trong ngôi nhà mục sư của cha mình đã kinh ngạc khi tận mắt nhìn thấy cảnh tượng của những “câu chuyện Kinh Thánh” thời thơ ấu.

Không như vị tiền nhiệm Helmut Kohl, Angela Merkel không phải mẫu chính trị gia chìm đắm trong những bài học lịch sử. Khi Kohl nói về tầm quan trọng của châu Âu, ông muốn nói về chiến tranh và hòa bình. Giữa trái tim châu Âu của Merkel là toàn cầu hóa và những hiểm họa của tương lai. Merkel là thủ tướng Đức đầu tiên sinh ra sau khi Thế chiến II kết thúc - năm 1954, mười năm sau Gerhard Schröder, vốn từng là đứa trẻ trong suốt

cuộc chiến. Nếu bà là hiện thân của lịch sử Đức theo cách nào chăng nữa, thì đó luôn là thời kỳ Đông Đức và thống nhất: bà là nhân chứng của một nước Đức bị chia cắt. Bà luôn vui vẻ nhận mọi lời mời đến những sự kiện giúp đẩy mạnh hiểu biết lịch sử về Đông Đức và giúp người ta chấp nhận quá khứ của nó. Ngoài chuyện này ra, bà luôn hạn chế sử dụng những tham khảo và ký ức mang tính lịch sử. Song có một ngoại lệ: sự tiêu diệt có hệ thống người Do Thái ở châu Âu bởi Đảng Quốc xã Đức.

Merkel không thích dùng từ “Holocaust.” Bà dùng từ “Shoah”, theo cách gọi của người Israel, và từ này ngày càng được chấp nhận tại Đức. Việc lựa chọn từ ngữ không phải là không quan trọng. Các công trình nghiên cứu lịch sử có xu hướng tập trung vào cách người Do Thái xem họ là nạn nhân và sự phân biệt giữa những người bị giết hại và những người sinh ra sau đó. Những nghiên cứu Holocaust luôn đối mặt với vấn đề tìm kiếm từ ngữ tương xứng để miêu tả bản chất có một không hai của những gì đã xảy ra mà không vướng định kiến. “Holocaust”, một thuật ngữ cổ xưa chỉ một con thú bị đốt thành tro để cúng tế là một từ gây chia rẽ. Nó thường bị gắn với - đặc biệt tại Đức và những nước nói tiếng Anh - những chương trình truyền hình Mỹ chiếu vào năm 1978 cũng như cuộc tranh cãi về một bảo tàng được xây dựng tại Washington cùng thời gian để tưởng nhớ những nạn nhân Do Thái bị giết hại. Song chính xác rằng vì ý nghĩa liên quan đến lễ vật bị thiêu mà từ này bị chối bỏ tại Israel. Người Do Thái ở châu Âu bị giết không phải để dâng cúng cho Chúa, và việc tàn sát họ không phải một lễ nghi tôn giáo. Đó là hành động của một chế độ độc tài khát máu. Kết quả là (đặc biệt tại Israel) từ được người ta chấp nhận là Shoah - tiếng Hebrew nghĩa là “tai ương to lớn” hay “thảm họa”. Merkel đã tiếp nhận thuật ngữ tiếng Hebrew này, một điều cho thấy bà gần gũi tới đâu đối với cách hiểu của người Do Thái dành cho sự kiện kinh hoàng độc nhất vô nhị đó.

Merkel đến Israel bốn lần trong bảy năm đầu tiên làm thủ tướng. Bà đã đọc nhiều diễn văn chính sách quan trọng trước quốc hội Israel (Knesset) và được trao bằng tiến sĩ danh dự từ Đại học Hebrew. Ở Đức, cộng đồng Do Thái đã trao tặng bà rất nhiều giải thưởng, bao gồm giải Leo Baeck lừng danh. Năm 2009, lúc cao điểm của cuộc khủng hoảng tài chính, bà đọc bài diễn văn tưởng niệm 70 năm sự kiện Kristallnacht.* Bà luôn xem những bài diễn văn như thế rất nghiêm túc bằng cách biên soạn mật thiết cùng những đồng nghiệp, những người mang đến cho bà các bản nháp đầu tiên. Bà thường tự tay biên soạn hoặc thực hiện nhiều sửa đổi trong phần văn bản. Và những diễn văn của bà không bao giờ quên nhắc rằng, vì Shoah mà nước Đức chịu trách nhiệm với Israel. “Theo một nghĩa rất đặc biệt, Đức và Israel đang và sẽ luôn liên kết cùng nhau bởi ký ức về Shoah,” bà nói trước quốc hội Israel.

Mỗi khi Merkel nói về Shoah, hai luồng tranh cãi xuất hiện: “Không bao giờ nữa” và “Phải làm gì bây giờ?” Trong quan điểm của mình, bài học chúng ta phải nhớ là chủ nghĩa bài ngoại, phân biệt chủng tộc và bài Do Thái không bao giờ được phép lặp lại lần nữa. Merkel thường sử dụng ba thuật ngữ, và cần phải nhấn mạnh rằng tùy vào tình huống mà bà sẽ nhắc đến chủ nghĩa bài ngoại hay chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trước chủ nghĩa bài Do Thái. Chỉ tại quốc hội Israel, bà mới cố tình đặt chủ nghĩa bài Do Thái lên đầu. Ngày hôm nay, có lẽ bà xem chủ nghĩa phân biệt chủng tộc nói chung là mối nguy hiểm lớn hơn sự thù ghét người Do Thái nói riêng. Với Merkel, “không bao giờ nữa” ngụ ý nhiệm vụ thúc đẩy mối quan hệ giữa người Đức và cộng đồng Do Thái, và chịu trách nhiệm cho “an ninh của nhà nước Israel và những giá trị chung của chúng ta.” Các giá trị đóng vai trò then chốt trong quan điểm của Merkel về Israel, trong tư cách một nền dân chủ lập hiến và ủng hộ một hệ giá trị châu Âu trong khu vực (Trung

Đông). Nên bà càng phật ý hơn khi Israel không tôn trọng những giá trị này - đặc biệt trong quá trình xây dựng những khu định cư.

Nhưng bà cũng có những bước đi vững chắc để chuyển tải các bài học lịch sử. Ví dụ, bà nêu câu hỏi trước Knesset: “Làm sao để chúng ta giữ ký ức về Shoah sống mãi khi không còn nhân chứng nào còn sống, khi những người trải qua thời kỳ đó đều không còn?” Vào một dịp khác, bà nói rằng việc nghĩ về những nhân chứng sống và những điều kinh hoàng họ chứng kiến có thể trôi vào quên lãng một cách nhanh chóng luôn khiến bà bối rối. “Điều đó mang tôi đến một câu hỏi bức thiết: làm sao chúng ta hiểu về trách nhiệm lịch sử của mình khi thế hệ trải qua và sống sót thoát khỏi Shoah không còn sống bên chúng ta nữa?”

Merkel từng hai lần đối mặt trực diện với câu hỏi làm sao để đối phó với trách nhiệm trước xu hướng hiện đại của việc nhìn mọi thứ một cách tương đối và viết lại lịch sử. Cả hai lần bà đều va chạm với phe bảo thủ và Thiên Chúa giáo trong chính đảng của bà. Cả hai lần bà đều trả giá: lần thứ nhất vì bà làm quá ít, lần thứ hai vì bà làm quá mức để giữ lập trường của mình. Thử thách đầu tiên cho quyền lực của bà liên quan đến Martin Hohmann. Là nghị sĩ từ Fulda, ông đọc một bài diễn văn vào ngày 3 tháng 10 năm 2003 - khi Merkel còn là chủ tịch CDU và thành viên nghị viện của đảng này. Hohmann khẳng định quan điểm xem người Đức là những kẻ sát nhân chỉ mang tính tương đối, và nói rằng “những kẻ vô thần cùng ý thức hệ vô thần của chúng” mới phải bị quy tội. “Chúng là thủ phạm của cuộc tắm máu trong thế kỷ qua.” Đi xa hơn, Hohmann nêu một câu hỏi tu từ: liệu với người Do Thái cũng không tồn tại một “mảng tối” nào? Sau này, trong ngữ cảnh của cuộc Cách mạng Nga, ông nói có một “sự biện minh nhất định” cho việc miêu tả người Do Thái như những thủ phạm.

Là chủ tịch đảng (CDU), Merkel khiển trách Hohmann và bắt ông xin lỗi. Tuy nhiên, khi vị nghị sĩ “siêu” bảo thủ lập lại những lý thuyết của ông trong một lần phỏng vấn, Merkel thấy bà cần phải khai trừ ông ta ra khỏi đảng. Mọi phe cánh trong CDU đều lên tiếng phản đối. Lý do chính vì Merkel không thể cung cấp bất cứ lý do hợp lý nào cho việc loại Hohmann ra khỏi thành viên nghị viện của CDU, song vẫn giữ ông lại trong đảng này. Nhưng rồi bà đổi ý và yêu cầu khai trừ hoàn toàn ông ra khỏi đảng này. Bà phải trả giá đắt cho sự thiếu quyết đoán đó.

Ngược lại, vào tháng 2 năm 2009, vào cuối nhiệm kỳ đầu tiên làm thủ tướng, Merkel cho thấy sự quyết đoán mạnh mẽ khi bà tỏ ra không thua kém gì Giáo hoàng Benedict XVI. Vào cuối tháng 1, Giáo hoàng tiếp nhận bốn giám mục của tổ chức Society of St Pius X quay lại Giáo hội Công giáo La Mã. Vài ngày trước đó, giám mục Richard Williamson, một trong bốn giám mục, đã phủ nhận việc có bất cứ người Do Thái nào bị giết hại trong thời Quốc xã. Sự kiện này đặt nhiều sức ép lên Giáo hoàng Benedict, người bị chỉ trích nặng nề bên trong Giáo hội. Merkel chờ vài ngày, rồi sử dụng một cuộc họp báo với Tổng thống Kazakhstan để trả lời một câu hỏi rõ ràng là được “gài” về ý kiến của bà về Williamson và Giáo hoàng. Merkel bắt đầu bằng cách nói về “vấn đề nguyên tắc”, rồi bà tiếp tục: “Hẳn Giáo hoàng cùng Vatican đã phải làm rõ một cách không có gì mơ hồ rằng người ta không được phép phủ nhận những gì đã xảy ra... Như cách tôi nhìn nhận, những lời làm rõ đó chưa được thực hiện một cách thỏa đáng.”

Cộng đồng Công giáo Đức - cùng đảng CDU (Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo) - rung động. Merkel có thể chỉ trích Giáo hoàng với giọng công kích đến thế sao? Bà thật sự đã phát ra lời cảnh báo đến ông và đòi hỏi sự minh bạch? Có thể bà ngụ ý rằng ông có thái độ nước đôi trước nạn diệt chủng người Do Thái? Vatican phản ứng ngay lập tức bằng cách công bố

văn bản làm sáng tỏ. Tuy nhiên, bầu không khí đã trở nên chua chát. Tác động ngoại giao kéo dài suốt nhiều tuần. Các giám mục thảo luận về sự kiện này, nhiều người Công giáo Đức khen ngợi bình luận của Merkel, nhiều người khác cho rằng lời chỉ trích của bà thiếu tôn trọng. Nhưng vấn đề chính là Merkel đã tạo ra sự chia rẽ ngay trong đảng của bà. Một lần nữa, bà bị buộc tội bỏ quên khía cạnh Thiên Chúa giáo trong Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo và phản bội gốc rễ Công giáo của đảng này - một lời buộc tội mà bà - là một tín đồ Tin lành từ Đông Đức - đã thoát khỏi từ ngày đầu tiên làm lãnh đạo đảng. CDU chìm trong những chỉ trích từ giới truyền thông. Những cử tri Công giáo tự hỏi chỗ đứng của họ là ở đâu trong đảng: đây là vấn đề hệ giá trị, tư tưởng chính trị, bảo an và truyền thống. Bằng một câu duy nhất, Merkel đã phơi bày một núi ngờ vực bên trong đảng của bà.

Dẫu vậy, Merkel tin rằng bà chỉ đang trung thực với bản thân. Bất cứ ai từng nghe hoặc đọc bài diễn văn của bà trước quốc hội Israel hay bài diễn văn khi bà nhận giải thưởng Leo Baeck - bất cứ ai biết về hoàn cảnh mối liên kết cá nhân của bà với Israel - đều biết đây là vấn đề nguyên tắc chứ không phải thủ đoạn chính trị.

Nhưng điều này có chắc chắn đúng? Liệu cái gì liên quan đến Israel cũng minh bạch hoàn hảo? Trong tấm thảm phức tạp những mối quan hệ của Merkel luôn tồn tại một mảng chính trị. Cũng theo nghĩa này, nữ thủ tướng khác với những người tiền nhiệm của bà. Bà đã nâng quan hệ Đức-Israel lên một tầm mới khi những câu hỏi về chiến tranh, hòa bình và an ninh bỗng nhiên trở thành vấn đề. Tuy nhiên, để nghiên cứu phương diện này, người ta phải bắt đầu từ kết luận: đối với Merkel, sự tồn tại của Đức với tư cách một nước thống nhất và một nền dân chủ gắn liền một cách không tách rời với hiểu biết đúng đắn về lịch sử Israel. Đầu năm 2009,

trong cuộc tranh luận giữa Hohmann tại CDU, bà có lời bình luận xuất sắc sau: “Chính bởi vì chúng ta nhìn nhận Holocaust là sự kiện độc nhất nên ngày hôm nay chúng ta có thể nói rằng: chúng ta tự do, chúng ta thống nhất. Sự thừa nhận này đã làm nên chúng ta ngày hôm nay.” Hay, nói cách khác: nếu Đức không thừa nhận lịch sử của họ mà bị buộc phải chấp nhận quá khứ của mình, đất nước này đã bị loại bỏ ra khỏi khối thống nhất và có chủ quyền của các nước láng giềng, khỏi cộng đồng các quốc gia. Một người bạn gần gũi của nữ thủ tướng đã tổng kết một cách khá ngắn gọn: nếu không có Mỹ và Holocaust, Đức đã không tồn tại.

Với Merkel, một nghĩa vụ chính trị khẩn thiết đã trỗi dậy từ việc nhìn nhận lịch sử đó: sự kiện shoah không chỉ ràng buộc Đức và Israel một cách không thể tách rời, mà còn cho Đức vai trò lãnh đạo trong cuộc xây dựng an ninh của Israel và bảo vệ quyền tồn tại của nước này. Merkel miêu tả nhiệm vụ chính trị và hành động này là “nghĩa vụ quốc gia”.

Những bài diễn văn của Merkel tỏ ra có ý nghĩa quan trọng hơn mức công luận thường nhận ra. Bà đặt nhiều suy nghĩ, nỗ lực trí tuệ và ẩn ý vào một bài diễn văn hơn khi bà đọc nó sau đó. Thật không may rằng, là một chính trị gia không có tiếng là một diễn giả có tài hùng biện, bà hiếm khi khiến đại chúng hiểu được tầng ý nghĩa thứ hai này trong tiến trình tư duy của bà. Và cũng thật không may khi Merkel luôn đọc những tuyên bố quan trọng nhất của bà trước các đại biểu nhân dân được bầu chọn một cách dân chủ. Bà xem quốc hội là trung tâm của dân chủ - và vì thế, với Merkel, đó là nơi những bài phát biểu chính của bà cần được xướng lên. Bất cứ ai đang muốn biết Merkel sẽ nói gì về những vấn đề quan trọng - châu Âu, liên minh xuyên Thái Bình Dương, bài phát biểu quốc gia - sẽ luôn được nghe điều giống nhau: đọc tuyên bố chính thức ấy, nữ thủ tướng nói hết trong đó rồi. Thật xấu hổ khi công luận thường không nắm bắt được ý nghĩa thật sự

đăng sau những tuyên bố đó - vì chúng bị chìm ngăm giữa những huyền não của nền chính trị Berlin.

Thi thoảng, Merkel tránh được cái bấy do sự nép mình của bà gây ra, và thu hút được chú ý, một lần tại Liên hiệp quốc ở New York, lần khác khi bà nói chuyện trước quốc hội Israel. Tháng 9 năm 2007, bà chỉ mới nhậm chức chưa đến hai năm khi bà phát biểu trước Đại hội đồng Liên hiệp quốc, diễn đàn của cộng đồng thế giới, phác thảo những niềm tin cá nhân bà về những gì gắn kết thế giới lại với nhau. Trong số những điều bà nhắc đến có tăng trưởng và công lý xã hội, tầm quan trọng của quy định của luật pháp quốc tế, đại diện bởi Liên hiệp quốc, cùng sự tuyên xưng đức tin không tránh khỏi của bà - Merkel nói một cách đầy nhiệt thành, và ẩn trong những bài diễn văn của bà là một viên ngọc chính trị. Trong đoạn nói về quyền lực và khả năng của Liên hiệp quốc trong việc khẳng định bản thân tổ chức này, đặc biệt trong vấn đề liên quan đến Iran, người đọc sẽ tìm thấy được những lời bình như thế, vốn chứa đầy ý nghĩa: “Mỗi vị thủ tướng trước tôi đều cam kết trách nhiệm đặc biệt của nước Đức đối với sự tồn vong của Israel. Tôi cũng cam kết bản thân mình với trách nhiệm lịch sử đó. Đó là một phần trong nghĩa vụ quốc gia của đất nước tôi. Nói thế cũng có nghĩa là đối với tôi, thủ tướng Đức, an ninh của Israel không bao giờ có thể đàm phán được.” Báo giới đứng dậy và chú ý đến bà, thông điệp đã được gửi đi - dù nó vẫn chưa thật sự in vào tâm trí người nghe.

Sáu tháng sau, Merkel được trao một giải thưởng bất ngờ. Nhà nước Israel tròn 60 tuổi, và thủ tướng Đức, người có một mối quan hệ đặc biệt gần gũi với chính quyền Olmert, được mời đến phát biểu tại Knesset. Cho đến lúc đó, chỉ những nguyên thủ quốc gia mới được phép phát biểu tại quốc hội Israel. Merkel là nguyên thủ quốc gia đầu tiên làm thế, và không

chỉ vậy, bà còn phát biểu bằng tiếng Đức, một ngôn ngữ dễ thu hút sự thù địch.

Đây có lẽ là chuyến công du nước ngoài giàu cảm xúc nhất bà từng thực hiện - Merkel cảm nhận được sức nặng của lịch sử và những kỳ vọng. Như thông lệ, chuyến thăm của bà bắt đầu tại Yad Vashem, đài kỷ niệm sự kiện Shoah đầy ấn tượng bên ngoài cổng thành Jerusalem. Ở đây có hai nơi làm Merkel đặc biệt xúc động: khi bạn rời đường hầm tưởng niệm và tiến dần đến hướng ánh sáng giống như đang leo dốc, bầu trời và cảnh quan bỗng mở ra trước mắt bạn một cách bao la. Thứ hai là nơi tưởng niệm trẻ em bị giết hại. Đây là địa điểm tour tham quan Yad Vashem chính thức kết thúc, tại nơi những đứa trẻ được tưởng nhớ. Khách tham quan được dẫn vào một lối đi xoắn như bên trong một vỏ ốc vào một hang tối, nơi mắt người dần quen với ánh sáng chập chờn. Bạn lần từng bước qua màn đêm, và ánh sáng từ ba ngọn nến lan tỏa được phản chiếu vô tận khắp căn phòng. Hiệu ứng của quá nhiều ánh sáng phản chiếu tạo ra cảm giác chóng mặt. Một giọng nói trầm mặc xướng tên của những đứa trẻ và thiếu niên bị giết hại trong sự kiện Shoah, với tuổi và nơi ở - một triệu rưỡi đứa trẻ đã mất mạng. Một triệu rưỡi cái tên, mỗi cái tên là một con người. Khi bước ra ngoài, bạn bị lóa mắt bởi ánh sáng mặt trời phản chiếu từ những tảng đá xung quanh.

Với khách tham quan là quan chức, có một cuốn sổ ghi chép để họ ký tên lúc đi ra ngoài. Đó là một khoảnh khắc không khoan dung: chính vào lúc cảm xúc của họ đang bị xáo động nhất, mọi máy quay đều chĩa về họ khi họ đang tìm cách tổng kết cảm xúc của mình trong một câu duy nhất và sau đó đọc lên. Dĩ nhiên, trong trường hợp của Merkel, bà luôn chuẩn bị trước, và bà viết những từ ngữ được chuẩn bị kỹ lưỡng vào cuốn sổ: “Bằng việc công nhận trách nhiệm của Đức đối với sự kiện Shoah, Liên bang Đức

mong muốn nhấn mạnh quyết tâm của họ, sau cuộc hội đàm Đức-Israel đầu tiên, trong việc định hình một tương lai hợp tác cùng nhau.”

Chính những hình ảnh như vậy là minh chứng cho hiệu ứng cảm xúc mà Shoah để lại nơi Merkel. Với từng chuyến thăm đến Yad Vashem, bà càng không hiểu tại sao người Đức có thể giết hại nhiều người đến thế - chỉ vì những nạn nhân này thuộc về một nhóm sắc tộc khác.

Ngày cuối cùng trong chuyến thăm của Merkel đến Israel đưa bà đến quốc hội Israel. Năm 2000, Tổng thống Đức Johannes Rau (từ tháng 7 năm 1999 đến tháng 6 năm 2004) đã được mời phát biểu trước quốc hội Israel - khi đó ông là người Đức đầu tiên và duy nhất làm thế. Giờ đây nữ thủ tướng đứng trước bức tường đá, và một vài nghị sĩ rời hội trường để phản đối. Hầu như Merkel luôn lặp lại những đoạn bà dùng trong những bài diễn văn trong các dịp khác - chẳng hạn như khi bà được Đại học Hebrew trao bằng danh dự một năm trước đó. Tại Knesset, bà phải phác họa quan điểm của mối quan hệ Đức-Israel, và lời của bà giống một di sản.

Một lần nữa, Merkel bắt đầu bằng cách nói rằng Đức và Israel liên kết cùng nhau vĩnh viễn bởi ký ức về Shoah. Một lần nữa bà nhắc đến sự gây đổ vỡ với nền văn minh mà sự kiện này đại diện và trách nhiệm lịch sử đặt lên vai nước Đức. Nhưng rồi bà nói rằng bà thấu hiểu gì qua mối quan hệ Đức-Israel hiện đại. Chỉ một ngày trước đó, cuộc hội đàm Đức-Israel đã diễn ra. Chính quyền Merkel thiết lập thói quen ngoại giao này với nhiều nước nhằm nhấn mạnh chiều sâu đặc biệt của mối quan hệ giữa hai bên. Việc này bao gồm một phái đoàn bộ trưởng gặp gỡ những người đồng cấp của nước còn lại - gần giống một phiên họp nội các hai bên. Ba năm trước đó, quanh ly rượu vang đỏ tại khách sạn King David ở Jerusalem, đại sứ Shimon Stein đã bày tỏ với Merkel sự hối tiếc về việc thiếu vắng một biểu tượng nghi lễ

cho mối quan hệ giữa hai nước, và thế là ý tưởng về cuộc hội đàm liên chính phủ ra đời.

Giờ đây, Merkel đang đứng trước quốc hội Israel và đọc bản chữ in nhỏ: “Những mối quan hệ đặc biệt chính xác nghĩa là gì? Liệu nước tôi có thật sự hiểu được ý nghĩa của những từ này - không chỉ trong những bài diễn văn và các sự kiện chính thức, mà cả những khi thật sự cần thiết?” nữ thủ tướng đặt câu hỏi. Bà liệt kê các vấn đề trước mắt: tiếp tục gìn giữ kỷ ước của quá khứ, thúc đẩy bởi nỗi lo rằng shoah có thể bị lãng quên một ngày nào đó; cú chuyển hướng lớn trong thái độ dư luận đối với Israel là kết quả của những vấn đề không được giải quyết ở khu vực Trung Đông; và cuối cùng: những mối đe dọa từ bên ngoài cho Israel, đặc biệt từ Iran, Tổng thống Mahmoud Ahmadinejad cùng chương trình hạt nhân của nước này. Khoảnh khắc quan trọng đã đến, như đã đến trước đó sáu tháng tại Liên hiệp quốc, khi một bài diễn văn then chốt khiến Merkel ràng buộc cùng Israel vĩnh viễn: “Mỗi chính phủ Đức và mỗi thủ tướng Đức trước tôi đều cam kết trách nhiệm lịch sử đặc biệt của Đức vì an ninh của Israel. Trách nhiệm lịch sử này của Đức là một trong những nghĩa vụ quốc gia của chúng tôi.”

Chính xác thì Merkel muốn nói gì về “nghĩa vụ quốc gia” trong thực tế? Bà sẽ gửi quân đến trong trường hợp Israel bị tấn công? Đức sẽ tham gia vào một cuộc tấn công quân sự nhằm vào những nhà máy hạt nhân của Iran? Sẽ là trái với tính cách của Merkel nếu bà đưa ra câu trả lời rõ ràng cho những câu hỏi cấp thiết này. Vì tất cả lòng trung thành nói chung mà bà dành cho Israel, Merkel để ngỏ các chi tiết ở trạng thái không rõ ràng để có chỗ cho những thủ đoạn về sau. Tại Knesset, bà chỉ đưa ra những câu trả lời mơ hồ cho rất nhiều câu hỏi về Iran. “Đức và các đối tác của họ đang hy vọng đạt được một giải pháp ngoại giao. Nếu Iran không nhượng bộ, Liên

bang Đức sẽ tiếp tục ủng hộ triệt để việc cấm vận.” Cấm vận? Merkel thậm chí còn không đề cập đến mối nguy hiểm chân thực của một sự leo thang. Bà không có vẻ gì chú ý đến lời cảnh báo của chính mình rằng “khi những từ ngữ đó [“an ninh của Israel là không thể đàm phán”] bị thử thách, chúng không thể tỏ ra sáo rỗng.” Năm 2011, khi phong trào Mùa xuân Ảrập mới bắt đầu, là lần cuối cùng Merkel sử dụng khái niệm “nghĩa vụ quốc gia” làm lập luận. “Hỗ trợ an ninh cho nhà nước Israel như một nhà nước Do Thái dân chủ là một phần nghĩa vụ quốc gia của Đức.” Rồi bà dừng ở đó. Không nói thêm lời nào. Không quyết định nào khác được đưa ra.

Merkel đã hứng chịu nhiều chỉ trích vì sự mơ hồ này. Frank-Walter Steinmeier, khi đó là Bộ trưởng Ngoại giao, và sau này là lãnh đạo đảng đối lập SPD, phát biểu rằng một “trách nhiệm giữ lời hứa” được đưa ra tại nơi quan trọng như Knesset, làm dấy lên những kỳ vọng. Song những kỳ vọng này là gì? Tại chính Israel, “nghĩa vụ quốc gia” chưa làm nảy ra bất cứ yêu cầu nào. Chưa có một chính trị gia Israel nào đòi Merkel giải thích nghĩa của cụm từ này. Israel tự coi sóc an ninh của chính họ, và điều cuối cùng họ cần đến là những đảm bảo về đoàn kết từ Đức hay thậm chí NATO. Nếu có cần điều gì, người Israel sẽ muốn sử dụng hệ thống phòng không của Đức, Patriot chẳng hạn, làm giải pháp thoái lui, như họ đã làm trong cuộc chiến Iraq. Lời lẽ của Merkel cũng không đe dọa Iran. Đây rõ ràng là việc đưa ra một tuyên bố chính trị rõ ràng, như tuyên bố mà Đức đã nhiều lần thực hiện đối với chương trình hạt nhân của Iran: Iran phải đóng cửa các nhà máy và phải chịu kiểm soát. Tuy vậy, trên thực tế, việc cấm vận và kiểm soát xuất khẩu đã hứng chịu nhiều chỉ trích từ những nước như Mỹ, vốn kêu gọi nhiều hành động quyết liệt hơn nữa từ Đức trong việc cô lập Iran.

Rồi đến bản thân Merkel: bà chưa nói bất cứ điều gì để làm rõ cho câu hỏi này. Ngay cả trong hàng ngũ thân cận của bà cũng tồn tại nhiều tầng

diễn dịch khác nhau. Một số người nói về chủ nghĩa tượng trưng, một tuyên bố chính trị. Thực tế Đức không thể giữ thế trung lập trong vấn đề Israel, và trong một cuộc chiến chống lại Iran, vị thế này có thể được thể hiện bằng nhiều hình thức: hỗ trợ tài chính, thiết lập vùng cấm bay, vũ khí. Dẫu vậy, việc nghĩ rằng Đức sẽ gửi quân sẽ là phi thực tế. Thật vậy, Merkel đã luôn chỉ ra rằng sau một giải pháp hòa bình cho những vấn đề giữa người Israel và Palestine, nước Đức có thể hỗ trợ trên mặt đất - chẳng hạn gửi quân đến vùng đệm tại thung lũng Jordan. Nhưng Israel sẽ không chấp nhận điều này một cách dễ dàng - và cũng không dễ để thuyết phục đa số thành viên quốc hội Đức thông qua sự hiện diện quân sự của Đức gần Israel. Viễn cảnh về việc lính Đức phải khai hỏa bắn vào lính Israel trong trường hợp nổ ra giao tranh là không thể có được.

Merkel nhận ra rằng liên quan đến vấn đề bảo vệ quân sự dành cho Israel, bà đã làm dấy lên những kỳ vọng mà không ai có thể đáp ứng. Cuộc tranh luận về nghĩa vụ quốc gia cuối cùng có lẽ cũng phai nhạt, khi bà không làm thủ tướng nữa. Tuy nhiên, tuyên ngôn niềm tin rõ ràng của Merkel thuận theo lý lẽ của bà trong chính sách về Trung Đông, vốn đã và đang thực hiện theo những cách rất thực tế nhằm hướng đến một thỏa thuận hòa bình giữa Israel và người Palestine. Khi Merkel mới trở thành thủ tướng, bà tận dụng từng giây phút trong những lĩnh vực then chốt thuộc chính sách của bà đối với Israel. Vị tiền nhiệm của bà, Gerhard Schröder đã để lại Israel và giải pháp hai-nhà nước cho bộ trưởng ngoại giao của ông, trong lúc ông tập trung vào những mối quan hệ kinh tế với các nước vùng Vịnh và Ảrập Saudi. Ngay sau cuộc chiến Iraq, Mỹ và Tổng thống George W. Bush bị suy yếu trong cương vị đảm bảo trật tự. Sau này, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Condoleezza Rice, sau những biện pháp sơ bộ căng thẳng

cùng Đức, đã đầu tư nhiều vốn chính trị vào việc thiết lập một tiến trình hòa bình, mặc dù những cuộc thương thảo tại Annapolis bị đổ vỡ vào giờ chót.

Merkel thu được nhiều uy tín chính trị cho bản thân bà từ người Israel, không chỉ vì phát biểu công khai đầy thuyết phục về trách nhiệm và tội lỗi của người Đức, mà còn vì đáp ứng được một đòi hỏi then chốt của chính phủ Israel bằng cách công nhận “bản chất Do Thái của nhà nước Israel”. Cách nói này đưa đến một số hệ quả chính trị: đầu tiên là ý tưởng rằng nếu muốn duy trì tính chất hiện tại của mình, Israel phải là một nhà nước tôn giáo. Tuy nhiên, sự nhượng bộ phe cánh tôn giáo lại làm ngơ câu hỏi điều gì sẽ xảy đến cho cộng đồng Ảrập thiểu số tại Israel và những quyền lợi họ sẽ có. Tiếp theo, cách nói này ủng hộ kỳ vọng về việc cần phải có một giải pháp hai-nhà nước. Hiện thực nhân khẩu học trong khu vực chiếm giữ bởi người Israel lẫn Palestine không thể nào rõ rệt hơn thế. Một nhà nước độc nhất với một bản chất Do Thái không thể duy trì mãi bản chất của nó, vì người Do Thái rõ ràng là nhóm thiểu số. Nếu Israel từ chối cho phép người Palestine thành lập nhà nước riêng, và do đó duy trì tư cách nước chiếm đóng (dưới luật pháp quốc tế) tại Palestine, thì thiểu số Do Thái sẽ thống trị đa số Ảrập, và bản chất nhân khẩu học của Israel cùng tính chất đặc thù của họ tại khu vực sẽ bị phá hủy, và Israel sẽ trở thành một nhà nước phân biệt chủng tộc.

Trước khi trở thành thủ tướng, Merkel đảm bảo rằng cách nói liên quan đến “bản chất Do Thái của Israel” có mặt trong tuyên ngôn của đảng CDU. Đa số các nghị sĩ đều không nhận ra khác biệt tinh tế này, song những chuyên gia về đối ngoại như Wolfgang Schäuble đã tranh cãi gay gắt với Merkel. Lời cảnh báo của Schäuble giờ đây có thể xem là đúng. Dưới chính quyền Netanyahu, khả năng về một giải pháp hai-nhà nước đã trở nên xa vời, và giờ đây một số người tin rằng giải pháp này sẽ không thể đạt được

bởi chính sách quanh các khu định cư - trong trường hợp này Merkel buộc phải thay đổi từ ngữ. Song bà không chỉ trân trọng cất giữ việc đề cập đến “bản chất Do Thái” trong tuyên ngôn đảng, mà còn trong cả những thỏa thuận liên minh với đảng SPD và sau đó là đảng FDP. Với Israel, đây là minh chứng của niềm tin tốt đẹp, một dấu hiệu cho thấy Đức và Israel đang xích lại cùng nhau.

Sự tin cậy mà bà khơi nên tỏ ra có ích cho Merkel trong cuộc chiến ở Lebanon vào năm 2006. Trước yêu cầu của chính phủ hai nước, Berlin gửi thanh tra viên đến sân bay Beirut, trong khi tàu của hải quân Đức neo ở bờ biển Lebanon để chặn đứng nguồn cung vũ khí bất hợp pháp cho Hezbollah. Chiến dịch này gây ra tranh cãi quyết liệt bên trong quốc hội Đức - đó là việc gửi quân Đức đầu tiên đến vùng lân cận sát cạnh Israel. Cuối cùng Merkel cũng thuyết phục được tất cả, và trong quá trình đó, bà tạo dựng được danh tiếng trong khối Ả rập là một nhà thương thuyết đáng tin cậy. Thủ tướng Israel Olmert miêu tả bà là “một người bạn chân chính,” và nhận xét châu Âu may mắn có bà.

Nhiệt tình tiếp tục lên cao trong vòng vài tháng sau đó, khi tù nhân, còn sống hay đã chết, được Israel và Hezbollah trao đổi, một chiến dịch được Đức hỗ trợ. Về sau, các đầu mối của mật vụ Đức tỏ ra hữu ích khi, sau khi bị giam giữ tại Dải Gaza suốt năm năm, binh sĩ Gilad Shalit của Israel - một biểu tượng cho sự kiên cường của Israel được trao trả vào năm 2011 để đổi lấy hơn một ngàn tù binh Palestine. Merkel chủ trì phiên hòa giải quan trọng này của châu Âu tại Trung Đông và liên tục gọi điện và di chuyển đến khu vực này, duy trì sự cân bằng giữa bầu không khí ngằn ngại của Liên minh châu Âu và thực hiện công tác sơ bộ cho hội nghị hòa bình của Mỹ tại Annapolis. Tổng thể, như cách nói của Quỹ tài trợ khoa học và chính trị, nữ thủ tướng đã nỗ lực để mang lại cân bằng cho tiến trình này. Đặc biệt, bà

phát triển một mối quan hệ gần gũi với tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak, thủ tướng Lebanon Fuad Siniora và tổng thống Palestine Mahmud Abbas. Nhưng Merkel nhanh chóng nhận ra giới hạn của sức ảnh hưởng của bà khi bà công khai chỉ trích Israel sau cuộc chiến tại Gaza năm 2009. Sau sự thay đổi chính phủ Israel vào mùa xuân năm 2009, khi Benjamin Netanyahu lên nắm quyền, những nỗ lực hòa giải của bà sụp đổ. Netanyahu dần phá bỏ mọi hy vọng về việc hồi sinh tiến trình hòa bình. Những báo cáo của Liên hiệp quốc về tội ác chiến tranh và xâm phạm nhân quyền trong suốt cuộc tranh chấp Gaza đã khiến mối quan hệ giữa hai nước căng thẳng nặng nề, và phản ứng bạo lực khác thường của Israel với đoàn tàu dân sự ở Gaza cùng chính sách của nước này với vấn đề khu định cư cũng thế.

Cú đấm cuối cùng với Netanyahu đến vào mùa thu năm 2011. Suốt nhiều tháng, người Palestine đã xây dựng một cách khéo léo áp lực ngoại giao, và trong cuộc họp của Đại hội đồng Liên hiệp quốc, họ tìm cách thúc ép các nước xem xét lại vị thế của mình. Rõ ràng mọi nỗ lực để được công nhận là một nước sẽ đều thất bại trước Hội đồng Bảo an. Song yêu cầu xem xét lại của Palestine thu hút sự ủng hộ từ khắp thế giới. Merkel và đại diện cao cấp của Liên minh châu Âu Catherine Ashton tìm cách môi giới một thỏa thuận, buộc bốn nước Trung Đông đưa ra một tuyên bố - nhưng ngay trước lúc đạt được một bước đột phá, Jerusalem đưa ra lời cự tuyệt: Netanyahu đồng ý xây dựng các khu định cư mới ở khu vực phía đông thành phố.

Merkel giận dữ. Bà cảm thấy Netanyahu đã phản bội bà. Nên khi Thủ tướng Israel thử thách lòng kiên nhẫn của bà thêm vài lần nữa vào cuối mùa xuân năm 2012 - trong số nhiều điều khác, nội dung những cuộc điện đàm mật bị đăng lên báo giới Israel - Merkel rút ra kết luận riêng. Nói theo ngôn ngữ ngoại giao là “mối quan hệ bị nguội lạnh”. Một năm sau đó, vào tháng

11 năm 2012, người Palestine cuối cùng cũng thành công trong việc khiến Liên hiệp quốc nâng cấp vị thế của họ: giờ đây họ được miêu tả là một “nhà nước quan sát phi-thành viên”. Lần này Đức không đứng cạnh Israel; như mọi nước châu Âu khác bỏ phiếu trắng, làm rõ về cốt lõi rằng họ ủng hộ chính sách của Palestine trong việc trở thành một nước thành viên. Trong hoàn cảnh chính trị khó khăn giữa Đức và Israel, Merkel đã quay trở lại điểm xuất phát. Song dường như thử thách thật sự còn chưa đến.

NƯỚC NGA VÀ PUTIN: NHỮNG CUỘC ĐỜI SONG SONG

Một quốc gia được yêu quý, một vị tổng thống khó nhân

Vladimir Putin hẳn biết rõ mình làm gì với chó. Tổng thống Nga yêu chó, nhưng Angela Merkel thì không. Thực ra bà sợ chó, đặc biệt sau khi bị một con chó tên Bessi tấn công vào tháng 8 năm 1995. Khi đó Merkel đang đạp xe bên ngoài ngôi nhà nghỉ cuối tuần của bà ở Uckermark thì con chó săn của người hàng xóm xông đến cắn vào đầu gối bà. Sau đó, Merkel từ bỏ việc đạp xe và có khuynh hướng tránh xa lũ chó. Một người như Putin hiểu rõ những điều như thế. Ông có bản năng để nhận ra.

Nên khi Angela Merkel, vừa tuyên thệ nhậm chức thủ tướng, thăm chính thức Moscow vào tháng 1 năm 2006, Putin vạm vỡ cơ bắp đã tặng bà một chú cún búp bê đồ chơi. Nó ngồi trên tay ghế bà cho đến khi cố vấn ngoại giao của bà, Christoph Heusgen, có cơ hội cầm lên và mang ra khỏi điện Kremlin một cách kín đáo nhất có thể. Đây là phần đầu của vở kịch nhỏ đầy ác ý. Phần tiếp theo đến sau đó một năm. Lần này Putin tiếp đón Merkel trong dinh thự công vụ của ông bên bờ Biển Đen. Cánh cửa bỗng mở ra và con chó giống Labrador của ông, Koni, xông vào trong phòng, khịt mũi Merkel rồi nằm xuống chân bà. Các máy quay đã ghi lại cảnh tượng Merkel môi mím chặt, chân bắt chéo chặt còn Putin thì dặng chân, ngả người ra sau ghế, mi mắt hạ thấp vẻ trịch thượng - có thể được miêu tả như một điệu bộ ác dân. Rõ ràng Merkel không thích những chuyện như vậy. Kể từ đó, những buổi gặp giữa bà và Putin luôn tuân thủ chặt chẽ

những chương trình chính thức và làm theo các nghi thức ngoại giao bài bản, nên chớ được giữ kỷ ở xa.

Cũng như với Hoa Kỳ, trong tim mình Merkel biết hai nước Nga - nước Nga của riêng bà, và một thứ có thể được gọi là nước Nga “công việc”. Nhưng chúng ta đã thấy, Angela Kasner biết đến nước Nga “riêng” nhờ những cuộc thi ngôn ngữ ở trường, những chuyến thăm đất nước này và văn học Nga - Tolstoy và Dostoevsky nằm trong số những tác gia ưa thích của bà. Trái với lời đồn, bà chưa từng học ở Nga, nhưng bà đã thăm Moscow cũng như miền nam nước Nga và vùng Caucasus. Khía cạnh này của nước Nga có liên hệ tích cực với nữ thủ tướng, vốn yêu ngôn ngữ Nga và thông thạo thứ tiếng này. Song nước Nga “chính trị” thì không thể tách rời khỏi Vladimir Putin.

Putin đã làm tổng thống suốt năm năm vào lúc bà trở thành thủ tướng. Sau đó ông hoán đổi vai trò để làm thủ tướng trong một thời gian trước khi quay lại lãnh đạo quốc gia vào năm 2012. Kể từ khi Merkel làm chủ tịch CDU, Putin đã luôn là nhà lãnh đạo Nga. Không chỉ thế, họ gần như bằng tuổi nhau - Putin hơn bà hai tuổi - và có những bước đi tương tự nhau trên đường đời, gần như thể họ là hình ảnh phản chiếu của nhau. Putin từng sống năm năm ở Dresden nơi ông chứng kiến sự sụp đổ của Đông Đức và Hiệp ước Warsaw và trở nên thông thạo tiếng Đức. Merkel lớn lên tại thị trấn Templin có quân Xô viết đồn trú, phô diễn năng khiếu ngoại ngữ bằng cách học tiếng Nga, và cũng giống Putin, bà đã trực tiếp nếm trải sự sụp đổ của Bức tường. Tuy Merkel luôn tán dương Tây Đức và thể hiện tình yêu tự do của bà bằng cách làm theo nền chính trị phương Tây, thì 1989, năm đổi thay vĩ đại, rõ ràng đã không biến Putin thành một nhà dân chủ nhiệt tình. Mỗi khi Merkel và Putin gặp gỡ, hai thế giới quan liền xung đột nhau. Với Merkel, sự sụp đổ của Bức tường Berlin là một trải nghiệm giải phóng, còn

với Putin, một trung tá KGB, đó lại là một sự kiện bi thảm. Ông xem sự sụp đổ của khối Xô viết như một thất bại lịch sử.

Nên không có gì ngạc nhiên khi mối quan hệ cá nhân giữa họ có ảnh hưởng sâu sắc lên quan hệ Đức-Nga nói chung. Theo nghĩa này, chính sách ngoại giao nhất định mang một chiều hướng cá nhân. Và cũng không có gì ngạc nhiên khi những cuộc gặp giữa hai người đôi khi vẫn ghi dấu ấn bằng sự mỉa mai cay độc. Tuy một lượng đáng kể lòng tôn trọng đã phát triển giữa hai người suốt nhiều năm qua, sự kình địch của họ chưa bao giờ thật sự mất đi, và dấu hiệu nguội lạnh nhỏ nhất trong mối quan hệ của họ luôn được cảm nhận một cách thích thú. Khi Merkel tiếp đón Putin ngay sau khi ông trở lại làm tổng thống, bà quở ông bằng giọng điệu nghiêm nghị của một người mẹ rằng ông lại đến trễ như mọi lần - có lẽ ám chỉ đến Mikhail Gorbachev, người từng nói rằng “cuộc đời trừng phạt người đến quá trễ.”

Putin đáp trả rằng đó là tính cách Nga - chắc chắn bà đã biết về điều đó. Hai người họ đã có nhiều cuộc tranh cãi gay gắt. Merkel cùng các cố vấn của bà sẽ không bao giờ quên một chuyến thăm Crimea vào năm 2007. Một năm trước đó bà đã giành được sự kính trọng trong nước vì đã dùng chuyến thăm đầu tiên của bà đến Moscow sau khi thăng cử để gặp gỡ những chính trị gia đối lập người Nga. Putin, vốn không có nhiều phụ nữ trong đoàn tùy tùng của mình, đã phải hiểu rằng ông đang không đối phó với một người phụ nữ mà ông có thể đề nghị tổ chức một cuộc trình diễn thời trang làm minh chứng cho sự hợp tác Đức-Nga.

Song bài kiểm tra sức mạnh thực thụ đầu tiên diễn ra ở Sochi. Trong chương trình nghị sự chỉ có ngành công nghiệp dầu hỏa và khí đốt, các vấn đề an ninh và Ukraine - toàn những chủ đề thông thường. Putin đóng vai sĩ quan KGB. Đôi khi ông lớn tiếng, rồi ông hạ giọng và nói bằng tông nhẹ và đều, sử dụng những từ ngữ tục tĩu, viết nguệch ngoạc lên các văn bản, chỉ

tay vào các số liệu và vùng tay - tất cả là những phương thức giao tiếp do cơ quan tình báo đào tạo. Không có gì ngạc nhiên khi loại hành vi này gợi cho Merkel nhớ về Stasi. Bà đứng dậy trước mặt ông: những phản xạ xưa cũ của bà bỗng được kích thích. Về sau những người có mặt nói rằng có lúc ông (Putin) đã siết cánh tay bà.

Bầu không khí đối đầu này vẫn tồn tại giữa Merkel và Putin. Tuy nhiên Tổng thống Nga đã học được rất nhiều từ đó và giờ đang cố gắng đánh bại Merkel trong môn sở trường của bà. Ví dụ, nếu nữ thủ tướng phê phán cách giới cầm quyền Nga giải quyết những khoản đóng góp nước ngoài dành cho các đảng phái chính trị, Putin sẽ phản pháo bằng cách viện dẫn luật pháp Đức về từ thiện và xã hội cùng với những điều kiện áp đặt đối với hoạt động chính trị. Thông điệp của ông là: có gì khác nhau đâu? Trong những cuộc va chạm này, đôi khi thật khó mà không có ấn tượng rằng nữ thủ tướng và ngài tổng thống giống một cặp vợ chồng già đã quá quen với các mảnh lời của nhau. Như Merkel thường nói, bạn phải luôn cảnh giác với ông ấy. Còn Putin cũng luôn thận trọng tương tự.

Sự thiếu tin tưởng căn bản này không ngăn Merkel theo đuổi những chính sách có lợi cho Nga nếu chúng trùng khớp với niềm tin của bà. Chẳng hạn, vào tháng 4 năm 2008, như chúng ta đã biết, bà đã chống lại sức ép mãnh liệt từ Hoa Kỳ khi họ muốn dọn đường cho Gruzia và Ukraine gia nhập NATO. Tại hội nghị NATO ở Bucharest, chính Merkel là người từ chối thi hành thứ được gọi là “Kế hoạch hành động thành viên” (Membership Action Plan) cho hai quốc gia bất ổn này. Hoa Kỳ chủ yếu muốn củng cố cho Gruzia và dùng nước này làm một bức tường thành và tiền đồn tại khu vực biên giới phía nam của Nga, cũng như cánh cổng dẫn đến Trung Á, vốn giàu tài nguyên thô. Merkel phản đối - ở đó có quá nhiều mâu thuẫn chưa được giải quyết, rủi ro chiến tranh thường xuyên, một nền

dân chủ không bền vững và một lựa chọn ngôi vị tổng thống kỳ lạ đối với Saakashvili, người mà cách duy nhất lấy danh tiếng là nịnh bợ Washington.

Tổng thống George W. Bush phản ứng một cách giận dữ trong khi Putin bày tỏ sự biết ơn. Theo quan điểm của Merkel, quyết định của bà hoàn toàn khách quan - rất cuộc, bà có đủ lý do để làm mất mặt Putin. Vị tổng thống Nga đã công kích bà năm trước đó tại hội nghị Munich về chủ đề an ninh, khi ông phát biểu một bài bút chiến đầy bạo lực nhằm vào phương Tây như thể hai bên đang trên bờ vực chiến tranh. Merkel ngồi với vẻ mặt lạnh lùng và không nói gì, và toàn bộ tổ chức an ninh phương Tây cũng thế.

Merkel từng hy vọng rất nhiều vào vị tổng thống chuyển tiếp của Putin, Dmitri Medvedev, nhậm chức vào mùa xuân năm 2008. Mặc dù cú chuyển giao quyền lực được kiểm soát kỹ lưỡng và vị tổng thống mới chỉ là học trò của nhà cựu tổng thống, nữ thủ tướng vẫn hy vọng việc kinh doanh với Nga từ nay sẽ dễ dàng hơn. Từ lâu bà đã nằm trong nhóm những người nghĩ rằng hai người họ đại diện cho hai thái cực, và rằng một ngày nào đó Medvedev sẽ thoát khỏi Putin để phát triển phong cách của riêng mình. Bà từ chối chấp nhận học thuyết cho rằng với tư cách đại diện cho một nước Nga chuyên chế và quan liêu, Putin kiểm soát hoàn toàn Medvedev, người vốn ủng hộ giới tài phiệt chính trị. Cuối cùng, bí ẩn này được vén màn bởi chính nhiệm kỳ tổng thống của Medvedev, khi vị nguyên thủ quốc gia sắp rời nhiệm sở tiết lộ kế hoạch thật sự của cú chuyển giao quyền lực tại một buổi họp báo: việc họ hoán đổi vai trò đã được chuẩn bị trước đó nhiều tháng. Merkel thất vọng sâu sắc - bà đã bị bịp.

Cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất liên quan đến Nga xảy ra trong nhiệm kỳ của Medvedev khi, vào đầu tháng 8 năm 2008, tổng thống Gruzia Mikheil Saakashvili tấn công Nam Ossetia đang đòi ly khai sau hàng loạt khiêu khích lẫn nhau. Nhiều công trình nghiên cứu dài và chi tiết đã được viết về

vụ bùng nổ này, nguyên nhân và tiến trình của tất cả những sự thù địch đó: ngày hôm nay chúng có thể được tóm tắt lại chỉ bằng vài từ. Saakashvili đánh giá quá cao sức mạnh của bản thân ông và muốn tạo ra xung đột. Trông đợi hỗ trợ của nước ngoài, ông kích động dân chúng và phản ứng lại những lời chế nhạo, ông tấn công và nhanh chóng rơi vào bẫy của người Nga. Nước Nga đáp trả bằng một đợt phản công và chiếm lấy Nam Ossetia, vốn đã tuyên bố độc lập kể từ đó nhưng chỉ được bốn nước công nhận - dĩ nhiên bao gồm Nga.

Merkel theo sát cuộc khủng hoảng dưới cái bóng của Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy, vừa nhậm chức chủ tịch EU và đang liên tục qua lại giữa hai bên đối đầu như một vị tu sĩ. Quan ngại chính của bà là đối với Hoa Kỳ, trong trường hợp họ bị buộc phải thể hiện tình đoàn kết chính trị với Saakashvili nhiều hơn. Tuy nhiên, cơn giận dữ của bà được hướng vào Nga, vốn đang khoe cơ bắp bằng màn diễn binh hàng đoàn xe tăng ở trung tâm Gruzia, cách rất xa Nam Ossetia. Nữ thủ tướng ủng hộ Sarkozy và phải gánh chịu một lượng chỉ trích đáng kể, chủ yếu từ Hoa Kỳ: nếu Saakashvili được cho phép gia nhập NATO sớm hơn ba tháng thì đã không có cuộc chiến nào. Merkel bị cáo buộc một cách gián tiếp tội bật đèn xanh cho Nga, bởi vì quyết định của bà đồng nghĩa rằng đây có thể là cơ hội cuối cùng để củng cố những đường biên giới ở phía nam Caucasus.

Sai hết, Merkel trả lời: chính Saakashvili khơi mào cuộc chiến, và sẽ không tốt lành gì cho NATO nếu ông ta làm thế dưới sự bảo hộ của tổ chức này. Dù sao chẳng nữa, trong suốt cuộc xung đột bà đã bay đến gặp Medvedev rồi Saakashvili ở Tbilisi. Bà tỏ rõ trong chuyến bay về rằng bà đã có quyết định của mình. Khi cân nhắc giữa sự xuẩn ngốc của Saakashvili và phản ứng mất cân xứng của người Nga, bà đã nói: “Gruzia là một đất nước tự do và độc lập, và mọi đất nước tự do và độc lập đều có thể quyết

định, cùng với những thành viên của NATO, làm thế nào và khi nào họ có thể được chấp thuận vào trong tổ chức này. Sẽ có một báo cáo sơ bộ vào tháng 12, rồi sẽ rõ lối để (Gruzia) đăng ký làm thành viên NATO.” Đây là câu chữ mang thương hiệu Merkel: “Cùng với những thành viên của NATO” - nói cách khác, Đức cũng phải đồng ý. Thậm chí bốn năm sau đó, “lối” vẫn chưa “rõ,” nhưng Merkel muốn nhấn mạnh trước Nga rằng bà sẽ không dung thứ cho loại hành vi chiếm đóng từng chứng kiến trong thời kỳ Chiến tranh lạnh.

Sau bảy năm làm thủ tướng, Merkel luôn duy lý đến mức gây khó hiểu xung quanh vấn đề nước Nga. Vào lúc bắt đầu nhiệm kỳ thủ tướng, bà đã vận dụng mối quan hệ gần gũi của người tiền nhiệm với Putin - với tư cách phiên bản trái ngược trực tiếp với Schröder, kết quả là bà đã dễ dàng giữ khoảng cách và tận dụng sự thừa nhận mà bà giành được trước đó. Một cuộc gặp với những chính trị gia phe đối lập, một ly rượu vang với các thành viên đảng Dân chủ - và một khoảng cách hợp lý với nhóm đầu sỏ chính trị đã được khôi phục. Những người đàn ông hay khoe mẽ nam tính như Gerhard Schröder và niềm đam mê tắm hơi của Helmut Kohl không thuộc sở thích của bà. Bà cũng dị ứng với quan điểm lãng mạn mà nhiều người Đức vẫn dành cho nước Nga, những người luôn nhìn thấy một sợi dây tinh thần nối giữa hai nước. Merkel đương nhiên yêu Nga như một quốc gia, nhưng là theo cách riêng của bà. Bà gặp khó khăn với phe nhóm hay sùng bái Nga trong CDU, những người đã tạo dựng ấn tượng của họ về Nga trong thời của Gorbachev và Yeltsin, và hiện đang cáo buộc bà đã thất bại trong việc thu lợi chiến lược từ di sản đó. Bà đáp rằng những tháng ngày của Gorbachev đã qua lâu rồi - rằng nước Nga ngày xưa giờ không còn tồn tại nữa.

Những sáng kiến về Nga từng được áp dụng bởi ngoại trưởng đầu tiên của bà, Frank-Walter Steinmeier - bộ sáng kiến hiện đại hóa kết hợp với chiến lược về Trung Á - giờ đang bị xếp xó, có lẽ vì thế giới đã lại đổi chiều còn Nga thì đã thi hành một chính sách phá rồi, không chỉ đối với những vấn đề như Iraq hay Syria, vốn ảnh hưởng đến toàn thể cộng đồng quốc tế. Nga giờ đây hiếm khi chấp thuận bất cứ sáng kiến đối ngoại nào do Đức hay EU đề xuất. Nước này không còn bận tâm tìm kiếm tình hữu nghị, mà muốn giữ khoảng cách và đang bận xây dựng một Liên minh Á-Âu, một khối ảnh hưởng mới. Bản thân Merkel cũng xây dựng một thái độ duy lý hơn đối với Nga. Quốc gia này từ chối mọi nỗ lực xích lại gần nhau, và sau nhiều năm trong cương vị tổng thống lẫn thủ tướng, Putin đã rắn lại thay vì mềm ra, sự chống đối của Nga đã mạnh hơn và đang tái định nghĩa chính nó. Giữa tâm điểm cuộc khủng hoảng đồng euro, Merkel đã luôn né tránh chủ đề này - song với tư cách một nước láng giềng châu Âu, Nga sẽ không biến mất khỏi bản đồ.

KINH DOANH HAY NIỀM TIN

Xung đột về hệ thống với Trung Quốc

Đôi khi tất cả những gì cần làm để thấy thế giới đang đổi thay nhanh đến chừng nào là nhìn ra ngoài cửa sổ xe hơi. Angela Merkel thường ít có lựa chọn nào khác ngoài làm thế, đặc biệt khi bà đến Trung Quốc. Nữ thủ tướng thường xuyên đến đó, gần như mỗi năm một lần. Và, trước lúc rời khỏi vị trí của mình sau sự thay đổi quyền lực trong ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo cũng từng đến Đức mỗi năm một lần. Tổng thống và các nguyên thủ quốc gia đến rồi đi, nên đó là lý do tại sao mối quan hệ giữa bà và Ôn Gia Bảo là một trong những điều không đổi trong nhiệm kỳ thủ tướng của Merkel.

Và cảnh tượng bên ngoài cửa sổ xe hơi cũng là điều bất biến trong những chuyến thăm Trung Quốc của Merkel: nó cho bà thấy trên đường có nhiều xe đạp hay xe hơi hơn, điều gì làm những chiếc xe hơi mắc kẹt trong những đám tắc đường, những quận nội thành đang thay đổi thần tốc ra làm sao. Kể từ khi Merkel làm thủ tướng, xe đạp ngày càng ít trên những con đường ở Trung Quốc và có thêm rất nhiều ô tô Đức. Ở Bắc Kinh, đôi khi bạn đặt mạng sống vào tay mình khi đạp xe đạp. Và bên cạnh những khu nhà ít thay đổi giống những tổ ong, những tòa nhà mới mang phong cách thuộc địa kiểu cũ hay những tòa nhà trong các khu vực lịch sử của thành phố đã được xây dựng. Một nét Disney mang phong cách Trung Quốc - nhưng cũng là dấu hiệu của sự thịnh vượng gia tăng vốn kèm theo ý thức về những gì được xem là đẹp đẽ và có giá trị.

Khi ở Trung Quốc Angela Merkel không thể đơn giản bước xuống đường. Là khách mời của quốc gia, việc bà rời khách sạn như một du khách và đi dạo sẽ làm phật lòng nước chủ nhà. An ninh, nghi thức ngoại giao và lễ thói chính trị quy củ đều ngăn cấm việc này. Những chuyến thăm Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - bà luôn đến Bắc Kinh trước rồi mới ghé thăm một trong những vùng còn lại - đều được chuẩn bị đến chi tiết cuối cùng. Nhà cầm quyền Trung Quốc không phó mặc bất cứ điều gì cho may rủi. Một lần, phái đoàn Đức - trong cơn ngẫu hứng - tìm cách qua mặt nước chủ nhà và bảo họ rằng nữ thủ tướng muốn ghé thăm một chợ trời. Kế hoạch không thành: những người khách Trung Quốc đến chợ hôm đó đều là các nhân viên được tuyển chọn đặc biệt từ lực lượng an ninh quốc gia. Chỉ những chủ sạp là không thể thay thế do không kịp, một cuộc hội thoại chóng vánh thông qua phiên dịch tiết lộ điều này.

Merkel ưa thích những trải nghiệm như thế, đặc biệt ở Trung Quốc. Như mọi khách du lịch, bà yêu thích mọi điều hấp dẫn mang tính địa phương, chẳng hạn như nhìn ra cửa sổ phòng khách sạn và thấy một nhóm cụ già tập thể dục buổi sáng. Bà thích miêu tả chuyến thăm đội quân đất nung - món quà bà dành tặng cho mình nhân dịp đón sinh nhật lần thứ 56 ở Trung Quốc. Bà cũng ấn tượng bởi những vị chủ tịch tỉnh bà gặp gỡ tại bữa tối ở đại sứ quán Đức tại Bắc Kinh. Họ đến từ những vùng từng tổ chức một triển lãm du lịch do Bộ ngoại giao và Viện Goethe tổ chức. Giờ đây khi đã đến Bắc Kinh và được đại sứ Đức Michael Schäfer mời dự bữa tối, ông đại sứ vốn thường tổ chức những buổi tiếp đãi tại nhà ông trên đường Đông Trục Môn Ngoại Đại Nhai. Bữa ăn có phiên dịch tức thời, giúp cho bầu không khí sống động hơn. Một câu hỏi đơn giản từ Merkel đã khơi gợi một dòng thác những câu trả lời từ những vị khách: các chủ tịch nghĩ gì khi họ đi ngủ buổi tối, và họ nghĩ đến điều gì đầu tiên khi thức dậy?

Phản ứng hoàn toàn không qua kiểm duyệt: các chủ tịch kể cho bà về số lượng việc làm khổng lồ phải tạo ra mỗi năm, vấn nạn công nhân di trú, những căng thẳng xã hội trong vùng của họ, các vấn đề môi trường và số lượng đông đảo các sinh viên. Merkel nghe ngẫu nhiên. Bà ít khi nhận được quan điểm không bị che đậy về những vấn đề của Trung Quốc. Buổi tối hôm đó, bà nhận ra quốc gia này rộng lớn đến chừng nào.

Quan điểm của Merkel về Trung Quốc đã thay đổi rõ rệt trong hai nhiệm kỳ thủ tướng của bà. Phần lớn sự thay đổi nhờ vào Ôn Gia Bảo, chính trị gia Trung Quốc đầu tiên bà quen biết. Qua nhiều năm, bà đã xây dựng một mối quan hệ thâm giao với ông. Ôn Gia Bảo đã giữ lời hứa của ông, và theo cách tương tự, Merkel được Bắc Kinh xem là người đáng tin cậy. Người Trung Quốc là bậc thầy giữ khoảng cách trong các mối quan hệ. Không ai có thể thật sự nhìn xuyên thấu lớp vỏ ngoài của người Trung Quốc. Có lẽ Merkel đã thất vọng sâu sắc trong nhận thức của bà về Ôn Gia Bảo, vốn được bà xem là một người chân thật và gần gũi nhân dân. Đôi khi người ta có ấn tượng rằng bà cảm thấy hối tiếc cho ông, một người đàn ông thấp bé, luôn mang một vẻ ủ dột thường trực và có một lượng công việc nặng nề. Dầu vậy, do bà không thể nhìn sâu thêm, bà không có một khái niệm chân thực nào về mê cung những mối quan hệ và lòng trung thành vây quanh một quan chức Trung Quốc cấp cao. Dòng tộc Ôn Gia Bảo được xem là rất giàu có, và người ta có thể nghe được những câu chuyện đồn thổi về sự kết hợp lợi ích gia đình và quyền lực nhà nước trên mọi góc phố ở Bắc Kinh. Merkel chưa bao giờ nói gì về điều này - song lòng kính trọng của bà dành cho những thành tựu của chính phủ của đất nước Trung Quốc đa sắc, bị chấn động trước sự bùng nổ tăng trưởng của nước này, rõ ràng đã tăng sau mỗi chuyến thăm.

Sự gần gũi của bà với Ôn Gia Bảo thậm chí còn cả về mặt vật lý - ngài thủ tướng ngày càng trở nên thoải mái bên cạnh bà. Trong chuyến thăm thứ hai của Merkel vào năm 2007, ông đã tiếp đón nữ thủ tướng trong một bầu không khí riêng tư theo tiêu chuẩn Trung Quốc. Ông mặc chiếc áo sơ mi không cài cúc cổ trong không gian đóng kín u tịch của khu Trung Nam Hải dành riêng cho giới yếu nhân (VIP), nơi ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc sinh sống và làm việc. Đằng sau những bức tường và cánh cổng cao là một khu vực công viên rộng lớn với những căn nhà ở, nhà khách, phòng họp và đình đài lầu các, tất cả tọa lạc điểm lệ bên bờ một hồ nước. Rất ít người nước ngoài được mời đến đây. Năm 2012, người ta quyết định phiên dịch đồng thời những cuộc hội thoại của các phái đoàn thay vì lần lượt như trước đây, nhằm tiết kiệm thời gian. Đây là sự nhượng bộ đáng kể về phía những chính trị gia Trung Quốc đầy cảnh giác, bởi việc này sẽ đem lại nhiều thời gian hơn cho những cuộc trò chuyện và không đủ thời gian để nghĩ câu trả lời đúng. Trong bất cứ trường hợp nào, nghệ thuật xử lý những cuộc họp trình trọng cao cấp này bao gồm cả việc kết thúc những chủ đề nhằm chán càng nhanh càng tốt, cũng như chấm dứt những cuộc trò chuyện tẻ nhạt kèm theo. Đây không phải nhiệm vụ dễ dàng vì bị ngăn cấm bởi bộ quy định được đặt ra từ trước. Bất cứ ai nói chuyện với một người Trung Quốc mà làm người này xấu hổ sẽ không thu được gì. Những chuyến thăm Trung Quốc cũng là những cuộc nghiên cứu văn hóa về sự cởi mở và giao tiếp thông tin.

Là đứa con của Đông Đức, trải nghiệm Trung Quốc của Angela Merkel tràn đầy mâu thuẫn. Một mặt, bà có một sự không thích, thậm chí là ghét bỏ đối với chế độ độc đảng, nhà cầm quyền chuyên chế và đàn áp người bất đồng chính kiến của Trung Quốc. Mặt khác, rõ ràng bà bị mê hoặc bởi sự năng động và dẻo dai của Trung Quốc. Dẫu nói ra thì thừa, nhưng trong

quan hệ Đức-Trung Quốc, xuất nhập khẩu, tiền bạc và thương mại đóng một vai trò nổi bật. Chủ nghĩa lý tưởng đối đầu chủ nghĩa thực tế - như những vị tiền nhiệm của Merkel là Gerhard Schröder và Helmut Kohl đã thấu hiểu: lối tiếp cận khôn ngoan nhất là tạo ra sự cân bằng, tránh nịnh bợ, trung thành với giá trị con người và sức mạnh luật pháp trong những giới hạn nhất định. Nhưng những giới hạn này chính xác là gì?

Với Merkel, Trung Quốc là một quá trình học hỏi. Năm 2007, năm thứ hai của liên minh CDU-SPD, bà tiếp đón Đạt Lai Lạt Ma tại văn phòng thủ tướng và tạo ra cú bất đồng đầu tiên xung quanh chính sách ngoại giao trong chính phủ cũng như làm phật lòng Bắc Kinh. Một trong những nỗi lo chính của nhà cầm quyền Trung Quốc là sự tan rã của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Merkel ủng hộ độc lập cho Tây Tạng hay bà chỉ đơn giản muốn củng cố quyền lợi của các dân tộc thiểu số và phản đối áp bức? Bà chưa bao giờ trả lời câu hỏi này, nhưng bà đã tiếp đón Đạt Lai Lạt Ma. Ngoại trưởng Frank-Walter Steinmeier và bộ của ông đã tư vấn mạnh mẽ cho bà đừng làm thế. Có hai lĩnh vực đặc biệt khó xử: một là địa điểm, văn phòng thủ tướng, vốn đem lại cho chuyến thăm một địa vị chính trị cấp cao và một danh phận chính thức. Lĩnh vực còn lại là hoàn cảnh mà công luận biết về chuyến thăm: Merkel đã không nhắc đến nó trong buổi gặp gỡ không nghi thức cùng Ôn Gia Bảo trước đó chỉ vài tuần. Người Trung Quốc cảm thấy bà đã lừa gạt họ. Giới ngoại giao thì đứng ngồi không yên.

Trung Quốc đã phản ứng giận dữ và nhanh chóng: những cuộc gặp bị hủy, những buổi thảo luận về quy tắc luật pháp bị hoãn. Nước Đức cảm nhận trọn vẹn sức nặng từ cơn thịnh nộ của Trung Quốc. Steinmeier phải xoa dịu những tâm hồn bị tổn thương bằng một nỗ lực nổi lại tình hữu nghị đầy tinh vi, và gửi một lá thư xin lỗi trong đó Đức công nhận sự toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc - một sự khúm núm đến giờ vẫn bị xem như quá

mức cần thiết trong văn phòng của nữ thủ tướng, người giữ ý kiến cho rằng Trung Quốc đã lợi dụng một bất đồng liên minh nội bộ dựa trên sự kiện này. Tất nhiên đây không phải quan điểm trong bộ ngoại giao của Steinmeier, miêu tả hành động của nữ thủ tướng là vụng về. Dù con lắc nghiêng về hướng đạo đức hay chính sách thực dụng, câu chuyện đã cho thấy Đức cần phải cân nhắc việc sử dụng sức mạnh với Trung Quốc một cách thật kỹ lưỡng. Kể từ đó, nữ thủ tướng luôn nhớ kỹ kiến thức thực tế này. Đến hiện tại chưa xảy ra thêm một sự việc Đạt Lai Lạt Ma tương tự nào khác, nhưng có thể chỉ là do bà chưa yêu cầu có thêm một cuộc gặp gỡ nào nữa, mặc dù văn phòng thủ tướng vẫn duy trì liên lạc với đại diện của vị thủ lĩnh tinh thần của người Tây Tạng.

Mỗi khi Merkel đi nước ngoài, thông tin của bà đều đến từ hai nguồn. Các chuyên gia từ Cơ quan tình báo liên bang trình bày những phát hiện của họ cho các tư vấn viên tùy theo lĩnh vực tại văn phòng của bà. Tài liệu văn tắt sau đó sẽ được trình cho nữ thủ tướng. Quy trình này được lặp lại bởi các chuyên gia từ Viện sự vụ an ninh và quốc tế, “vừa tư duy” (think-tank) chính về chính sách đối ngoại ở Berlin và được chính phủ cấp tiền. Hai quá trình thu thập thông tin này diễn ra độc lập với nhau, và cả hai cơ quan đều yêu cầu bảo mật. Cơ quan tình báo đặc biệt thích giữ bí mật. Mỗi khi có một chuyến thăm đến Trung Quốc, vấn đề nhân quyền lại được nêu lên, và lại xuất hiện các danh sách về những vụ việc liên quan đến người bất đồng chính kiến bị bắt giam hoặc đối mặt với án tử hình. Làm việc bên lề những cuộc hội thảo, cố vấn của Merkel về nhân quyền, Christoph Heusgen luôn trình bày một danh sách các trường hợp vi phạm nhân quyền, còn các thành viên chính phủ làm việc với những trường hợp này thì được yêu cầu thẩm tra thêm về số phận của từng cá nhân bất đồng chính kiến.

Phê phán Trung Quốc và việc vi phạm nhân quyền của nước này đã trở nên hơi giống một màn trình diễn - và chính quyền Bắc Kinh cũng xem nó y như thế, mặc dù đã có vài dấu hiệu cải thiện nhỏ. Chẳng hạn, ngay trước khi rời nhiệm sở, Ôn Gia Bảo muốn có một cuộc nói chuyện Đức-Trung cuối cùng, rõ ràng ông rất thích những buổi gặp cấp bộ trưởng được tổ chức dưới thời của Merkel vốn ngày càng trở nên phổ biến như một hình thức ngoại giao. Ôn Gia Bảo rõ ràng là muốn biến hình thức giao tiếp này trở thành lâu dài trước khi người kế nhiệm lên thay. Nên ông yêu cầu cuộc gặp mặt được tổ chức sớm hơn, vào mùa hè năm 2012. Văn phòng nữ thủ tướng đồng ý với một điều kiện: phải nối lại những cuộc thảo luận về nhân quyền, vốn bị ngưng trệ sau một đợt phản đối của Trung Quốc.

Thế là cuộc trò chuyện về nhân quyền và tự do đã được nối lại, nhưng kết quả ra sao? Liệu chúng vẫn chỉ là một màn diễn? Đảng Cộng sản Trung Quốc chọn người tham dự sự kiện và cẩn thận ghi lại những buổi gặp mặt. Ngay cả những cuộc nói chuyện bao gồm những phán đoán chính trị kém quan trọng hơn từ Đức cũng bị kiểm tra gắt gao. Christoph Heusgen liên tục thất bại trong những nỗ lực duy trì liên hệ cá nhân với những người đồng cấp của ông trong Bộ Ngoại giao Trung Quốc. Đúng là người ta đã trao đổi số điện thoại di động cho nhau, đã có những sự trấn an lẫn nhau về hợp tác thẳng thắn và gần gũi, nhưng rồi đầu mối liên lạc bỗng dưng bị cắt đứt. Rào cản ngôn ngữ và khác biệt văn hóa là những trở ngại lớn, còn nhà cầm quyền Trung Quốc thì không thích những mối quan hệ cá nhân được thiết lập mà không có giám sát, và nếu đây là những mối quan hệ cá nhân bí mật thì đương nhiên không được phép. Nên không ai dám trả lời dù họ có nhận được cuộc gọi điện thoại.

Dần dần, người ta càng ngạc nhiên hơn khi Merkel ra một quyết định sáng suốt nhằm hợp tác hơn là đối đầu. Quan hệ Đức-Trung diễn ra chủ yếu

ở mức độ một bảng cân đối tài sản. Một lượng giao dịch thương mại hai chiều trị giá 144 tỉ euro năm 2011, trong đó xuất khẩu của Đức vào Trung Quốc là 65 tỉ euro, và 5 ngàn doanh nghiệp Đức đang hoạt động ở Trung Quốc: Trung Quốc nhanh chóng trở thành đối tác thương mại quan trọng nhất của Đức bên ngoài EU, và không một quốc gia EU nào có được một mối quan hệ kinh tế với Trung Quốc như Đức. Hội đồng châu Âu về Quan hệ quốc tế từng cảnh báo về “mối quan hệ đặc biệt” giữa Đức và Trung Quốc. Phụ thuộc về kinh tế sẽ tạo ra áp lực về chính trị. Berlin đang được xem như một hạng mục tách rời so với các nước phương Tây và châu Âu khác. Đức là nước ủng hộ lớn nhất của Trung Quốc đối với công cuộc cải tạo xã hội công nghiệp của quốc gia này từ những dây chuyền sản xuất hàng loạt đơn thuần thành một nước công nghệ cao. Và sự trỗi dậy chóng mặt của Trung Quốc đã không thể thành công mà thiếu vắng trình độ kỹ thuật của Đức. Nhưng ở một điểm nào đó, con lắc vẫn nghiêng về phía bên kia - ngay cả bây giờ phần lớn châu Âu vẫn không có lợi gì đối với thị trường Trung Quốc.

Merkel không bị những chỉ trích làm cho xao động. Bà được dẫn lối bởi niềm tin rằng Trung Quốc sẽ phát triển thần tốc dù có thiếu vắng Đức. Châu Âu sẽ phải vươn đến tiêu chuẩn Trung Quốc nếu khối này muốn trụ vững trước sức ép toàn cầu hóa.

Bà xem bản thân Trung Quốc là một cuộc thí nghiệm kỳ thú: quốc gia này sẽ duy trì chế độ như hiện tại trong bao lâu nữa, khi khao khát thịnh vượng và tự do (của người dân) ngày một tăng? Trong bài phát biểu trước Trường Đảng tại Bắc Kinh vào năm 2010, bà nói sẽ đến một lúc mà mọi quốc gia sẽ xem sự khác biệt là một phần của quyền con người thay vì mối đe dọa. Hai năm sau đó, bà quan sát: “Cuộc đấu tranh giành tự do đang có tiến triển tại Trung Quốc. Nó khiến người ta muốn được tự do. Người dân

càng được giáo dục tốt bao nhiêu, càng đủ ăn và phát triển bản thân bao nhiêu, thì câu hỏi đó sẽ càng liên tục được nêu lên bấy nhiêu.”

Lại một lần nữa, ta thấy tinh thần chủ đạo của Merkel đối với sự cạnh tranh giữa những thể chế, năng lực của phương Tây và khả năng thắng thế của nền giá trị phương Tây. Chúng ta hay là họ - tự do của phương Tây hay chủ nghĩa chuyên chế của Trung Quốc. Với Merkel, đó chính là thông điệp thật đặng sau tất cả những chuyến thăm, bảng cân đối tài sản và nghĩa cử hữu nghị..

Nhưng có một rủi ro khổng lồ: chính sách đối ngoại của Trung Quốc có xu hướng công kích hơn là phòng thủ, đặc biệt đối với những láng giềng gần nhất của họ. Trung Quốc đang tái vũ trang: những người theo chủ nghĩa dân tộc và những lưu ý mang tính gây hấn đang gióng lên hồi chuông cảnh báo cho những nước châu Á khác - cũng như cho giới đầu tư. Đức quá yếu để thách thức Trung Quốc trong trò chơi địa chính trị - Hoa Kỳ đã đảm nhiệm vai trò này với chính sách “tấn công Thái Bình Dương” của chính quyền Obama, cũng như một chiến lược cân bằng quân sự có mục đích giảm áp lực cho các láng giềng của Trung Quốc, đặc biệt ở biển Đông. Merkel chào đón chính sách này và xem việc giúp châu Âu mạnh mẽ hơn để tạo ra nền kinh tế đối trọng là nghĩa vụ của Đức. Sẽ đến lúc bà phải quyết định giữa lợi ích Mỹ và lợi ích kinh tế của Đức ở Trung Quốc. Nhưng bà chưa phải đối mặt với lựa chọn này - song thật khó đoán trước cuối cùng thì bà sẽ nghiêng về phía nào.

CUỘC KHỦNG HOẢNG VĨ ĐẠI

Cuộc chiến vì châu Âu của Angela Merkel

Đại học châu Âu (The College of Europe) ở Bruges mỹ lệ có thể được gọi là trung tâm của chủ nghĩa lý tưởng. Ai tin vào châu Âu và thứ tinh thần hợp nhất châu lục này đều đến đây học tập. Học xá mới trên đường Verversdijk nhìn giống một chiếc bơm ôxy khổng lồ, một khối bê tông khiến liên tưởng đến một tổ ong có mái dốc lợp thủy tinh, liên tục cung cấp không khí sạch cho khối châu Âu. Tinh thần của EU thể hiện ở đây rõ hơn bất cứ nơi nào khác, và đây là nơi Angela Merkel muốn phát biểu đôi điều từng trải cho những người châu Âu trẻ vốn chỉ đang bắt đầu đường đời. Hay có lẽ đơn giản bà chỉ muốn lên tinh thần cho chính mình.

Đó là ngày thứ ba, 2 tháng 11 năm 2010. Vài ngày trước đó, các lãnh đạo EU quyết định rằng mạng lưới an toàn được thiết lập vội vã cho những nước thành viên gặp khó khăn tài chính phải bị dỡ bỏ và tái xây dựng. Người ta cần thứ gì đó mang tính lâu dài. Để làm điều này, những hiệp ước EU phải được điều chỉnh - cơn ác mộng với những ai còn nhớ quá trình khổ ải để biên soạn nội dung cho chúng cùng sự phản kháng trong những cuộc trưng cầu quốc gia. Nhưng phải làm một điều gì đó: châu Âu đang ở trong một trạng thái thảm hại. Suốt khoảng một năm, cơn khủng hoảng tài chính đã tàn phá toàn bộ các nước châu Âu, còn ngân khố của họ thì cạn kiệt do phải cứu các ngân hàng. Vấn đề đặc biệt nghiêm trọng ở Hy Lạp, và vào tháng 11, Ireland rồi đến Bồ Đào Nha cũng yêu cầu được EU giúp đỡ. Đức và Pháp bất đồng xung quanh các giải pháp thoát khỏi thế bế tắc này, và

kiểu gì thì người ta cũng khó có thể hiểu được căn nguyên của nó, vốn nguy hại và chưa có giải pháp đã qua kiểm nghiệm nào.

Sáng hôm ấy, Angela Merkel nhận được thứ gì đó trong hòm thư. Một bưu kiện nhỏ: nữ thủ tướng trông thấy trước, và đội an ninh nhanh chóng loại bỏ nó, một quả bom thư được gửi từ Hy Lạp đến địa chỉ của nữ thủ tướng. Những việc thế này hiếm khi xảy ra, và khi xảy ra thì công luận hiếm khi nghe về chúng. Angela Merkel là mục tiêu của thành phần cực đoan Hy Lạp? Sau vài tuần nóng bỏng đầu tiên của cuộc khủng hoảng, điều này không còn là ngạc nhiên lớn. Song tâm trí nữ thủ tướng mãi tập trung vào một thông điệp khác trong cùng ngày hôm đó. Công luận khi đó đang chuẩn bị nghe một giai thoại về Albert Einstein, vốn được Merkel kể một cách hấp dẫn nhất có thể lúc bắt đầu bài phát biểu tại Bruges. Nữ thủ tướng đã đến Bỉ để khai mạc năm thứ 61 của ngôi trường. Mỗi đợt nhận sinh viên đều mang tên một người đỡ đầu, và năm nay đó là bậc thầy ngành vật lý Albert Einstein, một lựa chọn khiến Angela Merkel, vốn cũng học vật lý, đặc biệt vui lòng.

Merkel bảo các sinh viên nghĩ về cuối thế kỷ 19. Bà nhắc họ nhớ về Marie Curie, Niels Bohr và Albert Einstein. Rồi bà nói ngay cả một nhà khoa học vĩ đại như Einstein cũng gặp khó khăn trong việc thấu hiểu “một thế giới lớn lao khác, thế giới của cơ học lượng tử, ngay cả khi rất nhiều khía cạnh quan trọng trong hai lĩnh vực này liên quan gần gũi đến nhau.” Các sinh viên có lẽ cười và nghĩ: đây là lý do họ chọn học khoa học xã hội thay vì vật lý, do linh cảm rằng họ sẽ không bao giờ thấu hiểu mối liên hệ giữa khoa học xã hội và cơ học lượng tử. Merkel hiểu về môn này, song bà đang cố gắng làm rõ một điểm khác: trường hợp của Einstein, bà nói, cho thấy việc rời khỏi một khái niệm quen thuộc để chấp nhận một khái niệm mới, có được nhờ những phát kiến khoa học thì khó khăn đến nhường nào.

“Nó phơi bày những hạn chế của chúng ta - những hạn chế trong chính kiến thức của chúng ta và của một giai đoạn nhất định.”

Merkel chưa chuẩn bị để chấp nhận những hạn chế đối với kiến thức của riêng bà. Bà muốn hiểu biết, muốn thử thách những giới hạn của bản thân, bên trong cuộc khủng hoảng đồng euro và trong mọi điều khác. Sự kiện này đã đặt bà vào thế đối mặt với những hạn chế của bà, nên vào ngày 2 tháng 11 hôm đó, Merkel đang chơi bài câu giờ. Thời gian luôn hữu ích khi bạn cảm thấy đã đi xa hết mức có thể. Và khi bà đang phát biểu tại Đại học châu Âu, Merkel thể hiện lòng tự tin của bà rằng đến một lúc nào đó mọi rào cản sẽ bị đốn ngã, bị phá vỡ bởi những “đầu óc vĩ đại”. “Nếu bạn tư duy, hành động và khai phá trong không gian mới đó, mọi thứ bỗng trở nên đơn giản, bạn không hiểu nó từng là cuốn sách bị niêm kín đối với các thế hệ trước.”

Đó là Merkel đang phát biểu với tư cách một nhà khoa học tự nhiên đang muốn làm rõ luận điểm rằng bà có thể giải quyết các vấn đề bà đối mặt bằng những “phát kiến khoa học.” Bà hy vọng sẽ tiến vào được một không gian mới, nơi vật chất có thể được nhìn thấy một cách rõ ràng và đơn giản. Cuộc khủng hoảng chưa có vẻ gì giống thế, mà - như bà nói trong một dịp khác - giống như khi ta ở trong một căn phòng tối, tối đến mức bạn không thể nhìn rõ tay mình ngay trước mặt và phải mò mẫm đường đi. Chỉ cần sảy một bước, bạn sẽ không bao giờ tìm thấy lối ra.

Con đường đến châu Âu

Lúc mới bắt đầu sự nghiệp chính trị của mình, con đường của Angela Merkel đến châu Âu trải đầy thận trọng: bà lần dò từng bước một. Trong những ngày cuối cùng của Đông Đức, với tư cách là phát ngôn viên của chính phủ de Maizière, bà phát hiện Cộng đồng kinh tế châu Âu vận hành tàn nhẫn ra sao. Khi đồng Mark của Tây Đức được mang vào Đông Đức cũ

với tỷ giá 2:1, tất cả tiền của Tây Đức cũng không thể cứu được nền nông nghiệp điêu tàn của Đông Đức. Qua một đêm, hàng hóa không tiêu thụ được, nông dân đốt trụi cây trồng, như thế toàn bộ một ngành kinh tế đã bị loại bỏ. Thực phẩm Tây Đức tràn vào Đông Đức, tất cả sản phẩm của một thị trường được trợ giá cao độ. Khi đó, trợ giá là một trong những đặc trưng của Cộng đồng kinh tế châu Âu.

Merkel không sinh ra đã là người của Liên minh châu Âu. Gần như mỗi lần có cơ hội, bà lại nhấn mạnh rằng trong suốt 35 năm, bà đã nhìn châu Âu từ bên ngoài. Như mọi người Trung Âu khác, nhãn quan về phương Tây của bà được định hình bởi những nước nói tiếng Anh. Đây có thể là ảnh hưởng đến từ mẹ bà, vốn dạy tiếng Anh, cũng như sự quyến rũ mà nước Mỹ thể hiện trước mắt bà. Ảnh hưởng châu Âu cổ điển đối với những chính trị gia thuộc đảng CDU từ miền tây nam nước Đức như Helmut Kohl và Wolfgang Schäuble không có tác dụng với bà. Họ là những học trò của Adenauer, người xem sự hòa giải Đức-Pháp là nền tảng cho sự thống nhất châu Âu. Helmut Kohl không ngừng kể câu chuyện rằng họ, khi còn là sinh viên, đã phá đổ hàng rào biên giới ngăn giữa Palatinate và Lorraine ra làm sao. Từ đỉnh thị trấn quê nhà Gengenbach ở Baden-Württemberg, Wolfgang Schäuble có thể phóng tầm mắt nhìn đến Pháp. Angela Merkel là người xa lạ trước não trạng ám-ảnh-bởi-hàng rào này. Bà học về khối châu Âu một phần nhờ những cuộc trao đổi kéo dài cùng những đồng nghiệp đã giải thích tình trạng Tây Đức dạng này với bà.

Pháp để lại ấn tượng cho bà là một đất nước châu Âu đặc biệt. Bà từng học tiếng Pháp trong một thời gian ngắn tại trường học ở Đông Đức, song giáo viên của bà cưới một người Canada, đăng ký visa xuất cảnh và không quay trở lại. Merkel đã không thăm Pháp hay du ngoạn đất nước này mãi đến vài năm đầu sau khi nước Đức thống nhất. Bà du lịch vùng Provence,

và thông qua Kohl quen được Joseph Rovin, phóng viên kiêm sử gia người Pháp gốc Đức-Do Thái, từng là một trong những vị cha đỡ đầu của sự hòa giải Pháp-Đức. Bà kết bạn với nhà khoa học chính trị Henri Ménudier, người dẫn bà cùng chồng Joachim Sauer một vòng quanh Normandy. Từng là Bộ trưởng Bộ Phụ nữ và Thanh niên, bà nếm mùi hung hăng từ một énarque - sinh viên của một đại học hàng đầu của Pháp: Trường hành chính quốc gia (École Nationale d'Administration). Người đồng cấp của bà trong nội các Pháp là một cựu sinh viên trường này, và ông thể hiện thái độ thiếu quan tâm đến nữ bộ trưởng của Đức một cách khó rõ ràng khi để nhân viên nói chuyện với bà trong khi ông ngồi đọc hồ sơ. Nên Merkel cũng đọc hồ sơ và để cho cán bộ của mình nói chuyện với bên kia.

Khi làm Bộ trưởng Môi trường, bà sống qua ngày hoàng kim của nhóm nghiên cứu không chính thức gồm các bộ trưởng, đến những nơi đẹp nhất ở châu Âu trong vài ngày - một sự xa hoa khó tưởng tượng vào ngày hôm nay. Một đồng nghiệp Ireland mang một nhóm trong đoàn đến các quán bar ở Dublin để nghe nhạc banjo, và ngày hôm sau thì họ ăn tôm hùm bên bờ biển. Ở Camargue, các bộ trưởng cưỡi ngựa còn ở Tây Ban Nha họ uống rượu sherry từ những thùng lớn - tất cả dưới danh nghĩa nghiên cứu văn hóa dân gian châu Âu.

Tuy nhiên, khi Merkel lần đầu đến Brussels để dự cuộc họp của Hội đồng châu Âu với tư cách lãnh đạo chính quyền Đức, bà được xem như một tờ giấy trắng - mặc dù với tư cách chủ tịch đảng CDU, bà đã thúc đẩy việc bổ nhiệm Barroso, người theo phái bảo thủ Bồ Đào Nha, làm Chủ tịch ủy ban châu Âu. Ngoài ra, bà còn “mang tiếng” là một tín đồ văn hóa Anh với rất ít kinh nghiệm về chính trị. Danh tiếng này thay đổi vào khoảng 3 giờ sáng ngày 20 tháng 12 năm 2005. Trong hội nghị kéo dài qua đêm đầu tiên của mình, Merkel đàm phán về ngân sách châu Âu mới (hay dự báo tài

chính theo thuật ngữ EU) cho đến năm 2013. Bà là người chuẩn bị kỹ lưỡng nhất trong số các nguyên thủ có mặt, nói chuyện trực tiếp với từng người, và là người duy nhất hoàn toàn quyết tâm môi giới cho được một thỏa thuận. Cuối cùng, phương án của Merkel thắng thế những đề xuất của Blair, Chirac và Kaczyński: bà dùng dữ kiện để đẩy đối thủ vào chân tường, đập tan hết phản bác này đến phản bác khác bằng lập luận mạnh mẽ, từ đó buộc mọi người vào thế phải ký vào thỏa thuận - không còn lựa chọn nào khác. Bà giành được sự kính trọng lớn lao vào đêm đó.

Hành động phi thường thứ hai của bà đến sau đó hai năm, khi Đức làm chủ tịch Hội đồng châu Âu lần khối G8. Khi đó, Merkel đã được công nhận là một nữ nguyên thủ: bà đem lại cho nước Đức sự hiện diện nhiều hơn trên sân khấu thế giới, và đã chứng minh tại Trung Đông rằng bà có thể giữ lợi thế ngay cả trong ván cờ ngoại giao khó khăn nhất. Song chức Chủ tịch Hội đồng là nhiệm vụ nan giải hơn nhiều. Châu Âu đang lạc lối. Hiệp ước Hiến pháp (The Constitutional Treaty), ký bởi các nguyên thủ trong một buổi lễ trang trọng phía trước phong nền trang trí hình cột hào nhoáng tại Rome năm 2004 là một thất bại chấn động. Bị phủ quyết bởi dân Pháp lẫn Hà Lan, hiệp ước không có giá trị pháp lý, nên người ta nhanh chóng cần đến một thứ khác. EU, vốn vừa được mở rộng khi có thêm mười nước Trung và Đông Âu, không đủ khả năng hành động. Mọi niềm hy vọng được đặt vào Merkel, người giữ chức Chủ tịch Hội đồng vào ngày 1 tháng 1 năm 2007.

Những tháng trước khi đến điều này, văn phòng nữ thủ tướng ngập trong việc. Nhóm châu Âu của Merkel - Thomas de Maizière, khi đó là chánh văn phòng, thư ký riêng Beate Baumann, phát ngôn viên Uli Wilhem, Uwe Corsepius, rồi trưởng Bộ phận châu Âu và cố vấn đối ngoại Christoph Heusgen - đã trình bày một bản phân tích toàn diện về các vấn đề của bản hiệp ước, một bản nháp văn kiện hiến pháp và, quan trọng nhất, của những

đối thủ chính có tham gia. Merkel thích khám phá liệu những đồng nghiệp tại Hội đồng châu Âu của bà đứng ở đâu đối với chính trị đối nội. Bà hoạch định một chương trình cho sáu tháng đàm phán, mặc dù bà hiểu rõ rằng có thể sẽ không đạt được một giải pháp trước khi phiên chủ tịch của Đức kết thúc. Những vấn đề như thế thường không được giải quyết cho đến phút cuối cùng.

Khi Merkel bắt đầu nhiệm vụ vào đầu tháng 1 năm đó, bà làm việc theo một lịch trình chặt chẽ gồm những ai bà sẽ thăm, làm việc cùng và khi nào. Về sau một trong những cố vấn của bà cho biết nữ thủ tướng liệt kê các vấn đề như một cuốn tiểu thuyết “với 17 âm mưu phụ phải giải quyết dần”. Giải quyết vấn đề là ý tưởng xử lý chính trị của Merkel. Bà nhận diện một chủ đề, đặt nó vào thế giới ý tưởng của bà, chia thành nhiều vấn đề nhỏ, rồi giải quyết chúng. Nên bà đã lập một danh sách những nước và cá nhân chủ chốt trong vấn đề hiến pháp, một ma trận thể hiện những cố vấn viên và diễn viên chính trị quan trọng nhất. Merkel muốn biết nếu cố vấn X của tổng thống Pháp phản ứng tiêu cực với một vấn đề đưa ra, thì điều có ý nghĩa gì, và liệu việc nghiên cứu phản ứng này với sự giúp đỡ của một cố vấn từ một nước thế giới thứ ba có tác dụng hay không. Chương trình tiên liệu những thảo luận cá nhân, rồi đến những cuộc họp của từng nhóm nhỏ trong những phiên hội thảo cuối tuần tại Schloss Meseberg, khu nhà khách của chính phủ Đức. Bà đi từ phòng này sang phòng khác như quản lý của một ký túc xá, và khi hội nghị Brussels đến gần, bà là người duy nhất biết rõ từng lãnh đạo châu Âu có thể chịu “đau” đến mức nào.

Song bà đã không tính đến sự chống đối của Tổng thống Ba Lan Lech Kaczyński, cùng với thủ tướng nước này (cũng là anh em song sinh) Jaroslaw đang sau hậu trường, liên tục đưa ra yêu sách về số phiếu bầu khác nhau dành cho mỗi nước. Ba Lan muốn hệ thống phổ thông đầu phiếu đối

với những quyết định của đa số phải được điều chỉnh lại dựa vào một “công thức căn bình phương”, điều khiến các nhà lãnh đạo khác tròn mắt vì khó chịu. Lech Kaczyński cứ liên tục rời phòng họp để nghe hướng dẫn từ người anh em song sinh của mình ở Warsaw. Hai nguyên thủ Ba Lan khẳng định cuộc đàm phán là vấn đề mang tính sống chết - và khiến ai nấy đều than vãn trước một tuyên bố cường điệu quá mức như vậy. Merkel đang mài điều phối và chèo lái những cuộc thảo luận theo kết quả bà đã hoạch định. Và khi Ba Lan vẫn từ chối bỏ phiếu thuận, bà thẳng thừng bỏ ra khỏi vòng đàm phán đó. Bà không chịu nhiều rủi ro - bà biết mình có thể dựa vào những người còn lại. Ngay cả trước khi có kết quả - về sau được biết đến dưới tên gọi Hiệp ước Lisbon, tờ *Die Zeit* đã ca ngợi kỹ năng đàm phán của Merkel: “Nữ thủ tướng đã nắm bắt được các bộ phận cấu thành của chính trị hậu hiện đại, và cùng với nó là bản chất của châu Âu, vì trong khối EU, tiến bộ chỉ có thể đạt được bằng những biện pháp đối thoại hiện có.” Merkel và bản chất của châu Âu - hai điều vốn chưa từng được xem như một thực thể duy nhất - đã bất ngờ xích lại gần nhau.

Merkel đã làm việc cật lực cho ý niệm về châu Âu của bà, vốn thường dựa trên lý tính: vì ý tưởng này của bà là một quan niệm mang tính duy lý. Và vì thế Merkel thường xuyên truyền tải thành quả những nỗ lực trí tuệ của bà thông qua những bài phát biểu (bà thích phát biểu trước quốc hội hơn cả), đôi khi tại một sự kiện ăn mừng. Đã hai lần bà truyền tải ý niệm này cho khối EU bằng văn bản trong năm nhậm chức của bà vào năm 2007. Một lần khác, bà canh cho bài phát biểu của mình trùng với dịp kỷ niệm 15 năm ký kết Hiệp ước Roma. Theo lịch, sự kiện sẽ trùng với dịp Đức nhậm chức chủ tịch EU, nên Merkel đã tổ chức một lễ ăn mừng tại Berlin vào tháng 3 năm 2007. Cũng trong dịp này, bà nhắc lại quan điểm chủ đạo về sức mạnh của tự do: “Nếu chúng ta găm những hy vọng của mình vào sức

mạnh của tự do, thì chúng ta đang găm những hy vọng này vào nhân loại. Nhân loại nằm ở tâm điểm,” bà nói thêm. “Sự đình trệ đồng nghĩa với thất bại. Phải mất nhiều thập kỷ để xây dựng niềm tin, song hy vọng thì có thể bị phá đổ chỉ sau một đêm” - như mọi thứ đã xảy ra sau đó vài năm.

Ở Berlin, thế giới chính trị vẫn nằm trong trật tự. Merkel là ngôi sao mới trên bầu trời chính sách đối ngoại. Giới truyền thông tung hô bà là người phụ nữ có ảnh hưởng nhất thế giới. Bà đã đạt được một lời hứa về vấn đề biến đổi khí hậu từ những nhà lãnh đạo châu Âu, và cả tổng thống Mỹ sau đó không lâu. Và giờ đây, vào dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập EU, bà đã trình bày một chủ đề vốn sẽ được lặp đi lặp lại trong những bài phát biểu của bà, trước sự tán thành lẫn phản đối của lục địa này. “Chúng ta may mắn được là thành viên của một Liên minh châu Âu thống nhất.” Đây là một tuyên bố nặng ký: nó sở hữu một nội dung vừa không tránh khỏi vừa gần như mang tính định mệnh, như thể có một quyền năng tối thượng buộc châu Âu phải thống nhất. Không những thế, bà còn chơi chữ với sự song nghĩa của từ tiếng Đức *Gluck* - nghĩa là vận may hoặc ăn may - và Merkel biết làm thế sẽ tạo ra ấn tượng tốt. Văn phòng thủ tướng đã chọn mẫu câu này với một ngụ ý chỉ đến những quyền được khắc ghi trong bản Tuyên ngôn độc lập Hoa Kỳ - quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc (*Gluck*).

Một bài phát biểu khác của bà trong cùng giai đoạn đó, vốn truyền tải một tuyên ngôn về nguyên tắc thì không thu hút nhiều chú ý lắm. Merkel đọc bài phát biểu vào ngày 17 tháng 1 năm 2007 tại Strasbourg, một ngày mùa đông ảm đạm như điềm báo cho một điều không may. Mưa trút nước, gió gào thét, chương trình dự báo thời tiết nói về một cơn bão cả thế kỷ mới có một lần: vùng áp thấp kinh hoàng mang tên Kyrill ở châu Âu đang đến gần. Cơn bão sẽ ập vào Đức ngày hôm sau, mang đến chết chóc và tàn phá.

Có lẽ đây là lý do tại sao không ai chú ý nhiều đến nữ thủ tướng khi bà trình bày trước Nghị viện châu Âu về những điều bà đang mong chờ.

Việc một nhà lãnh đạo chính phủ ghé thăm Strasbourg, trụ sở của Nghị viện châu Âu vào đầu nhiệm kỳ chủ tịch châu Âu của họ là lẽ thường tình - một nghĩa vụ chán ngắt với hầu hết nhà lãnh đạo chính phủ nào. Nghị viện (châu Âu) là mắt xích yếu nhất trong cơ cấu quyền lực châu Âu. Nicolas Sarkozy thể hiện sự thiếu tôn trọng của ông đối với nó - dù kín đáo - bằng cách sửa lại sảnh đường dành cho các phiên họp toàn thể. Vị chủ tịch Hội đồng châu Âu thường ngồi trên chiếc ghế trong phòng thánh giả trước khi được mời lên bục phát biểu của diễn giả. Như mọi chiếc ghế khác trong sảnh đường, chiếc ghế này cũng được đánh số: số 2. Không vị tổng thống Pháp nào chấp nhận điều này. Theo quan điểm của Sarkozy, tổng thống Pháp không thể đứng vị trí thứ hai sau bất cứ ai. Và thế là ông cho xóa số 2 trước khi tiến vào sảnh.

Trong thế giới của Angela Merkel, số ghế không quan trọng. Với bà, những nghị viện có tính xác đáng lớn lao hơn nhiều, và quốc hội Đức luôn nằm ở vị trí trung tâm trong dấu ấn dân chủ của bà. Bà cũng thấy mình có nghĩa vụ với Nghị viện châu Âu lúc bà đang chuẩn bị phát biểu bài tuyên ngôn về niềm tin châu Âu tại Strasbourg. Đó là một bài phát biểu hùng hồn, và rõ ràng là bài phát biểu quan trọng nhất về châu Âu của bà trước cuộc khủng hoảng. Nữ thủ tướng đã tốn khá nhiều thời gian cho nó. Vài tuần trước khi nhiệm kỳ chủ tịch bắt đầu, người ta đã bàn luận về thông điệp cơ bản sẽ gửi đi. Merkel nhóm họp êkíp thân cận của bà cùng hai cố vấn bên ngoài quanh bữa tối diễn ra trong văn phòng nữ thủ tướng trên tầng tám của dinh thủ tướng. Những người có nhiều điều để nói nhất là Wilhelm và Corsepius, cố vấn về châu Âu: Làm sao họ có thể chiếm được trái tim và khối óc châu Âu? Cần phải có một thông điệp khác vượt khỏi những vấn đề

“cơm áo gạo tiền” truyền thống, như cách bộ sậu của bà nói về những cuộc tranh luận liên miên trong cương lĩnh chính trị. Nên những cuộc thảo luận tập trung vào các chủ đề kinh điển như tính đa dạng, sự tôn trọng lẫn nhau, chiến tranh và hòa bình - cho đến khi có ai đó nhắc đến “lòng khoan dung”. Ngày hôm nay, họ vẫn nói về “bài phát biểu về lòng khoan dung” trong văn phòng của nữ thủ tướng, như thể mọi người đều biết họ đang nói về điều gì. Merkel cố tìm câu trả lời cho câu hỏi về ý nghĩa của châu Âu, vốn cũng là cốt lõi của vấn đề. Điều gì giữ châu Âu gắn kết lại với nhau? Châu Âu có công dụng gì? Làm sao người ta có thể thật sự cảm nhận được châu Âu?

Câu trả lời của bà là một bộ ba giá trị: Tính đa dạng, tự do, lòng khoan dung. “Người ta kiến tạo nên châu Âu với diện tích nhỏ, và còn chia nó ra làm nhiều mảnh, nên trái tim của chúng ta sẽ vui sướng không bởi kích cỡ mà bằng sự đa dạng,” bà nói, trích dẫn câu nói của nhà văn người Czech Karel Capek. Dẫu vậy, trong quan điểm của Merkel, niềm vui trong sự đa dạng vẫn chưa đủ, vì sự đa dạng cần một điều kiện mà nếu thiếu nó thì sự đa dạng không tồn tại được. Merkel làm rõ vấn đề hơn: sự đa dạng sẽ không tồn tại lâu nếu nó không song hành cùng tự do. “Tự do trong tất cả hình thái của nó: tự do phát biểu ý kiến của bạn một cách công khai, tự do tin hoặc không tin, tự do thương mại và kinh doanh, tự do của người nghệ sĩ trong việc định hình tác phẩm của anh ta theo chính những ý tưởng của anh ta.”

Một lần nữa đây lại là tự do của Merkel, thứ tự do mà “châu Âu cần như cần không khí để thở.” Bởi vì “chúng ta sẽ tàn úa nơi tự do bị hạn chế.” Song bà còn đi xa hơn khi nêu lên câu hỏi cốt yếu: Điều gì cho phép con người nhìn ra giá trị trong sự đa dạng, và hành xử một cách có trách nhiệm bằng tự do của họ trong tất cả sự đa dạng đó? Câu trả lời: lòng khoan dung. “Trái tim và tâm hồn của châu Âu nằm ở lòng khoan dung. Châu Âu là châu lục của lòng khoan dung.”

Liệu một vị thủ tướng Đức có được phép nói ra những điều như vậy không? Liệu bà có được phép bàn về lòng khoan dung khi lòng khoan dung của người Đức đã khiến châu Âu phải quy gối hết lần này đến lần khác? Đi kèm những lập luận của mình, nữ thủ tướng không còn lựa chọn nào khác: bà phải nói ra điều đó. “Chúng ta đã mất hàng thế kỷ để hiểu ra điều này. Trên con đường dẫn đến lòng khoan dung, chúng ta đã phải sống qua rất nhiều thảm họa. Chúng ta đã ngược đãi và tiêu diệt lẫn nhau. Chúng ta đã tàn phá chính đất nước của mình. [...] Thời kỳ tồi tệ nhất của thù hận, điều tàn và hủy diệt đã xảy ra chưa đầy một thế hệ trước. Tất cả đã diễn ra nhân danh dân tộc tôi.” Nếu đây là vấn đề, Merkel nói, trong một lời cảnh báo về việc thể hiện sự ngạo mạn trước người khác dành cho tất cả những ai gặp khó khăn trong việc chấp nhận ý tưởng về lòng khoan dung, thì châu Âu có nghĩa vụ thi hành lòng khoan dung và khích lệ nó ở bất cứ đâu mà đức tính này được tìm thấy. “Chúng ta phải biết ơn rằng tất cả những gì mà người châu Âu chúng ta từng đạt được đều đến từ bản chất xung khắc của chúng ta,” Merkel nói, trích lời của nhà văn Peter Prange, “đến những mâu thuẫn thiên thu trong lòng chúng ta, sự trao đổi bất tận những ý kiến và phản kiến, ý tưởng và phản ý tưởng, luận cứ và phản luận cứ.” Vậy tại sao châu Âu lại không thành công cho được? Câu trả lời của Merkel rất quen thuộc: vì châu Âu đã học được giá trị của lòng khoan dung. Song không lâu sau bài phát biểu của bà, lòng khoan dung đó đã chịu một cuộc sát hạch dữ dội.

Để hiểu Merkel với tư cách một chính trị gia đang đương đầu với khủng hoảng, chúng ta phải nhìn vào một khoảnh khắc trong giai đoạn tiền-khủng hoảng, thời kỳ của những bài phát biểu chính sách và các tuyên xưng đức tin. Châu Âu thường đòi hỏi những nhân vật chính trị của nó liên tục cho ra đời những bài phát biểu như thế. Châu lục này dường như có một cơn khát nhất định dành cho chúng. Ở Brussels, các vừa tư duy (think tank) cung cấp

môi trường cho mọi hành vi suy ngẫm sâu sắc. Ở Berlin có hàng loạt bài phát biểu dài kỳ được trình bày tại Đại học Humboldt mang tên “Những bài phát biểu Humboldt”, trong đó những diễn giả khách mời thổ lộ tâm hồn chính trị của họ. “Diễn văn châu Âu” của Berlin, một bài diễn văn nặng tính lý thuyết suông hơn là thời sự về “tình hình của Liên minh (châu Âu)”, thì năm nào cũng có. Rồi đến giải thưởng danh giá Charlemagne.

Merkel hay nói về các nguyên tắc. Bà đã đoạt giải Charlemagne và đã có Diễn văn châu Âu. Nhưng cũng như mọi chính trị gia hàng đầu khác của châu Âu bà đã không nhìn thấy trước được cuộc khủng hoảng lan tràn toàn châu Âu vào mùa thu năm 2009. Bà đã không phân tích, dù chỉ một lần, một đồng tiền chung thiếu một chính sách kinh tế châu Âu thống nhất có thể gây ra thâm hụt ngân sách. Bà chưa bao giờ xây dựng được một kế hoạch để sửa chữa những khiếm khuyết lớn nhất của châu Âu. Dấu hiệu đầu tiên của một kế hoạch hành động nhằm đối phó khủng hoảng đến trong bài phát biểu Humboldt vào tháng 5 năm 2009, sáu tháng trước khi vụ thâm hụt ngân sách của Hy Lạp bại lộ. Tại đây, bằng tầm nhìn dự báo phi thường, bà chỉ ra rằng chính sách châu Âu cũng tương tự như chính sách đối nội - một năm sau đó, quốc hội Đức đã đương đầu với chính những vấn đề mà châu Âu gặp phải.

Việc liên hệ đến bản hiến pháp (châu Âu) của Merkel cũng quan trọng trong ngữ cảnh này: Cộng hòa Liên bang Đức nói rõ rằng mục tiêu của nước này là “phục vụ sự nghiệp hòa bình thế giới với tư cách thành viên của một châu Âu thống nhất có những quyền lợi bình đẳng” - những ngôn từ này đến từ phần lời tựa của Hiến pháp Đức, và rất quan trọng trong việc đánh giá cuộc khủng hoảng ba năm sau đó, khi Tòa án hiến pháp phải quyết định về tính hợp pháp của việc chuyển giao chủ quyền quốc gia, vì với tất cả những ai ủng hộ châu Âu, việc trích dẫn lời tựa là bằng chứng cho thấy

giữa hiến pháp (Đức) và EU không có mâu thuẫn nào. Merkel đã làm rõ điểm này trong một tuyên bố chính trị lớn: “Đức luôn hiểu sự thống nhất của châu Âu như một phần của lợi ích của quốc gia này.” Lại một lần nữa bà nhắc tới lợi ích quốc gia, khái niệm bà thường chỉ đề cập đến khi nói về những mối quan hệ vượt Đại Tây Dương hoặc với Israel.

Có thể hiểu Merkel như người xem châu Âu là lợi ích lớn nhất của nước Đức. Nên bà không thích việc Đức bị nhắc đến như “người phát lương” của châu Âu, do Đức hưởng lợi lớn từ các thị trường quốc tế và nhận được lợi ích chính trị khổng lồ từ sự gắn bó của nước này với EU. Trong bài diễn văn Humboldt của mình, Merkel còn lập luận rằng châu Âu không thể tiếp tục chấp nhận số lượng không giới hạn các thành viên mới. Sự củng cố, tức cải thiện những cơ cấu hiện có, phải được ưu tiên trước sự mở rộng. Củng cố cũng không có nghĩa Brussels thu tóm thêm nhiều quyền lực bằng cửa sau. “Những nhà nước tự chủ (nation State) là ông chủ của những hiệp ước” là câu nói ưa thích của Merkel trong suốt cuộc khủng hoảng. Những ai đánh giá EU bằng “những tiêu chuẩn của luật hiến pháp”, vốn đang cho Nghị viện châu Âu quyền tạo ra những điều luật mới hoặc chuyển thêm nhiều quyền lực cho Brussels, sẽ chỉ khiến “làm quá tải hệ thống và kích hoạt chuông báo động.”

Merkel đã đặt Nghị viện châu Âu của riêng bà vào trật tự trước khi bản thân châu Âu thử thách bà. Bà vật lộn với hệ thống, vốn là thứ bà muốn mở rộng quyền lực, và vật lộn với sự thiếu kiên nhẫn của các nước thành viên, vốn thích được ở trong một châu Âu di chuyển với vận tốc khác hơn. Thời điểm đó, Merkel ngần ngại thừa nhận một hệ thống như vậy là hợp lý, bởi vì, như bà nói, “chúng ta sẽ loại bỏ những nghị sĩ từ các quốc gia không hợp tác với chúng ta sao? Vậy ai sẽ ra quyết định? Điều này sẽ hủy diệt toàn bộ kết cấu của Liên minh châu Âu.” Trên thực tế, nữ thủ tướng tỏ ra

khá nóng nảy đối với câu hỏi này. “Nên tôi sẽ yêu cầu những ai đề xuất sáng kiến đó phải suy nghĩ lại.” Ba năm sau - ở tận đáy cuộc khủng hoảng - những nguyên tắc của bà không còn quá bất di bất dịch nữa. Merkel đã suy nghĩ lại, và chấp nhận tính khả thi của việc di chuyển với vận tốc khác. Bà đã thận trọng dành cho mình một lối thoát vào năm 2009, khi bà nói: “Có lẽ tôi đã bỏ qua điều gì đó, nhưng tôi không nghĩ thế.”

Còn một điều khác mà bà đã đủ khôn ngoan để làm rõ trước những khán giả trong nước: bà không trình ra bất cứ kế hoạch tài chính nào - ít nhất cũng không trình một cách công khai. Trong bài diễn văn Humboldt của mình nhiều năm trước đó, Joschka Fischer đã đặt ra tiêu chuẩn khi ông nói về hành động cuối cùng. Bà không đóng góp vào cuộc tranh biện về tính chung cuộc, hay trả lời câu hỏi cốt yếu về việc EU sẽ ra sao khi những cơ cấu của nó được hoàn thiện. “Tôi sẽ phải làm các bạn thất vọng, bởi vì tôi nghĩ những mục tiêu dài hạn [...] đôi khi gây khó khăn cho việc thực hiện bước đi chính trị tiếp theo.” Thông điệp của bà là bất cứ ai nói về tính chung cuộc đều tự tước đoạt sự linh hoạt của người ấy. Là một nhà chiến thuật, Merkel không bị rơi vào cái bẫy đó. Bà thà nghiên cứu từng cái cây đơn lẻ hơn là ngợi ca vẻ đẹp của toàn khu rừng. Chẳng ai ngờ được: một ngày nào đó bạn có thể bị lạc lối trong rừng.

Hy Lạp vỡ nợ

Cuộc khủng hoảng thật sự bắt đầu vào ngày 15 tháng 9 năm 2008, với sự sụp đổ của ngân hàng Lehman Brothers. Trong năm cuối cùng của liên minh CDU-SPD, họ đã vật lộn để ngăn chặn sụp đổ nền kinh tế, và chỉ có vài tuần để ra quyết định về việc đảm bảo cho những quỹ khổng lồ, giải cứu giới ngân hàng và kích thích nền kinh tế. Đến tháng 10 năm 2009, cuộc khủng hoảng chỉ dịch chuyển - sang ngân sách của các nước thành viên châu Âu. Ở mọi nước, nợ quốc gia đều đang tăng, các chính phủ phải ra tay

cứu những ngân hàng sắp sụp đổ, từ đó phơi mình trước những rủi ro. Khi chính phủ của Papandreou, chỉ vừa được bầu trong tháng đó, tận dụng sự khởi đầu mới này nhằm sửa đổi bản dự thảo thâm hụt ngân sách của Hy Lạp, không ai lên tiếng phản đối ngay. Người ta đã chờ đợi tin xấu từ Athens: thâm hụt ngân sách chiếm mười hai thay vì sáu phần trăm tổng sản phẩm quốc nội.

Đó là vài tuần trước khi người ta nắm bắt được tính chất quan trọng của thông báo này. 12% GDP đi quá rất xa giới hạn nợ mà EU ấn định, nhưng cũng không có dấu hiệu gì cho thấy nó sẽ được điều chỉnh ra làm sao. Điều này đã có những hiệu ứng tức thì đối với hoạt động tài trợ bằng việc cho vay nợ: giới chủ nợ ở thị trường tài chính tính thêm những món phụ phí khổng lồ lên các khoản vay dành cho Hy Lạp. Đến tháng 12 năm đó, hãng đánh giá tín dụng Fitch là đơn vị đầu tiên đánh tụt chỉ số tín nhiệm của nước này. Việc vay tiền trở nên đặc biệt bất khả thi đối với Hy Lạp.

Một vòng luẩn quẩn đã hình thành, và không ai có thể thoát ra một cách nhanh chóng. Nợ cao, đòi hỏi tín dụng cao, những khoản phụ phí cao trên những khoản vay đắt đỏ - một xâu chuỗi chỉ có thể phá vỡ nếu quốc gia giảm được nợ. Nhưng khi đó, nền kinh tế cần phải tăng trưởng. Để điều này xảy ra, thu nhập từ thuế cần phải tăng mạnh, và để điều này xảy ra nữa, thì những khoản vay lãi suất cao cần phải được giảm lãi suất và việc chi tiêu phải bị cắt giảm. An sinh xã hội, tiền trợ cấp và phí tổn chăm sóc y tế cần phải được giảm thiểu đáng kể. Và để điều này xảy ra, cần phải giảm số lượng công chức và tăng thuế. Mọi nhà kinh tế đều hiểu rõ trọng trách trước mặt Hy Lạp về mặt lý thuyết. Nhưng để thực hiện thì khó vô cùng, còn Hy Lạp và những chính trị gia của họ thì nổi tiếng thiếu khả năng đưa ra quyết định.

Và người ta cũng không thể cách ly Hy Lạp, dù cho những vấn đề của nước này có thể lây lan sang những nước khác. Mọi người đều nhận ra rằng vòng luẩn quẩn này có thể kết thúc nếu chính phủ Hy Lạp tuyên bố vỡ nợ. Hy Lạp sẽ phá sản và không còn khả năng thanh toán nợ. Trong hoàn cảnh không may này, các nước thường vặn đồng hồ về lại số 0 và ban hành một đồng tiền mới hoặc phá giá đồng tiền cũ. Nhưng với Hy Lạp, điều này là bất khả thi, vì mọi giao dịch đều bằng đồng euro - như mọi giao dịch trong 16 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu. Nếu Hy Lạp được chấp nhận phá sản theo một cách không kiểm soát được, họ sẽ kéo theo vài nước châu Âu khác.

Vấn đề thứ hai là việc các ngân hàng Hy Lạp được liên kết chặt chẽ với những ngân hàng khác ở châu Âu, và các ngân hàng nước ngoài khi đó đang nắm giữ những số lượng lớn các khoản vay vô giá trị của Hy Lạp. Một tuyên bố phá sản đột ngột không chỉ đồng nghĩa với sự sụp đổ của một ngân hàng duy nhất tại Hy Lạp, mà sẽ tạo ra hiệu ứng domino với những hậu quả không thể lường trước, có lẽ sẽ tác động đến Deutsche Bank hoặc Commerzbank ở Đức. Thất bại tài chính sẽ cắt đứt Hy Lạp ra khỏi khu vực kinh tế, các khoản dự trữ đồng euro của Hy Lạp sẽ vượt quá mức giới hạn - và quốc gia này sẽ không còn khả năng thanh toán hàng nhu yếu phẩm và dịch vụ từ nước ngoài. Mọi viễn cảnh tăm tối và ảm đạm đều được tính đến, với làn sóng di cư ồ ạt cùng bạo loạn tại những điểm nóng. Sự việc không được phép lên đến mức này.

Song liệu một lối thoát có kiểm soát có là giải pháp? Liệu một thỏa thuận có thể đạt được về sự ra đi cho Hy Lạp, được giám sát thông qua những thỏa thuận và nhiều tiền mặt? Hy Lạp sẽ phải rời khu vực đồng euro và tung ra một đồng tiền mới - với tất cả rủi ro liên quan đến các ngân hàng và nền kinh tế. Chính phủ của Papandreou nhanh chóng nói rõ rằng họ

không quan tâm đến phương án này. Và họ có luật pháp đứng bên cạnh: một quốc gia không thể bị ném ra khỏi Liên minh châu Âu: các bản hiệp ước không cho phép một trạng huống như thế xảy ra. Một cú ly khai sẽ rất đáng sợ và bản thân đồng euro sẽ bị tổn hại đến ngưỡng không thể khắc phục. Đó không phải vấn đề của những nước đủ khả năng thanh toán nợ có khả năng đe dọa Hy Lạp hay không, mà chính những nước đang gặp khủng hoảng, mà về sau bao gồm cả Tây Ban Nha và Ý, khiến câu lạc bộ những nước giàu phải run sợ.

Cốt lõi của cuộc khủng hoảng vẫn chưa thay đổi. Thế tiến thoái lưỡng nan ngày càng rõ nét hơn khi Ireland và Bồ Đào Nha yêu cầu được bao gồm trong kế hoạch cứu trợ, rồi đến Tây Ban Nha lẫn Ý thấy bản thân gặp nguy hiểm. Đến lúc này, người ta thấy rõ rằng vấn đề không chỉ là nợ, mà rằng khu vực đồng euro có một thiếu sót lớn trong cấu trúc của nó, vốn không thể khắc phục bằng cách rót thêm tiền hay tổng cổ Hy Lạp. Châu Âu không đơn giản chỉ đang trải qua một cuộc khủng hoảng tiền tệ, mà cộng đồng này, đặc biệt là các nước trong khu vực đồng euro đang bị bủa vây từ ba hướng: có những nước rõ ràng đang nợ quá nhiều, có những chênh lệch khổng lồ về tính cạnh tranh giữa những nước có nền kinh tế năng động và trì trệ, và chưa có một cơ chế chính trị nào được sinh ra để giúp đẩy lùi một thảm họa như chính thảm họa đang đe dọa Hy Lạp.

Chính các thị trường đã bộc lộ ba cơn khủng hoảng này một cách tàn nhẫn. Đâu đâu ở châu Âu cũng vang lên những lời buộc tội lớn tiếng dành cho “thị trường”, cho những quản lý quỹ đầu cơ ầm danh và cho những con “cá mập” đầu tư kiếm sống trên xương máu những quốc gia nợ nần, đẩy lãi suất lên cao và làm đầy túi của họ bằng cách đặt cược vào tương lai. Phải mất vài năm để cơn thịnh nộ lắng xuống. Phải đến năm 2012, người ta nhận ra rằng thị trường đang hoạt động theo cách hoàn toàn hợp lý. Và rằng thị

trường còn bao gồm những quỹ lương hưu của các doanh nghiệp như Siemens và Volkswagen, của những quỹ tiết kiệm và của những người dân bình thường để dành tiền của họ trong những quỹ đầu tư vững chắc như bàn thạch. Những nhà đầu tư này có đáng bị quy tội khi đề xuất dùng tiền của khách hàng để cho những nước có nền kinh tế mạnh khỏe hơn, có tính cạnh tranh cao hơn và có những ngành công nghiệp sinh lời và hiện đại hơn vay mượn?

Không, khu vực đồng euro đã đi sai hướng, một thực tế mà thị trường đã cho thấy vào giai đoạn đầu của cuộc khủng hoảng nợ: khu vực đồng euro có thể là một khu vực tiền tệ, song nó cũng là khu vực của những thế lực cạnh tranh nhau gắt gao. Nếu khối đa dạng này thích thú việc có một chính sách tiền tệ chung nhất, nếu mọi nước đều có thể vay tiền dưới những điều khoản giống nhau bất chấp khác biệt trong năng lực của họ, thế thì có vấn đề. Sự đời dứt khoát không thể vận hành như vậy.

Sau năm 2010, một lợi thế của cuộc khủng hoảng là không chỉ từng đại biểu quốc hội Đức được học khóa ngắn hạn miễn phí về kinh tế và chính sách tiền tệ, mà mọi thành phần trí thức trong xã hội cũng thế. Dầu thế, suốt một thời gian dài tại Đức, cuộc khủng hoảng trông giống một khái niệm mơ hồ: trong khi 50% số người trẻ thất nghiệp ở Tây Ban Nha và giới chủ bất động sản ở Ireland nhanh chóng đích thân trải nghiệm hiệu ứng của cuộc khủng hoảng tiền tệ, thì người Đức hoặc phải nuốt lấy lời của nữ thủ tướng, hoặc trải qua những cung bậc cảm xúc khác nhau trước bản tin thời sự tối, mà trong đó người Hy Lạp đôi khi bị lạc lối, hoặc những nghị sĩ giận dữ gào lên “Đủ rồi!” và đòi đồng Mark Đức quay trở lại.

Rõ ràng không có một giải pháp giản đơn nào, như nữ thủ tướng nhận ra vào ngày 23 tháng 4 năm 2010, khi chính quyền Hy Lạp đăng ký nhận viện trợ từ Liên minh châu Âu và Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Từ giây phút đó trở đi,

mọi sự ở châu Âu không còn như trước nữa: tất cả hoạt động hùng biện êm tai của châu Âu đều ngưng lại, và Liên minh châu Âu quay sang đấu đá chính trị nội bộ. Bất cứ ai vẫn tưởng họ đang sống trong Hoa Kỳ của châu Âu đều nhanh chóng vỡ mộng: mỗi quốc gia bỗng dưng biến thành những quốc gia độc lập, một giai đoạn tập trung chính trị không khoan nhượng bắt đầu và lái suýt được phân định bởi những đường biên giới. Châu Âu giờ đây ở trong tình trạng khẩn cấp về chính trị, còn những nhà lãnh đạo của nó đôi lúc bị cuốn vào những cuộc khủng hoảng hiện hành. Châu lục này chứng kiến sự hồi sinh của định kiến vốn từ lâu tưởng chừng đã chết và bị chôn vùi, và nhận ra rằng cộng đồng của nó được xây trên cát. Vì thậm chí nếu không có chính trị gia nào - đương nhiên không phải Angela Merkel - dám nói lên sự thật, thì cuộc khủng hoảng vẫn có tiềm năng hủy diệt Liên minh châu Âu. Nếu một nước rời khu vực đồng euro, điều đó sẽ chứng tỏ châu Âu không đủ sức theo kịp cuộc đua toàn cầu hóa, rằng nó đang quay trở lại những quốc gia nhỏ cùng nhiều đồng tiền nhỏ, lỗi thời và không có năng lực để đổi mới. Cuộc thí nghiệm lớn nhất thế kỷ, một nỗ lực giảng hòa và xoa dịu một châu lục khét tiếng bất ổn, đang lâm nguy. Bất cứ ai hiểu biết có chút kiến thức lịch sử hẳn đã cảm thấy không yên ổn trong suốt những tháng khủng hoảng đó.

Ban đầu, bản thân Angela Merkel không hiểu rõ phạm vi đầy đủ của cuộc khủng hoảng. Không ai hiểu cả. Ngay cả khi bà đang đọc diễn văn chào mừng sinh viên bước vào năm Einstein ở Bruges vào tháng 11 năm 2010, bà chỉ đang cầu nguyện lấy cảm hứng. Chỉ khi đến giữa năm 2011, bà mới bắt đầu phát biểu một cách chắc chắn về những nguyên nhân và hệ quả của cuộc khủng hoảng. Dầu vậy, ngay cả lúc đó người ta cũng thấy rõ rằng cuộc khủng hoảng sống nhờ yếu tố bất ngờ, rằng những vấn đề không lường trước đang liên tục xuất hiện. “Lái xe mù” là lối ẩn dụ được dùng nhiều

trong văn phòng thủ tướng. Hẳn là rất phiền muộn cho Merkel, người vốn thích làm việc một cách có hệ thống, khi thấy cuộc khủng hoảng không chịu bộc lộ cơ chế hoạt động bên trong của nó. Khi giới chính trị gia châu Âu tìm cách giải quyết vấn đề, họ liên tục bị ngạc nhiên bởi những diễn biến mới và sự kiện mới, những số liệu tồi tệ mới và những cuộc thảo luận gây nản lòng không ngớt. Trong một cơ chế phức tạp cao độ, những chi tiết nhỏ bắt đầu hiển hiện dưới hình hài của các chính sách kinh tế và tiền tệ, những phản ứng tức thì trước khủng hoảng và những kế hoạch dài hạn cho an ninh, chính trị quốc nội và luật hiến pháp. Ngày bầu cử, đơn từ chức, quốc hội, thảo luận - tất cả những điều này đều cần đến thời gian, mà thời gian là món hàng giá trị nhất với tất cả, thứ mà Merkel tiếc nuối một cách chua xót trong cuộc tìm kiếm sự ổn định của bà.

Nếu có một điều mà nữ thủ tướng cảm thấy chắc chắn một cách rất sớm, thì đó là sự thiếu tin tưởng của bà đối với những giải pháp chóng vánh được trình lên bà, do nhiều cố vấn bên ngoài cung cấp. Đó là lý do tại sao bà ngày càng tách mình khỏi họ. Cuộc khủng hoảng ngân hàng năm 2008 đã khiến bà ngạc nhiên, chính quyền (Đức) đã chuẩn bị yếu kém cho cục diện đầy đủ của vấn đề. Có lẽ đã có một nhóm chuyên gia thuộc hàng ngũ của họ có thể giải thích về những khái niệm bán khống, đạo hàm và nghĩa vụ nợ thế chấp. Một buổi tối đã lưu lại trong ký ức các cố vấn của Merkel: Josef Ackermann, khi đó là CEO của Deutsche Bank, giải thích về hệ thống điều chỉnh giá trị cho Merkel bằng những chai rượu vang đỏ đắt tiền. Nếu bạn có 500 chai, mỗi chai giá 500 euro, trong hầm, và bạn bán một trong những chai này với giá chỉ 100 euro, thì giá trị của những chai còn lại cũng phải giảm theo tương ứng.

Merkel cùng nhóm của bà học được bài học từ ví dụ về chai rượu vang. Trưởng cố vấn kinh tế trong văn phòng thủ tướng, Jens Weidmann, đã thành

lập một đơn vị đặc biệt để giải cứu các ngân hàng, tuyển dụng nhân viên là những chuyên gia trong thị trường vốn. Bản thân ông từng là chuyên gia đầu ngành về chính sách tiền tệ châu Âu và viết luận án tiến sĩ về chủ đề này. Bất cứ ai mong muốn hiểu được chính sách quản trị khủng hoảng của Merkel trước hết đều cần hiểu về nhà kinh tế học này, sinh năm 1968 và là mẫu đồng nghiệp hợp với lựa chọn của nữ thủ tướng: kín kẽ, chăm làm, rất thông minh. Thomas de Maizière, vị bộ trưởng trong văn phòng của nữ thủ tướng, đã gọi ông là một tia sáng.

Merkel và Weidmann rất giống nhau: cả hai đều có óc phân tích, cẩn trọng và đa nghi. Nên không ngạc nhiên khi Weidmann nổi đóa vào đầu tháng 5 năm 2010, khi một quỹ được tạo ra gần như chỉ trong mấy ngày cuối tuần, bởi vì Hội đồng châu Âu muốn bơm tiền vào đó, đơn giản nhằm đưa ra tín hiệu rõ ràng đối với yêu cầu được cứu trợ của Hy Lạp. Vào ngày 2 tháng 5, các bộ trưởng tài chính đã thông qua gói cứu trợ 110 tỉ euro, song điều này không làm thị trường ấn tượng. Những suy đoán về Hy Lạp vẫn tiếp tục, nên khu vực đồng euro quyết định thành lập EFSF - Cơ chế bình ổn tài chính châu Âu, như một hình thức “lưới” an toàn.

Merkel phản đối, nói rằng bà cần thời gian để suy nghĩ về điều này, và vào ngày 8 tháng 5 bà đến Moscow tham dự lễ kỷ niệm 55 năm ngày chấm dứt Thế chiến II. Ngay cả khi ở trên bục trong suốt cuộc diễu hành của những cựu chiến binh, bà liên tục bị tấn công bởi những câu hỏi của người Nga và người Trung Quốc. Vào cuối tuần đó, bà đồng ý thành lập quỹ, nhưng với hai điều kiện: số tiền tùy thuộc vào kết quả và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) phải tham gia dưới hình thức cơ quan an toàn, bởi vì những điều luật của IMF không thể bị phá vỡ, ngay cả bởi những nước đang nợ nần ở châu Âu. Nước Đức cảm thấy được bảo vệ bởi sự tham gia của IMF. Khi được giăng lên, hệ thống lưới an toàn mang đến khoảng không để “thở” và

giúp kéo dài thời gian - thời gian để hiểu rõ cuộc khủng hoảng, để cố gắng đối mặt nó và để làm cho khủng hoảng lắng dịu.

Trong giai đoạn đầu tiên này, Merkel có rất nhiều đối thủ. Ví dụ, tổng thống Pháp được thuyết phục rằng thị trường chỉ bình ổn trở lại khi có sẵn đủ tiền. Trên thực tế, đây cũng là ý kiến của hầu hết nhà kinh tế toàn cầu: họ không thể hiểu được yêu cầu cắt giảm ngân sách của Merkel. Merkel và Sarkozy có một mối quan hệ rõ ràng khó khăn ngay từ cái nhìn đầu tiên. Khi Sarkozy đến Berlin lần đầu với tư cách tổng thống - ông được bầu sau khi bà làm thủ tướng Đức được một năm rưỡi, và theo các quy tắc, ông phải đến thăm xã giao bà - ông đã trì hoãn khá lâu trước khi bước ra khỏi xe hơi để tiến vào dinh thủ tướng. Merkel đang đứng chờ ở đầu bên kia của thảm đỏ, song tổng thống Pháp không có ý định làm người chủ động, ông tưởng Merkel phải tiến đến chào, song bà đã không làm thế. Sau một lúc khó xử, vị khách cũng phải tuân phục.

Merkel và Sarkozy khác nhau một trời một vực. Nên mối quan hệ mà hai người đã tìm cách phát triển sau năm năm càng đáng chú ý hơn. Merkel sẽ nói bà không phải người thay đổi trước - vậy có lẽ chính Sarkozy là người đã đột nhiên trở nên sẵn sàng thỏa hiệp, thấu hiểu hơn và bớt thất thường hơn. Một trong những chuyến thăm đầu tiên của ông đến văn phòng của Merkel được người ta nhớ đến vì việc ngài tổng thống đột nhiên nhồm dậy giữa cuộc nói chuyện để gọi một cuộc điện thoại. Hoặc bài phát biểu ông trình bày tại bữa ăn trưa tại căn hộ ở Paris thuộc về vợ ông, Carla Bruni: giữa một thời điểm nhạy cảm của cuộc khủng hoảng, ông nói với công chúng rằng Đức vẫn đang bận suy nghĩ trong khi Pháp thì đã hành động. Merkel và Sarkozy từng dạo bãi biển cùng nhau, tranh cãi với nhau tại văn phòng của từng người, cãi nhau trước thiên hạ, nhưng Merkel nhận ra một cách thích thú rằng qua nhiều năm, người đồng cấp của mình có vẻ

ngày càng bớt ganh đua với bà, như thế bà tạo ra một ảnh hưởng đầm ấm lên ông. Trong những tháng đầu tiên của cuộc khủng hoảng, Sarkozy dùng những bộ trưởng của ông công kích Merkel và quy cho sức mạnh nền kinh tế Đức là một trong những nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng, nhưng vào tháng 10 năm 2011 ông bắt đầu sử dụng cảm nang quản trị khủng hoảng của Merkel, và thậm chí còn chuẩn bị cho người Pháp sẵn sàng tiến hành cắt giảm.

Cuộc chạy đua chống sụp đổ

Liên minh châu Âu phản ứng với cuộc khủng hoảng như một cơ thể đang lên cơn sốt. Vào lúc đó, cơ thể chưa tạo ra miễn dịch để chống lại virus, và không thể biết trước sẽ có bao nhiêu cơn sốt khác sẽ đến trong tương lai. Nhưng ít nhất bác sĩ cũng đã tìm ra cách nhận biết các triệu chứng. Đến bây giờ, người ta đã định nghĩa được ba giai đoạn của cuộc khủng hoảng. Giai đoạn đầu tiên bắt đầu với yêu cầu được cứu trợ của Hy Lạp vào tháng 4 năm 2010 cùng kế hoạch giải cứu được đồng thuận một cách hấp tấp vốn giúp chặn đứng sự phá sản của nước này vào ban đầu. Hy Lạp là tâm điểm của giai đoạn này, mặc dù Iceland sau đó cũng được săn sóc đặc biệt vào tháng 11 năm 2010, theo sau là Bồ Đào Nha vào tháng 5 năm 2011. Tuy thế, cuộc khủng hoảng tiền mặt có vẻ như là một vấn đề mang tính quốc gia, một hiện tượng có giới hạn về địa lý, và được định nghĩa bởi các đặc tính kinh tế riêng biệt của ba quốc gia độc lập này. Chính vào lúc này, người châu Âu bắt đầu quen với những hăng xếp hạng tín nhiệm chính của Mỹ, vốn giống như Cassandra - nhân vật luôn mang tin xấu - hay bản thân những hăng xếp hạng tín nhiệm này cũng là nguyên nhân. Dù gì chẳng nữa, sự giận dữ cao độ được hướng thẳng vào những hăng này, và người ta lớn tiếng đòi hỏi vấn đề phải được giải quyết một lần cho dứt điểm bằng biện pháp bơm thật nhiều tiền.

Và yêu cầu này nhằm vào Merkel, với tư cách thủ tướng của nền kinh tế lớn nhất khu vực đồng euro đang dẫn đường cho những quốc gia khác kém thịnh vượng hơn. Bà luôn phải đối mặt với cùng một yêu cầu: công trái châu Âu có thể giúp ba nước trên thoát khỏi rắc rối. Một gói vay nợ quốc gia đồng nhất, duy nhất cho tất cả mọi người - và nó sẽ khiến cuộc sống trở nên đắt đỏ hơn đôi chút đối với người Đức và dễ thở hơn đôi chút đối với người Hy Lạp, song ít nhất thì nguồn cung tiền từ những thị trường tài chính sẽ được đảm bảo. Lập luận logic rằng những ai dùng chung một đồng tiền cũng cần chung một loại công cụ tài chính. Lập luận đối trọng của Merkel cho rằng đồng tiền có thể chung, nhưng chính sách kinh tế thì không. Công trái châu Âu chỉ hợp lý nếu chính phủ mọi nước đều đặt cọc tiền của họ, cùng vay tiền với lãi suất hợp lý giống nhau và được giám sát theo cùng một cách. Quan trọng hơn cả là tranh cãi xung quanh những hiệp ước: những công trái hoặc khoản nợ như vậy không chỉ bất khả thi mà còn bị ngăn cấm tuyệt đối bởi những hiệp ước châu Âu, trong đó các nước không thể trợ tiền cho nhau. Và ngay cả khi họ muốn làm thế, thì công luận Đức cũng sẽ lên tiếng.

Ở giai đoạn ban đầu, có hai cơ quan trọng yếu đã ủng hộ vị thế của Merkel: Tòa án hiến pháp liên bang và Quốc hội Đức (Bundestag). Merkel có thể cảm nhận được đảng của chính bà đang phả hơi vào gáy mình, một đảng mà trong đó những kẻ thù của đồng euro có thể tạo thành một đám đông giận dữ chỉ trong tích tắc. Không chỉ thế, bản thân sự tồn tại của liên minh cũng đang gặp nguy hiểm, bởi vì FDP cũng đang bị chia rẽ xung quanh chính sách đối phó khủng hoảng của họ. Đảng này thậm chí còn phải tổ chức rút thăm giữa các thành viên để quyết định xem có nên tiếp tục với nỗ lực giải cứu hay không. Rồi đến Tòa án Tối cao tại Karlsruhe, vốn đang

quan sát thận trọng vấn đề chủ quyền quốc gia, điều có thể bị tổn hại nếu chính quyền loại bỏ quyền lực của quốc hội Đức đối với vấn đề ngân sách.

Merkel nhanh chóng làm rõ rằng bà sẽ chỉ ngừng phản đối kế hoạch cứu trợ và ủng hộ Hy Lạp dựa trên những điều kiện sau. Yêu cầu trước tiên của bà là những nước nợ phải thi hành toàn diện chính sách cải tổ: họ phải thúc đẩy nền kinh tế di chuyển và trở nên cạnh tranh hơn. Đó là cách duy nhất thoát khỏi bẫy nợ. Yêu cầu thứ hai là bà chỉ có thể ủng hộ về mặt chính trị gói cứu trợ từ Đức nếu tình huống đáng tiếc này sẽ không bao giờ lặp lại lần nữa - tốt hơn cả là thông qua các hiệp ước ràng buộc.

Merkel tìm kiếm một đồng minh có tầm vóc phù hợp cho kế hoạch của bà, và tìm thấy người này ở tổng thống Pháp. Vào tháng 10 năm 2010, bà và Sarkozy đi dạo trên bãi biển Deauville lúc hoàng hôn và đồng ý về những bước cần phải thực hiện tiếp theo. Kế hoạch giải cứu là chưa đủ, họ nói, mà cần phải có một cơ cấu bền vững hơn, một cơ cấu được chống đỡ bằng rất nhiều tiền và một sự xác tín cũng lớn không kém. Thứ hai, sự bảo vệ này chỉ có được khi một hiệp ước ổn định - thứ có thể được miêu tả như một bản hiến pháp soi đường dẫn lối cho châu Âu xử lý tiền của họ - được cải thiện và đính kèm trong các hiệp ước. Tuy nhiên Merkel đã thất bại trong một yêu cầu quan trọng: bà muốn có những sự trừng phạt khắc nghiệt được bao gồm trong danh sách những biện pháp cấm vận dành cho bất cứ nước nào phá vỡ các hiệp ước, mà hiệu quả nhất là tước bỏ quyền phủ quyết. Ở Deauville, Sarkozy đồng ý với bà, nhưng ngay sau đó, hội nghị thượng đỉnh các nguyên thủ quốc gia đã từ chối thông qua yêu cầu này. Việc thu hồi những quyền dân chủ có lẽ là một bước quá xa.

Điều này, cùng với điều thường được xem như sự thiếu tự tin nơi nữ thủ tướng, đã đem lại cho bà một thanh danh tai quái. Merkel Thatcher của châu Âu, Merkel tân Bismarck, Merkel người giữ kỷ luật của châu Âu.

Trong danh sách của tạp chí *Forbes* về những người quyền lực nhất thế giới năm đó của *Forbes*, bà trượt xuống hạng tư, và còn phải chia sẻ vị trí này với Giáo hoàng. Trong danh sách những phụ nữ quyền lực nhất thế giới, bà bị Michelle Obama đánh bật. Vào thời điểm rốt cuộc các bộ trưởng tài chính cũng đồng ý cải tổ hiệp ước bình ổn và sự thành lập ESM (European Stability Mechanism - Cơ chế bình ổn châu Âu) trở nên có hiệu lực, Merkel có thể xem bà là chính trị gia được thấu hiểu ít nhất và bị ghét nhiều nhất thế giới. Song những điều tệ hơn còn chưa đến.

Giai đoạn tiếp theo của cuộc khủng hoảng là vào mùa hè năm 2011, khi không còn nhiều thời gian để dạo chơi trên bãi biển. Hy Lạp lại một lần nữa gặp nguy cơ bờ vực mất khả năng thanh toán nợ, các đòi hỏi trút xuống Merkel từ mọi hướng. Đức và Pháp tổ chức một hội nghị đặc biệt ở Brussels vào ngày 21 tháng 7. Đầu tiên các cố vấn gặp ở Paris, rồi Tổng thống Sarkozy bay đến Berlin buổi chiều trước ngày hội nghị. Vào phút chót, lãnh đạo của Ngân hàng Trung ương châu Âu cũng được yêu cầu đến dự. Một máy bay chính phủ chở Jean-Claude Trichet từ Frankfurt, và suốt đêm đó người ta tranh cãi gay gắt trong văn phòng của nữ thủ tướng - với tâm điểm trên tất cả quanh câu hỏi liệu những chủ nợ tư nhân có nên được yêu cầu đóng góp vào gói cứu trợ hay không. Sarkozy có rất nhiều băn khoăn.

Một lần nữa quyết định trên đòi hỏi gói cứu trợ hồi tháng 4 năm 2010 phải mở rộng thêm 109 tỉ euro nữa. Giới chủ nợ tư nhân được yêu cầu, hay đúng hơn là bị buộc phải hoán đổi trái phiếu nhà nước (mà họ đang sở hữu) lấy những vật đảm bảo có giá trị kém hơn. Giây phút kịch tính này, vốn là lần đầu tiên giới chủ nợ tư nhân tham gia vào cuộc giải cứu Hy Lạp, có giá của nó: sự hồ nghi tăng dần rồi bỗng vượt quá tầm kiểm soát. Vào tháng 7, lãi suất đối với các khoản cho vay của chính phủ Tây Ban Nha và Ý tăng

vọt, còn đến tháng 8, Ngân hàng Trung ương châu Âu bị buộc phải mua lại những khoản cho vay từ hai nước này nhằm làm bình ổn lại thị trường. Đây không còn là vấn đề của từng nước đơn lẻ nữa: một cuộc thảo luận đã diễn ra về tính thống nhất của khu vực đồng euro, cùng cơ sở hợp lý đằng sau đồng tiền chung này. Thông điệp của giới chuyên gia là rất rõ ràng: đồng euro không thể tiếp tục mãi như thế được. Một đồng tiền chung cần một chính sách kinh tế chung. Cuộc khủng hoảng nợ đã trở thành cuộc khủng hoảng của bản thân hệ thống châu Âu.

Ba tháng sau lại có một cuộc khủng hoảng mới. Một lần nữa lại là Hy Lạp, mối nguy hiểm của một cơn sụp đổ nữa, những cuộc thương thảo không dứt về điều kiện cải cách và việc mở rộng hạn mức tín dụng. Giữa tất cả những chỉ trích đó, Merkel vẫn kiên định với nguyên tắc cơ bản của bà: tiền chỉ đổi lấy kết quả. Song càng lúc mọi chuyện ngày càng rõ ràng không phải toàn bộ tiền ở Hy Lạp đã đủ để giữ cho ngọn núi nợ của quốc gia này khỏi sụp xuống. Nên, sau ba vòng thảo luận về tiết kiệm và cải cách, Merkel cũng đồng ý cho phép nợ của Hy Lạp được giảm từ 160 xuống còn 120 phần trăm tổng sản phẩm quốc nội của họ - một màn trình diễn sức mạnh cần đến hai vòng hội nghị tại Brussels, cách nhau vài ngày, vì Quốc hội Đức cần được tham vấn. Giữa tất cả những hỗn loạn này, Tổng thống Sarkozy đã lỡ dịp chào đời của cô con gái vì ông mãi bận tham dự cuộc họp tại Nhà hát opera Frankfurt.

Merkel bị quấy nhiễu bởi những vấn đề rất khác nhau. Bà không còn tiếp tục trông cậy vào sự ủng hộ của Quốc hội Đức nữa. Ngoài ra, và khó chịu một cách hiển nhiên, Tòa án hiến pháp Đức đã buộc gói cứu trợ cho Hy Lạp phụ thuộc vào những điều kiện ngặt nghèo. Merkel bị cô lập. Trước đám đông ngày một tăng, bà dường như là rào cản duy nhất trước giải pháp dành cho vấn đề nợ của Hy Lạp, bởi bà từ chối thừa nhận rằng việc cứu trợ

dựa trên cắt giảm đang bóp nghẹt quốc gia này. Vấn đề nằm ở chỗ không ai có giải pháp nào tốt hơn, không ai có thể phản bác lý lẽ của bà bằng một kế hoạch đáng tin cậy. Ai cũng thừa nhận việc bơm tất cả số tiền đó thì có thể sẽ giúp kéo dài thời gian, song nó sẽ không giải quyết được những vấn đề cơ bản về cải cách và sức cạnh tranh của Hy Lạp.

Phản ứng của người Đức trước cơn thảm họa khá là tự-mâu thuẫn: hai phần ba dân số Đức nghĩ những điều kiện quá khắc nghiệt và cảm thấy tội nghiệp người Hy Lạp. Song cùng lúc đó, phần đông người dân có thể đã rất vui nếu được thấy Athens bị tống khỏi EU ngay lập tức. Merkel gánh vác sức nặng cơn giận của người Đức: tỷ lệ đồng thuận với chính sách giải cứu của bà, thống kê bởi hãng nghiên cứu Wahlen, chưa bao giờ tệ như mùa thu năm 2011. Merkel đáp trả bằng một cơn bùng nổ đầy cảm xúc: “Nếu đồng euro thất bại, cả châu Âu sẽ thất bại theo,” bà nói trong một tuyên bố trước Quốc hội Đức vào ngày 26 tháng 10 năm đó. Với những ngôn từ này, bà lập tức chiếm được sự chú ý của người dân Đức, những người vốn đang không cảm nhận được nỗi đau, và cảnh báo họ trước thực tế rằng đây là bài kiểm tra khắc nghiệt nhất mà Liên minh châu Âu từng đối mặt kể từ khi thành lập. Một cuộc tranh luận gay gắt đã nổ ra: liệu châu Âu có thể thất bại không, liệu nữ thủ tướng có đang thổi phồng tình hình? Châu Âu có thể hoạt động tốt mà thiếu đồng euro không? Giữa tất cả những sự huyên náo ấy, không ai nhớ rằng Merkel đã từng có mặt ở đây trước kia rồi, cụ thể là một năm rưỡi trước đó, khi tiến hành bỏ phiếu thông qua gói cứu trợ đầu tiên cho Hy Lạp vào tháng 5 năm 2010.

Ở thời điểm này, Merkel cảm thấy vô cùng thất vọng với châu Âu “của bà” - một tâm trạng kéo dài đến tận năm 2012. Bà không ngờ sẽ phải đối mặt với nhiều oán hận đến thế dành cho cách làm lý trí của bà đối với cuộc khủng hoảng. Nó làm lòng bà sôi sục khi cứ phải giải thích cho những

nguyên thủ quốc gia khác rằng tại sao công trái châu Âu sẽ không chấm dứt được cơn khủng hoảng, mà rất có thể còn làm nó trở nên tồi tệ hơn - bởi vì công trái châu Âu không giúp mọi nước có sức cạnh tranh ngang nhau, có nghĩa cuộc sống của người dân Nam Âu sẽ được hỗ trợ bằng tiền đến từ công sức lao động của người Đức và toàn bộ các nước Bắc Âu. Không xã hội nào chấp nhận điều này. Merkel luôn mang theo các đồ thị bên mình để tăng cường lý lẽ của bà. Bà vẽ những đường cong có màu sáng để minh họa chi phí nhân công hoặc nợ của từng nước châu Âu đơn lẻ. Từ những đường cong này có thể thấy rõ đồng euro đã ổn định ra sao trong vòng 10 năm qua, mặc dù các quốc gia trong khu vực đồng tiền chung euro khác biệt lớn về mức độ nợ và sức mạnh kinh tế.

Merkel thường nhìn cuộc khủng hoảng qua con mắt của người Đông Đức. Bà đã trực tiếp chứng kiến sự sụp đổ của một hệ thống và muốn tránh cho châu Âu một trải nghiệm như vậy. Bà ngày càng tìm thêm được đồng minh là lãnh đạo chính phủ các nước Trung Âu và các nước vùng Baltic, vốn biết rõ rơi xuống vực thẳm là như thế nào và ngày càng khó chịu trước những người Nam Âu - chẳng hạn theo quan điểm của Giáo hoàng - than phiền về một điều kiện sống vốn đã cao. Đến năm 2011, châu Âu đã trở thành một nhóm các nước đấu tranh vì quyền lợi quốc gia, trong khi chỉ có người theo chủ nghĩa lý tưởng mới bận tâm về sự vận hành của cộng đồng.

Merkel đặc biệt cảm thấy bị cô lập tại hội nghị G20 ở Cannes vào đầu tháng 11. Hội nghị EU vào tháng 10 trước đó đã đồng ý cắt giảm nợ cho Hy Lạp, Quỹ bình ổn tài chính châu Âu EFSF đã được tăng lần nữa và các nguyên thủ quốc gia đang thảo luận về một thỏa thuận tài khóa mà họ muốn được thông qua muộn nhất là vào tháng 12 - một tín hiệu chính trị quan trọng, bởi vì một bộ thẳng hợp pháp về vấn đề nợ rồi sẽ trở thành một phần trong hiến pháp của tất cả quốc gia thuộc khu vực đồng euro. Merkel gạt bỏ

một yêu cầu do tổng thống Pháp đưa ra, vốn muốn cho kế hoạch giải cứu một giấy phép ngân hàng - một nỗ lực tránh bị kiểm soát bởi chính phủ các nước. Nhưng rồi thủ tướng Hy Lạp làm tất cả mọi người (bao gồm chính những đồng nghiệp của ông) ngạc nhiên khi từ chối việc xóa nợ gắn liền với những động thái kinh tế nghiêm khắc hơn. Ông tuyên bố người dân Hy Lạp phải được quyết định. Kết quả rõ như ban ngày: từ chối.

Merkel nổi giận, và Tổng thống Pháp Sarkozy cũng thế. Papandreou sắp hủy hoại tất cả nỗ lực của họ và vứt bỏ đồng tiền chung. Chính vào lúc này, nhóm 20 nước công nghiệp và mới công nghiệp hóa gặp gỡ nhau, và Merkel bị sốc khi thấy một kế hoạch huy động còn nhiều tiền hơn thế để giúp những nước đang gặp khủng hoảng đã và đang được thảo luận: Quỹ Tiền tệ Quốc tế làm điều này bằng cách thế chấp những khoản dự trữ vàng của nhiều ngân hàng quốc gia. Nước Đức sửng sốt trong kinh ngạc: dự trữ vàng là bất khả xâm phạm, trên thực tế lại gần chúng thôi cũng đã là bất hợp pháp. Merkel bị phớt lờ trước chỉ trích đến từ mọi phía, song dù muốn nhượng bộ đến cỡ nào, bà vẫn phải giữ vững lập trường. Không thể có bất cứ sự trưng thu ngoại lệ nào lên Bundesbank (Ngân hàng Trung ương Đức). Nguyên thủ những nước còn lại nổi đóa, các bản tuyên bố được soạn nháp, cân nhắc rồi bác bỏ. Cuối cùng, Tổng thống Obama đã thấu tình đạt lý và kêu gọi ngừng công kích. Trên chuyến bay từ Cannes trở về, Merkel bình thản nói với các phóng viên rằng dầu vậy, có nhiều việc đã được làm để bảo vệ lập trường của một người trong cuộc khủng hoảng.

Tuy nhiên, mùa thu của sự bất mãn này vẫn tạo ra hai chiến thắng: đầu tiên, Sarkozy công khai ủng hộ kế hoạch giải cứu của người Đức. Mỗi quan hệ Đức-Pháp diễn ra tốt đến mức những thành viên còn lại của EU phải đồng thuận. Chiến thắng thứ hai là hội nghị tháng 12 đã đem lại quyết định thông qua sự phát triển “sản phẩm” mới nhất từ “Ngôi nhà của Merkel”. Đó

chính là bản thỏa thuận tài khóa - một cam kết toàn diện để giữ ngân sách các nước luôn ở mức kiểm soát được.

Merkel còn có thể tận hưởng hai thành công thầm lặng khác. Ở Ý, Silvio Berlusconi từ chức: áp lực trở nên quá lớn, và vị thủ tướng không còn có thể thuyết phục chính phủ liên hiệp của ông chấp nhận bất cứ cải cách nào khác. Merkel có thể đã rất hoan hỉ, vì Berlusconi thuộc về nhóm chính trị gia vị kỷ mà bà luôn tránh. Ông đã luôn giả điếc trước những lý lẽ đả đàng sau kế hoạch giải cứu của bà: những tờ báo của ông cho đả đàng hết đợt công kích này đến đợt công kích khác về “Triều đại thứ ba của Merkel”,* và xuất hiện những cuộc nghe lén điện thoại cho thấy ông dùng những lời lẽ khinh miệt quá sức khiếm nhã dành cho nữ thủ tướng Đức. Với sự đồng thuận của mọi đảng phái chính trị, nhà kỹ trị Mario Monti lên thay thế, và trong vòng bốn tuần đã thay đổi được thái độ của thị trường theo hướng có lợi cho đất nước ông. Trong lúc đó, Tây Ban Nha tổ chức bầu cử và loại bỏ chính phủ của Zapatero, vốn không có thiện chí tiến hành cải cách. Thủ tướng mới (của Tây Ban Nha) là một người theo hướng bảo thủ, Mariano Rajoy, người mà ban đầu Merkel đã đặt nhiều kỳ vọng. Trên tất cả, bảy nước châu Âu đã quy hàng cuộc khủng hoảng - gần một nửa quốc gia thuộc khu vực đồng tiền chung euro đã phải thay lãnh đạo.

Nhưng Merkel đã phạm hai sai lầm lớn, mà hệ quả của chúng sẽ được cảm nhận trong vòng sáu tháng tiếp theo. Cùng với Sarkozy, bà ngăn người dân Hy Lạp bỏ phiếu chống lại gói cứu trợ bằng cách đe dọa gián tiếp vị thủ tướng tuyệt vọng Papandreou rằng Hy Lạp sẽ bị tống ra khỏi khu vực đồng tiền chung euro. Merkel chưa bao giờ thể hiện bản thân rõ đến thế về vấn đề Hy Lạp, và bà cũng không bao giờ làm thế lần nữa. Kết quả là Merkel hứng chịu một vấn đề nội địa khổng lồ dưới hình hài của Hy Lạp. Trong vòng sáu

tháng, việc làm tại Athens chẳng lại, với những chính phủ quá độ cùng hai cuộc bầu cử.

Sai lầm thứ hai nghiêm trọng hơn, vì nó khiến con virus khủng hoảng lan khắp toàn bộ khu vực đồng tiền chung châu Âu mau hơn trước: Merkel đảm bảo với cộng đồng rằng giới chủ nợ tư nhân sẽ phải đóng vai trò của họ trong việc xóa nợ cho Hy Lạp. Thông điệp đối với giới đầu tư thì rất hiển nhiên: hãy tin tưởng đưa tiền của bạn cho chúng tôi và bạn có thể không lấy lại được. Thị trường tài chính rõ ràng là hiểu và thường ghi nhận các rủi ro. Tuy vậy, đến bây giờ hầu như vẫn chưa có rủi ro nào liên quan đến việc cho các chính phủ vay tiền. Trái phiếu chính phủ phải được đảm bảo bên trong khu vực đồng tiền chung châu Âu hơn bất kỳ nơi nào khác. Nên quyết định liên quan đến giới chủ nợ tư nhân có tác dụng lập tức lên hành vi của giới đầu tư. Bỗng nhiên, không ai muốn mua trái phiếu của chính phủ Ý và Tây Ban Nha cả.

Cuối cùng, một mẫu tin tức dư thừa gây ra quan ngại: Anh và Cộng hòa Czech không muốn trở thành một phần của thỏa thuận tài khóa. Thủ tướng Anh David Cameron bị những đòi hỏi của ông cuốn đi. Những thành viên đảng Bảo thủ trong Hạ viện Anh không bằng lòng thông qua bất cứ hiệp ước châu Âu mới nào. Sự cự tuyệt này có hai hệ quả: thỏa thuận tài khóa không được bao gồm trong những hiệp ước châu Âu hiện hành - điều này chỉ có được khi mọi nước thành viên EU cùng đồng ý. Nên bản thỏa thuận phải được đàm phán riêng rẽ, và phải được ký kết trực tiếp giữa các nước có liên quan. Khi liên quan đến luật pháp quốc tế, đây không còn là chuyện vặt; lý lẽ căn bản đằng sau những hiệp ước châu Âu đang bị bóp méo - và nhiều người còn không nhận ra. Trong văn phòng của nữ thủ tướng đương nhiên có kẻ đã hoan hỉ trước vận rủi của người khác. Bản thân Merkel thích

việc Brussels không có thêm bất cứ quyền giám sát mới nào, vốn cũng đồng nghĩa là có thêm nhiều quyền lực.

Merkel có thể trở nên tàn nhẫn khi thi hành chiến lược từng-bước-một của bà. Và bước tiếp theo sẽ là hội nghị vào ngày 31 tháng 1 năm 2012, thời điểm thỏa thuận tài khóa nhận được sự ban phước cuối cùng từ các nguyên thủ quốc gia. Ba tuần sau, gói cứu trợ thứ hai đã lên kế hoạch từ lâu cho Hy Lạp được quyết định, với mức tối đa 130 tỉ euro, và gắn liền với mức xóa nợ của Hy Lạp.

Vậy thế đã xong chưa? Hy Lạp cuối cùng đã có đủ tiền và có chỗ thở để hồi sinh chính mình chưa? Đã có nhiều hy vọng lớn lao, một điều thường thấy sau những nỗ lực vĩ đại như thế. Song giai đoạn thứ hai của cuộc khủng hoảng thì chưa kết thúc. Thất bại của cuộc bầu cử Hy Lạp đã tạo ra những vấn đề liên tiếp: quốc gia này không thể thành lập một chính phủ ổn định nên có rất ít cơ hội bình ổn. Và giờ đây khi vị thần hồ nghi đã thoát ra khỏi cây đèn, mọi thứ trở nên nghiêm trọng hơn rất nhiều: vẫn tồn tại rất nhiều nỗi lo, đặc biệt ở Tây Ban Nha. Các chính quyền tại Roma và Madrid đang nỗ lực để tiến hành cải cách, song những nỗ lực này lại không được thị trường công nhận. Tại Tây Ban Nha, người ta cần làm gì đó với những ngân hàng có các khoản vay khó thu hồi trị giá hơn 60 tỉ euro trên sổ sách, còn ở Ý, lòng can đảm của một Monti cương nghị đã phản bội ông khi chạm đến vấn đề cải cách thị trường lao động.

Đến lúc này, bản thân Merkel đã trở thành vấn đề. Những quốc gia chịu ít thiệt hại nhất từ cuộc khủng hoảng coi bà như nguồn cơn gây đau khổ cho họ. Hình ảnh của bà bắt đầu xuất hiện trên cờ hình chữ thập ngoặc (swastika), bà bị mô tả giống như phù thủy, một người đàn bà bá quyền hoặc một mụ dì ghẻ độc ác; thậm chí người ta còn nhắc về Đế chế thứ ba và đôi khi là cả Đế chế thứ tư,* và bà bị buộc tội âm mưu thống trị toàn châu

Âu. Merkel đã trở thành chủ đề của những học thuyết âm mưu kinh hoàng nhất, trong khi bất kỳ sự liên đới nào của những quốc gia mắc nợ cũng đều bị làm ngơ. Định kiến dân tộc của châu Âu bỗng tái xuất hiện, chứng minh cho tính đúng đắn của câu nói “phải mất nhiều thập kỷ để hàn gắn thâm thù, song chỉ mất vài tuần để khơi dậy nó.”

Khi Merkel đến Rome vào mùa hè năm 2012 để dự những cuộc đàm thoại cấp chính phủ, việc này được dự định là một cử chỉ thiện chí và ủng hộ đối với Mario Monti. Song người dân Ý có quan điểm hoàn toàn khác về vị khách hùng mạnh của họ. Một phóng viên nữ gọi bà là Nữ hoàng châu Âu. Merkel phớt lờ cách xưng hô này. Sau đó cùng năm, khi bà chuẩn bị những chuyến thăm đến Tây Ban Nha, Hy Lạp và Bồ Đào Nha - vốn đều bị khủng hoảng tấn công, khu trung tâm của Athens đã phải được phong tỏa bằng một binh đoàn cảnh sát, như thể tổng thống Hoa Kỳ sắp đến. Một cổ vấn từng tháp tùng bà đến nhiều cuộc gặp của Hội đồng châu Âu từng bình luận bằng giọng nhần nhục: “Họ không hiểu gì về toàn cầu hóa.”

Có lẽ hình ảnh mạnh mẽ nhất của cuộc khủng hoảng vào cuối giai đoạn thứ hai chính là bản thân Merkel, vào khoảng 5 giờ sáng ngày 29 tháng 6. Thêm một hội nghị thượng đỉnh tại Brussels, thêm hai ngày nữa tại thủ đô nước Bỉ. Merkel không thích ngủ trong khách sạn: bà thích ở trong căn nhà tại Berlin hơn và luôn xếp lịch sao cho bà chỉ phải đi vắng càng ít buổi tối càng tốt. Những cuộc họp tối bên ngoài Berlin thường kết thúc sớm để nữ thủ tướng có thể bay về sân bay Tegel lúc đêm muộn. Nhưng khi cuộc gặp là một hội nghị, việc đó gần như bất khả thi: mọi hội nghị đều dành cho cú đêm, và việc các cuộc thương thảo phải kéo dài cả đêm là một phần của nghi lễ.

Hội nghị ngày 28 tháng 6 là một dịp như vậy. Lần này là hội nghị về các khoản nợ ngân hàng của Tây Ban Nha, và người Ý thì lo sợ rằng đến một

lúc nào đó, họ cũng phải yêu cầu trợ vốn từ gói cứu trợ, mặc dù họ không muốn bị lệ thuộc vào chế độ cải cách khắc nghiệt. Hóa ra, thủ tướng Ý làm gần hết công việc phát ngôn, cho biết ông sẽ phá vỡ “khối kim loại” - ý nói những quy định ngặt nghèo do Đức đưa ra nhằm đưa tiền từ quỹ cứu trợ cho những nước như Ireland, Bồ Đào Nha và Hy Lạp. Monti đe dọa hoãn hội nghị nếu ông không đạt được một thỏa thuận để tiếp cận gói cứu trợ dễ dàng hơn. Kế hoạch của ông là Ý sẽ từ chối ký kết hiệp ước tăng trưởng, vốn là thỏa thuận dùng để hỗ trợ những quốc gia cần trợ giúp và mang tính chất quan trọng dài hạn, song vào thời điểm này chỉ mang tính biểu tượng. Khi đó hội nghị có thể đã diễn ra mà không đạt được kết quả nào và tạo ra rắc rối cho Merkel, vì bà sẽ phải rời hội nghị trong ngày hôm sau để quay về một Quốc hội Đức đầy lo lắng. Đầu tiên, các nghị sĩ đang chờ để đi nghỉ hè, và thứ hai là sắp sửa có một cuộc bỏ phiếu về những điều luật trọng yếu liên quan đến kế hoạch giải cứu cố định: Cơ chế bình ổn châu Âu, cùng với thỏa thuận tài khóa - phần đóng góp của riêng Merkel trong cuộc chiến chống lại thảm họa. Đảng SPD về cơ bản thì ủng hộ bà, song họ muốn có hiệp ước tăng trưởng mà Monti đang đe dọa tẩy chay. Nếu không có hiệp ước này, thành viên đảng Dân chủ xã hội sẽ từ chối bỏ phiếu thuận cho những điều luật còn lại. Nên Monti đang lợi dụng cái bẫy mà Merkel đã giăng vào trong chính lịch trình của bà.

Những cuộc thương thảo kéo dài đến 4 giờ 20 sáng, bản thông cáo chính thức chỉ dài hai trang, và vào lúc năm giờ sáng Monti đưa ra phiên bản thông cáo sự kiện của riêng ông. Merkel đã quay về khách sạn để tranh thủ chợp mắt vài tiếng. Vào lúc đó, Monti đối mặt với các máy quay và lộ rõ vẻ hài lòng, đầu tiên là đối với chiến thắng của Ý trước Đức ở Cúp bóng đá thế giới vào buổi chiều ngày hôm trước, và thứ hai là việc ông đánh bại

Merkel. Đức đã nhượng bộ, ông nói: các ngân hàng bây giờ sẽ nhận cứu trợ trực tiếp, còn Ý sẽ tiếp cận dễ dàng hơn với quỹ cứu trợ.

Việc này tạo ra một tin giật gân: Nữ thủ tướng Thép đã bị đánh bại, và các hãng thông tấn thì gửi đi mẫu tin nóng hổi đó. Dĩ nhiên, phiên bản thông cáo của Monti không hoàn toàn trùng khớp với bản chính thức, trong đó vài thứ khác đã được thỏa thuận: đầu tiên, một văn kiện thống nhất để giám sát ngân hàng sẽ được xây dựng, nên một tấm ngân phiếu có thể được thi hành dựa trên những định chế tài chính sử dụng các chỉ dẫn thông thường. Chỉ khi đó các ngân hàng mới có thể nhận tiền từ quỹ cứu trợ - dưới những điều kiện khắt khe thông thường. Nói theo ngôn ngữ bình dân, tất cả cần có thời gian, vì một cơ quan giám sát tầm cỡ này không thể mọc lên sau một đêm. Phiên bản Đức còn đi xa hơn: ngay cả khi đã có một cơ quan giám sát như thế, các ngân hàng Tây Ban Nha cũng không thể trút bỏ rắc rối của họ một cách dễ dàng, vì thỏa thuận không áp dụng cho những trường hợp cũ, mà chỉ cho những vấn đề tương lai, còn nghĩa vụ trả nợ thì không áp dụng hồi tố. Với việc người Ý đang mong được nhanh chóng lấy tiền từ quỹ cứu trợ, bản thông cáo cũng mơ hồ không kém, khi chỉ nói rằng - như trước kia - tiền cứu trợ đi kèm điều kiện nhất định, và người ta đã phải thảo luận một bản ghi nhớ để thiết lập các chi tiết.

Khi Merkel rời khách sạn vào lúc 9 giờ, một phóng viên ảnh của Reuters đã chờ sẵn. Ngày hôm sau, bức ảnh của ông trở thành biểu tượng cho thất bại rõ ràng của nữ thủ tướng. Merkel đang ngoái nhìn ra cửa kính phía sau của chiếc xe hơi - một người kiệt sức, kiệt quệ và đầy lo lắng với đôi mắt thâm quầng sau một đêm dài. Người ta đã nhìn thấy một nữ thủ tướng bị đánh bại, như Monti đã nói. Chỉ khi thức dậy, Merkel mới hiểu được quy mô của thảm họa truyền thông này. Bất cứ sự trì hoãn nào cũng có thể biến nó thành một thảm họa chính trị. Tại quê nhà, Quốc hội Đức

đang ngóng chờ. Đa số bầu cho ESM và thỏa thuận tài khóa giờ đang gặp nguy hiểm. Merkel nổi giận. Monti đã phá vỡ các quy tắc và xuất hiện trước máy quay, bất chấp thỏa thuận rằng không một vị nguyên thủ quốc gia nào diễn giải sự kiện theo cách riêng của họ. Trên chuyến bay về Berlin, bầu không khí rất căng thẳng, trong khi đó những báo cáo kỳ quặc từ quốc hội đang tới tấp bay về văn phòng thủ tướng. Các nghị sĩ đang đào bới Internet để tìm hiểu cách thức kết quả hội nghị được diễn giải. *Der Spiegel* đã viết về “đêm mà Merkel thất bại”.

Merkel hết sức khó khăn trong việc giải thích trước Quốc hội Đức diễn giải của riêng bà về hội nghị. Bà nói chuyện với từng nghị viện, đọc một bài diễn văn gây xúc động, nhưng cuối cùng bà vẫn thiếu 26 phiếu từ chính liên minh cầm quyền của bà. Chính phủ không thể tự đạt được đa số phiếu, và những điều luật chỉ được thông qua nhờ những lá phiếu từ SPD và đảng Xanh. Tuy nhiên, vài ngày sau, đích thân Monti cũng không còn trung thành với phiên bản của ông nữa. Trong một cuộc phỏng vấn, ông đã giảm nhẹ những điều đã nói, sự phản ứng rõ ràng đã làm ông hoảng sợ. Một xung đột với quốc hội Đức - vốn chưa tung ra quỹ cứu trợ - cũng không tốt lành gì cho ông. Tuy nhiên, thủ tướng Ý đã làm bùng nổ mọi chuyện. Hệ tâm lý của cuộc khủng hoảng đã thay đổi; việc cho rằng Merkel thất bại đã làm dịu thị trường. Người ta cho rằng quỹ cứu trợ sẽ không được canh phòng quá kỹ, và cảm thấy được trấn an. Trong cuộc chiến tranh giành sự chú ý và ý kiến, các dữ kiện đều không quan trọng, ít nhất vào lúc ban đầu. Nhận thức mới là điều quan trọng. Trong cuộc đấu gươm chính trị, mũi kiếm của Monti đã giáng một đòn vào Merkel, chuyên gia về dữ kiện.

Một tháng sau, Mario Draghi, giám đốc Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), có bước đi tiếp theo trong cuộc chơi nhận thức và diễn giải này. Ngày 2 tháng 6, tại Hội thảo đầu tư quốc tế ở London, ông cam đoan với

cộng đồng tài chính nhóm họp tại đó rằng “ECB sẽ làm tất cả để hỗ trợ đồng euro.” Rồi ông bổ sung: “Hãy tin tôi, ECB là đủ.” Một cảm giác yên lòng lan tỏa khắp hàng ngũ những chuyên gia tài chính. “Sẽ làm tất cả” - liệu đây có phải vũ khí màu nhiệm được trông đợi, vốn chỉ đơn giản cần phải đủ lớn nhằm đe dọa bất cứ kẻ nghi ngờ nào? Không hẳn, vì vũ khí này có một chốt an toàn. Vào ngày 6 tháng 9, đi ngược lại mong muốn của Ngân hàng Trung ương Đức (Bundesbank), Hội đồng điều hành của ECB nhất trí thông qua chương trình thu mua trái phiếu chính phủ của những nước gặp khủng hoảng - nhưng với một điều kiện: các nước phải chấp nhận thi hành kế hoạch cắt giảm đã được trình bày.

Cuộc khủng hoảng đã kết thúc? Mọi chuyện đã ổn? Christine Lagarde, giám đốc IMF, đã sai lầm trong tháng 5 năm đó khi cho tuổi thọ của đồng euro còn ba tháng. George Soros, nhà đầu tư dự đoán sự sụp đổ của đồng euro vào ngày 2 tháng 9 đã bị chứng minh là sai. Mức rủi ro cao của trái phiếu chính phủ bắt đầu suy giảm. Những ai giám sát Hy Lạp giờ đây đã có thể dành nhiều tháng để tranh cãi với Athens xung quanh vấn đề triển khai các giải pháp kinh tế. Mỗi nguy hiểm tức thì của việc nhà nước phá sản có vẻ đã được đẩy lùi. Và viễn cảnh của một liên hiệp ngân hàng châu Âu đã trấn an được thị trường và giúp Tây Ban Nha thoát khỏi rắc rối, ít nhất là vào lúc ấy. Tuy nhiên lời tuyên bố ban đầu của Merkel vẫn còn đó: không trái phiếu châu Âu và không gộp nợ, vì như thế không những đi ngược lại các hiệp ước, mà còn mâu thuẫn với tính hợp lý của nguyên nhân và hậu quả. Những ai muốn có một giải pháp cũng phải hy sinh, những ai muốn tăng trưởng cũng phải tạo ra điều kiện phù hợp cho điều này. Châu Âu mới của Merkel phải để những sai lầm của châu Âu lại phía sau một lần và mãi mãi. Nhưng để điều này xảy ra, cần phải có những cải cách hệ thống quyết liệt. Điều châu Âu cần là một dạng tái cơ cấu đặc biệt. Đây là một nhiệm vụ

chính trị, là nhiệm vụ chính trị Merkel quyết tâm nhận lãnh. Và thế là bắt đầu màn thứ ba trong vở kịch châu Âu.

Một kế hoạch cho châu Âu

Khi Merkel bắt đầu nhiệm kỳ thủ tướng thứ hai vào năm 2009, một bầu không khí tự tin ngự trị ở trái tim của chính phủ. Hiệp ước Lisbon đã đạt được, châu Âu có một khung cơ cấu mới cho thứ hiện giờ là cộng đồng gồm hai mươi bảy nước thành viên. Tại Brussels, người ta không che giấu trạng thái phấn phơ: một kỷ nguyên châu Âu đang mở ra, mang đến nhiều vận hội mới. Berlin tin rằng một giai đoạn lập pháp bao trùm như vừa qua sẽ khó mà lặp lại. Lối nghĩ này đã bị chứng minh là sai lầm. Những số liệu tài chính từ Hy Lạp được công bố, và ngay lập tức người ta thấy rõ chỉ mình Brussels thì không đủ sức giúp đỡ. Những thể chế của Liên minh châu Âu vừa không có quyền vừa không có tiền để can thiệp. Căn bệnh này đã lan đến những nước nằm ngoài cộng đồng EU và vì thế không thể bị kiểm soát bởi Brussels. Châu Âu đang chứng kiến sự tái sinh của những nhà nước tự chủ. Dù vẫn đang có nhiều cuộc thảo luận ở Đức về một Hợp chủng quốc châu Âu và một nước siêu cường châu Âu mới, cuộc khủng hoảng đang đi theo hướng ngược lại.

José Manuel Barroso, Chủ tịch ủy ban châu Âu, muốn lập một gói kích thích vào tháng 12 năm 2009 để chứng minh rằng ủy ban châu Âu đủ khả năng hành động. Song ông không có nhiều tiền để cho đi. Trên thực tế, trong vài năm tiếp theo, ông sẽ chứng kiến tầm ảnh hưởng của chính mình tụt dốc không phanh. Ông nợ Merkel vị trí của ông, song lại trở thành một nhân vật ngoài lề trong vở kịch khủng hoảng nợ, và nếu ông có đóng một vai trò quan trọng đi nữa, thì cũng chỉ mang tính tiêu cực.

Chẳng hạn, khi các nguyên thủ quốc gia quyết định gia tăng gói cứu trợ cho Hy Lạp vào mùa hè năm 2011, và thị trường tài chính trở nên bình ổn

một cách tương ứng, ngài chủ tịch tuyên bố tổng số tiền là chưa đủ. Thị trường ngay lập tức phản ứng. Tâm trạng tốt lập tức bị phá hủy. Merkel nổi giận. Một năm sau đó, chủ tịch bốn định chế lớn của châu Âu - ủy ban, Hội đồng, Euro Group và Ngân hàng Trung ương - được yêu cầu đề xuất một kế hoạch cải tổ toàn diện cho EU. Ai cũng biết đây là một nhiệm vụ tự sát, và bản kế hoạch này chỉ khiến họ kém được ủng hộ. Barroso hứa sẽ đưa ra kết quả vào mùa xuân năm 2014. Kế hoạch của ông hoàn toàn hiển nhiên: nhiệm kỳ của ông sắp kết thúc trong ba tháng nữa, và Barroso không muốn bị tổn hại về mặt chính trị. Ông là tù nhân bởi chính những tham vọng của mình, và chức vụ tổng thống tại quê nhà Bồ Đào Nha có thể đang vẫy gọi ông. Cũng khá lâu rồi vị Chủ tịch ủy ban châu Âu không cho Merkel một lý do để mỉm cười.

Là thành viên hùng mạnh nhất trong khối, Đức trở thành tâm điểm chú ý, còn nữ thủ tướng trở thành tay chơi chủ chốt. Những số liệu kinh tế và tỷ lệ thất nghiệp thấp của nước này khiến bà đứng tách biệt so với những nguyên thủ quốc gia khác và củng cố thêm cho vị thế của bà. Có người trong văn phòng thủ tướng khi đó đã nói: “Chúng tôi đã đến thời kỳ không còn phải đến Brussels nữa. Mà họ phải đến Berlin. Bạn có thể cảm nhận được điều đó. Mọi người đều đến với chúng tôi.”

Năm 2010, khi Merkel đến Bruges để nói chuyện nhân dịp nhận sinh viên vào Đại học châu Âu, bà mang theo một thông điệp không mấy dễ chịu dành cho Brussels: kỷ nguyên của siêu cường châu Âu đã kết thúc, đây là lúc dành cho từng quốc gia. Bà nhớ việc thành lập Hiệp ước Lisbon khó khăn ra sao. Như khi bà nhắc lại một cách có phần cay đắng: “Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ không bao giờ soạn thảo các hiệp ước một cách vội vã nữa. Lại mất mười năm nữa để thực hiện một điều chỉnh cho một hiệp

ước sao? Một châu Âu như thế sẽ bị xem là không có khả năng hành động, cả bởi những thị trường tài chính quốc tế lẫn phần còn lại của thế giới.”

Merkel thận trọng nhằm mục tiêu cho những công kích của bà, song thông điệp của bà rất rõ ràng. Bà hối tiếc việc ủy ban và Nghị viện châu Âu đã tự xem họ là hộ vệ của trật tự châu Âu, bà còn nhận biết một mức độ hợm hĩnh nhất định trong giới tinh hoa ở Brussels trong quan điểm của họ về những nhà nước tự chủ - một sự kiêu ngạo dựa trên “phương pháp cộng đồng”, một khái niệm được Brussels tha thiết giữ gìn như một ngọn lửa bất diệt. Khái niệm này nói rằng ủy ban châu Âu có quyền chủ động hành động trong mọi chính sách của cơ quan này - một chủ quyền ảo đối với những đối tượng được thảo luận. Điều này cũng ngụ ý rằng Hội đồng châu Âu, vốn là hội đồng nguyên thủ các nước, đại diện cho một dạng tổ chức đối địch - song những người bảo vệ thật sự của linh hồn châu Âu nằm ở Brussels.

Merkel thấy những quan điểm này rất đáng lo ngại, vốn là lý do tại sao bà viết trong niên giám sinh viên: “Những nước thành viên là những thành phần tạo nên Liên minh châu Âu, chứ không phải đối thủ.” Và với những ai chưa hiểu, bà có một thông điệp cuối cùng về những mối quan hệ quyền lực. Vấn đề quyền hành, bà nói, được đề cập rất rõ. “Hiệp ước Lisbon nói rằng những nước thành viên là ông chủ của những hiệp ước,” bà nhắc lại với khán giả, “và nơi nào không có quyền hành chung thì phương pháp cộng đồng không thể được áp dụng.” Nói cách khác: Brussels không mất gì trong việc giải cứu đồng euro. Không một nguyên thủ quốc gia nào có thể chỉ ra những giới hạn của ủy ban châu Âu một cách rõ ràng hơn thế. Bà cũng từng nói rất rõ trong thời gian đầu của cuộc khủng hoảng rằng bà không muốn bắt đầu quá trình nhàm chán và phức tạp của việc xây dựng

những hiệp ước, để cho ủy ban cùng phương pháp cộng đồng của họ có thể tham gia vào cuộc khủng hoảng tài khóa và kinh tế.

Vào tháng 11 năm 2010, sự chối bỏ rõ rệt dành cho Brussels này bị nhấn chìm bởi cuộc khủng hoảng. Song Merkel luôn làm đúng những gì bà nói, và muốn làm theo cách riêng của bà, dù có mất nhiều năm. Bài phát biểu tại Bruges của bà cũng giải thích vì sao bà phản ứng quá lạnh nhạt với hình ảnh tạo bởi Bộ trưởng Bộ Lao động và Xã hội, Ursula von der Leyen, người mà vào giữa lúc cuộc khủng hoảng xảy ra đã nhắc đến “Hợp chủng quốc châu Âu”. Merkel không ham muốn tham gia vào một cuộc tranh luận về sự chuyển giao nhiều quyền lực hơn nữa. Bà đang giữ con mắt cảnh giác về tâm trạng của nước Đức, và bản năng mách bảo bà rằng cần cẩn trọng đối với cảm xúc con người. Người ta sẽ không đón nhận thêm nhiều Brussels nữa.

80 triệu người Đức nhận nài một cách đáng ngạc nhiên đối với châu Âu. Đức đã thoát khỏi sự tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng, và trong suốt một thời gian dài, bất cứ loại chủ nghĩa dân túy chống-châu Âu nào cũng là điều cấm kỵ. Nhưng điều này vẫn có thể thay đổi chỉ trong nháy mắt. Merkel hiểu một cơn khủng hoảng có thể được cảm nhận ngay trên quê nhà đến mức nào, một sự sụp đổ của nền kinh tế có thể ảnh hưởng đến người nhận trợ cấp và người thất nghiệp nhanh chóng đến đâu. Đó sẽ là dấu chấm hết cho sự ủng hộ và tin cậy mà người Đức dành cho bà. Trong những cuộc họp nội bộ, bà luôn nói rằng nhiệm vụ chính của bà là tạo ra một bầu không khí tin tưởng lẫn nhau. Tư duy tích cực, tiếp cận trong hy vọng - là những gì mà người ta muốn nhìn thấy nơi bà, dù cho cuộc khủng hoảng có nguy cấp đến cỡ nào, dù cho nó có có thể gây ra bao nhiêu đêm mất ngủ hay sợ hãi. Khi Merkel bay về Berlin để tham dự cuộc tranh luận tại Quốc hội Đức vào buổi sáng sau hội nghị thượng đỉnh tháng 6, bà không biết liệu ngày hôm đó

có sẽ kết thúc trong thảm họa hay không. Dù chỉ là một dấu hiệu nhỏ, song vào ngày thứ sáu hôm đó, cố vấn chính trị châu Âu của bà, Nikolaus Meyer-Landrut, đang ngồi ở chỗ dành cho công chức phía sau hàng ghế chính phủ. Ông ít khi được trông thấy ngồi ở đó. Vào những lúc như vậy, ngay cả Merkel cũng muốn có người bà tin tưởng ngồi cạnh bên.

Dẫu vậy, nhìn chung bà có thể dựa vào Quốc hội Đức trong suốt cuộc khủng hoảng. Mọi đảng phái trong quốc hội, ngoại trừ đảng cánh tả Linkspartei, đều ủng hộ những kế hoạch giải cứu của bà. Merkel có thể rất vui mừng khi đã nắm chính quyền với sự giúp đỡ từ đảng SPD suốt bốn năm trời. Trong cuộc khủng hoảng tài chính đầu tiên, một cảm giác tín nhiệm đã được xây dựng giữa nhiều tay chơi khác nhau, vậy mà giờ đây - khi trở thành cuộc khủng hoảng đe dọa sự tồn tại của đồng tiền chung - nó lại trở thành một gánh nặng. Merkel hết sức xem trọng việc cập nhật thông tin về tình hình những cuộc thương thảo mới nhất cho các đảng phái đối lập. Và đảng SPD đã cho thấy một ý niệm về trách nhiệm quốc gia mà nếu thiếu nó, Merkel đã không bao giờ được an toàn trước Quốc hội Đức, ít nhất vào những ngày như 29 tháng 6 năm 2012.

Một lần nữa, Merkel bị buộc tội không thực hiện những bài diễn văn lớn, cũng như bị nhắc nhở rằng bà cần giải thích căn cơ về cách thức hoạt động của châu Âu, đặc biệt trên truyền hình, nhằm giúp nhân dân hiểu về tình hình căng thẳng đang diễn ra. Nữ thủ tướng không bận tâm nhiều đến ý kiến này. Năm 2006, Matthias Platzeck, khi đó là chủ tịch đảng SPD, cho bà xem một công trình nghiên cứu về cách người ta phản ứng trước quá nhiều thông tin. Một nhóm tập trung được hỏi ý kiến về những quyết định cải tổ quan trọng của liên minh cầm quyền, chẳng hạn như tăng thuế VAT, đóng góp thêm cho bảo hiểm y tế và nghỉ hưu vào năm 70 tuổi. Hầu hết kết quả đều phản đối. Cũng nhóm này được cung cấp một lượng lớn thông tin,

đi kèm dữ kiện và lý lẽ rồi được yêu cầu chọn lại. Kết quả còn kém tích cực hơn đối với chính quyền. Nhìn vào tính phức tạp của chương trình cải cách, người ta cảm thấy đảng nào cũng không được hưởng gì.

Merkel nghiền ngẫm công trình nghiên cứu này, và kể từ đó bà chỉ nói về lý do mình đang làm gì, và giữ im lặng về chi tiết cách bà làm việc đó. Dù sao đi nữa, những bài diễn văn lớn không phù hợp bản chất bà. Trước hết, bà biết mình không phải một nhà hùng biện giỏi. Phong cách điềm đạm, dựa trên thực luận của bà không kích thích được cảm xúc. Và thứ hai, quan điểm của văn phòng thủ tướng là một bài phát biểu như thế sẽ không nhất quán với phương pháp Merkel. Phương pháp Merkel là cuộc chiến thầm lặng gồm bà và những đồng nghiệp gần gũi và trung thành nhất của bà, vốn giải quyết vấn đề một cách có trình tự, chia vấn đề thành nhiều mảnh nhỏ rồi thực hiện giải pháp theo từng bước một. Nếu kết quả tốt, Merkel sẽ vui. Nếu một phần của nó thất bại, sẽ không ai nhận ra. Nếu Merkel chuẩn bị thông báo một thành công lớn, bà sẽ bị lời lẽ của mình phán xét. Và trong bất kỳ trường hợp nào, bà đều không tin vào sự khoa trương - kinh nghiệm đã dạy bà rằng ngôn từ đao to búa lớn ít khi dẫn đến hành vi tốt đẹp. Một bài diễn văn không phải là giải pháp. “Bạn sẽ không có được một Merkel mới, thương hiệu của bà sẽ không thay đổi vào thời điểm này,” một trong những cộng tác viên giúp làm công việc hậu trường của bà phát biểu.

Người ta thường thích thú trước thực tế rằng trong suốt sự nghiệp, Merkel đã vây quanh mình với những người đàn ông trẻ giàu tham vọng. Hình ảnh này không hoàn toàn thiếu chính xác. Là lãnh đạo đảng đối lập, bà được theo sau bởi một nhóm những nghị sĩ trẻ đam mê chính sách ngoại giao - nhiều người trong số họ trở thành bộ trưởng hoặc ngoại trưởng. Là thủ tướng, Merkel đã tập hợp một nhóm nam nhân khác biệt: những công

chức siêng năng, trẻ tuổi, trung thành và thông thái, không ai trong số họ có nhu cầu khoe mẽ, đều tránh công luận và, cũng như bản thân Merkel, tư duy khách quan. Những bản thiết kế các sách lược vĩ đại không phải phong cách của họ, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không phải cách Merkel làm việc. Cũng như nữ thủ tướng, họ thích làm theo từng bước nhỏ, sử dụng thảo luận nhóm để tìm kiếm sự nhất trí, thực hiện các thỏa hiệp. Và họ đều biết rõ tường tận đội nhóm của mình.

Phát ngôn viên chính phủ Ulrich Wilhelm có lẽ đóng vai trò quan trọng nhất trong nhóm này, vốn nổi tiếng nhờ tính đoàn kết. Trong bốn năm rưỡi đầu tiên của Merkel, Wilhelm là bộ mặt trước công luận của bà trước khi rời khỏi quỹ đạo của nữ thủ tướng để trở thành giám đốc đài phát thanh Bavaria. Tuy nhiên, ngoài vai trò trước công chúng, ông từng là một trong những cố vấn quan trọng nhất của bà về mọi vấn đề chính trị. Vì Wilhelm có đóng góp to lớn vào chính sách đối ngoại và hiếm khi rời phe Merkel, ảnh hưởng của ông là khổng lồ. Quan trọng không kém là chức năng của ông trong vai trò của một đối tác tranh biện, một trợ giáo hoàn hảo về lịch sử xã hội Tây Đức, cũng như lịch sử của một Tây Đức hậu chiến. Trên thực tế, đối với lịch sử nói chung, không ai trong văn phòng thủ tướng thấu hiểu bài học của quá khứ nhiều hơn ông. Wilhelm là một nhân vật thâm trầm mà mạnh mẽ, một người ham công tiếc việc giàu mưu lược, vốn học hỏi ngón nghề từ Edmund Stoiber. Việc so sánh ông với Robert Redford cũng không có hại gì - đối với giới phóng viên ở Berlin, ông là một người truyền đạt giỏi và giành được cảm tình về cho sếp mình.

Người kế nhiệm Wilhelm, Steffen Seibert, cũng dành nhiều thời gian với nữ thủ tướng như ông song lại mang vận mệnh của người con thứ. Merkel giờ đây đã độc lập hơn: bà làm việc với tốc độ nhanh hơn, vòng tròn cố vấn của bà đã trở nên bớt quan trọng hơn, tiếp cận bà giờ đây khó khăn

hơn, và việc người phát ngôn dành phần lớn thời gian với bà giờ đây cũng bị xem thường. Lòng thành của Merkel dành cho Seibert được thể hiện sau động thái táo bạo của Monti vào buổi sáng sớm tại hội nghị Brussels định mệnh. Seibert không bị quy trách nhiệm cho cú đổ bể truyền thông, mặc dù Berlin nổi giận và muốn có một con dê tế thần. Bài học duy nhất rút ra được từ sự kiện này là: luôn tổ chức một cuộc họp báo ngay lập tức, dù là vào lúc 5 giờ 20 phút sáng.

Vì nghĩa cử này mà Merkel củng cố tinh thần bàn tròn giữa những người làm việc thân cận với bà. Mọi trưởng bộ phận trong văn phòng thủ tướng đều có số điện thoại di động của bà - bản thân bà sẽ gọi hoặc gửi tin nhắn vào cuối tuần nếu có chuyện xảy ra. Merkel không tinh vi song rất đòi hỏi trong những yêu cầu của bà, và đôi khi bà sẽ yêu cầu các quản lý hoặc chuyên gia cấp cao hơn phát biểu điều họ nghĩ khi bà cần đến một ý kiến giàu thông tin. Bà không gửi email, việc đó sẽ tạo ra vấn đề về mặt an ninh. Nữ thủ tướng cũng không dùng máy vi tính - ngoại lệ duy nhất là chiếc iPad của bà, được bà dùng để theo dõi tin tức và kết quả của thị trường tài chính, và xem phim tài liệu tin tức. Bà không có nhật ký - bất cứ sự tái hiện nào của cuộc đời bà trong chính phủ đều có thể được lấy từ nhật ký vô cùng chi tiết về những cuộc gặp gỡ của bà, công cụ quan trọng nhất cho việc chèo lái con thuyền quốc gia.

Merkel đã không thể vượt qua những nhiệm vụ khó khăn nhất trong suốt nhiệm kỳ thủ tướng nếu thiếu vắng những công bộc của mình. Rốt cuộc, đây chỉ là một vòng tròn rất nhỏ, không nhiều hơn một nhóm người, vạch kế hoạch cho nhiệm kỳ thứ hai của bà và dẫn lối để bà làm thủ tướng. Như thế nếu bị bao vây, Merkel có thể tháo chạy cùng với những người này đến phần sâu thẳm nhất trong thành lũy của bà bằng cách không lắng nghe cố vấn bên ngoài mà tin tưởng hoàn toàn vào bản năng, sự nhạy bén của

bản thân và lời khuyên của những người bạn tâm giao trung thành. Văn phòng thủ tướng hoạt động giống khu nhà của các mục sư Kasner thời thơ ấu của bà: bất khả xâm nhập từ bên ngoài, song bên trong thì luôn đòi hỏi và đầy tham vọng.

Một nhân vật chủ chốt trong nhóm có chọn lọc này, ngoài thư ký riêng Beate Baumann, là người phụ nữ thứ hai trong “trại phụ nữ” của Merkel: Eva Christiansen. Sự ổn định và hiệu quả của bộ ba Christiansen, Baumann và Merkel là không cần bàn cãi: theo một nghĩa nào đó, bộ ba gắn kết đồng nhất với cách làm việc của nữ thủ tướng. Sinh năm 1970, Christiansen đã làm việc với Merkel từ năm 1998, đầu tiên là phát ngôn viên và bây giờ, theo nghĩa rộng hơn, là một người “thầm thì” thông tin đến giới truyền thông. Bà đã làm thế giới Berlin nhỏ bé ngạc nhiên khi bà nghỉ thai sản vào lúc bắt đầu nhiệm kỳ thủ tướng của Merkel nhưng quay lại vào năm 2007 và tiếp tục công việc như thế đó là điều tự nhiên nhất thế giới - vì trong văn phòng thủ tướng, ngay cả điều đó cũng có thể xảy ra. Và chưa hết: ngoài chức danh cố vấn truyền thông được tạo dành riêng cho bà, Christiansen giờ đây điều hành phòng kế hoạch chính trị, bao gồm cả những việc cơ bản như soạn diễn văn và, một cách không chính thức, trông nom hình ảnh của nữ thủ tướng. Christiansen là một trong những đồng nghiệp được tin cẩn nhất của Merkel, một phần của vòng tròn biết mọi thứ và nói rất ít. Nếu bà không có óc phán xét chính trị vững vàng, và trên tất cả là một bản năng không bao giờ sai lầm đối với tâm trạng của công chúng, vốn cho phép bà vận dụng một lượng vừa phải sự kiềm nén vào đúng thời điểm, bà sẽ không thể làm việc của mình. Song rất ít người biết điều đó, bởi vì Christiansen thuộc về trật tự im lặng của Merkel, như mọi thành viên thật sự quyền lực khác của trật tự này.

Trong giai đoạn đầu tiên của cuộc khủng hoảng đồng euro, và trước khi trở thành Giám đốc Ngân hàng Trung ương Đức (Bundesbank), cố vấn kinh tế Jens Weidmann là người của phân tích và ý tưởng. Nếu ông hay bất kỳ cố vấn châu Âu nào được triệu đến văn phòng thủ tướng trên tầng bảy, thì đó là vì thời điểm cấp bách nhất của cuộc khủng hoảng: ESM (Cơ chế bình ổn châu Âu) vào cuối mùa hè năm 2010, rồi đến hiệp ước khuyến khích cạnh tranh, và sau đó là hiệp ước tài khóa. Thứ trưởng tài chính Jörg Asmussen, cũng được triệu tập để cung cấp tư vấn kinh tế. Asmussen và Weidmann quen biết nhau từ khi học chung đại học, và cả hai đều theo học cựu giám đốc Ngân hàng Trung ương Đức, Axel Weber. Merkel thể hiện sự đánh giá cao đối với Asmussen khi bà mang ông đến dự tiệc chiêu đãi nhà nước tại Nhà Trắng như một vị khách của chính phủ Đức, vốn không hoàn toàn bắt buộc do Bộ trưởng Tài chính Wolfgang Schäuble cũng có mặt ở đó. Vào đầu năm 2012, Asmussen rời Berlin đến Ngân hàng Trung ương châu Âu, gia nhập ban điều hành. Cũng như Weidmann, ông vẫn cố vấn cho Merkel một cách thân tình.

Vòng tròn gần bà nhất trong suốt cuộc khủng hoảng còn bao gồm Christoph Heusgen từ phòng chính sách ngoại giao, và trưởng phòng châu Âu, Uwe Corsepius, người phụ trách mảng châu Âu cho đến mùa hè năm 2011 và người kế nhiệm của ông là Nikolaus Meyer-Landrut. Corsepius chịu trách nhiệm cho nhiệm kỳ chủ tịch Hội đồng châu Âu của Đức trong nhiệm kỳ thủ tướng đầu tiên của Merkel. Ông đóng một vai trò quan trọng trong những cuộc đàm phán Hiệp ước Lisbon và chịu trách nhiệm cho bản Tuyên ngôn Berlin, được công bố vào dịp kỷ niệm 50 năm EU. Vào mùa hè năm 2011, vị phó lâu năm của ông tiếp quản chức vụ của ông: Nikolaus Meyer-Landrut, một nhà ngoại giao chuyên nghiệp đến từ Bộ Ngoại giao Đức, người đã dành phần lớn thời gian sự nghiệp để lo liệu với EU cùng

những dự án hiệp ước của khối này, đặc biệt với tư cách một thành viên trong đoàn tùy tùng của Valéry Giscard d'Estaing. Meyer-Landrut không chỉ là anh họ của ca sĩ Lena, vốn mang đến cho ông một sự chú ý nhất định từ công chúng, mà trên tất cả ông còn là một chuyên gia về cơ cấu và hệ thống của EU, hiểu những hiệp ước và lỗ hổng của khối này rõ hơn bất cứ ai và - như mọi cố vấn của Merkel - hoàn toàn thân Pháp.

Nên có lẽ việc Meyer-Landrut tiếp quản chức trưởng ban châu Âu vào thời điểm cuộc khủng hoảng lên đến đỉnh điểm, khiến nữ thủ tướng nhận ra bà cần khẩn trương trở thành tài xế thay vì hành khách, là một sự trùng hợp may mắn. Cho đến mùa hè năm 2011, hầu hết những tay chơi chính đều bận tâm với việc đạt được một thỏa thuận về nguyên cơ cuộc khủng hoảng. Chỉ đến lúc này, những tiếng nói vốn khẳng định vấn đề thật sự nằm ở sự độc đoán của Đức đối với việc cắt giảm ngân sách mới chịu lắng xuống - đây cũng là những tiếng nói đã đề nghị thành lập trái phiếu châu Âu, hay một quỹ chung như một hình thức xóa nợ. Châu Âu có một vấn đề thâm hụt, một vấn đề cạnh tranh và một vấn đề cơ cấu - và, theo một số chuyên gia, một vấn đề quản trị. Đây là điều ai nấy đều đồng ý.

Vào thời điểm đó, Merkel yêu cầu các đồng nghiệp tìm cách sao cho cuộc khủng hoảng có thể được giải quyết từ tận gốc rễ. Bà muốn một câu trả lời mang tính chính trị, vì đây là một vấn đề chính trị. Nếu chính sách chỉ đơn giản là đuổi theo thị trường bằng cách sử dụng chính những biện pháp của thị trường, thì chính sách sẽ không bao giờ đuổi kịp thị trường. Tuy nhiên, có một giải pháp dường như đang đi đúng hướng: hiệp ước tài khóa, một bản hiệp ước củng cố những cải thiện trong kỷ luật ngân sách. Nhưng thế vẫn chưa đủ. Merkel muốn giải quyết nguồn cơn thật sự của sự lây bệnh. Những kết quả phân tích khác nhau củng cố ý kiến của bà rằng điều gì đó căn bản cần phải được thực hiện. Người ta cần điều gì đó mới

mẻ, bởi vì cuộc khủng hoảng to lớn nhất kể từ khi thành lập Liên minh châu Âu chỉ có thể được giải quyết bằng những cuộc cải tổ to lớn tương ứng.

Năm 2011, Meyer-Landrut sử dụng kỳ nghỉ hè của ông tại Pháp để tách ông ra khỏi bầu không khí điên loạn của cuộc khủng hoảng được đôi chút và viết vài ghi chép. Điều quan trọng nhất là phải đi vào bên trong vấn đề. Cuối cùng, ông thu gọn sự thâm hụt chính trị của châu Âu thành một biểu đồ đơn giản, vài vòng tròn và vài dòng kẻ trên một tờ giấy A4. Nó thể hiện một hệ thống trục tọa độ: một trục tung và một trục hoành. Phía tay trái của biểu đồ thể hiện từng nước thành viên độc lập, phía tay phải là Liên minh châu Âu. Mọi khu vực chính trị đang hoạt động ổn thỏa nằm trong không gian phía trên trục hoành. Dưới trục hoành là những khu vực bất ổn.

Biểu đồ không cho thấy có vấn đề nào trong khu vực phía trên bên phải, phía của Liên minh châu Âu. Luật pháp, thị trường chung, cạnh tranh và môi trường đều nằm phía trên trục hình chữ X và vì thế nằm trong khu vực màu xanh lá cây. Không thành phần cấu thành nào của EU được thể hiện trong tòa nhà Panopticon* của cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, bên trái của biểu đồ, trong phần nửa chứa những nước thành viên, viễn cảnh khá ảm đạm. Mọi nguồn cơn rắc rối đều ở đây, mọi vấn đề đã kích hoạt cuộc khủng hoảng tiền tệ và gây ra sự chênh lệch trong sức cạnh tranh: luật lao động, luật thuế, ngân sách, hệ thống an sinh xã hội - tất cả đều nằm dưới trục hoành. Thông điệp của biểu đồ là: nếu những nguyên nhân gốc rễ của cuộc khủng hoảng bên trong các nước thành viên không thể được kiểm soát, thì cuộc khủng hoảng tiền tệ cũng không. Châu Âu cần một hình thức quản trị nền kinh tế của nó, một chính sách tài chính chung, một hệ thống luật hòa hợp và mức độ an sinh xã hội có thể so sánh với nhau. Những vấn đề chính trị chính cần phải được giải quyết ở cấp độ châu Âu.

Với bất cứ ai nghiên cứu biểu đồ đó, dường như chỉ có hai lựa chọn. Đây là chỗ thông điệp thật sự dành cho Merkel: những vấn đề cấp bách có thể được chuyển ra khỏi phần trái bên dưới và đặt vào phần phải trên cùng - hay nói cách khác: đặt vào quyền hạn của Liên minh châu Âu và những cơ quan của nó. Những nước thành viên vì thế sẽ phải từ bỏ quyền tự chủ đối với thuế, nền kinh tế, ngân sách và hệ thống an sinh xã hội. Điều này đồng nghĩa với một nước siêu cường châu Âu, một Hợp chủng quốc châu Âu. Như một sự lựa chọn, những vấn đề này có thể được bỏ lại ở khu vực những nước thành viên - song đảm bảo rằng chúng đã được chuyển lên khu vực bên trên của phía đó trên trục. Merkel có một sự lựa chọn: bà có thể kiên quyết chọn hội nhập châu Âu, và chuyển mọi quyền lực về Brussels. Hoặc bà có thể nghĩ ra điều gì đó mới, một liên hiệp hoạt động song song với EU, một tập đoàn các quốc gia. Luật quốc tế miêu tả những trường hợp như vậy là giải pháp liên chính phủ: các nước ký kết các hiệp ước với nhau và tìm cách cùng nhau giải quyết vấn đề.

Trong quá trình ra quyết định, Merkel hỏi bản thân một câu hỏi đơn giản: điều gì trong số này sẽ mang lại kết quả tốt hơn? Câu trả lời là: sẽ tốt hơn nếu những nước độc lập được điều phối và cho phép duy trì quyền tự chủ của họ một cách đơn thuần. Có nhiều cuộc tranh luận mạnh mẽ ủng hộ quan điểm này. Trên tất cả, bà lo lắng về sự nhạy cảm tâm quốc gia. Mô hình xã hội trong các nước châu Âu quá khác biệt nhau để có thể đạt được bất cứ sự đồng thuận nhanh chóng nào về hệ thống an sinh xã hội, trợ cấp và thuế. Việc cố gắng tích hợp những điều này vào cộng đồng chung có thể gây ra tình trạng náo động về mặt xã hội. Không chỉ thế, Merkel đã nhìn thấy trước những trở ngại pháp lý và vấn đề khổng lồ trong các thị trường nội địa - và không chỉ tại Đức. Các hiệp ước sẽ phải được mở lại, điều chỉnh và phê chuẩn. Nên bà đã đưa ra một quyết định vững chắc: những

nước thành viên nên thực hiện những thỏa thuận của riêng họ: điều này sẽ không đòi hỏi điều chỉnh quá nhiều đối với những hiệp ước châu Âu. Những ai đã đọc bài diễn văn ở Bruges của bà đều biết nữ thủ tướng sẽ đưa ra kết luận này.

Đây có phải kế hoạch vĩ đại của Merkel không? Đây có phải ý tưởng của nữ thủ tướng về kết cục cho châu Âu? Sẽ là trái với tính cách Merkel nếu bà cầm biểu đồ đó theo mình như một cuốn Kinh thánh. Bà không bao giờ công khai thừa nhận rằng bà có một kế hoạch tổng thể để giải cứu Liên minh châu Âu. Nếu bà nói bất cứ điều gì, bà đều làm mọi việc chậm rãi, từng bước một, vì đây là vấn đề mang tính quan trọng tối hậu khi nó liên quan đến sự thay đổi trong luận thuyết, một hình thức cách mạng. Trong tâm trí mình, Merkel đã từ bỏ phương pháp cộng đồng: những vấn đề cấp thiết nhất của châu Âu không còn có thể được giải quyết bằng một vị ủy viên hội đồng (châu Âu). Nữ thủ tướng muốn có một tổ chức song song, một tổ chức sẽ tiến hành điều phối yêu cầu của từng nước độc lập, với một vị giám sát có thể làm việc trong văn phòng của chủ tịch hội đồng để giám sát việc triển khai các hiệp ước được ký kết giữa những nước độc lập. Kế hoạch cũng nói chi tiết rằng, trong tương lai, các quốc gia khác nhau sẽ phát triển với tốc độ khác nhau. Nhiều nước sẽ đồng ý với sự phối hợp này, nhiều nước khác thì lại không.

Vương quốc Anh đã có bước đi đầu tiên theo hướng thứ hai khi họ quyết định không gia nhập hiệp ước tài khóa.

Merkel tập hợp sức mạnh của bà cho cuộc tấn công quyết định. Bà muốn ý tưởng về một trật tự mới của mình được Hội đồng châu Âu thông qua vào tháng 12. Những nguyên tắc cơ bản đối phó khủng hoảng đã được chấp nhận: viện trợ đối lấy cải cách, cạnh tranh thay vì đi xuống. Bây giờ là vấn đề đặt nền móng cải cách vào trong quá trình ra quyết định của châu Âu

càng nhẹ nhàng càng tốt. Ít nhất trong vấn đề này, hội nghị thượng đỉnh tháng 6 năm 2012 là một thành công. Những người đứng đầu của các cơ quan EU được yêu cầu trình bày những đề xuất cải tổ, nên mọi chuyện đã bắt đầu được tiến hành. Đúng là nhóm hoạt động cải cách đầu tiên không nhận được nhiều nhiệt tình vào hội nghị mùa thu hồi tháng 10, song điều này cũng không tạo ra nhiều khác biệt. Điều cốt yếu là cải cách giờ đã có mặt trong chương trình làm việc của mọi nguyên thủ quốc gia - bởi rồi cũng đến lượt họ ra quyết định xem cần làm gì.

Merkel ra mắt ý tưởng của bà ngay trước hội nghị thượng đỉnh tháng 10. Một lần nữa, bà chọn cách đọc diễn văn trước Quốc hội Đức nhằm phác họa tầm nhìn của bà về cơ cấu tương lai của EU. Một lần nữa, bài diễn văn của bà gần như bị nhấn chìm bởi công việc thường nhật. Song bà còn sở hữu một lợi thế khác. Ba tuần sau đó, bà phát biểu trước Nghị viện châu Âu, ở đó, để cho mọi chuyện đơn giản, bà lặp lại kế hoạch của mình.

Bà bắt đầu bằng việc đặt cho châu Âu mới này một cái tên: một liên hiệp ổn định, vốn ngự trên bốn cột trụ. Cột trụ đầu tiên là châu Âu mới này sẽ cần một chính sách chung cho thị trường tài chính, cột trụ thứ hai là một chính sách tài khóa chung, cột trụ thứ ba là một chính sách kinh tế chung và thứ tư là thêm nhiều quyền hành và kiểm soát mang tính dân chủ.

Điều mà Merkel không thật sự rõ là ý tưởng của bà về một sự phân chia quyền lực mới trong khối EU đằng sau kết cấu bốn cột trụ này - một bên là cộng đồng có trung tâm tại Brussels, một bên là châu Âu của những nước độc lập.

Nhìn chung, các nguyên thủ quốc gia đã nhất trí cột trụ thứ nhất, mặc dù có những tranh cãi gay gắt về hình mẫu dành cho việc giám sát các ngân hàng. Một thị trường tài chính được điều tiết và giám sát chung các ngân hàng là một phần trong chính sách tài chính chung, và cùng với điều này là

những điều luật được thống nhất về tình huống các ngân hàng gặp khó khăn và cần được bảo vệ bằng một kế hoạch giải cứu. Cột trụ thứ hai của Merkel, một chính sách tài khóa chung, cũng bắt đầu có hiệu lực: hiệp ước tài khóa đã được ký kết, và những nước trong khu vực đồng euro đã cam kết thắt chặt thêm ngân sách. Dẫu vậy, điều họ thiếu là quyền được thực hiện những biện pháp quyết liệt. Điều gì sẽ xảy ra nếu một nước thành viên phá vỡ hiệp ước bình ổn và gánh chịu mọi biện pháp trừng phạt có thể? Merkel muốn cho cơ quan giám sát tiền tệ đầy đủ quyền hạn - song bà vẫn chưa tìm được đủ sự ủng hộ cho điều này.

Tiến triển mang tính cách mạng thực sự đến cùng với cột trụ thứ ba, chính sách kinh tế chung. Cố vấn của bà, Meyer-Landrut, tạo ra một nhân chứng chủ chốt là cựu chủ tịch ủy ban châu Âu, Jacques Delors, một người rất được kính trọng, đặc biệt giữa những người theo đường lối xã hội chủ nghĩa Pháp. Năm 1989, ông viết một báo cáo về những hiểm họa của việc thống nhất tiền tệ, trong đó ông lưu ý một cách ráo hoảnh và cô đọng: “Một đồng tiền chung đòi hỏi mức độ nhất trí cao hơn đối với chính sách kinh tế cũng như trong một số địa hạt chính trị khác, đặc biệt là chính sách tài khóa.” Merkel hy vọng vị tổng thống Pháp theo đường lối xã hội chủ nghĩa François Hollande sẽ không mâu thuẫn với ý kiến đó. Trong quan điểm của bà, việc điều phối chính sách kinh tế là cần thiết, đặc biệt khi chạm đến câu hỏi về chủ quyền quốc gia - trong những chính sách về thị trường lao động và thuế. Vì những điều này, như biểu đồ được vẽ vào tháng 9 năm 2011 đã cho thấy, là những vấn đề hóc búa.

Merkel lập tức nói rõ với khán giả của bà ở Quốc hội Đức rằng bà không thích cho ủy ban châu Âu thêm nhiều quyền lực. Điều đầu tiên cần phải được cân nhắc là “quyền của các nước thành viên cùng quốc hội của họ trong việc tự đánh giá và sở hữu phạm vi để xây dựng cấu trúc của riêng

họ.” Tuy nhiên vẫn cần đến những nguyên tắc chỉ đạo: cần thống nhất nhiều hơn, kiểm soát nhiều hơn, quyền can thiệp của một “cường quốc châu Âu.” Merkel không nói rõ bà nhắc đến cường quốc châu Âu nào - điều này về sau mới trở nên thấy rõ. Nó chỉ có thể là hệ thống giám sát mới mà những nước thành viên sẽ tạo ra cho chính họ, khác hẳn với ủy ban và các hiệp ước châu Âu. Và khi cần một yếu tố mang tích kích thích, Merkel hứa hẹn sẽ có tiền. Một “yếu tố đoàn kết” sẽ được tạo dựng, có thể được đóng góp bởi một loại thuế đánh lên các giao dịch tài chính, điều mà những nước gặp khó khăn có thể tận dụng để trợ vốn cho các dự án nhằm cải thiện sức cạnh tranh của họ.

Khi bà đề cập đến cột trụ thứ tư, các nghị sĩ ở Berlin đã tin sái cổ - nếu họ hiểu được những ngụ ý trong đó. Ủy ban châu Âu đang chuẩn bị thành lập một dạng chính phủ châu Âu, kiểm soát bởi một quốc hội mạnh mẽ - vốn chỉ có thể là Nghị viện châu Âu. Song như thế vẫn chưa đủ với Merkel: “Tôi thích Hội đồng châu Âu trở thành thứ gì đó tương tự Thượng viện hơn,” bà nói sau bài diễn văn trước Nghị viện châu Âu. Gần một năm trước đó, trong một cuộc phỏng vấn với những tờ báo hàng đầu châu Âu, bà phát biểu công khai: “Ngoài ủy ban (châu Âu), thượng viện này, theo nghĩa nào đó, sẽ tạo nên Hội đồng châu Âu với các nguyên thủ quốc gia.”

Thế nhưng hội nghị thượng đỉnh tháng 12 vẫn là nỗi thất vọng cho Merkel. Chủ tịch Hội đồng châu Âu, Herman Van Rompuy, đã đề xuất một chương trình cải tổ hoàn toàn khác: một lần nữa, trái phiếu châu Âu lại xuất hiện trong danh sách mong muốn; một lần nữa, lại là đề xuất cung tiền và không đòi hỏi lại thứ gì. Merkel dùng những tuần trước hội nghị và bản thân hội nghị để đánh một trận chiến phòng ngự; bà thiếu đồng minh còn những người đồng cấp của bà rõ ràng không còn nhìn thấy sự khẩn cấp của việc cải tổ trên diện rộng. Dầu vậy, ít nhất bà cũng tìm được cách xoay bộ

đếm về con số không. Bà vẫn đặt mục tiêu là châu Âu, và kế hoạch của Van Rompuy đã mắc cạn. Nhưng sáu tháng đã trôi qua, thời gian đã bị uổng phí. Merkel bắt đầu cân nhắc lại vấn đề hết lần này đến lần khác.

Dẫu vậy, bước đi đầu tiên đã được thực hiện - Merkel đã phát biểu công khai ý tưởng của bà cho một trật tự kinh tế châu Âu mới. Châu Âu có một sự lựa chọn: hoặc một giải pháp trung dung, tức hình mẫu kinh điển dựa trên sự thỏa hiệp vốn sẽ bị quét sạch bởi cơn sóng toàn cầu hóa, hoặc một chương trình cải cách khó khăn vốn sẽ cho phép châu lục này cạnh tranh. Con số 55 năm kể từ Hiệp ước Roma chỉ là cái nháy mắt trong những thuật ngữ lịch sử, bà nói trong một dịp khác. Không ai có thể đảm bảo châu Âu sẽ duy trì được trật tự ổn định, bình yên của nó. Hoặc, như bà nói với Thủ tướng Bulgaria, Boyko Borisov, đùa nhiều hơn thật, rằng không ai có “thần quyền” để trở thành thế lực lãnh đạo. Ngay cả người Maya rồi cũng bị tuyệt diệt. Và Angela Merkel không muốn châu Âu bị tuyệt diệt. Bà muốn đạt được những điều tuyệt vời cho châu Âu. Tuy nhiên, cùng lúc đó, bà đặt ra cho bản thân một mục tiêu khiêm nhường: không ai có thể kết tội bà đóng vai trò tích cực trong sự sụp đổ của cả một châu lục.

VẤN ĐỀ CỦA NGƯỜI ANH

Giữ họ lại trong EU

Ngày 11 tháng 11 năm 2012, Angela Merkel bay đến London dự bữa tối. Trong lịch trình làm việc của bà, đó là cuộc gặp thân mật cùng David Cameron. Đây là những dịp bà rất thích, vì bà thoát được những yêu cầu về nghi thức ngoại giao và có cơ hội hiểu thêm điều gì đó về người kia. Vì thế, trong khi tại Đức, mùa lễ hội - vốn được người Rhinelander gọi là “Mùa thứ năm” - sắp bắt đầu, Merkel lại bước qua cánh cửa đen bóng số 10 phố Downing vào bên trong một thế giới có thể là một thế giới khác.

Những vị khách Đức luôn say mê sự bí ẩn bao phủ quanh nơi ở chính thức của thủ tướng Anh. Mặc dù Số Mười về cơ bản chỉ là một căn nhà thêm cao, mọi quyền lực và quyền hành của lịch sử lâu dài của đất nước này dường như tỏa ra từ mặt tiền căn nhà. Người Đức, vốn thường xuyên lật đổ chính lịch sử của họ, ngưỡng mộ tri cảm về truyền thống của người Anh. Tuy vậy, bí ẩn sắp sửa tan biến khi, như vẫn dễ xảy ra, bạn đi tìm nhà vệ sinh dành cho khách ở bên trái cửa chính và nhìn thấy một chai thuốc tẩy và bàn chải nhà vệ sinh dưới bồn rửa mặt.

Đoàn tùy tùng nhỏ của Merkel lập tức được dẫn xuống những tầng sâu hơn của tòa nhà, và nhanh chóng phát hoảng giữa mê cung những hành lang và cầu thang hẹp vốn gợi nhớ đến một chuồng chó hơn là trái tim của chính phủ một nước. Một thành viên trong đoàn đã hoàn toàn kinh ngạc khi được dẫn đi ngang một nhà bếp với những chiếc nồi và chảo dường như không thay đổi gì kể từ thời của Churchill. Nhưng sự ngạc nhiên của họ lên đến

đỉnh điểm khi, trước lúc cuộc họp bắt đầu, chủ nhà David Cameron yêu cầu họ tập hợp xung quanh và tự giới thiệu mình là người độc diễn. Với sự giúp đỡ của một trợ lý cùng một máy tính xách tay, ông trình bày một bài thuyết trình sống động và thú vị để giải thích mối quan hệ giữa nước ông và Liên minh châu Âu, bao gồm những liên hệ tinh tế đối với cuộc tranh cãi sắp tới xung quanh vấn đề ngân sách.

Bản thân là một người nhanh trí và đầy sự thú vị, Merkel đánh giá rất cao khía cạnh tự hạ thấp mình một cách hài hước trong tính cách của David Cameron. Bà từng nói một cách trêu mến rằng ông thích được làm tâm điểm của sự chú ý. Bà thích những màn trao đổi chính trị tìm thấy trong truyền thống tranh biện của người Anh, những cuộc đối diện hằng tuần của ngài thủ tướng trước Hạ viện, vốn mang đến một phương diện lý tính, rõ ràng cho những cuộc thảo luận chính trị - có lẽ vì bản thân bà không có tiếng là nhà hùng biện, ít nhất đối với công chúng nội địa của bà. Dù gì chẳng nữa, ngày 11 tháng 11 năm 2012 sẽ được khắc ghi trong lịch sử quan hệ Anh-Đức là ngày mà nữ thủ tướng Đức làm quen và hiểu được thủ tướng Anh. Dĩ nhiên, không phải lúc nào bà cũng đồng tình với lối diễn giải sự kiện của Cameron, nhưng ít nhất điều nổi bật chính là một dạng quan hệ cá nhân mà nếu thiếu vắng nó, người ta sẽ không đạt được điều gì trong giới tinh hoa chính trị. Nhưng trên tất cả, mối quan hệ này đã hàn gắn một vài vết thương mà Cameron từng gây ra trong quá khứ.

Merkel ưa thích chính trị Anh. Một lý do cho điều này là quan điểm của Anh về Hoa Kỳ cũng tương đồng với quan điểm bà. Và bà nói được tiếng Anh. Là một tín đồ Tin lành Đông Đức, bà cảm thấy gần gũi sự tri cảm Anh giáo hơn Công giáo La Mã ở miền nam châu Âu. Trước đây khi còn sống ở Đông Đức, bà ngưỡng mộ lập trường dứt khoát của người Anh và người Mỹ trước chế độ xã hội chủ nghĩa. Và mặc dù bà chưa bao giờ quên sự thù địch

của Margaret Thatcher đối với sự thống nhất của Đức, điều này vẫn không làm giảm niềm yêu thích của bà đối với tính khiêm nhường của người Anh và quan điểm của họ về vấn đề chủ quyền cùng những lý tưởng dân chủ thâm căn cố đế của quốc gia này.

Bà vô cùng ngưỡng mộ Tony Blair khi ông còn làm thủ tướng. Ông là người đã giới thiệu bà vào môi trường chính trị quốc tế khi bà trở thành thủ tướng, và giúp đỡ bà trong những bước đầu tiên vào Nghị viện châu Âu. Như chúng ta đã thấy, ngay sau đợt bầu cử của bà năm 2005, Merkel phái vị chánh văn phòng mới được bổ nhiệm Thomas de Maizière đến London để học hỏi công việc chính quyền từ đội ngũ của ông Blair. Phải thừa nhận, thủ tướng Anh đã bị tổn hại và suy yếu về mặt chính trị bởi cuộc chiến Iraq. Không khác gì George W. Bush, Blair thích được xem gần gũi với nữ thủ tướng mới của Đức, người có thể củng cố vị thế cho ông - và cũng là người có lợi thế không trở thành một Gerhard Schröder thứ hai. Nhưng sau 18 tháng, họ đã chia lìa đôi ngả. Nếu Blair từng hy vọng rằng Merkel có thể giúp ông đạt được thành công sự nghiệp bằng việc đảm bảo một công việc tại Brussels, ông đã phải thất vọng. Merkel quá thực dụng cho việc đó, và bà hiểu vấn đề Iraq đã khiến Blair bị nhiễm độc - ít nhất đối với công chúng của bà tại Đức.

Suốt ba năm trời, người đồng cấp với Merkel là Gordon Brown, vốn có tính cách rất giống bà. Cũng như nữ thủ tướng, Brown là một chính trị gia giàu óc phân tích và siêng năng, được định hình nhờ sinh ra và lớn lên trong một gia đình mục sư Scotland. Cũng như Merkel, ông rất khó bị người ta đọc vị và rất hiếm khi tâm sự với người khác. Khi cuộc khủng hoảng Lehman Brothers chạm đến châu Âu vào mùa thu năm 2008, chính Brown là người tổ chức một cuộc họp 20 nền kinh tế hàng đầu thế giới tại London. Và chính Merkel là người tiên nhiệm vào thủ tướng Anh những tư tưởng

của bà về kế hoạch điều tiết cho đến khi ông chịu bổ sung những đoạn văn bản thích hợp vào trong bộ văn kiện hoàn chỉnh. Khi ông kêu gọi tổng tuyển cử vào mùa xuân năm 2010, Brown không hy vọng được tái đắc cử. Nên khi Merkel thăm ông tại Chequers, vài tuần trước khi ông rời nhiệm sở, đó là một cử chỉ mang nặng tính cá nhân về phía nữ thủ tướng.

Chỉ sáu tháng sau, Merkel đã quay trở lại khu nhà ở công vụ tại miền quê của thủ tướng Anh, lần này với tư cách khách mời của David Cameron và có chồng bà, Joachim Sauer, tháp tùng. Khi nói đến thái độ tích cực của Merkel đối với người Anh, Sauer không phải là không có ảnh hưởng. Vị giảng viên đại học này đã tháp tùng bà trong nhiều chuyến thăm Vương quốc Anh - không phải nước nào ông cũng đi cùng bà. Ông từng bay đến Heathrow cùng Merkel và hứa sẽ cùng bà dự bữa tối với thủ tướng Anh sau đó. Khi đại sứ Đức đề nghị ông sử dụng xe công vụ, ông đã từ chối một cách lịch sự. Ông cho biết thích dùng tàu điện ngầm hơn. Và ông đã đáp tàu điện ngầm đến tuyến Piccadilly rồi từ đó đi thăm một người bạn học sĩ.

Mặc dù ở cấp độ cá nhân, Merkel đánh giá rất cao người Anh, quan điểm nghề nghiệp của bà về chính sách của Anh đối với châu Âu phức tạp hơn nhiều. Theo bà, chính Tony Blair đã gieo hạt giống của sự tiến thoái lưỡng nan mà Cameron giờ đang phải đối mặt khi đặt nền móng cho việc trưng cầu ý dân. Mặc dù trong những chuyến thăm lục địa châu Âu, Blair luôn thể hiện một thái độ rất tích cực đối với EU, thái độ này lại không được phản ánh trong các chính sách đối nội của Anh. Ông từng hai lần hứa hẹn tổ chức trưng cầu dân ý - nếu nước Anh cân nhắc gia nhập khu vực đồng euro, và vấn đề vận dụng Hiến pháp châu Âu - nhưng điều này chưa bao giờ trở thành sự thật. Hiến pháp châu Âu từng bị khước từ bởi người bỏ phiếu tại Pháp và Hà Lan, nên Blair không dám thử.

Xu hướng giữ khoảng cách với châu Âu của nước Anh phản ánh thái độ truyền thống của họ với toàn châu lục này. Như Henry Kissinger từng viết trong cuốn *Diplomacy (Ngoại giao)*, nước Anh là cường quốc châu Âu duy nhất bị chủ nghĩa thực dụng quốc gia ngăn không cho mở rộng. Về mặt này, quan hệ giữa Anh với châu Âu và Liên minh châu Âu hoàn toàn đối lập với Đức, vốn sau hai cuộc chiến tranh thế giới cùng vị thế thống trị giữa lòng châu Âu mà họ không thể chối bỏ, đang kêu gọi các nước xích lại gần nhau hơn. Nên khi Merkel cố gắng tìm kiếm một khung tổ chức hoàn hảo cho Đức, đồng euro và sự hội nhập châu Âu sâu rộng hơn bao giờ hết, theo những ý kiến phân tích khắt khe từ các cố vấn của nữ thủ tướng, Anh chưa bao giờ thực hiện cú nhảy từ cộng đồng châu Âu sang Liên minh châu Âu.

Tuy nhiên, ban đầu, sự bất đồng của Merkel với Cameron xoay quanh một điều thẳng thắn hơn nhiều. Đầu năm 2009, Cameron rút 71 thành viên thuộc đảng Bảo thủ Anh ra khỏi đảng Nhân dân châu Âu (EPP) nhằm phản đối những chính sách mang màu sắc cổ vũ thành lập chính phủ liên bang (“federalist”) của đảng này, và những chỉ trích của đảng này nhằm vào khát vọng tổ chức trưng cầu ý dân của Anh. Quyết định đó làm Merkel sôi máu. Bà đã nhìn thấy trước việc quyết định đó có thể làm suy yếu trầm trọng phái bảo thủ trong Nghị viện châu Âu. Và quyết định đó cũng gửi đi một tín hiệu rất rõ ràng đến những đảng khác của liên minh trung hữu, do lá phiếu của Anh rất quan trọng đối với EPP. Sự rút lui của Anh đã khích lệ những đảng bài EU (Eurosceptic) khác, vốn có thể phát triển thành một cơn bão thật sự trong những kỳ bầu cử châu Âu tiếp theo. Những phiên bản châu Âu của Phong trào Tea Party Cộng hòa của Mỹ (US Republican Tea Party) có thể tìm thấy trên khắp châu lục này. Merkel xem quyết định của Cameron là ngắn hạn và bị thúc đẩy bởi nền chính trị trong nước - một ý kiến được bà nhắc lại khi những vấn đề châu Âu của Cameron tăng lên.

Merkel phản ứng theo cách mà bất cứ vị lãnh đạo đảng nào cũng sẽ làm. Bà giữ liên lạc trực tiếp với nhánh London của tổ chức Konrad Adenauer Foundation, vốn có giám đốc sở hữu mạng lưới liên lạc tốt nhất bên trong đảng Bảo thủ, và thông qua nhiều kênh khác nhau, bà cho Cameron biết rằng đây chắc chắn không phải một bước đi khôn ngoan. Cameron không phản ứng, nhưng ba ngày sau khi thăng cử vào tháng 5 năm 2010, ông bay đến Berlin để lập tức cải thiện những mối quan hệ cá nhân giữa hai người.

Tuy vậy, chương EPP chỉ là khúc dạo đầu cho những vấn đề mà Đức sẽ đối mặt xung quanh các chính sách của nước Anh đối với châu Âu dưới sự lãnh đạo của Cameron. Từ quan điểm của Berlin, những cuộc tranh luận giữa các đảng phái Anh về một cuộc trưng cầu ý dân dần trở nên kém quan trọng bên cạnh những vấn đề trong khu vực đồng euro mà Merkel đã tìm cách giải quyết từ năm 2010. Tuy nhiên có hai tình huống nguy hiểm tỏ ra sẵn sàng xung đột vào bất cứ lúc nào: cuộc khủng hoảng đồng euro và mong muốn cải cách của người Anh, bao gồm đòi hỏi thay đổi hiệp ước, sẽ khiến EU lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan.

Merkel xem những vấn đề của Cameron đối với châu Âu hoàn toàn do ông tự gây ra và có thể tránh được. Và ngay cả khi nữ thủ tướng không phán xét những tranh cãi nội bộ của đảng Bảo thủ chẳng nữa, bà vẫn xem Cameron đang bị đảng của ông bắt giữ làm con tin. Những sai lầm chiến lược, những sự nhượng bộ thường xuyên trước các đảng bài EU, tính toán sai thời điểm và trên tất cả là thiếu một hướng đi rõ ràng, thuyết phục - trong chính sách châu Âu của mình, Cameron đã không thể hiện một chút tài năng làm chính trị nào cả.

Phản ứng của Merkel trước những người có vị thế yếu kém là cho họ một liều pháp sốc điện: bà liên tục thúc ép Cameron đóng vai trò nhiều hơn trong các vấn đề châu Âu, để ông không bị kéo theo luồng không khí do

phe cánh bài châu Âu trong nước mình tạo ra. “Chúng tôi muốn ông ấy tham gia nhiều hơn” là câu nói trong phủ thủ tướng Đức, vốn trong quan hệ ngân sách với EU có nghĩa là: Đức đứng về phía Cameron khi ông khẳng định rằng ngân sách của ủy ban châu Âu không được phép gia tăng. Nhượng bộ những yêu sách của các nước Nam Âu và để Cameron bị cô lập thì rất dễ. Song việc Anh tiếp tục có mặt trong Liên minh châu Âu là điều tốt cho chính lợi ích của Merkel và là một mối quan tâm cơ bản của bà. “Tham gia mang tính xây dựng” là lời xì xào xung quanh Berlin, hay “tham gia vì quyền lợi của riêng bạn” - thái độ cư xử với London diễn ra với giọng điệu gần như mang tính kỷ luật.

Phải thừa nhận rằng những chiến thuật “sốc điện” này còn vì một mục tiêu khác: Merkel không muốn phe chống châu Âu tại Anh bắt đầu trở nên táo tợn hơn và tin rằng tất cả những gì họ cần là vài tiến hành một vài bước và những chiến sĩ chiến đấu cho sự trở lại như cũ* ở London phải đầu hàng và thậm chí bị ép đến cửa ra. Không, Merkel muốn giữ người Anh lại trong EU. Bất cứ cục diện nào khác cũng sẽ chuyển cán cân quyền lực EU về hướng bất lợi cho Đức, và làm tê liệt toàn bộ châu lục. Vì thế mục tiêu then chốt của bà là: nước Anh phải tiếp tục hiện diện trong EU - nhưng không phải bằng mọi giá.

Quá trình mặc cả quanh “mức giá” này diễn ra vào giữa cuộc khủng hoảng đồng euro tháng 11 năm 2011, khi Merkel muốn thành lập hiệp ước tài khóa nhưng Cameron từ chối tham gia. Phủ thủ tướng Đức nói rõ với văn phòng thủ tướng Anh rằng thỏa thuận này sẽ không ngăn chính phủ các nước duy trì hình mô hình tài chính riêng cũng như ban hành những quy định pháp chế để cân bằng của riêng họ, và thỏa thuận này thật sự tương đồng với quyết định của Anh trong việc theo đuổi một chính sách “thắt lưng buộc bụng” nghiêm ngặt. Vì mọi quốc gia nằm ngoài khu vực đồng euro

khác đều ủng hộ ý tưởng này, nên việc Cameron gây trở ngại là rất kỳ quái theo cái nhìn của người Đức. Và khi ông đưa ra những yêu sách vào phút cuối nhằm bảo vệ quyền lợi đặc biệt của London, chỉ khiến ông bị cô lập nhiều hơn.

Trong quan điểm của Đức, một sự tính toán sai lầm tương tự năm đăng sau bài diễn văn về châu Âu mà Cameron trình bày vào tháng 1 năm 2013. Cameron đã sử dụng bữa tối giữa ông và Merkel vào ngày 11 tháng 11 năm 2012 để tâm sự với bà những suy nghĩ và ý tưởng của ông và để giải thích cho trạng huống kịch tính đang diễn ra. Thủ tướng Anh có hai nhận xét quan trọng. Đầu tiên là việc đồng tiền chung đã thay đổi một cách cơ bản toàn bộ dự án châu Âu. Nếu không có đồng euro, Liên minh châu Âu đã trở nên dung hợp, hay nói cách khác khối này sẽ hướng về những nước thành viên hơn. Một số quốc gia cần thêm nhiều thời gian để chấp nhận nhiều thành phần cấu tạo của châu Âu này, nếu họ không muốn bị loại ra khỏi những cơ chế điều tiết của khối. Cùng lúc đó, thị trường đơn nhất đang trở nên quá yếu để trói buộc các nước lại với nhau. Đồng tiền chung giờ đây đã quăng chính nó vào tâm điểm sân khấu với tư cách là dự án châu Âu quan trọng nhất, từ đó thay đổi bản chất cốt lõi của châu Âu. Châu lục này đã bị chia rẽ bởi những nước sử dụng và không sử dụng đồng euro. Rồi Cameron đặt câu hỏi thách thức: điều gì quan trọng nhất với bà - thị trường đơn nhất hay đồng tiền đơn nhất? Điều ông thật sự muốn nói qua câu hỏi này là việc châu Âu phải tư duy nghiêm túc về mối quan hệ giữa những nước trong khu vực đồng tiền chung euro và những nước bên ngoài khối này.

Luận điểm thứ hai của ông là: Merkel phải hiểu một lời hứa trưng cầu ý dân sẽ được đón nhận ra sao tại Anh. Ông cố gây ấn tượng với bà rằng đây không chỉ là vấn đề xoa dịu những nghị viên bài châu Âu ngồi ở hàng ghế

sau trong quốc hội Anh, mà vấn đề này còn nằm ngay giữa trung tâm quan niệm về dân chủ của người Anh.

Bằng những ngôn từ này, bài phát biểu của Cameron tỏ ra gần như là cái gậy đầu trước Merkel và nước Đức. Không những thế, Cameron vừa tránh đụng vào ổ kiến lửa, vì ban đầu ông định đọc bài diễn văn vào ngày 22 tháng 1 - vốn, trong tất cả các ngày, lại là dịp kỷ niệm 15 năm ký kết Hiệp ước Élysée giữa Pháp và Đức. Để đánh dấu sự kiện này, quốc hội Pháp và Đức sẽ tổ chức một phiên họp chung tại Berlin, còn nội các hai nước sẽ gặp gỡ nhau một cách tượng trưng quanh bàn tròn. Buổi lễ cấp cao của sự hòa giải quốc gia này cũng là một hình thức ăn mừng sự ra đời của dự án châu Âu. Nếu Cameron đọc bài phát biểu của ông vào đúng ngày đặc biệt này, thì sự sỉ nhục đã không thể nào đúng lúc một cách ý nhị hơn. Dẫu vậy, cũng thật không ngờ khi không một ai ở phố Downing tỏ ra biết về điều này, và chỉ sau một cơn hoảng sợ vào phút chót, thì mọi nguy mới được đẩy lùi.

Ai đó tham gia vào quá trình soạn thảo bài diễn văn bình luận rằng bài phát biểu nhằm vào hai đối tượng khán giả khác nhau: công chúng Anh, đặc biệt những ai thuộc đảng Bảo thủ, và thủ tướng Đức. Không hề ngẫu nhiên khi Cameron nhắc đến chi tiết này cho Merkel biết trước, và cũng không hề ngẫu nhiên khi chủ đề then chốt của bài diễn văn là: năng lực cạnh tranh nằm ở trái tim của dự án châu Âu.

Bài phát biểu dự định để làm nguôi phe bài châu Âu trong đảng của ông Cameron - lời hứa về một cuộc trưng cầu dân ý sau cuộc tổng tuyển cử để đổi lấy một thỏa thuận đình chiến từ giờ cho đến lúc đó. Tuy nhiên, trong quan điểm của Merkel, Cameron đang phạm phải hai sai lầm. Đầu tiên, ông đang gánh chịu một rủi ro khổng lồ chỉ vì lợi ích chính trị ngắn hạn tại quê nhà. Một cuộc trưng cầu dân ý không phải vấn đề nhỏ và có thể có những hậu quả không lường được. Merkel sẽ không bao giờ phó mặc bản thân cho

những thế lực chính trị không thể kiểm soát như thế. Và thứ hai, thật ngây thơ nếu trông mong rằng lời hứa về một cuộc trưng cầu dân ý có thể làm cuộc khủng hoảng im tiếng. Thật ra nó còn gây phản tác dụng: Cameron đã tung ra con át chủ bài, song vẫn bị ép buộc phải khuất phục. Và nhu cầu có một cuộc tranh luận căn cơ về chủ đề này rõ ràng không thể được thỏa mãn chỉ bằng một thông báo hạn chót giản đơn. Mặt khác, Cameron đã tìm được cách làm tắt tiếng những ai đang kêu gọi trưng cầu dân ý, vì giờ đây họ cảm thấy đã có được những gì họ muốn.

Với Merkel, có vài câu hỏi thực tiễn: bài diễn văn nhắc bà nhớ lại rằng ở Cameron, bà có một người đồng minh trong những vấn đề chính của mình - lời cảnh báo về một châu Âu suy tàn. Cameron chia sẻ quan điểm của bà rằng châu Âu hoặc phải cải thiện sức cạnh tranh của nó hoặc bị tụt lại phía sau trong cuộc đua toàn cầu. Tuy nhiên, Merkel vẫn phải ra một quyết định thực tế: bà sẽ đồng hành cùng yêu sách mang quyền lực quay về Vương quốc Anh của Cameron đến bao xa? Bà không có bất cứ ham muốn nào cho việc mở lại những hiệp ước. Nên lời cảnh báo của bà với Cameron là: chỉ khi nào những hiệp ước được thương lượng lại, thì người ta mới có thể bỏ phiếu cho chúng. Và việc bỏ phiếu có thể có kết quả tồi tệ - là điều Merkel chắc chắn.

Merkel còn có một nỗi sợ khác: Cameron có thể hiểu sai những tín hiệu của bà và lợi dụng sự không khoan nhượng mà bà đang áp dụng cho những nước đang gặp khủng hoảng, cũng như lòng cảm thông của bà trước đòi hỏi phục hồi quyền lực của ông. Nếu thủ tướng Anh cứ kiên trì quá mức với những đòi hỏi này, thì cuối cùng có thể bà là người duy nhất đủ khả năng giữ nước Anh lại trong EU. Cameron có thể khai thác việc người Đức muốn giữ Anh ở lại EU bằng mọi giá, vì điều này phù hợp với lợi ích của họ. Song Merkel không thích những mối đe dọa che đậy. Nếu mọi chuyện lên

đến mức ấy, bà sẽ quyết định xem liệu cái giá có quá cao không, và nếu quá ngò vức, bà sẽ khước từ.

Rồi đến mỗi lo thứ ba - viễn cảnh vẫn luôn được miêu tả ở Berlin bằng cách sử dụng cách nói của người Anh: "lối thoát bất ngờ". Nếu hy vọng về một cuộc trưng cầu ý dân tỏ ra quá xa vời, một cuộc nổi loạn của phe ghế sau có thể sẽ nổ ra, vốn sẽ là một kết quả không mong muốn vào kỳ tổng tuyển cử tiếp theo, rồi đến một quốc gia không có khả năng đương đầu với những hệ quả. Đến lúc này, mọi chuyện sẽ trở nên vô phương cứu chữa.

Vì thế, giữa hàng loạt những vấn đề khác mà Liên minh châu Âu đối mặt, Merkel rất muốn người đồng cấp Anh của bà hiểu đúng thông điệp: Cameron không nên đánh giá quá cao vị thế của ông, và ông cũng không nên mong đợi bà tỏ ra quá dễ dãi. Chính quyền Đức nhìn thấy một số mâu thuẫn nghiêm trọng trong lý lẽ của Cameron: việc nói đến thị trường đơn nhất như thể nó là một dạng Chén Thánh và cùng lúc đó đòi hỏi được đối xử ngoại lệ ngoài vòng cương tỏa của những luật lệ và quy định của thị trường này là điều bất khả thi. Mặc dù Merkel ủng hộ nguyên tắc hỗ trợ và cảm thấy quá nhiều quyết sách chính trị đã bị chuyển vào tay giới công chức và ủy ban châu Âu, bà cũng không bao giờ đánh giá quá cao quyền lực của mình cũng như đòi hỏi các hiệp ước phải được thay đổi, trừ khi bà tuyệt đối chắc rằng bà có thể đạt được điều mình muốn.

Nên không, sẽ không có một khoản chiết khấu mới nào cho chính phủ Anh, dù dưới hình thức của những thay đổi hiệp ước mang tính biểu tượng. Nếu bị bắt buộc, những hiệp ước chỉ có thể bị thay đổi theo yêu cầu của một hệ thống cơ quan mới của EU, hoặc bởi sự ra đời của một liên hiệp ngân hàng trong khu vực đồng euro. Từ tâm chấn của cuộc khủng hoảng đồng euro, mọi thứ trông hoàn toàn khác với những gì quan sát từ phố Downing. Và thế nên ở Berlin, người ta luôn dùng giọng điệu cảm thông

khi nói về nước Anh và quan điểm lãng mạn của nước này về một thế giới đã thay đổi từ lâu.

TRIỂN VỌNG CHO MERKEL?

*Nữ thủ tướng hậu-chính trị**

Đến giờ, chưa có một đánh giá công bằng nào có thể được áp lên những chính sách của Angela Merkel. Cuộc khủng hoảng đã biến Merkel thành tù nhân, và các sự kiện vẫn đang lao về phía trước. Sẽ phải mất rất lâu để nổi thống khổ chấm dứt tại Tây Ban Nha và Hy Lạp. Các thị trường vẫn đang dè dặt. Pháp chỉ mới bắt tay vào giai đoạn khó khăn nhất trong hành trình tự khám phá của nước này kể từ khi kết thúc Thế chiến thứ II. Tại Đức, năm bầu cử 2013 sẽ bị thống trị bởi nỗi lo lắng về đồng euro.

Chỉ đến khi cơn khủng hoảng dịu bớt, chúng ta mới biết được phần nào trong cuộc giải cứu - hay cú sụp đổ - của đồng euro có thể được quy cho Merkel. Những người xung quanh bà nói: “Nếu mọi chuyện đổ bể, chúng tôi sẽ biết ngay. Còn nếu mọi chuyện tốt lên, 20 năm nữa người ta sẽ hiểu rõ giá trị của nó.” Đây là sự khiêm nhường kinh điển. Tuy nhiên, nữ thủ tướng đã chấp nhận một lượng lớn rủi ro, dù bà đã có thể làm cho mọi chuyện dễ dàng hơn cho mình. Bà đã kê một toa thuốc mạnh cho toàn châu lục, vốn ngay cả Đức những tưởng cũng khó lòng qua khỏi. Không chỉ thế, có nhiều ý kiến cho rằng cuộc khủng hoảng càng tác động đến những nước yếu ở châu Âu bao nhiêu, thì Đức càng hưởng lợi bấy nhiêu - từ lãi suất thấp, từ nền kinh tế khỏe mạnh của họ, sự thu hút của nước này như một chốn cho những người đạt tiêu chuẩn cao đến sống và làm việc. Một mặt, điều đó cho bà một vị thế quyền lực tại châu Âu. Mặt khác, nó khiến bà bị phơi bày

trước những cuộc công kích và tăng rủi ro cho bản thân bà. Nếu Merkel thất bại, đó sẽ là một cú thất bại nặng nề.

Những lúc riêng tư, nữ thủ tướng từng nói bà ghét đóng vai trò một người sắt đá kinh tế đến nhường nào. Bà không thích bị khắc họa chân dung như một người có trái tim lạnh giá và bị ám ảnh bởi kinh tế học. Khi bà ghé thăm Bồ Đào Nha, Hy Lạp hay Tây Ban Nha bà được chào đón với cờ hình chữ thập ngoặc, người biểu tình đốt hình nộm của bà, mặt bà được sơn chòm râu của Hitler. Không một thứ gì trong những điều này khiến bà không lay động. Bà thường xuyên bất đồng với bản thân về lối ra đúng đắn cho cuộc khủng hoảng, bà cân nhắc mọi lý lẽ khác nhau hết lần này đến lần khác - và dẫu thế bà luôn có cùng một kết luận: chưa ai có khả năng cho bà thấy một giải pháp tốt hơn. Bà có nên đồng ý quăng tiền cho Hy Lạp vào lúc bắt đầu cuộc khủng hoảng? Cung cấp quỹ từ Ngân hàng Trung ương châu Âu mà không áp đặt các điều kiện? Đưa ra trái phiếu châu Âu, hay chia sẻ nợ? Ngoài những khó khăn pháp lý và trong nước, Merkel không đồng ý: vì nếu bà làm thế, thì mọi động lực cải cách sẽ tan biến. Những trái phiếu châu Âu không bị kiểm soát bởi chính quyền châu Âu sẽ là lỗi nghiêm trọng trong cả hệ thống. Đứng một mình, Đức sẽ không thể gánh vác gánh nặng nợ công đang đè lên các nước trong khu vực đồng tiền chung euro. “Sức mạnh của chúng tôi có giới hạn,” bà lặp đi lặp lại vào năm 2012. Và nếu không thể cạnh tranh trên bình diện quốc tế, hệ thống kinh tế châu Âu sẽ sụp đổ: đây là điều bà tin chắc.

Thực hiện cắt giảm ngân sách và cải cách - hay bảo vệ người dân tránh được mọi gian khổ và gánh lấy khoản nợ ngày càng tăng? Merkel không bao giờ chấp nhận giải pháp thay thế này, đây không phải cách bà làm việc. Bà chỉ có một lời răn duy nhất - hay, như bà thường nói, chỉ một chân lý duy nhất: đồng euro phải được bảo vệ. Và, do bà là người làm việc có hệ

thống, từ chân lý này lại khởi phát nhiều hệ luận khác. Chẳng hạn: đồng euro phải được bảo vệ - và khi cuộc khủng hoảng kết thúc, nó phải mạnh mẽ hơn cả trước đó. Hoặc: đồng euro phải được bảo vệ, cùng với sự đồng thuận (nếu khả thi) của mọi thành viên của khu vực đồng tiền chung euro. Bà không ngừng nói: “Tôi thích Hy Lạp ở lại trong khu vực đồng euro,” nhưng không phải là: “Hy Lạp sẽ ở lại trong khu vực đồng euro bằng bất cứ giá nào.”

Bà luôn để ngỏ những giải pháp. Hy Lạp rõ ràng có thể rời đồng tiền chung. Nếu điều này xảy ra, Merkel ít nhất sẽ muốn có những lập luận giải thích tại sao bà phải ủng hộ Hy Lạp lâu dài đến thế, và tại sao, giữa mọi giải pháp khả thi, cuối cùng việc nước này ra khỏi đồng tiền chung euro lại là lựa chọn tốt nhất cho phần còn lại của khu vực đồng tiền chung euro. Vì nếu Hy Lạp không thể tiếp tục ở lại khu vực đồng tiền chung euro, thì ít nhất nó phải có khả năng kiểm soát những hệ quả cho đồng euro. Giữa những sự phức tạp rối ren trong quyết định của bà, đây là cách Merkel vạch rõ mục tiêu: bà luôn muốn có nhiều lý lẽ về phía mình hơn là phía những ai bất đồng với bà. Bà muốn chơi theo cách an toàn.

Dù bề ngoài tự tin, lúc nào Merkel cũng có xu hướng ngờ vực. Vào mùa xuân 2012, bà được miêu tả bằng những ngôn từ rục rờ nhất khi tờ *Bild* tâng bốc bà lên mây xanh. Việc này tạo ấn tượng rằng cuộc khủng hoảng đã được kiểm soát. Mùa hè năm đó, bà chào mừng thông báo của Ngân hàng Trung ương châu Âu cho biết rằng khi các điều kiện được thỏa mãn, cơ quan này sẽ mua một lượng vô hạn các trái phiếu chính phủ. Song đây là tin quá tốt. Bà lập tức cảm nhận rằng những nỗ lực đang bắt đầu bị lơ là ở những nước gặp khủng hoảng. Trong suốt sáu tháng, Hy Lạp đã mặc cả xung quanh chi tiết của một chương trình tiết kiệm mà trên nguyên tắc đã được quyết định và chấp nhận từ lâu. Những khoản nợ mới bắt đầu phình

lên. Một lần nữa, Merkel nhận ra đồng euro sẽ không được giải cứu chỉ đơn giản nhờ một hiệp ước tài khóa hay một kế hoạch tái cấu trúc. Đồng euro sẽ sống sót hoặc sụp đổ mà không cần đến Hy Lạp. Vào mùa thu năm 2012, bà bị buộc tội không đối mặt với sự thật: Hy Lạp sẽ không bao giờ có thể trả hết nợ, còn những nước châu Âu giàu có, trước hết là Đức, sẽ phải thanh toán hóa đơn. Tuy nhiên, bà không muốn đồng ý một sự cắt giảm mới đối với những khoản nợ này - ít nhất vào thời điểm đó. Vì như thế sẽ thúc đẩy cái gì, không chỉ cho Hy Lạp, mà còn cho những nước đang gặp rắc rối khác? Nếu áp lực được giải tỏa, sẽ không còn nền kỹ trị kinh tế châu Âu nào nữa.

Thỉnh thoảng Merkel tự hỏi tại sao bà lại được tin tưởng trao quyền năng vô hạn đến thế. Vì trong suốt những năm tháng khủng hoảng, bà đã phải chịu vô số sức ép: chính trị đối nội Đức, Tòa án Hiến pháp Liên bang Đức, ngày bầu cử, thay đổi chính quyền, những đối tác liên minh của bà, những đồng minh cực kỳ thiếu ổn định trong EU - bà luôn phải, dựa vào những đồng minh của mình. Có lẽ vấn đề lớn nhất trong giai đoạn thứ ba của cuộc khủng hoảng là thay đổi tổng thống ở Pháp. Merkel mạnh mẽ tại châu Âu quá lâu một phần do bà có một người đồng minh là Nicolas Sarkozy. Ở châu Âu không điều gì mang tính chính trị có thể chống lại sức mạnh tổng hợp của Đức và Pháp.

Nhưng rồi tình thế thay đổi. François Hollande trở thành Tổng thống Pháp. Bỗng dưng bà thiếu sức nặng cần thiết để áp đặt ý chí chính trị của bà lên châu Âu. Trong suốt chiến dịch bầu cử Pháp, bà đã phạm sai lầm khi ủng hộ người bạn Nicolas Sarkozy. Đây là điều mà Holland sẽ không chóng quên. Tuy nhiên, quan trọng hơn cả là vị tổng thống mới được bầu bị mắc kẹt trong một đồng lời hứa hẹn tranh cử và kỳ vọng chính trị của những người ủng hộ. Những ý tưởng giải quyết cuộc khủng hoảng của ông hoàn

toàn đối nghịch với Merkel. Nhiều tháng trời, nữ thủ tướng chỉ nhắc về ông với vòng tròn thân cận của bà là “người đồng cấp”. Căng thẳng rõ như ban ngày.

Merkel không chia sẻ niềm tin chính trị của nhân vật người cha già Helmut Kohl. Ông luôn nói rằng một vị thủ tướng Đức tốt nhất nên cúi đầu hai lần trước lá cờ tam sắc. Merkel không muốn cúi đầu. Bà quá tự tin với khả năng phân tích cuộc khủng hoảng - và nếu bà muốn châu Âu tiếp tục cạnh tranh với Trung Quốc và Đông Nam Á, nếu bà không muốn châu lục này rơi vào cơn suy thoái kinh tế và nhân khẩu học, thì bà không thể đáp ứng những điều Holland muốn. Đây là động cơ thật sự, là lý do căn bản đằng sau mọi sáng kiến của bà. Châu Âu, vốn đại diện cho chín phần trăm dân số thế giới, tạo ra 25% GDP và chiếm 50% chi tiêu công của toàn cầu. Nhưng điều này sẽ kéo dài trong bao lâu nữa?

Dẫu vậy, bà có nên cố gắng tranh thủ Holland một cách tích cực hơn không? Có một điều chắc chắn: Merkel không thích tính cách vui vẻ vùng Rhineland của Kohl. Bà thích chơi trò chơi mà giờ bà đã thông thạo: cân nhắc lợi và hại, ra yêu sách, tạo áp lực và cuối cùng thực hiện nhượng bộ nếu bà thu lại được điều gì đó. Bà ghim những hy vọng của mình theo thời gian, vốn đã trở thành đồng minh thân cận nhất của bà. Hollande cũng sẽ nhận ra giá trị của thời gian khi thị trường cho ông thấy chính sách kinh tế của ông có ít triển vọng đến nhường nào.

Nhưng bất chấp cách làm duy lý của Merkel, vẫn có những nỗi lo. Tất cả logic này đang dẫn đến đâu? Tính toán và phản tính toán để đạt được điều gì? Giữa mọi sự cân nhắc rủi ro, bà có để lỡ một cơ hội có tính quyết định, sáng giá mà không chừng bà có thể sử dụng để định hình - hoặc có thể dùng nó làm bệ phóng? Cuộc khủng hoảng đang làm người ta héo mòn, có rất ít sự kiện nào trong lịch sử hậu chiến thử thách lòng kiên nhẫn của công

chúng đến thế. Đến một lúc nào đó nó phải kết thúc, nhưng là một người khắc kỷ, Merkel không đưa ra lời hứa hẹn nào. Bà yêu cầu người ta kiên trì hơn, nhẫn nại hơn. Đến một lúc nào đó, công luận hoặc sẽ dự cảm về một cái giá phải trả, hoặc sẽ đòi hỏi một quyết định mạnh mẽ. Mọi người đang trở nên mất kiên nhẫn. Song Merkel không phải là một thủ tướng xem nhẹ mọi thứ, bà là sự trái ngược với Schröder, và vì thế thiếu cách tiếp cận bốc đồng, cảm tính vốn có thể giúp những cơn khủng hoảng dạng này dễ chịu hơn. Bà có thể vượt quá tầm chính mình, chơi bài poker hơi quá lâu khi lẽ ra đã phải đưa ra quyết định - có lẽ để thể hiện sự không tán thành đối với Hy Lạp.

Những người gần gũi Merkel và hiểu rõ bà cho biết nữ thủ tướng là chính trị gia hậu chính trị hoàn hảo. Đây là một lời khen, bởi vì có rất nhiều chính trị gia hậu chính trị vĩ đại. “Hậu-chính trị” đồng nghĩa với không cam kết bản thân bạn, để cho bản thân bạn trôi giạt, có ít hoặc không có niềm tin nào, luôn linh hoạt, chờ đợi đúng thời điểm. Trong một hệ thống bị kiểm soát quá mức đến nỗi nó xé nát những tư tưởng của chính nó, những chính trị gia hậu chính trị này không sở hữu phẩm chất tồi nào cả.

Ban đầu Merkel giao phó trọng trách cho những chính trị gia khác: cải tổ lực lượng vũ trang? Đây là việc của Guttenberg. Sự sụp đổ của Libya? Westerwelle được giao việc này. Chính sách hiếu chiến trong việc bán vũ khí ra nước ngoài của chính phủ của nữ thủ tướng? Việc này được lo liệu bởi Hội đồng an ninh liên bang, có những thành viên thề giữ bí mật. Merkel thích những mối liên kết không quá sâu sắc và, nơi nào có sự liên kết sâu sắc, chẳng hạn Israel, bà thích được rút lui trong êm thắm. Khi thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu bắt đầu đi quá xa với chính sách về những khu định cư, Merkel đã tỏ ra lạnh nhạt với ông. Vào tháng 11 năm 2012, khi

người Palestine tìm cách nâng vị thế của họ tại Liên hiệp quốc, Đức đã quay lưng lại với Israel.

Bảy năm làm thủ tướng trong một môi trường liên tiếp xuất hiện khủng hoảng một cách bất thường có thể làm kiệt quệ ngay cả một phụ nữ có tinh thần thép và đam mê công việc không biết mệt mỏi. Merkel đã trở nên cô đơn giữa nhiệm sở, thậm chí còn hơn cả Helmut Kohl và Gerhard Schröder cùng thời điểm họ làm thủ tướng. Bà có xu hướng khước từ lời khuyên từ bên ngoài, bà đã có quá nhiều trải nghiệm tồi tệ. Bà phá vỡ tôn ti trong đảng và thích giao tiếp trực tiếp với các thành viên thấp nhất. Tầng lớp bậc trung trong đảng CDU cảm thấy bị gạt sang lề, và đảng này thiếu những thành viên cao cấp sáng giá. Không có một nhân vật nào mạnh mẽ, không một ai có ý chí cá nhân để giành quyền kiểm soát từ tay Merkel. Thay vào đó, bà vây quanh toàn những người giống bà: lý tính, kỹ trị, giàu óc phân tích. Tất cả đều là những bậc thầy chiến thuật. Những chính trị gia hậu-chính trị. Những nhà chiến lược tổng thể to mồm không có chỗ trong thế giới của nữ thủ tướng.

Một nhà quan sát người Thụy Sĩ từng buộc Merkel tội đại diện cho một nhà nước của những chuyên gia, cho thứ chính trị dễ đoán biết. Bà thỏa mãn nỗi khao khát đồng tình của người Đức - vui lòng không cãi vã, chúng tôi thích hòa hợp. Quan sát từ bên ngoài, điều này không hoàn toàn chính xác, khi đảng đối lập đã giúp Merkel rảnh một tay trong cuộc khủng hoảng, và thậm chí còn ủng hộ những chính sách xung quanh các chủ đề khó khăn như hòa bình và chiến tranh mà bà soạn thảo lúc đầu với họ. Điều này khiến chính sách đối ngoại của Đức trở thành vấn đề của sự đồng nhất, như thể việc quan sát một thỏa thuận đình chiến trong những lúc khó khăn là nghĩa vụ công dân. Hay Merkel mang mọi người theo bên mình? Phải chăng có lẽ không còn lựa chọn nào khác cho cách bà làm việc? Bởi vì sự thật là mọi

phía đều sợ mỗi đe dọa của con quái vật euro. Họ đều sợ khoảnh khắc khi người dân biết phần chia thanh toán của họ là bao nhiêu. Một Merkel duy lý cũng sợ điều đó, song bà hy vọng rằng đến lúc đó, những số liệu sẽ trở nên có lợi về phía bà, để bà có thể nói: Tôi đã làm hết sức mình, mọi lựa chọn khác đều tệ hơn cho nước nhà.

Phong cách của Merkel định hình cho nền tảng quyền lực của Merkel. Và đúng thế, Angela Merkel rất có ý thức về quyền lực. Bà biết chính xác ai sẽ không phù hợp với hệ thống của bà. Bà không yêu cầu sự trung thành về mặt tư tưởng, vì bản thân bà, với tư cách một chính trị gia hậu-chính trị nguyên mẫu, không xem tư tưởng là một tiêu chí của quyền lực. Thay vào đó, bà đòi hỏi người ta chấp nhận những ý tưởng của bà, tham gia vào thế giới của logic và phản-logic, của những tính toán duy lý và lập luận vượt trội. Nếu bà phải đối mặt với một lập luận mạnh mẽ, bà lập tức tìm kiếm một lập luận khác mạnh hơn - hoặc dùng chính lý lẽ của đối phương làm bệ đỡ cho lý lẽ của chính bà. Vladimir Putin đã áp dụng phương pháp này. Đó là thách thức quyền lực duy nhất mà Merkel sẽ chấp nhận. Bất cứ ai muốn qua mặt bà về ý thức hệ hoặc làm điều đó một cách lỗ mãng đều sẽ đối diện với một bề cứng và trơn. Merkel không khoan nhượng với những cuộc đối đầu như vậy.

Đây là bí mật sức mạnh của bà: Angela Merkel chỉ tham gia vào một cuộc tranh luận nếu bà biết mình sẽ chiến thắng sau cùng. Những ai đánh giá thấp tình hình trong khi ba hoa về sự bất khả xâm phạm của họ - như một số giám đốc ngân hàng trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính - sẽ nếm trải cơn giận của bà. Khi đó bà sẽ nghĩ đến việc trả thù. Người ta sẽ không cảm nhận được ngay điều đó, mà có lẽ phải chờ đến nhiều năm sau. Song bạn có thể chắc chắn rằng Merkel không chấp nhận bị xem thường. Bà cũng không chấp nhận bị gây sức ép, đặc biệt giữa phe nhóm của bà, dù là thành

viên đảng hay nội các. Nếu một bộ trưởng không hoàn thành nhiệm vụ mà vị trí của họ đòi hỏi, hoặc sau khi hứa hẹn đủ điều rồi lại trút công việc của họ sang cho bà, thì họ “xong đời”. Đây là điều Wolfgang Tiefensee khám phá được khi ông làm Bộ trưởng Giao thông, xây dựng và phát triển đô thị và muốn loại bỏ dự án vệ tinh Galileo của châu Âu, vốn ngày càng đội thêm chi phí lên những nguyên thủ quốc gia EU.

Phô bày quyền lực công khai không phải phong cách của Merkel. Bà không la ó: bà nói chuyện khẽ khàng. Bà không nện năm đấm lên mặt bàn, bà thà làm việc muộn vài đêm và làm kiệt sức đối thủ của mình hơn. Bà xem lá phiếu tín nhiệm ở Quốc hội Đức là dấu hiệu của sự yếu đuối. Nếu bị buộc phải yêu cầu phiếu tín nhiệm, bà biết mình đã hết thời. Tuy nhiên, khi chính phủ liên hiệp không cho bà có được đa số phiếu trong cuộc bỏ phiếu lớn cuối cùng về vấn đề đồng euro vào mùa hè năm 2012, bà không mấy may mắn. Nhờ đảng đối lập, bà vẫn có đủ số phiếu cần thiết, trong trường hợp này là hai phần ba đa số phiếu. Điều quan trọng nhất là sự đồng lòng này đã kéo các đảng phái lại với nhau - mọi thứ khác đều là thứ yếu.

Cuộc khủng hoảng đồng euro là thách thức lớn nhất cho quyền lực của bà. Merkel không thể hiểu được đối thủ. Có quá nhiều yếu tố không thể tính toán được, quá nhiều đấu thủ có sức ảnh hưởng lên cuộc chơi. Bà biết những sự kiện và phẩm cách sẽ quyết định số phận bà - có lẽ bà chỉ có ảnh hưởng giới hạn lên đảng FDP, chiến thắng vào cuộc tổng tuyển cử năm 2013. Hay nội các Hy Lạp, hay thủ tướng Tây Ban Nha hay thị trường tài chính vào thời điểm trái phiếu chính phủ Pháp tiếp theo được phát hành. Ngày kết toán của bà sẽ đến vào lúc bà ít ngờ đến nhất - bà cũng biết điều đó. Nhưng bà sẽ để lại gì sau lưng?

Với chính sách khắc nghiệt trong suốt cuộc khủng hoảng, Merkel đã tạo ra được một vai trò mới cho nước Đức. Bị cô lập giữa trung tâm châu Âu,

quốc gia này đương đầu với nhiều sự thù địch hơn bất cứ lúc nào trong hơn nửa thế kỷ của lịch sử châu Âu được chung tay xây dựng. Song họ cũng được ngưỡng vọng nhiều không kém. Điều này không khiến Merkel trở thành một nhân vật nổi tiếng tại nhiều phần ở châu Âu. Nước Pháp của Hollande đã tránh xa bà một cách hèn yếu, bởi họ thiếu khả năng tiến hành cải cách trong khi làm ngơ trước những xu hướng toàn cầu lớn. Tất cả những điều này giúp xoa dịu nước Đức và nữ thủ tướng, dẫu vậy phân bố quyền lực không đồng đều tại châu Âu vẫn rất nguy hiểm. Nếu Merkel muốn xây dựng một châu Âu mới, với một chính phủ liên minh kinh tế khỏe mạnh, với sự giám sát các ngân hàng, với sự kiểm soát dân chủ chặt chẽ hơn, thì bà sẽ phải nói rõ với người dân Đức rằng họ sẽ phải tuân thủ một hệ thống mới, một hệ thống sẽ đối xử với họ tàn nhẫn như với bất cứ ai khác nếu họ phá vỡ những luật lệ.

Trên tất cả, những nước châu Âu khác sẽ phải tin rằng một cường quốc độc lập mới không đột nhiên xuất hiện từ hư không, mà phải cần đến sự cân bằng. Châu Âu mới không thể biến thành châu Âu của Đức - điều này sẽ không bao giờ trở thành hiện thực. Merkel sẽ chẳng đem lại lợi ích gì cho châu lục này và chính đất nước của bà chỉ bằng những màn thuyết giáo về năng suất lao động, giá nhân công thấp và dậy sớm. Châu lục này cũng phải nhận ra rằng hệ thống phúc lợi, tự do và an ninh của họ sẽ bị đe dọa nếu những bộ luật được thỏa thuận chung bị phá vỡ.

Merkel tỏ ra bình thản một cách đáng ngạc nhiên trong những địa hạt thường nhật và quen thuộc của bà. Lương tâm bà thanh thản. Bà đã lãnh đạo nước Đức lâu hơn bất kỳ ai từng trông đợi. Thực tế ngay từ đầu việc bà lãnh đạo nước này từng là điều gần như bất khả thi vào đầu cuộc bầu cử năm 2005. Và bà sống trong sự công nhận rằng tám năm làm thủ tướng là một thành tựu đáng kính trọng. Nhiều vị tiền nhiệm của bà không trụ lâu

được đến thế. Tham vọng của bà là một nhiệm kỳ thứ ba - việc này giống như được phong quý tộc. Nhưng từ ngày đầu tiên sau khi tái đắc cử, bà cũng chịu gánh nặng ý thức thời gian đang cạn dần. Merkel đủ thực tế để hiểu điều đó. Những năm tháng khủng hoảng đã gây ra nhiều thiệt hại. Công việc chính quyền làm kiệt quệ những người đảm nhiệm chúng.

Merkel đã tích lũy được nhiều vốn liếng chính trị. Bà biết thế. Đến lúc nào đó bà sẽ bị cám dỗ phải đầu hàng, phải chịu rủi ro, phải đặt hết trứng vào một rọ. “Đến lúc nào đó” có lẽ là khi bà phải đối mặt với một trở ngại lớn. Hoặc có lẽ tất cả sẽ mãi chỉ là một sự cám dỗ - Angela Merkel sẽ luôn là Angela Merkel - giàu mưu lược, cẩn trọng, sẵn sàng hứng chịu rủi ro chỉ khi những điều này không còn là rủi ro nữa.

Vậy còn lại những gì? Thực tế phi thường rằng cô gái đến từ Templin đã trở thành một nữ nguyên thủ quốc tế - có lẽ là vị nguyên thủ mạnh mẽ và chắc chắn là vị nguyên thủ quyền lực nhất mà Cộng hòa Liên bang Đức từng biết đến. Angela Merkel sẽ mãn nguyện khi biết rằng bà không chỉ nhìn thấy được thế giới, như bà từng muốn lúc còn nhỏ, mà bà còn thấu hiểu được thế giới và thay đổi lộ trình của nó một chút.

Và đến một lúc nào đó, cử tri sẽ chán chường với phong cách của bà và đảng của bà sẽ nổi loạn - điều đã xảy ra với Helmut Kohl. Khi đó sẽ rõ rằng thời gian làm thủ tướng của Angela Merkel đã chấm dứt. Mọi hệ tư tưởng thời đại đều thay đổi và thời gian rồi sẽ hết.

NĂM KHỦNG HOẢNG CỦA NỮ THỦ TƯỚNG

Angela Merkel đã không bao giờ ngờ nhiệm kỳ thủ tướng thứ ba lại dành vào việc cố gắng cho di sản chính trị của bà. Nhưng Merkel đã chuẩn bị cho những khủng hoảng và thảm họa mà bà sẽ vượt qua sau ngày bầu cử. Gần như trong vòng nửa năm, những “đám cháy” mới trên thế giới đã liên tiếp diễn ra không khác gì một cơn mưa thiên thạch. Giai điệu của nền dân chủ đang bào mòn chính phủ của nó. Những năm sau năm 2013 không còn có thể được lý giải bởi những ý niệm thông thường về sự thăng trầm của việc “kinh doanh dân chủ.” Angela Merkel đã trở thành tâm điểm của nhiều cuộc khủng hoảng, như cách các nhà khoa học chính trị vội vàng đặt tên cho giai đoạn này. Nhà bình luận người Mỹ Robert Kagan đã viết về “khủng hoảng của trật tự thế giới.” Và như thế bao nhiêu thế lực hắc ám đồng loạt tháo cũi sổ lồng.

Ukraine, đồng euro tại Hy Lạp và cuối cùng là vấn đề người tị nạn - Merkel đã trải qua không chỉ đầy rẫy tai ương, mà cả những thách thức khó khăn không ngừng tiếp diễn chưa rõ hồi kết. Trên thực tế, thế giới dường như đang sụp đổ và tại châu Âu đã nổi lên một thế lực mới nhờ vào việc nước Đức - cùng nữ thủ tướng của họ - bỗng dưng đóng vai trò chủ đạo giữa tất cả những khủng hoảng này. Như thế tám năm trước đây chỉ là khoảng thời gian khởi động khi giờ đây, tất cả tài năng của bà đều đang được cần đến.

Giữa lúc chính phủ Đức đang sắp xếp nội các, vào ngày 21 tháng 11 năm 2013, Tổng thống Ukraine lúc bấy giờ là Viktor Yanukovich từ chối ký thỏa thuận hợp tác và thương mại tự do với Liên minh châu Âu, để rồi

kích hoạt cuộc khủng hoảng nhà nước nghiêm trọng nhất kể từ cuộc chiến Balkan. Sau hàng loạt các cuộc biểu tình, bạo loạn bùng phát ở quảng trường (maidan) trung tâm thủ đô Kiev, và sự trốn chạy của Yanukovich, đất nước Ukraine trải qua khủng hoảng chính biến chưa từng có nhằm vào các thiết chế, truyền thông và cuối cùng là một phần lãnh thổ của họ rơi vào tay Nga, vốn kéo dài đến tận tháng 3 thông qua vụ sáp nhập Crimea và nhiều tháng trời giao tranh tại miền đông nước này.

Merkel đã được đưa vào trung tâm của cuộc khủng hoảng từ những giây phút đầu tiên - khi là vị lãnh đạo chính phủ duy nhất tại châu Âu vẫn duy trì một kênh liên lạc ngoại giao với Tổng thống Nga Vladimir Putin. Mối quan hệ của bà với Putin, vốn luôn phức tạp - đầy tôn trọng nhưng cũng nhiều nghi ngờ sâu sắc, được nuôi dưỡng bởi sự ngưỡng mộ lẫn nhau nhưng còn tồn tại nhiều định kiến. Cuộc khủng hoảng Crimea và cuộc chiến ở Donbass sẽ củng cố những ngờ vực tệ hại nhất của Merkel. Bà là người luôn tin rằng có thể đối phó với Putin, cũng như hình thành một quan điểm vững chắc về những người cai quản Điện Kremlin.

Đó là vào một ngày tháng 3, sau nhiều cuộc điện đàm không có kết quả và các cuộc tranh cãi cứng rắn với Putin, Merkel đi đến kết luận: Người đàn ông này đã lừa dối bà, và với ông, bà không còn có thể hợp tác trong tin cậy.

Merkel đi đến kết luận này khi Putin thông báo cho bà qua điện thoại, đề cập đến việc quân đội đặc nhiệm Nga đã chiếm đóng một nửa Crimea. Trước công luận Putin đã luôn phủ nhận điều đó, và khẳng định Nga vô tội. Đối với Merkel tại thời điểm này, tuyên ngôn của Putin đã giảm giá trị. Và bà quyết định ngăn chặn mục tiêu thực sự của vị Tổng thống Nga.

Putin nhắm đến việc sáp nhập Crimea và cuộc chiến ở Donbass hơn là sự ổn định của Ukraine. Nhưng đối thủ thật sự của ông lại là Liên minh

châu Âu và sức mạnh dân chủ và tổ chức của nó, đã được hình thành nhờ sự giúp đỡ của Chính sách Láng giềng EU và Hiệp ước liên minh. Đối với một tổng thống bị tổn thương nhiều bởi sự sụp đổ của Liên bang Xô viết, cộng đồng này là một thách thức thực tế từ phương Tây. Merkel biết điều này và đã sử dụng tất cả sức lực để đối phó chính sách chia rẽ của Putin. Cam kết của bà: châu Âu không được tranh cãi vì Ukraine, không được phép chia rẽ vì lợi thế chính sách năng lượng hay cán cân thương mại. Mỗi quan ngại của EU là phong cách lãnh đạo độc đoán của Putin sẽ không tránh khỏi có ảnh hưởng với phương Tây, nơi mà nền dân chủ châu Âu đã bị suy yếu, cuộc khủng hoảng đồng euro và các tổ chức có ảnh hưởng xuất hiện khắp châu lục này như nấm mọc sau mưa.

Vũ khí quan trọng nhất của Merkel là những biện pháp trừng phạt và sự thống nhất của EU. Cả hai đã phụ thuộc vào nhau, và cả hai đã hơn một lần bị đe dọa trong suốt một năm nóng bỏng của cuộc khủng hoảng. Các mối đe dọa từ Nga đã tác động đến cảm giác an toàn của người dân châu Âu, cũng như tác động đến ý chí của ủy ban châu Âu với mong muốn mở rộng đôi khi ngây thơ và mang tính cơ học. Nhưng trên tất cả, nó đã có một tác động đến cán cân quyền lực trong nội bộ EU, nơi vị nữ thủ tướng Đức là người nắm quyền chỉ huy trong cuộc khủng hoảng.

Bà Merkel đã không có mặt cùng Tổng thống Pháp François Hollande trong vòng đàm phán cuối cùng. Hollande, người đã triệu tập nhiều quốc gia tham gia nhóm đàm phán nhân lễ kỷ niệm cuộc đổ bộ của phe Đồng minh lên Normandy vào tháng 6 năm 2014, trong mắt Merkel là sự đảm bảo cho một châu Âu gắn kết. Sự cứng nhắc của các cuộc đàm phán - ở Kiev, ở Moscow, sau đó ở Minsk - là chắc chắn phải có. Ông Putin, người đánh giá thấp Merkel vào giai đoạn đầu của đời sống chính trị, đã hiểu được sức chịu đựng bền bỉ của Merkel và sự kiên trì của bà. Cuối cùng và sau nhiều đêm

đàm phán ông đã hướng vào Hiệp định Minsk - có lẽ vì ông đã đạt được mục tiêu của mình: Ukraine đã thực sự bị chia cắt và dự đoán không thể tái lập quan hệ với EU. Liên minh châu Âu đã vượt qua khủng hoảng mà không rơi vào một cuộc xung đột mở hay thậm chí đối đầu nhau, và đây là công lao của Merkel.

Danh tiếng của Merkel không ngừng tăng cùng với cuộc khủng hoảng Ukraine. Ảnh hưởng mới này đã được cảm nhận trong cuộc khủng hoảng đồng euro. Nhưng bây giờ Merkel đã chứng minh trong một cuộc đối đầu địa chính trị - cũng bởi vì bà được quyền. Quyền lực của Merkel phản ánh sự bất lực của các quốc gia khác, và trên tất cả là bằng chứng cho sự vắng mặt của Hoa Kỳ. Tổng thống Barack Obama đã đề ra phương châm phó thác cho người châu Âu tự giải quyết các vấn đề của họ. Merkel, đã tiếp quản vai trò lãnh đạo nhờ vào sức mạnh kinh tế của Đức và sự suy yếu tương đối của các nước đồng minh lớn là Pháp và Anh trong cuộc khủng hoảng đồng euro.

Sự rút lui của Mỹ càng tỏ ra nghiêm trọng trong con mắt của người Đức sau những hé lộ của đặc vụ Edward Snowden. Các hoạt động của NSA gây phẫn nộ trong lòng người Đức, và bức xúc càng dâng cao hơn khi Merkel thông báo vào tháng 10 năm 2013, ngay sau cuộc bầu cử quốc hội, rằng điện thoại di động của bà đã bị nghe trộm. Cuộc khủng hoảng song phương với Mỹ làm tăng sự xa cách - và tác động gián tiếp vào sức mạnh của bà Merkel. Chính nữ thủ tướng Đức đã kêu gọi Tổng thống Mỹ can dự nhiều hơn nữa vào việc hạn chế chính sách quân sự ở Ukraine. Obama tìm kiếm lời khuyên - ông để cho châu Âu tự lo liệu. Người Đức thất vọng sâu sắc trước những vụng dại về mặt chiến lược của Mỹ.

Hiệp định Minsk - còn chưa được đàm phán vì sẽ dẫn đến khủng hoảng lớn tiếp theo - lần này là hoàn toàn tự chế, nhưng với tác dụng tai hại lên

nhận thức về Merkel ở châu Âu. Về cuộc bầu cử tổng thống mới của nước Hy Lạp, các bên đã tranh cãi ở Athens để buộc phải diễn ra cuộc bầu cử mới. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015 Alexis Tsipras trở thành nhân vật quyền lực mới của Hy Lạp - được bầu chọn minh bạch, để làm cho tình hình khác đi. Như ông đã hứa như vậy.

Tiếp theo đó là sáu tháng kịch tính nhất của chính sách đồng euro với một chính quyền ở trung tâm, vốn đã muốn định đoạt cả cộng đồng còn lại và lập luận cứu trợ, chính là những việc Merkel đã không ngừng phản đối bao năm nay. Tsipras và đặc biệt là Bộ trưởng tài chính Hy Lạp, Janis Varoufakis đã buộc khu vực đồng euro vào một cuộc thử nghiệm ý chí, dẫn đến bế tắc trong thanh toán, đóng cửa ngân hàng và gần như phá sản của cả một quốc gia. Cuộc xung đột này là một yếu tố gây chia rẽ trong liên minh nội các của bà Merkel, lên đến mức độ ghét bỏ nhau giữa thủ tướng và bộ trưởng tài chính của mình. Wolfgang Schäuble đã công khai đối kháng vào cuối giai đoạn này.

Tuy nhiên Merkel đã quyết định muốn giữ Hy Lạp trong khu vực đồng euro với bất cứ giá nào. Bộ trưởng tài chính Schäuble muốn để cho Hy Lạp vỡ nợ và xem đây chính là giải pháp tốt nhất để EU thoát khỏi cuộc khủng hoảng nợ công khổng lồ. Merkel đã thắng thế, buộc Hy Lạp thực hiện những cải cách mới, vốn luôn bị Schäuble nhận xét là “không thể thực hiện” được. Nhưng trong bao lâu? Không ai trả lời được câu hỏi này.

Nhưng trong nhận thức của công chúng châu Âu, khuôn mặt của Merkel một lần nữa thể hiện “người Đức xấu xí”, đất nước thống trị ở giữa lục địa đã bắt phần còn lại làm con tin. Phân tích phức tạp nhưng khá chính xác của bà Merkel: Ai cho phép Hy Lạp ngoại lệ cải cách hay cắt giảm nợ mới, mà ngày mai sẽ tạo ra vấn đề tương tự ở Tây Ban Nha và Ý. Thậm chí còn có sự đơn độc ở người đứng đầu chính phủ Berlin. Cuối cùng bà đã loại bỏ

nhóm các nguyên thủ và một mình nắm quyền lực. Vào thời điểm này Merkel là nữ thủ tướng tại nhiệm lâu nhất, bà gặp đủ loại vấn đề và đã giải quyết. Bà có kinh nghiệm hầu như không bao giờ thất bại và đầy quyền lực. Cho đến khi những người tị nạn đến.

Không ai có thể nói là không được cảnh báo. Không ai có thể tỏ ra bất ngờ. Vậy nhưng cuộc khủng hoảng người tị nạn đã diễn ra khắp nước Đức và châu Âu như một cảnh tượng tự nhiên. Hạn ngạch nhập cư đã quá tập trung vào Hy Lạp trong nửa đầu năm 2015, do đó có lẽ công chúng tại Đức đã bỏ qua hai cuộc họp đặc biệt của nội các, trong đó đã thảo luận về người di cư ồ ạt một cách đáng lo ngại - cho đến tháng 6 năm 2015 người nhập cư vào đất nước này đã bằng toàn bộ số người nhập cư của cả năm trước.

Cùng thời gian đó, Merkel đã có cuộc họp riêng về chủ đề này. Cô bé tị nạn người Palestine tên Reem Sahwil đã xuất hiện cùng với bạn học của mình để thảo luận với bà Merkel vào tháng 7. Cô bé 14 tuổi này hỏi nữ thủ tướng tại sao bà không thể chắc chắn rằng cô được phép ở lại Đức. Merkel đã trả lời một cách chính xác bằng một tuyên bố, sau đó giải thích một cách lạnh lùng: Không thể ở lại, luật pháp quy định như vậy. Reem đã khóc trước máy quay và bà Merkel làm cho tình hình tồi tệ thêm bằng cách an ủi vụng về. Phần lớn những gì diễn ra sau đó đã được giải thích bằng cảnh này: bà Merkel, cô bé bị tổn thương, Merkel không muốn có vẻ tàn nhẫn. Nhưng đó chỉ là một phần nhỏ của sự thật.

Không ai thật sự chắc về động cơ chính xác của nữ thủ tướng trong suốt những tháng đầu tiên của cuộc khủng hoảng người tị nạn. Merkel đã trả lời nhiều cuộc phỏng vấn về các quyết định của mình; bà liên tục trao đổi thông tin với những người thân tín, các quan chức cấp cao cùng cố vấn chính trị của bà. Từ những mảnh ghép này có thể tạo ra một bức tranh lớn hơn giúp người ta hiểu thêm về những quyết sách của bà. Còn việc bà có

khôn ngoan về mặt chính trị hay không thì lại là một câu chuyện hoàn toàn khác. Không nhiều người có thể thật sự hiểu về nữ thủ tướng.

Trước đó Merkel đã nhận thức được quy mô người tị nạn. Bà đã đề cập đến mọi khía cạnh của chủ đề này vào đầu tháng 8 và có một số điều chắc chắn không thể chối cãi. Đó là: số lượng người tị nạn là rất lớn, và mọi người sẽ không thể dừng - không thể ngăn dòng người tị nạn bằng hàng rào và súng đạn. Điều chắc chắn tiếp theo: Mục tiêu của dân tị nạn trước hết sẽ là Đức, bởi vì Đức được coi là một cường quốc kinh tế ở châu Âu với một trong những chính sách tị nạn tự do nhất. Điều này dẫn đến điều chắc chắn thứ ba: Đức phải làm hết sức mình để giúp đỡ. Mỗi phản ứng thủ thế sẽ chỉ kích động tâm trạng của người tị nạn và góp phần vào một sự leo thang nguy hiểm. Điều chắc chắn thứ tư: Ai sẽ giải quyết về lâu dài vấn đề này - vấn đề đã buộc châu Âu leo một nấc thang mới trong chính sách về di cư, của việc kết thúc cuộc chiến ở Syria và thậm chí định hướng lại chính sách đối ngoại của những nước thành viên.

Giữa tháng 8 năm 2015, bà Merkel đã bị chỉ trích vì tính phòng thủ và thiếu đồng cảm khi đến thăm một trại tị nạn. Trước cổng, một nhóm nhỏ người biểu tình cực đoan đã xúc phạm gọi bà là “kẻ phản bội dân” (nguyên văn tiếng Đức: Volksverräterin). Trong trại thì bà được tiếp đón bằng sự tung hô. Merkel đã bị kích động khi những lời chỉ trích bà không ngơi giảm. Một vài ngày sau đó, bà đã có một câu nói nổi tiếng, mà giờ đây như gong cùm đeo vào cổ: “Nước Đức sẽ giải quyết được cuộc khủng hoảng này!” (*Wir schaffen das!*)

Gần như cùng thời điểm, một đoạn tweet (tin nhắn trên mạng xã hội Twitter) bởi Văn phòng di trú liên bang Đức đã tạo ra những kỳ vọng dâng cao trong cộng đồng người tị nạn: Đức sẽ vô hiệu hóa Điều luật Dublin, người tị nạn chiến tranh từ Syria sẽ không bị tự động trao trả về biên giới

bên ngoài EU và cũng không phải đăng ký tị nạn tại Đức. Thay vào đó, họ sẽ được cho phép nhập cư vào Đức ngay khi có mặt trên lãnh thổ nước này. Hợp âm kết thúc cho khúc nhạc mở màn cuối cùng đã được tấu lên vào tuần đầu tiên của tháng 9 năm 2015, khi Merkel cho phép người tị nạn đang bị mắc kẹt tại Budapest được di chuyển thẳng đến Đức. Và khi những người nhập cư này được chào đón nhiệt liệt tại nhà ga chính của thành phố Munich với gấu bông và những tràng vỗ tay, những hình ảnh đó mở ra một hiệu ứng to lớn. Trong con mắt của người tị nạn, Đức giờ đã hóa thành miền đất hứa.

Trong con mắt của các nhà phê bình Merkel đã phạm nhiều tội trọng. Và quá đủ nhà phê bình rồi đó. Merkel đã không giới hạn việc mở cửa biên giới, bà đã không thu hồi quyết định của liên bang, bà đã không nhận được sự hỗ trợ cho đường lối của bà trong số các đối tác EU, bà đã không khiến được các đồng nghiệp trong đảng của bà bắt tay vào hành động còn người Đức thì hoàn toàn không. Tóm lại: Nữ thủ tướng đã biến Đức và châu Âu thành một vùng đất huyền thoại Eldorado của người tị nạn vì một lý do kỳ lạ. Những dòng người dài vô tận dọc theo tuyến đường Balkan càng thêm ấn tượng.

Cơn bão đã ập đến với Merkel, theo cách bà chưa từng trải qua trong suốt mười năm làm thủ tướng. Hầu hết châu Âu khước từ bốn phân, chỉ có Thụy Điển và Áo là những quốc gia trụ cột chịu trận. Tại Đức, công chúng phản ứng. Đối thủ chính trị của bà Merkel vỗ tay, trong khi đảng của bà lại luôn đối lập với bà. Giờ khắc tồi tệ nhất bà trải qua tại đại hội đảng của đảng anh em CSU, chủ tịch Horst Seehofer của đảng này đã chỉ trích bà suốt 15 phút. Một sự bẽ mặt chưa từng có.

Phản ứng của Merkel trong các khủng hoảng thường xuyên là thu mình lại và làm việc không ngừng. Tất nhiên, bà luôn gây ra nhiều lỗi mới - vấn

đề phối hợp trong liên minh, tranh chấp giữa các bộ trưởng, yêu cầu các đối tác châu Âu giúp đỡ không hiệu quả. Merkel đã bị cuốn vào đó.

Trong mắt của họ, bà đã trải qua một thử thách khó khăn nhưng luôn tin rằng mình đi đúng hướng. Sẽ phải mất một thời gian, luôn là vậy ở cương vị thủ tướng, rồi người ta mới nhìn thấy kết quả. Merkel sẽ giữ cho mọi chuyện đúng đắn với việc phối hợp lòng nhân đạo và chính sách kiểm soát cơ bản.

Thật bất thường cho nữ thủ tướng khi bà vấp phải quá nhiều sai lầm và cho thấy ít sự linh hoạt đến thế trong việc đối phó với cuộc khủng hoảng đang leo thang. Chính phủ các nước đồng minh thân hữu rất bối rối và bắt đầu phân tích sức mạnh còn lại của nữ thủ tướng. Phần lớn (chính phủ) các nước châu Âu đã suy yếu rồi, nên không ai muốn chứng kiến người đứng đầu nước Đức cũng “loạng choạng” nốt.

Thực tế, Merkel đã phạm những lỗi không điển hình với tính cách của bà. Thứ nhất, bà đã đơn độc xử lý vấn đề. Thông thường các bộ trưởng hoặc nhóm chuyên gia được liên kết với nhau trong một cuộc khủng hoảng. Lần này, Merkel đã ngay lập tức ở đó. Kế tiếp bà đánh giá không đúng hiệu quả lời kêu gọi giúp đỡ từ phần còn lại của châu Âu. Lần đầu tiên trong tất cả các năm tháng khủng hoảng, Đức không có sức ảnh hưởng để buộc các đối tác EU phải hành động. Đất nước này bất ngờ thành người cầu xin - và phải trả giá không ít cho quan hệ quyền lực mới đó. Nước Đức quá quyền lực đã quá lâu.

Merkel cũng đánh giá không đúng quyền lực của mình với đảng của bà. Liên minh giữ im lặng trong một thời gian dài, nhưng áp lực từ dưới lên lẫn từ trên xuống gia tăng. Merkel không có thời gian để nói lời ngăn cản và không tán thành. Bà thiếu sự đồng cảm đối với tất cả người dân trong nước

vốn đã phải làm việc quá nhiều nhìn người tị nạn và lo sợ cho cuộc sống của chính mình.

Cuối cùng, những ngã đường của Merkel đã bị chặn hết. Vì đã hết giải pháp cho việc ứng biến, nên bà chỉ có thể tiếp tục trung thành với đường lối của chính mình. Dấu ấn trong sự nghiệp chính trị của Merkel - tài năng đàm phán và kỹ năng linh hoạt của bà - đã bị lấy đi, không chỉ bởi những kẻ chỉ trích bên trong phe cánh của bà, mà còn bởi chính Thủ hiến vùng Bavaria Horst Seehofer.

MERKEL ĐI ĐẾN KẾT THÚC, HAY KẾT THÚC CHO MERKEL?

Vẫn chưa thể có một đánh giá công bằng về cuộc khủng hoảng người tị nạn. Vấn đề này vẫn đang phát sinh diễn biến mới. Cuộc chiến ở Syria ngày càng thu hút nhiều người tham gia, còn vụ khủng bố ở Paris thì đem lại cho người châu Âu một phó phẩm xuất khẩu của quá trình phân rã của quốc gia Trung Đông này. Chính sách tị nạn của bà Merkel đã đột nhiên mờ nhạt dưới những vấn đề lớn hơn đang bao trùm châu Âu. Cũng như vẫn chưa rút ra được đánh giá toàn diện cuối cùng cho việc nghiên cứu về Merkel trong cuộc khủng hoảng đồng euro.

Chỉ khi khủng hoảng tăng lên, người ta mới hiểu Merkel đảo ngược tình hình đến mức nào. “Nếu sai lầm, chúng ta lập tức biết ngay; nếu đúng, có lẽ 20 năm sau nó sẽ được ghi nhận,” đó là quan điểm trong đường lối của Merkel. Đây là cách nói giảm nhẹ kinh điển. Và chưa kể, nữ thủ tướng đã không mạo hiểm quá nhiều như mười năm trước đây.

Trong những thời khắc yên tĩnh của cuộc khủng hoảng đồng euro, nữ thủ tướng từng nói, bà luôn phản đối và chỉ luôn đưa ra các đường lối chính sách kinh tế cứng rắn. Bà không muốn theo mô hình tiền tệ vô tâm này. Khi bà đến Bồ Đào Nha, Hy Lạp hoặc Tây Ban Nha, bà đã được đón chào bằng những lá cờ chữ thập ngược, người biểu tình đốt cháy những hình nộm bằng rơm của bà, bộ ria Hitler được vẽ lên mặt bà. Merkel không thể lãnh đạm. Bà một mình chèo lái đến cùng tìm con đường đúng dẫn thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, bà cuốn vào hết tranh luận này đến tranh luận khác, lặp đi lặp lại - và đến cuối luôn luôn có cùng một kết quả kiểu: từ trước tới nay không ai có thể chỉ ra cho bà con đường nào tốt hơn. Nếu bà đồng ý rằng đơn giản

người ta chỉ cần đổ thêm tiền cho Hy Lạp khi bắt đầu cuộc khủng hoảng thì sao? Rằng Ngân hàng Trung ương châu Âu cứ in tiền không điều kiện? Giới thiệu đó là trái phiếu châu Âu hay khối nợ chung? Bất kể tất cả những khó khăn về chính trị trong nước và pháp lý: Merkel không tìm thấy gì, bởi vì mọi động lực cho việc cải cách đều đã ở đó. Trái phiếu euro mà không có chính phủ châu Âu sẽ là một lỗi hệ thống tồi tệ. Một mình nước Đức không thể gánh khoản nợ khổng lồ của các nhà nước châu Âu - “quyền lực không phải là vô hạn,” bà luôn lặp lại câu nói đó vào năm 2012. Hệ thống kinh tế của châu Âu sẽ sụp đổ, bởi vì nó không còn có thể cầm cự trước các thế lực cạnh tranh toàn cầu. Đó là điều Merkel tin chắc.

Có phải thậm chí bà đã cho qua tất cả khía cạnh duy lý trong cuộc khủng hoảng người tị nạn và đặt mình vào vị trí của những người đang gánh chịu? Có phải bà muốn lại được yêu mến vì quyết định của mình? Mùa thu năm 2015, một lần nữa Merkel đã rơi vào những tháng ngày lo lắng, bà hành xử như con gái của mục sư, thuần túy cảm tính, thậm chí từ quan điểm của một người Đông Đức, những người vẫn còn thấy sờ sờ trong tâm trí hình ảnh đồng bào họ chạy trốn qua hàng rào của Hungary vào năm 1989. Nhưng cuộc tìm kiếm một nữ thủ tướng hành động theo cảm xúc không đi xa. Merkel vẫn là người duy lý kinh điển. Nếu có điều gì xuất phát từ quan điểm này, đó chỉ là: Merkel nhìn châu Âu từ một khoảng cách phê phán và luôn luôn thất vọng về sự sẵn sàng vận động ít ỏi của xã hội. Bà là người phải làm lại cuộc đời sau khi Bức tường sụp đổ, bà đã mất tất cả nhưng cũng giành lại được tất cả, và mong muốn nhìn thấy thêm nhiều sự cởi mở và công khai trong cư dân châu Âu. Có những chuyện bà còn sợ hơn là sự bế tắc ở châu Âu, đó là sự khô cứng về tinh thần và chính trị, sự sụp đổ cơ cấu dân số, vốn dĩ cuối cùng đều đổ vào thành dòng chảy tổn thất to lớn về kinh tế và chính trị.

Merkel không suy nghĩ theo thông thường về những lựa chọn thay thế khắc nghiệt. Giữ lại hay cải tổ; tiếp nhận hoặc từ chối người tị nạn. Thế nên tình hình vẫn vậy. Bà chỉ làm theo một sự trưng cầu - Merkel có thể nêu một giả thiết. Đồng euro cần được bảo vệ. Hoặc: châu Âu phải duy trì bộ mặt nhân đạo của nó. Và bởi vì là người có tính hệ thống, bà dẫn giải từ tiền đề này ra nhiều tiền đề phụ rồi lại rất nhiều tiền đề cấp dưới nữa. Như: đồng euro cần được bảo vệ - và đồng euro sẽ mạnh hơn khi kết thúc khủng hoảng. Hoặc: đồng euro cần được bảo vệ - rất có thể với tất cả 17 nước sử dụng đồng euro. Chuyển hóa sang cuộc khủng hoảng người tị nạn thì cây quyết định sẽ như vậy: châu Âu phải duy trì phẩm chất của nó, phải để cho tính thống nhất của nó sống bằng hệ thống tự do biên giới và sử dụng sức ảnh hưởng chính trị của liên minh để giải quyết cuộc khủng hoảng.

Đôi khi Merkel tự hỏi tại sao bà được trao quyền năng tối thượng này. Thực tế, trong tất cả những năm tháng khủng hoảng bà vướng vô số hạn chế: chính trị đối nội Đức, Tòa án Hiến pháp, ngày bầu cử, thay đổi chính phủ tại các nước đối tác, bất ổn lên cao nhất trong các liên minh ở châu Âu - Merkel đã luôn luôn phụ thuộc vào các đồng minh của mình. Có lẽ vấn đề lớn nhất ở giai đoạn thứ ba của cuộc khủng hoảng này là vai trò nổi bật của Đức, quốc gia đi đầu bất chấp bản thân mình. Không, người Đức đã không đổ xô chạy trốn châu Âu và là mũi nhọn của châu lục này một cách không tranh giành. Không phải quốc gia này chớp lấy khoảnh khắc làm bá chủ một nửa, mà đơn giản là điều đó đến tay nó. Sự yếu kém của các nước láng giềng, đặc biệt là Pháp, và sức chịu đựng của bà Merkel đi đôi với bản tính khôn khéo, phòng thủ của bà - khiến chuyện đó xảy ra. Chính sách của châu Âu đã được hướng về bà như nam châm hút vụn sắt. Khi bà cho thấy sự yếu mềm của mình trong cuộc khủng hoảng người tị nạn, đó cũng chính là khoảnh khắc cân bằng nổi tiếng của châu Âu: các thế lực ở châu lục này đã

được điều chỉnh lại. Một nước Đức quá hùng mạnh không nằm trong những kế hoạch của Liên minh châu Âu.

Bất chấp tính duy lý, trong chính sách của bà Merkel vẫn còn một sự khó chịu rất lớn. Toàn bộ logic này sẽ dẫn tới đâu? Toan tính và toan tính đối lại sẽ dẫn đến đâu? Có phải bà đã bỏ lỡ thời khắc quyết định trước sự cân đong rủi ro lớn, thời khắc mà người ta lẽ ra nên can đảm thực hiện - hoặc thậm chí nhảy qua? Nữ thủ tướng sẽ dẫn dắt tất cả mọi thứ đến đâu? Cuộc khủng hoảng đã hủy hoại con người, trong lịch sử hậu chiến chỉ rất ít vấn đề kéo dài sự kiên nhẫn của công chúng lâu như nỗi lo ngại về đồng euro và việc di cư. Cuối cùng cũng phải kết thúc, nhưng một Merkel khắc kỷ hứa hẹn không có kết thúc. Bà kêu gọi thêm kiên nhẫn và chờ đợi. Cuối cùng thì công chúng hoặc sẽ cảm nhận được cái giá của nó, hoặc sẽ muốn nghe một lời nói quyền lực. Nhưng Merkel không phải là thủ tướng Basta*, mà là người trái ngược với Schroeder, và do đó thiếu sự bốc đồng và hay cảm tính, những điều có thể làm cho người ta chịu đựng được cuộc khủng hoảng này. Có lẽ thậm chí bà còn làm quá sức, chơi ván poker bằng tiểu xảo kéo quá dài, trong khi lẽ phải có những quyết định khó khăn từ lâu - ví dụ giảm bớt ủng hộ Hy Lạp hay từ chối nhập cảnh cho người di cư.

Một trong những người am hiểu Merkel nhất từ môi trường của bà nói rằng nữ thủ tướng là một chính trị gia hậu chính trị hoàn hảo. Điều đó có nghĩa là một sự công nhận vì sân khấu chính trị đang bị chiếm chỗ bởi nhiều chính trị gia hậu chính trị. Hậu chính trị có nghĩa là: không cố định, thả nổi, không có hoặc nhiều nhất là có rất ít lập trường, giữ linh hoạt, chờ đúng thời điểm. Không phải là những phẩm chất xấu trong một hệ thống bị kiểm soát quá mức vốn nuốt chửng những nhà lý thuyết.

Mười năm làm thủ tướng trong mật độ khủng hoảng bất thường này cũng đã bào mòn một người phụ nữ có cấu trúc thép và nghiện công việc

một cách không mệt mỏi. Lúc này Merkel đã trở nên cô độc trong văn phòng, hơn so với Helmut Kohl và Gerhard Schröder. Bà từ chối phần lớn lời khuyên từ bên ngoài vì có quá nhiều kinh nghiệm tiêu cực. Bà đối xử theo thứ bậc trong đảng và giao tiếp trực tiếp và tương đối thành công với cơ sở. Trung ương chính phủ liên minh hình thành nhưng lại là thứ yếu, các lãnh đạo tương lai xuất thân từ CDU. Những nhân vật tính cách thực sự mạnh mẽ và có khí chất không ủng hộ bà. Nhưng bà trung thành một kiểu mẫu chính trị gia, vốn gắn chặt với bản thân bà: lý trí, kỷ trị, phân tích. Tất cả chiến thuật của quyền lực. Tất cả chính trị gia hậu-chính trị. Các chiến lược to tát và những lời lẽ đao to búa lớn không có chỗ trong vũ trụ của nữ thủ tướng.

Phong cách của Merkel cũng biện minh quyền lực của Merkel. Đúng vậy, Angela Merkel nhận thức quyền lực sâu sắc. Bà cảm nhận bằng trực giác, ai không là người trong hệ thống của bà. Bà không đòi hỏi sự phục tùng tư tưởng, bởi là hình mẫu hậu-chính trị lý tưởng, bà không cho rằng ý thức hệ quy định quyền lực. Thay vì vậy, bà đòi hỏi những thuộc cấp thực thụ, những người tham gia vào thế giới logic và phản logic trong tranh luận duy lý và sự thắng thế trong lập luận. Nếu bà phải đối mặt với một cuộc tranh luận ghê gớm, ngay lập tức bà cố gắng tranh luận mạnh mẽ hơn - hoặc dành riêng cho khẩu đại bác lý lẽ của bà. Vladimir Putin đã tham gia vào cái bắt tay thích tranh cãi này. Merkel chỉ chấp nhận dạng thách thức quyền lực đó. Ai muốn vượt qua bà về ý thức hệ hay chỉ thô lỗ, người đó sẽ bị một bề mặt băng giá hất ra. Merkel cự tuyệt những tranh cãi này.

Đó là bí mật của quyền lực của bà: Angela Merkel chỉ tham gia vào các cuộc xung đột nếu bà biết mình sẽ giành chiến thắng cuối cùng. Ai, như một số ngân hàng trong cuộc khủng hoảng tài chính vốn đã làm suy yếu quyền lực của nhà nước và khoe khoang về sự bất khả xâm phạm của mình, người

đó sẽ khiêu khích cơn giận cơ bản của bà. Sau đó, bà sẽ tìm cách trả thù. Không thể cảm nhận được ngay lập tức mà có lẽ phải đến nhiều năm sau đó. Nhưng người ta phải biết chắc rằng Merkel không chấp nhận đầu hàng. Khi bà chấp nhận đã bị áp lực - thì ắt không phải trong nhà kho riêng, mà là trong đảng hay nội các. Thủ hiến bang Bavaria Horst Seehofer sẽ nhận được một câu trả lời.

Merkel không biểu thị quyền lực rỗng tuếch. Bà không la lối, mà im lặng. Bà không đập bàn và tuyên bố “đủ rồi”, mà thích làm việc một vài đêm dài và làm giảm sức chịu đựng của các đối thủ. Bà xem một phiếu tín nhiệm trong Quốc hội Đức như tờ biên nhận của sự yếu đuối. Nếu bà bị ép buộc phải làm điều gì đó, cũng là lúc bà biết mình đã hết thời. Bà không đạt đa số trong cuộc bỏ phiếu lớn lần cuối về đồng euro vào mùa hè 2012 tại Cơ chế bình ổn châu Âu (ESM) là bởi vì họ không trải qua một đêm mất ngủ nào.

Cuộc khủng hoảng người tị nạn là thách thức lớn nhất cho quyền lực của bà. Merkel không nắm bắt được sự phản đối. Quá nhiều bất ổn, quá nhiều người tham gia định đoạt cuộc chơi này. Các sự kiện và con người sẽ quyết định vận mệnh của mình, vốn là điều Merkel hiểu rõ. Những hành động khủng bố ở Paris đem lại sự nhẹ nhõm - một cách nói cay độc song nhờ thế mà quy mô thực sự của vở kịch người tị nạn bất ngờ được nhận ra. Ở Đức, không ai sẽ tấn công quyền lực của bà một cách công khai - điều này sẽ dẫn đến các cuộc bầu cử sớm, mà trong đó không ai trong đảng của họ hoặc các đối tác liên minh được hưởng lợi. Vì vậy, Merkel vẫn còn thời gian đến mùa thu năm 2016, khi bà phải giải trình kế hoạch tương lai của mình. Liệu bà sẽ từ chức lãnh đạo cơ quan lập pháp hay ra tranh cử lần nữa? Câu trả lời chỉ có mình bà mới biết.

Giữa vòng tròn thân cận của mình, Merkel tỏ ra thoải mái một cách đáng ngạc nhiên. Bà đang thanh thản với chính mình. Bà cầm quyền lâu hơn người ta từng ghi nhận. Bà đã cầm quyền kể từ cái đêm bầu cử năm 2005 không chắc thắng đó. Và bà sống trong ý thức rằng chức vụ thủ tướng đem lại những kết quả đáng kính trọng. Nhiều người trong số những tiền nhiệm của bà đã không thực hiện được lộ trình và khối lượng công việc như vậy. Nhìn lại mười năm thịnh vượng, bà đã cứu tiền tệ châu Âu, điều đã giúp kiềm hãm một cuộc chiến tranh thật sự ở châu lục này. Qua đó, bà đã chứng minh cho những hàng xóm của nước Đức thấy rằng quốc gia này không phải là mối đe dọa. Và có lẽ thành tựu lớn nhất của bà chính là việc bà - một cách âm thầm và đều đặn - đưa nước Đức vào chính trường quốc tế. Hiện được xem là vai chính diện, nước Đức tìm được vị trí mới trong cộng đồng quốc tế. Sau bao biến động lịch sử, đây rõ ràng không phải một thành tựu khiêm nhường.

Tham vọng của bà giờ đây đặt vào vấn đề người tị nạn. Bà muốn đi đến cùng. Bà không muốn để lại bất kỳ chuyện gì còn dang dở. Người ta không nên buộc tội bà, vì bà sẽ theo đuổi điều này. Những gì xảy ra tiếp theo sẽ đến khi mọi thứ đã chín muồi. Có lẽ nước Đức sẽ cần đến bà một lần nữa. Có lẽ bà sẽ dùng cạn vốn liếng chính trị của mình. Và như thường lệ, bà sẽ không đưa ra ý kiến nào cho việc này. Bà thích chờ đợi hơn. Và đi từng bước một.

LỜI CẢM ƠN

Angela Merkel hiểu rõ giá trị hình ảnh của mình, và bà cũng hiểu rõ tính chất phù du của sự chú ý. Ai là đối tượng bị quan sát hàng ngày cũng phát triển một ý thức nhạy cảm đối với tình hình tốt hay xấu của nền kinh tế công. Merkel đã có nhiều năm phải trả giá đắt. Khi bà xuất hiện ở chính trường Bonn trong vai trò một bộ trưởng, bà đã phải đối mặt với sự nhạo báng nhắm vào mình: “Chúa ơi, người phụ nữ này đến từ Đông Đức, từ tóc tai đến quần áo.” Suốt một thời gian dài, Merkel giữ khoảng cách với những cuộc trao đổi, và bà muốn chứng minh rằng người ta có thể làm tốt công việc của mình mà không cần đến sự rườm rà bên ngoài. Đây phải là một sự dũng cảm cao độ. Sau nhiều năm và nhiều cuộc phỏng vấn về chủ đề này, bà đã bỏ cuộc, thừa nhận bằng sự im lặng rằng nỗ lực giải thích chẳng qua chỉ là sự đối chác. Là phụ nữ, bà phải đối mặt với thứ áp lực thậm chí còn lớn hơn nhiều so với một nam chính trị gia đeo trên cổ vòng hoa đại hoặc để kiểu tóc Stenz.

Sau những chính sách hợp lý, Angela Merkel cũng mở ra một cuộc sống minh triết trước công luận. Nếu trong những năm đầu, bà còn ngượng ngùng trước ống kính máy ảnh và tỏ ra sợ sệt khi phải xuất hiện công khai trước công chúng, thì giờ bà đã quen với điều đó. Chỉ có tiếng vỗ tay quá cuồng nhiệt của quần chúng và việc bị đám đông vây quanh mới làm bà không thoải mái. Merkel là người theo chủ nghĩa cá nhân, không phe nhóm - có lẽ đây là phản xạ tàn dư từ những ngày xưa cũ. Merkel sở hữu khả năng làm người khác thức tỉnh nhờ sự có mặt của bà và ấn tượng của việc này ở nơi công cộng. Phát ngôn viên chính phủ đầu tiên của bà là Ulrich Wilhelm đã luôn sát cánh cùng bà trong việc “làm quen” với ống kính máy

ảnh. Văn phòng thủ tướng Đức không phải Nhà Trắng Mỹ, và ở đây không bao giờ xuất hiện một máy ảnh nào không kiểm soát được góc hình của nữ nguyên thủ. Giờ đây, ngay cả ở văn phòng báo chí của thủ tướng, với phương tiện đảm bảo cho ra hình ảnh chính xác của đội ngũ truyền thông, Merkel vẫn khiến trách những phóng viên báo chí nào “dám” bước qua hành lang một cách thô lỗ hay túm năm tụm ba trước mặt bà. Giống như bất kỳ vị tiền nhiệm nào trước đó, Merkel nói rất nhiều, và nói tự do.

Merkel phát biểu ngẫu hứng tốt hơn khi bà có trước mặt một văn bản soạn sẵn, vốn khiến giọng của bà nghe không tự nhiên và cứng nhắc. Bà luôn tự tay chỉnh sửa phần phỏng vấn cuối cùng, dù đây có thể là một quá trình tương đối tỉ mỉ. Bà thoải mái nhất trong những cuộc thảo luận không ghi âm, chương trình trò chuyện (talk-show) hoặc cuộc họp nhỏ không có micro, nơi tất cả các bên đều vui vẻ và không lo lắng về chuyện bị hiểu lầm. Khi một phóng viên tiến hành trò chuyện cùng Merkel, người này sẽ được khuyên không bật thiết bị ghi âm và hãy cố ghi nhớ vào đầu càng nhiều càng tốt. Merkel rất tinh ý, và bà biết khi nào đang ở trong một bầu không khí được bảo vệ. Trong những năm đầu tiên xuất hiện trước công chúng, bà rất ít cảnh giác và trò chuyện rất nhiều - nhưng nay bà đã có thể điều chỉnh chính xác mức độ tương tác mà bà cho là thích hợp.

Cuốn sách là cái nhìn sâu sắc một cách đặc biệt vào đời sống nội tâm chính trị, và đặc biệt là quá khứ của Merkel. Vào đầu nhiệm kỳ, bà từng phản ứng trong cái kinh khi bị điều tra về quá khứ trước kia ở Đông Đức. Bà đã có nhiều trải nghiệm xấu khi giới truyền thông không xét đến những hoàn cảnh riêng. Chỉ gần đây, bà mới trả lời câu hỏi này bằng sự cởi mở, có lẽ cảm hứng trước sự quan tâm to lớn từ nước ngoài, sau một khoảng thời gian không bộc lộ với nhiều người ở phương Tây.

Cuốn sách này được thực hiện dựa trên những trải nghiệm và quan sát sau nhiều năm theo dõi và gặp gỡ Thủ tướng Merkel cùng những cố vấn chủ chốt của bà, với hơn 20 người - vốn đều là những nhân vật quan trọng trong chính sách đối ngoại của Merkel - đã được tiến hành phỏng vấn chuyên sâu cho cuốn sách; nhiều người trong số này đã trao đổi với chúng tôi suốt nhiều năm liền. Hầu như tất cả người đối thoại đều yêu cầu giấu tên - một yêu cầu không lấy gì lạ khi họ được yêu cầu nhận xét công khai về nữ thủ tướng chỉ vài tuần trước cuộc bầu cử Quốc hội liên bang.

Ngoài ra, thế giới chính sách đối ngoại của Merkel cũng rất phong phú với nhiều bài phát biểu, phỏng vấn và phân tích được trình bày và viết trong suốt những năm qua. Bằng chứng thì đã có đủ, song để đưa ra một kết luận cuối cùng thì vẫn còn quá sớm. Ít nhất phải vài năm nữa bạn mới có thể đánh giá kết cục của cuộc khủng hoảng đồng euro hay đề tài cuộc sống chính trị của Merkel. Dầu vậy, việc sắp xếp thế giới đối ngoại của bà vẫn quan trọng trong ngày hôm nay, đặc biệt khi cuộc khủng hoảng đồng euro đã đem đến nhiều quyền lực hơn cho Merkel.

Ai muốn hiểu về một Merkel của trước kia cần đọc lại những cuốn sách và tài liệu về bà từ thời gian trước khi bà lên làm thủ tướng. Không phải ngày hôm nay bà đã biến thành một người khác, mà trái lại, Merkel vẫn rất trung thành, không như vị thủ tướng tiền nhiệm đã bị tha hóa sau bảy năm nắm giữ quyền lực. Tuy nhiên, ngày hôm nay Merkel sẽ không bao giờ phát ngôn thiếu cảnh giác như đã từng vô tư dốc lòng với Herlinde Koelbl.* Koelbl đã tiến hành những cuộc phỏng vấn rất riêng tư với những nhân vật của công chúng mỗi năm một lần từ năm 1991 đến 1998, và chụp ảnh những thay đổi của họ. Kể từ đó, Koelbl - không riêng với Merkel - đã trở thành một chứng nhân quan trọng của những nhân vật này.

Bên cạnh cuốn sách của Koelbl, còn có ba cuốn hồi ký khác cần được lưu ý bởi chúng chứa đựng những năm tháng đầu đời của Merkel, tính cách cùng năm đầu tiên hoạt động chính trị của bà: đầu tiên là cuốn sách của nhà báo nữ Evelyn Roll (*Das Mädchen und die Macht, Die Erste, Die Kanzlerin / Cô gái và sức mạnh, nữ thủ tướng đầu tiên*), nhà khoa học chính trị Gerd Langguth (*Angela Merkel*) và nữ phóng viên Jacqueline Boysen (*Angela Merkel - eine Karriere / Angela Merkel - Một sự nghiệp*). Nữ nhà báo Hugo Müller-Vogg đã viết một cuốn sách trò chuyện về Merkel ngay trước cuộc bầu cử thủ tướng (*Mein Veg/ Con đường của tôi*), trong đó cung cấp cái nhìn toàn diện về thế giới nội tâm của bà. Còn nữ phóng viên Margaret Heckel kể về cuộc sống hằng ngày trong chính quyền Đức vào năm 2008 bằng cuốn sách ra mắt ngay sau sự sụp đổ của hãng tài chính Lehman. Và ký giả Hajo Schumacher (*Die zwölf Gesetze der Macht / Mười hai nguyên tắc của quyền lực*) và Dirk Kurbjuweit (*Angela Merkel - die Kanzlerin für alle? / Angela Merkel - nữ thủ tướng cho tất cả?*) đã phân tích một cách tường tận phong cách và thế giới tư tưởng của chính quyền Merkel.

Với lời giới thiệu và hai chương cuối mới cập nhật của tác giả.

Thủ tướng Anh, nhiệm kỳ từ 10 tháng 1 năm 1957 đến 18 tháng 10 năm 1963.

Thủ tướng Đức, nhiệm kỳ từ 1 tháng 10 năm 1982 đến 27 tháng 10 năm 1998.

Thủ tướng Đức, nhiệm kỳ từ 15 tháng 9 năm 1949 đến 16 tháng 10 năm 1963.

Thủ tướng Đức, nhiệm kỳ từ 21 tháng 10 năm 1969 đến 7 tháng 5 năm 1974.

Ảnh bìa một tạp chí ở Ba Lan đăng ảnh bà Merkel đang cho anh em nhà Kaczyński (lãnh đạo Ba Lan) bú sữa, nội dung chế giễu ảnh hưởng về mặt quyền lực chính trị mà tờ tạp chí cho rằng bà Merkel có đối với anh em này nói riêng, và đất nước Ba Lan nói chung (Đức từ lâu đã luôn có tiếng nói lớn về chính trị và kinh tế ở Tây Âu). [ND]

Gerhard Schröder, thủ tướng Đức nhiệm kỳ 20 tháng 10 năm 1953 đến 13 tháng 11 năm 1961.

Otto von Bismarck (1815-1898) là người đã thống nhất các tiểu bang Đức nhỏ lẻ thành một đế quốc Đức hùng mạnh, và trở thành thủ tướng đầu tiên của đế chế này.

Sinh ngày 30 tháng 7 năm 1947, là vận động viên thể dục thể hình, diễn viên điện ảnh và cũng là chính khách Cộng hòa người Mỹ gốc Áo làm Thống đốc bang California thứ 38, nhiệm kỳ 17 tháng 11 năm 2003 đến 4 tháng 1 năm 2011. Ở lĩnh vực điện ảnh, ông là siêu sao hành động nổi tiếng với các phim thập niên 1980 như *Terminator*, *Predator*...

Còn gọi là Ekaterina Đại đế (1729-1796) là Nữ hoàng Nga, cai trị toàn bộ lãnh thổ đế quốc Nga từ 28 tháng 6 năm 1762 cho tới khi qua đời.

Tiền thân của Liên hiệp quốc ngày nay.

"Thời kỳ Biedermeier" là thuật ngữ chỉ một phong cách văn hóa (bao gồm âm nhạc, nghệ thuật, kiến trúc và thiết kế nội thất) từ năm 1815 đến 1848 ở Trung Âu. (ND)

Bộ An ninh Quốc gia Cộng hòa Dân chủ Đức, Staatszicherheit thường gọi tắt là Stasi, thành lập vào tháng 4 năm 1950 và với thời gian đã trở thành một trong những cơ quan tình báo có hiệu quả cao nhất, được coi là một trong năm cơ quan tình báo mạnh nhất thế giới cùng với KGB của Liên Xô, Mossad của Israel, CIA của Mỹ và MI-6 của Anh.

Giống chó bulldog.

Giới ra quyết định cốt lõi của nội các cuối cùng ở Đông Đức. (Giải thích qua trao đổi với tác giả của ND.)

Nguyên văn: "If Kohl had had his way" - ý nói nếu Merkel tuân phục và làm theo Ý của Kohl theo cách ông muốn bà thể hiện bản thân như một ngôi sao trong nội các của ông trong chuyến thăm Mỹ. (Song bà đã không làm thế, vì như thế là đi ngược lại với bản chất Merkel). [Giải thích của tác giả qua trao đổi với người dịch.]

Erich Honecker (1912-1994), nhà hoạt động trong phong trào cộng sản Đức và quốc tế, người đứng đầu nước Cộng hòa Dân chủ Đức từ 1971 tới 1989.

Dì Sally là cách gọi một đối tượng hay một nhóm đối tượng hứng chịu chỉ trích. (ND)

Chiếc nhẫn của người Nibelung là tác phẩm nhạc kịch của Richard Wagner (1813-1883), gồm bốn vở opera nhỏ, dựa chủ yếu theo thần thoại Bắc Âu (giống thần thoại Đức), và bài ca của Nibelung (*Nibelungenlied*) - ND.

Các ngôi xưng hô của tiếng Đức tương đương "you" trong tiếng Anh, với *Sie* là cách xưng hô trình trọng, *du* là cách xưng hô thân mật.

Nhà xuất bản Trẻ biên tập câu này.

Sử dụng cụm từ “quo vadis” tiếng Latinh để đặt câu hỏi nước Đức đi đâu?

Ông đảm nhận cương vị Tổng thống Cộng hòa Liên bang Đức từ ngày 18 tháng 3 năm 2012. Trước đó ông đã từng là đại biểu quốc hội Đông Đức năm 1990 của khối Bündnis 90 và sau này chịu trách nhiệm các hồ sơ về Stasi. Gauck không thuộc một đảng phái nào hết.

Người Huguenot là tên gọi chỉ một nhánh của cộng đồng Tin lành Pháp vào thế kỷ 17. Năm 1685, vua Louis XIV của Pháp hủy bỏ bản chỉ dụ Nantes (Edict of Nantes) - có nội dung hợp pháp hóa các hoạt động tín ngưỡng Tin lành tại một nước Pháp vốn nặng về Công giáo vào thời điểm đó. Kết quả, hàng ngàn người Huguenot di dân sang các quốc gia châu Âu láng giềng, mang theo nghề dệt may từ vải làm bằng sợi tơ tằm của họ. (ND)

Catherine Ashton, tên đầy đủ Catherine Margaret Ashton, là chính trị gia Anh thuộc đảng Lao động nước này. Bà từng đảm nhiệm vai trò Đại diện cao cấp về đối ngoại và chính sách an ninh của Liên minh châu Âu (vai trò này hiện thuộc về Federica Mogherini, một nữ chính trị gia Ý) kiêm phó giám đốc đầu tiên của ủy ban châu Âu. (ND)

Đảng Trà (Tea Party) là lối chơi chữ ghép của đảng phái chính trị (party) và sự kiện Tiệc trà Boston (Boston Tea Party) vào năm 1773. Theo đó, vào ngày 16 tháng 12 năm 1773, do phản nộ trước các loại thuế trà từ London, người dân Massachusetts đã đổ bỏ toàn bộ trà trong các tàu hàng neo tại cảng Boston. (ND)

Tiếng Anh nghĩa là cây bụi.

Dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan.

Thứ sáu Tuần Thánh hay Thứ sáu Tốt Lành là dịp lễ diễn ra vào ngày thứ sáu trước lễ Phục sinh của người Thiên Chúa giáo.

(1918-2015), thủ tướng Đức từ năm 1974 đến 1982.

Sự kiện Kristallnacht (Đêm kính vỡ) là thuật ngữ chỉ sự bắt đầu của làn sóng tấn công bạo lực vào cộng đồng người Do Thái trên khắp nước Đức và Áo từ ngày 9 tháng 11 năm 1938 và chỉ kết thúc khi chế độ Quốc xã sụp đổ vào năm 1945. (ND)

Chỉ nhiệm kỳ thủ tướng thứ ba của Angela Merkel.

Đế chế thứ ba (Third Reich) chỉ nước Đức giai đoạn 1933 đến 1945, khi quốc gia này do chế độ độc tài của Đảng Quốc xã dưới trướng Adolf Hitler cai trị. Như vậy, “đế chế thứ tư” là cách nói ác ý nhằm mỉa mai chính quyền của Angela Merkel áp đặt chế độ “độc tài” lên nước Đức hiện đại. (ND)

Tòa nhà Panopticon là ý tưởng về một công trình nghị viện hình trụ tròn quay mặt vào nhau, ở giữa là một tháp canh, do triết gia kiêm lý thuyết gia xã hội học người Anh Jeremy Bentham đưa ra vào cuối thế kỷ 18, trong đó những người có mặt trong tòa nhà sẽ không biết họ có đang bị giám sát hay không. Áp lực vô hình từ việc này sẽ khiến những người làm công việc “cầm cân nảy mực” luôn thận trọng trong hành vi của họ. Panopticon lấy từ nhân vật Panoptes trong thần thoại Hy Lạp: một người khổng lồ có hàng trăm con mắt, và vì thế khó ai có thể thoát khỏi sự canh gác của hắn. (ND)

Nguyên văn: rebate champion

“Hậu chính trị” (post-politics) chỉ việc đánh giá bản chất sự trỗi dậy của trào lưu “chính trị đồng thuận” (consensus politics) trên bình diện toàn cầu sau thời Chiến tranh lạnh. (ND)

Nguyên văn: Basta-chancellor. Biệt danh mà người ta đặt cho Schroeder; “basta” là từ tiếng Ý có nghĩa “đủ rồi”.

Herlinde Koelbl (1939) là nhà nhiếp ảnh và làm phim tài liệu Đức.